**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**TÊN BÀI DẠY: NGHỀ TRỒNG TRỌT Ở VIỆT NAM**

Môn Công nghệ; Lớp: 7

Thời gian thực hiện: 1 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Trình bày được vai trò, triển vọng của trồng trọt ở Việt Nam.

- Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số nghề phổ biến trong trồng trọt.

- Nhận biết được sở thích, sự phù hợp của bản thân với các nghề trong trồng trọt.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất, năng lực** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **Mã hoá** |
| **2. Về năng lực**  ***2.1.1. Năng lực công nghệ*** | | |
| *Nhận thức công nghệ* | + Nhận thức cơ bản về vai trò, triển vọng của trồng trọt, đặc điểm của một số nghề nghiệp và lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực trồng trọt. | a2.2 |
| ***2.1.2. Năng lực chung*** | | |
| *Năng lực tự chủ và tự học* | + Chủ động, tích cực tìm hiểu về vai trò, đặc điểm, triển vọng của nông nghiệp Việt Nam. | 2 |
| *Năng lực giao tiếp và hợp tác* | + Biết sử dụng ngôn ngữ trong trồng trọt để thảo luận, trao đổi, trình bày thông tin, ý tưởng về những vấn đề liên quan đến vai trò, triển vọng của trồng trọt, đặc điểm một số nghề trong trồng trọt. | 3 |
| **3. Về phẩm chất** | | |
| *Phẩm chất chăm chỉ* | + Thích tìm tòi tài liệu để mở rộng hiểu biết về ngành trồng trọt.  + Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng về lĩnh vực trồng trọt trong cuộc sống. | 4  5 |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Giáo viên** | **Học sinh** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu** | - Tìm hiểu các phản phẩm của trồng trọt.  - Chuẩn bị tài liệu giảng dạy: Sách học sinh, sách bài tập và các tư liệu liên quan.  - Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học:  + Phiếu học tập, phiếu làm việc nhóm. | - Đọc trước bài “Nghề trồng trọt ở Việt Nam” |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** | - Tranh ảnh các sản phẩm của trồng trọt  -Tranh ảnh vai trò, triển vọng ngành trồng trọt.  - Video minh họa hoạt động ngành trồng trọt. | - Quan sát sản phẩm trồng trọt.  - Tìm hiểu những sản phẩm, triển vọng phát triển của một số ngành trồng trọt tại địa phương. |
| **Hoạt động 3. Luyện tập** | - Các đáp án phần luyện tập | Các bài tập phần Luyện tập SHS |
| **Hoạt động 4. Vận dụng** | - Tranh ảnh các sản phẩm trồng trọt tại địa phương. | - Quan sát thu thập một số thông tin sản phẩm trồng trọt tại địa phương. |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(thời gian)** | **Mục tiêu**  (Mã hoá) | **Nội dung dạy học**  **trọng tâm** | **PP/KTDH**  **chủ đạo** | **PP/ Công cụ đánh giá** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu**  (10 phút) | a2.2, 4 | - Nguồn gốc của các loại lương thực, rau củ quả.  - Các kiến thức, kĩ năng cần có để tạo ra lương thực, rau củ quả | -PP:dạy học hợp tác  -KT:công não | Phiếu trả lời của học sinh, nội dung trả lời thông qua trò chơi. |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới**  (25 phút)  **Vai trò của trồng trọt ở Việt Nam (10 phút)** | a2.2, 2, 3,4 | Vai trò của trồng trọt trong sản xuất và đời sống của con người. | -PP:dạy học hợp tác  -KT:công não | Nội dung trả lời của học sinh |
| **Hoạt động 2.2. Triển vọng của trồng trọt ở Việt Nam ( 5 phút)** | a2.2, 2,3 | Một số triển vọng của trồng trọt ở Việt Nam | -PP: dạy học giải quyết vấn đề  -KT:công não | Nội dung trả lời của học sinh |
| **Hoạt động 2.3. Đặc điểm cơ bản của các nghề trong lĩnh vực trồng trọt (5 phút)** | a2.2, 2,3,4,5 | Đặc điểm cơ bản của một số nghề trong lĩnh vực trồng trọt. | -PP:dạy học giải quyết vấn đề  -KT:công não | Nội dung trả lời của học sinh |
| **Hoạt động 2.4. Yêu cầu đối với người lao động trong lĩnh vực trồng trọt.** | a2.2, 2,3,4,5 | Phẩm chất, năng lực cần có của người lao động trong trồng trọt. | -PP: dạy học hợp tác  -KT:công não | Nội dung trả lời của học sinh |
| **Hoạt động 3. Luyện tập**  (10 phút) | 3, 4,5 | Các bài tập phần Luyện tập SHS | -PP:dạy học hợp tác  -KT:công não | Nội dung trả lời của học sinh |
| **Hoạt động 4. Vận dụng**  (10phút) | 3,4,5 | Bài tập phần Vận dụng trong SHS | -PP:dạy học hợp tác  -KT:công não | Nội dung trả lời của học sinh |

**B. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (10 phút)**  **a.Mục tiêu:** Kích thích nhu cầu tìm hiểu về ngành trồng trọt ở Việt Nam.  **b.Nội dung:**  - Nguồn gốc của các loại lương thực, rau củ quả.  - Các kiến thức, kĩ năng cần có để tạo ra lương thực, rau củ quả.  **c. Sản phẩm dự kiến:** Phiếu trả lời của học sinh, nội dung trả lời thông qua vấn đáp.  **d.Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  + GV chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm 6 thành viên, phân công cụ thể cho từng thành viên trong nhóm (trên giấy A4): Nhóm trưởng, thư kí, người thuyết trình, người quản lí thời gian (vai trò sẽ luân chuyển ở các hoạt động sau).  + Phát phiếu học tập.  + Yêu cầu các nhóm tham gia trò chơi “Ai nhanh hơn” trong thời gian 4 phút. Yêu cầu các nhóm ghi lại các sản phẩm của trồng trọt trong thời gian nhanh nhất. Đồng thời đại diện nhóm trình bày hiểu biết ban đầu về tầm quan trọng của trồng trọt.  + Sau đó, giáo viên trình chiếu video, hình ảnh về các sản phẩm trồng trọt.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ***  + HS dựa vào kiến thức thực tế kể ra một số sản phẩm trong trồng trọt.   * Trả lời được nguồn gốc của các sản phẩm trồng trọt. * Vai trò của sản phẩm từ cây trồng trong sản xuất và đời sống của con người.   ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm báo cáo.  - Các nhóm đưa ra góp ý, nhận xét.  ***\* Kết luận, nhận định:***  - GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của các nhóm và từng cá nhân học sinh, tuyên dương những nhóm, cá nhân làm việc tích cực, khích lệ, động viên những nhóm, cá nhân chưa hoạt động sôi nổi.  + GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của các nhóm và từng cá nhân học sinh, cho điểm và trao phần thưởng cho nhóm đạt kết quả cao nhất trong trò chơi “Ai nhanh hơn”.  - Từ các từ khóa, GV dẫn dắt vào bài.  **- Phiếu học tập số 1**   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Trả lời** | | **Câu 1**. Hãy kể tên các sản phẩm từ trồng trọt. | Lúa, ngô, khoai, sắn, bầu, bí, ớt, …. | | **Câu 2.** Sản phẩm từ cây trồng có vai trò gì trong sản xuất và đời sống của con người? | Cung cấp lương thực thực, thực phẩm, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp …. |   **Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 25 phút)**  **Hoạt động 2.1. Vai trò của trồng trọt ở Việt Nam (10 phút)**  **a. Mục tiêu:** Giúp HS trình bày được vai trò trồng trọt ở nước ta.  **b. Nội dung:** Vai trò của trồng trọt trong sản xuất và đời sống của con người.  **c. Sản phẩm**: Vai trò của trồng trọt ở Việt Nam  **d. Tổ chức hoạt động**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  GV yêu cầu HS quan sát hình 1.1 hoạt động cá nhân trả lời một số câu hỏi.    + GV đặt vấn đề: Trồng trọt đem lại những lợi ích như thế nào đối với sản xuất và đời sống. GV hướng dẫn HS bổ sung thêm một vài vai trò của trồng trọt mà HS không trả lời được.  + GV Yêu cầu HS kể về một số sản phẩm trồng trọt được trồng nhiều ở nước ta, từ đó dẫn dắt HS trả lời câu hỏi: Trồng trọt ở nước ta đang thực hiện tốt vai trò nào?  + GV khuyến khích học sinh kể các các sản phẩm đã và đang được xuất khẩu  + GV giới thiệu thêm thông tin về thành tựu xuất khẩu của nông sản Viêt Nam  ***\* Thực hiện nhiệm vụ***  + HS quan sát hình ảnh, liên hệ kiến thức thực tế nêu được những lợi ích của trông trọt: cung cấp lương thực, nguyên liệu cho công nghiệp, nông sản xuất khẩu…  + HS nghiên cứu hình ảnh trả lời các phẩm trồng trọt như lúa, ngô, cà phê, tiêu…Từ đó nêu được trồng trọt nước ta đang thực hiện tốt vài trò nào?  + HS kể tên các sản phẩm đã và đang được xuất khẩu.  + Nêu được những thành tựu về xuất khẩu: như xuất khẩu hồ tiêu đứng đầu thế giới, xuất khẩu cà phê đứng thứ 2 thế giới…  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - HS báo cáo và giải thích.  - Thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  ***\* Kết luận, nhận định:***  GV bổ sung, hoàn chỉnh, kết luận.  Ngành trồng trọt có vai trò chính: cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người, thức ăn cho vật nuôi, nguyên liệu cho nghành công nghiệp chế biến và xuất khẩu, tạo việc làm cho người lao động.  **Hoạt động 2.2. Triển vọng của trồng trọt ở Việt Nam ( 5 phút)**  **a. Mục tiêu:** HS trình bày được triển vọng của trồng trọt ở nước ta.  **b. Nội dung:** Một số triển vọng của trồng trọt ở Việt Nam  **c. Sản phẩm**: Những biện pháp được mình họa ở Hình 1.2 giúp lĩnh vực trồng trọt phát triển:   * Trồng trọt theo tiêu chuẩn VietGAp: nâng cao chất lượng sản phẩm ( sạch, ngon, nhiều chất dinh dưỡng..) * Hiện đại hóa trồng trọt: áp dụng máy móc vào trong trồng trọt giúp nâng cao năng suất sản phẩm. * Cơ giới hóa trồng trọt: thúc đẩy phát triển hiệu quả và bền vững nông nghiệp. * Trồng trọt theo vùng chuyên canh: tăng năng suất cây trồng và chất lượng nông sản.   Lĩnh vực trồng trọt lại hướng đến hình thành các vùng chuyên canh cây trồng vì:   * Do thời tiết, khí hậu từng vùng phù hợp với các loại cây trồng khác nhau. * Tạo điều kiện phát triển nông nghiệp ở quy mô lớn.   => Giúp mang lại hiệu quả kinh tế cao.  **d. Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  + GV phân nhóm lớp làm 4 nhóm yêu cầu HS quan sát hình 1.2  + Thảo luận nhóm trả lời câu hỏi: Những biện pháp minh họa hình 1.2 giúp lĩnh thực trồng trọt phát triển như thế nào? Vì sao lĩnh vực trồng trọt lại hướng đến hình thành các cùng chuyên canh cây trồng?  + GV phân tích từng hình ảnh trong hình 1.2  + GV quan sát các nhóm để hỗ trợ kịp thời.  + Gv yêu cầu HS nêu những tiêu chuẩn trồng trọt mà Việt Nam hướng đến, từ đó giải thích về tiêu chuẩn VietGap.  + GV gợi ý thêm, dẫn dắt HS tìm hiểu về tiêu chuẩn quốc tế trong trồng trọt.  + GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Vì sao trồng trọt ở nước ta cần cơ cấu lại cây trồng theo quy mô lớn?  + GV yêu cầu HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học về trồng trọt ở nước ta.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ***  + HS phân chia nhóm, tự phân chia nhiệm vụ trong nhóm.  + HS tập trung quan sát hình ảnh và hoàn thành các nhiệm vụ đã được giao trước đó.  + Nhóm HS có thể nêu khó khăn để GV giúp đỡ kịp thời.  + Đại diện nhóm báo cáo, nhóm khác sẽ nhận xét, bổ sung.  + Cá nhân HS trả lời các câu hỏi của GV  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm báo cáo phần thảo luận của nhóm mình.  - Các nhóm còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  - Đại diện nhóm đưa ra ý kiến phản biện (nếu có)  ***\* Kết luận, nhận định:***  Trồng trọt ở Việt Nam có triển vọng phát triển theo hướng ứng dụng công nghệ cao, tạo các vùng canh tác đạt chuẩn để nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.  **Hoạt động 2.3. Đặc điểm cơ bản của các nghề trong lĩnh vực trồng trọt (5 phút)**  **a. Mục tiêu:** HS trình bày được đặc điểm của một số nghề trong lĩnh vực trồng trọt.  **b. Nội dung:** Đặc điểm cơ bản của một số nghề trong lĩnh vực trồng trọt.  **c. Sản phẩm**: Đặc điểm cơ bản của một số nghề trong lĩnh vực trồng trọt ở nước ta  **d. Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  + GV yêu cầu HS quan sát hình 1.3 yêu cầu HS hoạt động cặp đôi kể tên các nghề trong trồng trọt được minh họa trong hình.  + GV gợi ý để HS đưa ra được đặc điểm cơ bản của các nghề trong hình. Từ đó yêu cầu HS kể thêm một số nghề, lĩnh vực trồng trọt ở địa phương  + GV giải thích, bổ sung thêm một số đặc điểm một số nghề trong lĩnh vực trồng trọt.  + GV kể thêm một số nghề, gợi ý để HS nhận biết trồng trọt đã giải quyết việc làm và tạo ra thu nhập cho người lao động.  + GV dẫn dắt để HS hiểu thêm về cơ hội việc làm của người lao động trong lĩnh vực trồng trọt và yêu cầu ngày càng cao về năng lực của người lao động.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ***  + HS tập trung quan sát hình ảnh và hoàn thành các nhiệm vụ đã được giao trước đó.  + Nhóm HS có thể nêu khó khăn để GV giúp đỡ kịp thời.  + Cá nhân HS trả lời các câu hỏi của GV  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - HS báo cáo phần thực hiện nhiệm vụ.  - Thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  ***\* Kết luận, nhận định:***  Một số nghề phổ biến trong lĩnh vực trồng trọt: nhà trồng trọt, nhà nuôi cấy mô thực vật, nhà bệnh học thực vật, nhà tư vấn làm vườn, kĩ thuật viên trồng trọt…  **Hoạt động 2.4. Yêu cầu đối với người lao động trong lĩnh vực trồng trọt. (5 phút)**  **a. Mục tiêu:** Giúp HS nhận biết được yêu cầu đối với người lao động trong lĩnh vực trồng trọt, sự phù hợp của bản thân với các nghề trong trồng trọt.  **b. Nội dung:** Phẩm chất, năng lực cần có của người lao động trong trồng trọt.  **c. Sản phẩm dự kiến**: Các yêu cầu cơ bản đối với người lao động trong lĩnh vực trồng trọt, nhận thức sự phù hợp của bản thân với các nghề trong trồng trọt.  Để làm được công việc như trong hình 1.4, người lao động cần có những kiến thức, kĩ năng:   * Quan sát, nhận biết sâu, bệnh hại: có kiến thức về đặc điểm, sinh trưởng phát triển cây trồng, kĩ năng chăm sóc, phòng trừ sâu, bệnh cho cây trồng. * Sử dụng máy móc trong trồng trọt:  Có kiến thức về khí hậu, tính chất đất trồng, kĩ năng sử dụng, bảo quản tốt các thiết bị, dụng cụ trong lĩnh vực trồng trọt.   Chăm sóc cắt, tỉa cây trồng: Có kiến thức về đặc điểm, sinh trưởng phát triển cây trồng, kĩ năng chăm sóc cây trồng, có tinh thần trách nhiệm.  **d. Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  + GV chiếu video minh họa về hoạt động nghề trồng trọt giúp HS nhận biết hoạt động của nghề trồng trọt.  + GV gợi ý để HS đưa ra một vài yêu cầu cơ bản đối với người lao động của nghề trong video.  + Yêu cầu các nhóm quan sát hình 1.4 trả lời: Để làm được các công viêc trong hình 1.4 người lao động cần có những kiến thức, kĩ năng như thế nào?  + GV bổ sung và giải thích thêm về yêu cầu của các nghề trong trồng trọt.  + GV gợi ý để HS nhận biết sở thích, năng khiếu cảu bản thân đáp ứng những yêu cầu trong lĩnh vực của trồng trọt. Từ đó gợi ý để HS trả lời câu hỏi: Bản thân em phù hợp với nghề nào trong lĩnh vực trồng trọt? Tại sao?  + GV giới thiệu thêm thông tin về ngành trồng trọt hiện đại thu hút sự tham gia của nghiều ngành nghề chuyên sâu như cơ khí, tự động hóa nông nghiệp… giúp HS thấy cơ hội việc làm trong ngành trồng trọt.  + Giúp HS nhận biết những kiến thức, kĩ năng cần học tập, rèn luyện để đáp ứng ngành nghề trong tương lai.  + Gợi ý HS cần học tập rèn luyện các môn khoa học tự nhiên để có thể làm các nghề thuộc lĩnh vực cơ khí, tự động hóa nông nghiệp.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ***  + HS tập trung quan sát hình ảnh và hoàn thành các nhiệm vụ đã được giao trước đó.  + Nhóm HS có thể nêu khó khăn để GV giúp đỡ kịp thời.  + Cá nhân HS trả lời các câu hỏi của GV  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm báo cáo và giải thích,  - Thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  - Đại diện nhóm đưa ra ý kiến phản biện (nếu có)  ***\* Kết luận, nhận định:***  Người lao động cần có kiến thức về trồng và chăm sóc cây trồng, khả năng sử dụng máy móc, thiết bị trong trồng trọt và có sức khỏe, tinh thần, trách nhiệm đối với nghề nghiệp.  **HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP (5 phút)**  **a. Mục tiêu**: Củng cố kiến thức vai trò của trồng trọt và nghề nghiệp trong lĩnh vực trồng trọt.  **b**. **Nội dung**: Các bài tập phần Luyện tập SHS  **c. Sản phẩm dự kiến**: Đáp án các bài tập phần Luyện tập SGK  Ba sản phẩm trồng trọt, gia đình em sử dụng:   * Lúa: cung cấp lương thực. * Mía : cung cấp thực phẩm. * Hoa giấy: làm cảnh   Hình 1.5:  a. Lao động trồng và khai thác rừng, b. lao động trồng , thu hoạch lúa; c. Lao động trồng, thu hoạch hoa và cây cảnh.  **d.****Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - Hãy kể ba sản phẩm từ trồng trọt mà gia đình em sử dụng. Mỗi sản phẩm thể hiện vai trò nào của trồng trọt.  - GV yêu cầu HS nêu thêm một vài sản phẩm trồng trọt ở địa phương mà sản phẩm đó đang thể hiện tốt vai trò ở nơi đó.  - Quan sát hình 1.5 cho biết mỗi hoạt động minh họa nghề nào trong lĩnh vực trồng trọt ?    ***\* Thực hiện nhiệm vụ***  + HS tập trung nghe GV hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ở phần luyện tập.  + HS quan sát hình ảnh để nghiên cứu tài liệu trả lời các câu hỏi:  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện HS báo cáo phần thực hiện nhiệm vụ của mình  - Thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  ***\* Kết luận, nhận định:***  + GV công bố đáp án ở các câu hỏi nhiệm vụ của hoạt động luyện tập. Sau đó, nhận xét tính chính xác, đầy đủ nội dung trả lời của từng HS. Thông qua đó đánh giá từng HS và chốt những nội dung liên quan ở hoạt động luyện tập.  + GV dẫn dắt đi đến hoạt động vận dụng.  **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG ( 5 phút)**  **a. Mục tiêu:** Giúp HS vận dụng những vấn đề liên quan đến nhà ở vào thực tiễn.  **b.** **Nội dung**: Bài tập phần Vận dụng trong SHS  **c. Sản phẩm:** Đáp án các bài tập phần Vận dụng trong SHS.  **d. Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  + GV nêu ba ngành nghề trong lĩnh vực trồng trọt phổ biến ở địa phương và đưa ra nhận xét về tác động của những ngành nghề đó trong nền kinh tế của địa phương qua các mặt: tạo việc làm, cung cấp sản phẩm cho sản xuất, xuất khẩu thu ngoại tệ…  + GV có thể gợi ý, định hướng giúp các em.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ***  + HS tập trung nghe GV hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ở phần vận dụng.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - HS báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  ***\* Kết luận, nhận định:***  Đầu giờ tiết học sau, các nhóm nộp sản phẩm học tập. Tiết học sau GV nhận xét, đánh giá các sản phẩm học tập các nhóm đã nộp. |

**C. ĐÁNH GIÁ NHẬN XÉT**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**TÊN BÀI DẠY: CÁC PHƯƠNG THỨC TRỒNG TRỌT Ở VIỆT NAM** Môn Công nghệ; Lớp: 7

Thời gian thực hiện: 1 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

Qua bài học học sinh sẽ khám phá được kiến thức về trồng trọt ở Việt Nam:

- Kể tên được một số nhóm cây trồng phổ biến ở Việt Nam.

- Nêu một số phương thức trồng trọt phổ biến ở Việt Nam.

- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của trồng trọt công nghệ cao.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất, năng lực** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **Mã hoá** |
| **2. Về năng lực**  ***2.1.1. Năng lực công nghệ*** | | |
| *Nhận thức công nghệ* | + Nhận biết được các nhóm cây trồng ở Việt Nam  + Nhận biết các phương thức trồng trọt ở Việt Nam.  + Nhận biết đặc điểm của trồng trọt công nghệ cao. | a2.1 |
| *Giao tiếp công nghệ* | + Biết được một số thuật ngữ về các nhóm cây trồng phổ biến ở Việt Nam  + Biết được một số thuật ngữ về phương thức trồng trọt ở Việt Nam.  + Biết được một số thuật ngữ về trồng trọt công nghệ cao. | b2.1 |
| *Đánh giá công nghệ* | + Xác định được nhóm cây trồng, các phương thức trồng trọt Việt Nam.  + Xác định được loại ứng dụng trồng trọt công nghệ cao. | d2.1  d2.2 |
| ***2.1.2. Năng lực chung*** | | |
| *Năng lực tự chủ và tự học* | + Chủ động, tích cực tìm hiểu về các nhóm cây trồng, phương thức trồng trọt công nghệ cao,  + Biết thực hiện tốt phân việc của bản thân và của nhóm phân công, vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học vào trồng trọt. . | 2 |
| *Năng lực giao tiếp và hợp tác* | + Hiểu rõ nhiệm vụ nhóm, đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân.  + Biết thảo luận, trao đổi những vấn đề về lựa chọn phương thức trồng trọt. | 3 |
| **3. Về phẩm chất** | | |
| *Phẩm chất chăm chỉ* | + Có ý thức về nhiệm vụ học tập.  + Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng về nhà ở vào học tập và đời sống hằng ngày. | 4 |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Giáo viên** | **Học sinh** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu** | - Tìm hiểu các hình thức trồng trọt phổ biến tại địa phương, và các vùng miền.  - Chuẩn bị tài liệu giảng dạy: Sách học sinh, sách bài tập và các tư liệu liên quan.  - Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học:  + Phiếu học tập, phiếu làm việc nhóm. | - Đọc trước bài “Các phương thức trồng trọt ở Việt Nam”. |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** | - Tranh ảnh hình 2.1 hình 2.2, hình 2.3  - Phiếu học tập, phiếu làm việc nhóm.  - Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học.  - Video về các phương thức trồng trọt. | Mỗi học sinh chuẩn bị: hình ảnh, clip về vườn cây của gia đình. |
| **Hoạt động 3. Luyện tập** | - Các đáp án phần ôn tập | Các bài tập phần Luyện tập SHS |
| **Hoạt động 4. Vận dụng** | - Tìm hiểu dịa phương những loại cây thường trồng | Quan sát các loại cây trồng ở địa phương về hình thức trồng cây. |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(thời gian)** | **Mục tiêu**  (Mã hoá) | **Nội dung dạy học**  **trọng tâm** | **PP/KTDH**  **chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **Hoạt động 1. Khởi động**  (10 phút) | 3 | - Khơi gợi nhu cầu tìm hiểu về cây trồng trọt tại Việt Nam.  - Từ những lợi ích về trồng trọt giáo viên dẫn dắt học sinh về loại trồng trọt đặc trưng theo từng vùng miền ở Việt Nam. | -PP:dạy học hợp tác  -KT:công não | Phiếu trả lời của học sinh, nội dung trả lời thông qua vấn đáp |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức**  (25 phút)  **Hoạt động 2.1. Các nhóm cây trồng phổ biến ở Việt Nam**  (5 phút) | a2.1, b2.1 | Tìm hiểu các nhóm cây trồng phổ biến ở Việt Nam. | -PP:dạy học hợp tác  -KT:công não | Nội dung trả lời của học sinh  Tranh học sinh sưu tầm. |
| **Hoạt động 2.2. Tìm hiểu Một số phương thức trồng trọt ở Việt Nam**  (15 phút) | 2 | Một số phương thức trồng trọt ở Việt Nam. | -PP:dạy học hợp tác  -KT:công não | Nội dung trả lời của học sinh  Tranh học sinh sưu tầm. |
| **Hoạt động 2.3. Tìm hiểu Trồng trọt công nghệ cao** (5 phút) | d2.2, 3 | Trình bày các ứng dụng trồng trọt công nghệ cao. | -PP:dạy học giải quyết vấn đề  -KT:công não, phòng tranh | Nội dung trả lời của học sinh  Tranh học sinh sưu tầm. |
| **Hoạt động 3. Luyện tập**  (10 phút) | 3 | Các bài tập phần Luyện tập SHS | -PP:dạy học hợp tác  -KT:công não | Nội dung trả lời của học sinh |
| **Hoạt động 4. Vận dụng**  (10phút) | 4 | Bài tập phần Vận dụng trong SHS | -PP:dạy học hợp tác  -KT:công não | Nội dung trả lời của học sinh |

**B. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1. MỞ ĐẦU (5 phút)**  **a. Mục tiêu:** Khơi gợi nhu cầu tìm hiểu về cây trồng và phương thức trồng trọt tại Việt Nam.  **b. Nội dung:** Kể tên các nhóm cây trồng phổ biến ở Việt Nam  **c. Sản phẩm dự kiến:** Học sinh có nhu cầu tìm hiểu các cây trồng và phương thức trồng phổ biến hiện nay ở nước ta.  **d. Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  + GV yêu cầu HS kể tên một số cây trông mà em biết, em hãy trình bày về cách trồng cây ngô và cây đậu xanh.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  + HS kê tên một số cây trồng phổ biến như: Ngô, đậu xanh, lúa, dưa hấu….  **+** HS trình bày về cách trồng cây ngô và cây đậu xanh  ***\* Báo cáo, thảo luận***  - HS trả lời, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có).  ***\* Kết luận, nhận định:*** Trồng trọt cung cấp cho chúng ta nhiều sản phẩm, nguyên liệu không thể thiếu trong chế biến thực phẩm, sản xuất tiêu dùng và thủ công nghiệp và trồng trọt cung cấp nhiều nông sản có giá trị xuất khẩu, đem lại nguồn thu ngoại tệ đáng kể cho đất nước để tìm hiểu về phương thức trồng trọt vào bài mới.  **Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 25 phút)**  **Hoạt động 2.1. Các nhóm cây trồng phổ biến ở Việt Nam (5 phút)**  **a Mục tiêu:** Giúp HS kể được một số nhóm cây trồng ở Việt Nam.  **b. Nội dung:** Các nhóm cây trồng phổ biến ở Việt Nam  **c. Sản phẩm dự kiến:** Các nhóm cây trồng phổ biến.  **d. Tổ chức hoạt động học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  + GV yêu cầu HS kể tên một số cây trông mà em biết, cây trồng ngắn ngày, cây trồng dài ngày, cây ăn quả, cây lương thực, cây công nghiệp….  + GV đặt vấn đề: Kể tên các loại cây trồng phổ biến mà em biết… thông qua vấn đề, GV dẫn dắt HS đi vào các nhiệm vụ.  + GV Bác A đang muốn trồng 2 giống cây là ngô và đậu xanh, em hãy giới thiệu cho Bác A một số phương thức trồng trọt phổ biến ở Việt Nam.  + GV giới thiệu Hình 2.1 hướng dẫn HS chia lớp thành 4 nhóm (phân công mỗi nhóm 1 nhóm trưởng, 1 thư kí, phân chia cụ thể công việc cho từng cá nhân, yêu cầu hoạt động nhóm 2 phút hoàn thành phiếu học tập số 1.  + GV yêu cầu các nhóm liên hệ thực tế, kể thêm một số cây trồng?  +Gv: Cung cấp cho học sinh thông tin về các vùng lúa đang bị thiệt hại do sự thay đổi khí hậu như hạn mặn…giúp học sinh nhận biết sự thay đổi nhóm cây trồng đặc trưng ở từng vùng theo điều kiện biến đổi khí hậu và giới thông tin về thành tự xuất khẩu gạo của Việt Nam.  + GV: Quan sát và gợi ý, định hướng hỗ trợ HS.  + GV yêu cầu nhắc lại những thông tin vừa tìm được, đúc kết thành kiến thức của bài học.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ***  + HS kể tên một số cây trồng phổ biến.  + HS giới thiệu Bác A phương thức trồng trọt của cây ngô và đậu xanh và một số cây khác.  + HS chia lớp thành 4 nhóm (phân công mỗi nhóm 1 nhóm trưởng, 1 thư kí, phân chia cụ thể công việc cho từng cá nhân, yêu cầu hoạt động nhóm 2 phút hoàn thành hình 2.1 và trả lời các câu hỏi về các nhóm cây trồng.  + Nhóm HS liên hệ thực tế để kể thêm một số cây trồng.  + Nhóm tiến hành thảo luận: Các loại cây trồng trong hình 2.1 thuộc những nhóm cây trồng nào? Sau đó, tiến hành báo cáo.  + Một vài HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được, đúc kết thành kiến thức của bài học.  ***\* Báo cáo, thảo luận***  - Đại diện nhóm báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có).  ***\* Kết luận, nhận định*:** GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của các nhóm và từng cá nhân học sinh, tuyên dương những nhóm, cá nhân làm việc tích cực, khích lệ, động viên những nhóm, cá nhân chưa hoạt động sôi nổi.  + Các nhóm cây trồng chủ yếu của việt Nam: Nhóm cây lương thực, cây lấy củ, cây ăn quả, cây rau và đỗ các loại, cây công nghiệp, hoa và cây cảnh.  **- Phiếu học tập số 1**   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Trả lời** | | **Câu 1.**  Các loại cây trồng trong Hình 2.1 thuộc những nhóm cây trồng nào? | - Cây lúa, cây sắn: Nhóm cây lương thực.  - Cây mồng tơi: nhóm cây rau, đỗ các loại  - Cây cà phê: nhóm cây công nghiệp.  - Cây cam: nhóm cây ăn quả | | **Câu 2.**  Vì sao mỗi vùng miền lại có những loại cây trồng đặc trưng hoặc những giống cây trồng khác nhau? | - Mỗi vùng miền lại có những cây đặc trưng, những giống cây trồng khác nhau vì:  - Cây trồng sẽ phát triển tốt phụ thuộc vào khí hậu, đất đai, nguồn nước.  - Mỗi vùng miền có khí hậu, thời tiết và các loại đất khác nên tùy mỗi vùng mà có những loại cây trồng đặc trưng hoặc giống cây trồng khác nhau. |   **Hoạt động 2.2. Một số phương thức trồng trọt ở Việt Nam (15 phút)**  **a.Mục tiêu:** Giúp HS trình bày các phương thức trồng trọt phổ biến tại Việt Nam.  **b. Nội dung:** Các phương thức trồng trọt độc canh, xen canh, luân canh, tăng vụ.  **c. Sản phẩm:** Các phương thức trồng trọt tại Viêt Nam.  **d. Tổ chức hoạt động**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập***  + GV giới thiệu Hình 2.2 hướng dẫn HS chia lớp thành 4 nhóm (phân công mỗi nhóm 1 nhóm trưởng, 1 thư kí, phân chia cụ thể công việc cho từng cá nhân, yêu cầu hoạt động nhóm hoàn thành phiếu học tập số 2.  + GV phân tích để học sinh nêu lên được ưu và nhược điểm từng phương thức (rồng trọt. độc canh, xen canh, luân canh, tăng vụ.)  + GV nêu ví dụ về các loại cây trồng và hình thức trồng của từng loại cây?  + GV số vụ gieo trồng phụ thuộc vào những yếu tố nào?  + GV quan sát các nhóm để hỗ trợ kịp thời.  + Hết thời gian thảo luận, GV yêu cầu các nhóm báo cáo, nhóm khác nhận xét, bổ sung. Cuối cùng GV chốt lại vấn đề.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ***  + HS chia lớp thành 4 nhóm (phân công mỗi nhóm 1 nhóm trưởng, 1 thư kí, phân chia cụ thể công việc cho từng cá nhân, yêu cầu hoạt động nhóm hoàn thành phiếu học tập số 2, các nhóm hoàn thành thời gian 3 phút..  + HS phân tích ưu nhược điểm của từng phương thức trồng trọt.  + HS trả lời yếu tố ảnh hưởng đến số vụ gieo trồng trong năm  + HS nêu ví dụ cây trồng và trồng hình thức trồng trọt nào  + Nhóm HS có thể nêu khó khăn để GV giúp đỡ kịp thời.  + Hết thời gian thảo luận, đại diện nhóm báo cáo, nhóm khác sẽ nhận xét, bổ sung. Cuối cùng, nghe GV chốt vấn đề.  ***\* Báo cáo, thảo luận***  - Đại diện nhóm báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có).  ***\* Kết luận, nhận định***  + Độc canh là phương thức canh tác chỉ trồng chuyên một loại cây.  **+** Luân canh, xen canh là phương thức canh tác từ hai loại cây trở lên cùng diện tích.  + Tăng vụ là tăng số vụ gieo trồng trong năm trên một diện tích.  **- Phiếu học tập số 2**   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Trả lời** | | **Câu 1.**  Quan sát hình 2.2 và trình bày điểm khác nhau giữa trồng độc canh và xen canh? | - Trồng độc canh: Trồng một cây duy nhất, trong điều kiện tự nhiên, giảm độ phì nhiêu của đất và tăng sự lây lan của sâu bệnh.  - Trồng xen canh: Canh tác hai nhiều loại cây trồng trên cùng một diện tích, cùng một lúc, giúp tận dụng diện tích, chất dinh dưỡng và ánh sáng. |   **Câu 2.** Luân canh có gì khác so với độc canh và xen canh?   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Trồng độc canh | Trồng xen canh | Luân canh | | - Trồng một loại cây duy nhất.  => Trong điều kiện tự nhiên, giảm độ phì nhiêu của đất và tăng sự lây lan sâu bệnh. | - Canh tác hai hay nhiều loại cây trồng trên cùng một diện tích, cùng một lúc hoặc cùng một khoảng thời gian không dài.  => Giúp tận dụng diện tích đất, chất dinh dưỡng và ánh sáng. | - Gieo trồng luân phiên các loại cây trồng khác nhau trên cùng một diện tích.  => Làm tăng độ phì nhiêu, điều  hòa chất dinh dương cho đất  và giảm sâu, bệnh cho cây. | | VD: trồng bí đỏ. | VD: trồng xen canh ngô và đậu tương | VD: trồng luân canh cây sắn, ngô  với đỗ ở khu vực Nam Bộ:  + Vụ 1: trồng ngô và đỗ (từ tháng  5 - tháng 9)  + Vụ 2: trồng sẵn ( từ tháng 9 –  tháng 3 năm sau) |   **Câu 3**: Hãy nêu ưu, nhược điểm của các phương thức trồng trọt.   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | |  | Độc canh | Xen canh | Luân canh | Tăng vụ | | Ưu điểm | - Tối đa hóa hiệu quả.  Tập trung chuyên môn hóa.  -Tăng cơ hội cạnh tranh (Vì sản phẩm thu được nhiều nên bán với giá thấp | Tận dụng diện tích, chất dinh dưỡng, ánh sáng, tăng thêm thu hoạch.  Giảm sâu bệnh | Tăng độ phì nhiêu cho đất  Tăng năng suất cây trồng.  Điều hòa chất dinh dưỡng cho cây.  Giảm sâu bệnh phá hoại | Tăng thêm sản  phẩm thu hoạch | | Nhược điểm | Làm giảm độ phì nhiêu của đất.  Tạo môi trường thuận lợi cho sâu bệnh phát triển.  Tăng nhu cầu về nước.  Đa dạng sinh học bị suy thoái. | Một số cây cao che mất sự tiếp xúc của các cây thấp (chủ yếu họ Lạc)  Thu hẹp diện tích đất | Mất khá nhiều công sức  Thời gian tìm tòi,các yếu tố hợp lí (chống sâu bệnh của mỗi loại) | Không có nhược điểm nào quá sức ảnh hưởng đến đời sống cây trồng |   **Hoạt động 2.3. Trồng trọt công nghệ cao (5 phút)**  **a. Mục tiêu:** Giúp HS nhận biết được đặc điểm trồn trọt công nghệ cao.  **b. Nội dung:** Những ứng dụng công nghệ cao trong trồng trọt.  **c. Sản phẩm:** Các đặc điểm để nhận biết trồng trọt công nghệ cao  **d. Tổ chức hoạt động dạy học:**  ***\*Giao nhiệm vụ học tập***  + GV giải thích: Những ưu điểm của trồng công nghệ cao hiện nay giúp cho ngành nông nghiệp thế giới phát triển vượt bậc. Trước kia công nghệ 4.0 chỉ được áp dụng trong chế biến thực phẩm, thì hiện nay trên những cánh đồng, nông trại thì công nghệ này đang dần phổ biến, Giúp cây phát triển tốt, quả đều, đẹp, chống lị được sự khắc nghiệt của thời tiết và cũng như tăng năng suất lên gấp nhiều lần, trồng công nghệ cao.  + GV cho HS xem thêm hình ảnh, video clip về trồng trọt như hình 2.3 và yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Ứng dụng công nghệ cao trong môi trường ở hình 2.3 mang lại lợi ích gì cho việc trồng trọt?  + GVHãy nêu ưu điểm và nhược điểm của trồng công nghệ cao.  + GV: Quan sát và gợi ý, định hướng hỗ trợ HS.  + GV yêu cầu nhắc lại những thông tin vừa tìm được, đút kết thành kiến thức của bài học.  ***\*Thực hiện nhiệm vụ***  + HS xem thêm hình ảnh, video clip về trồng trọt như hình 2.3 và yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Ứng dụng công nghệ cao trong môi trường ở hình 2.3 mang lại lợi ích gì cho việc trồng trọt?  + HS nêu ưu điểm và nhược điểm của trồng công nghệ cao.  + HS làm việc theo hướng dẫn của GV  ***\*Báo cáo, thảo luận***  - Đại diện báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có).  ***\* Kết luận, nhận định:*** Trồng trọt công nghệ cao được ứng dụng kết hợp nghững công nghệ mới, tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng nông sản, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.  - Ứng dụng các quy trình canh tác tiên tiến, canh tác hữu cơ, công nghệ sinh học…  - Sử dụng các giống cây trồng cho năng suất chất lượng cao.  - Ứng dụng các thiết bị và các quy trình quản lí tự động hóa.  **HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP (10 phút)**  **a. Mục tiêu:** Làm sáng tỏ, củng cố kiến thức, vận dụng kiến thức về phương thức trồng trọt ở Việt Nam  **b. Nội dung:** Bài tập trong phần Luyện tập trong SHS.  **c. Sản phẩm:** Đáp án bài tập luyện tập trong SHS.  **d.****Tổ chức thực hiện**  ***\*Giao nhiệm vụ học tập***  - Điều quan trọng nhất các em học được hôm nay là gì? Theo em vấn đề gì là quan trọng nhất mà chưa được giải đáp?  - HS suy nghĩ và viết ra vở, GV gọi đại diện một số em, mỗi em sẽ có thời gian 1 phút trình bày trước lớp về những điều các em đã học và những câu hỏi các em muốn được giải đáp.  - Yêu cầu Hs hoàn thiện bài tập trong phần luyện tập SHS  ***\* Thực hiện nhiệm vụ***  + HS tập trung nghe GV hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ở phần luyện tập.  + HS quan sát màng chiếu các câu hỏi để nghiên cứu tài liệu trả lời các câu hỏi:  Câu 1: Giả sử có một khuôn viên để trồng cây ở gia đình, em dự định trồng nhóm cây nào, loại cây nào? Với những loại cây đã chọn em sẽ trồng theo phương thức trồng trọt nào?  Câu 2: Quan sát hình 2.4 cho biết hình ảnh nào thể hiện trồng trọt công nghệ cao? Vì sao?  Câu 3: Em hãy kể về các ứng dụng công nghệ cao trong trồng trọt mà em từng thấy hoặc từng trải nghiệm.  Cuối mỗi câu hỏi HS đều tham gia nhận xét, bổ sung và cuối cùng tập trung nghe GV chốt đáp án.  ***\* Báo cáo, thảo luận***  - Đại diện nhóm báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có). Khen gợi các nhóm có kết quả chính xác  ***\* Kết luận, nhận định***  + GV công bố đáp án ở các câu hỏi nhiệm vụ của hoạt động luyện tập. Sau đó, nhận xét tính chính xác, đầy đủ nội dung trả lời của từng HS. Thông qua đó đánh giá từng HS và chốt những nội dung liên quan ở hoạt động luyện tập.  + GV dẫn dắt đi đến hoạt động vận dụng.  \* Gợi ý đáp án:  Câu 1: Nếu có một khuôn viên để trồng cây ở gia đình em dự định trồng cây rau, cà chua, rau húng, các loại rau cải, phương thức trồng luân canh, tăng vụ.  Câu 2: Hình 2.4 B: trồng thủy canh, hình 2.4 C: Hệ thống tưới tiêu tự động.  Câu 3: + Vòi phun nước tự động tưới nước tự động ở các công viên giải trí, hệ thống tưới tiêu tự động khi trồng rau.  + Mô hình trồng rau trong hệ thống nhà kính: khí hậu trong nhà kính có thể điều chỉnh được, ít sâu bọ…  **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (5 phút)**  **a. Mục tiêu:** Giúp HS củng cố kiến thức và vận dụng các kiến thức, kĩ năng về vai trò, triển vọng của trồng trọt và định hướng nghề nghiệp trong trồng trọt vào thực tiễn.  **b**. **Nội dung**: Bài tập phần Vận dụng trong SHS  **c. Sản phẩm:** Đáp án các bài tập phần Vận dụng trong SHS.  **d. Tổ chức thực hiện**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập***  + GV chiếu các câu hỏi ở phần vận dụng: Địa phương em có những loại cây trồng trọt nào phổ biến? Những phương thức canh tác và ứng dụng công nghệ cao trong trồng trọt được áp dụng ở địa phương em như thế nào?  ***\* Thực hiện nhiệm vụ***  + HS quan sát màng chiếu các câu hỏi, nghe GV định hướng nội dung bài tập.  + HS: Ở địa phương em, mọi người thường trồng cây lương thực: lúa; các loại cây ăn quả: bưởi, cam, vải, xoài, nhãn; các loại rau: rau ngót, rau lang, rau muống, rau cải, rau mồng tơi.  + HS: Mọi người đã biết áp dụng các phương pháp xen canh, luân canh, tăng vụ để tăng năng suất cây trồng. Mọi người thường ứng dụng phương pháp trồng thủy canh, chưa ứng dụng nhiều công nghệ cao vì địa phương em điều kiện còn thiếu thốn  ***\* Báo cáo, thảo luận***  - HS báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có).  ***\* Kết luận, nhận định:***  - GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của từng học sinh, tuyên dương những học sinh làm việc tích cực, khích lệ, động viên những học sinh chưa hoạt động sôi nổi.  Đầu giờ tiết học sau, các nhóm nộp sản phẩm học tập. Tiết học sau GV nhận xét, đánh giá các sản phẩm học tập các nhóm đã nộp. |

**C. ĐÁNH GIÁ NHẬN XÉT**

**TÊN CHỦ ĐỀ: TRỒNG TRỌT**

**CHƯƠNG 2: TRỒNG VÀ CHĂM SÓC CÂY TRỒNG**

**TÊN BÀI DẠY: QUY TRÌNH TRỒNG TRỌT (TIẾT 3)**

Môn Công nghệ; Lớp: 7

Thời gian thực hiện: 3 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Nêu được các bước trong quy trình trồng trọt.

- Trình bày được mục đích, yêu cầu kĩ thuật của các bước trong quy trình trồng trọt.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất, năng lực** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **Mã hoá** |
| **2. Về năng lực**  ***2.1.1. Năng lực công nghệ*** | | |
| *Nhận thức công nghệ* | + Nhận biết được mục đích, yêu cầu kĩ thuật của các bước trong trồng trọt. | a2.2 |
| *Giao tiếp công nghệ* | + Sử dụng được một số thuật ngữ để trình bày về quy trình trồng trọt. | b2.2 |
| *Đánh giá công nghệ* | + Nhận xét, đánh giá được các bước trong quy trình trồng trọt. | d2.2 |
| ***2.1.2. Năng lực chung*** | | |
| *Năng lực tự chủ và tự học* | + Chủ động tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập; tự tìm hiểu để vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học vào trong trồng trọt. | 1 |
| *Năng lực giao tiếp và hợp tác* | + Biết sử dụng ngông ngữ kết hợp với hình ảnh để thảo luận, trao đổi, trình bày những vấn đề về trồng trọt. | 2 |
| **3. Về phẩm chất** | | |
| *Phẩm chất chăm chỉ* | + Có ý thức về nhiệm vụ học tập.  + Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng trồng trọt vào cuộc sống. | 3 |
| *Phẩm chất trách nhiệm* | Quan tâm đến công việc trồng trọt ở gia đình, địa phương. | 4 |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Giáo viên** | **Học sinh** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu** | - Nêu tình huống, từ đó đặt câu hỏi: “Công việc trồng cây phải thực hiện theo trình tự thế nào nhỉ?” | - Đọc trước bài “Quy trình trồng trọt”. |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** | - Tranh ảnh Hình 3.1; 3.2.  - Tranh ảnh Hình 3.3; 3.4.  - Tranh ảnh Hình 3.5.  - Tranh ảnh Hình 3.6.  - Tranh ảnh Hình 3.7. | - Quan sát các công việc chuẩn bị đất trồng  - Quan sát, tìm hiểu việc chuẩn bị cây giống.  - Quan sát, tìm hiểu hình thức gieo trồng.  - Quan sát, tìm hiểu mục đích, các biện pháp chăm sóc cây trồng.  - Quan sát, tìm hiểu các phương pháp thu hoạch. |
| **Hoạt động 3. Luyện tập** | - Tranh ảnh Hình 3.8. | - Quan sát các công việc làm đất |
| **Hoạt động 4. Vận dụng** | - Tranh ảnh các giai đoạn phát triển của cây | - Quan sát các giai đoạn phát triển của cây tại địa phương. |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Tiết 1:**

**1. Chuẩn bị đất trồng**

**2. Chuẩn bị giống cây trồng**

**Tiết 2:**

**3. Gieo trồng**

**4. Chăm sóc cây**

**Tiết 3:**

**5. Thu hoạch**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(thời gian)** | **Mục tiêu**  (Mã hoá) | **Nội dung dạy học**  **trọng tâm** | **PP/KTDH**  **chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu**  (10 phút) | 3  2 | - Những công việc thực hiện khi trồng cây.  - Từ đó giáo viên dẫn dắt học sinh về tìm hiểu quy trình trồng cây đúng kĩ thuật | -PP:dạy học hợp tác  -KT:công não | Phiếu trả lời của học sinh, nội dung trả lời thông qua vấn đáp |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới**  (125 phút)  **Hoạt động 2.1. Chuẩn bị đất trồng**  (15 phút) | a2.2 | Mục đích, trình tự nội dung và yêu cầu kĩ thuật của các bước chuẩn bị đất trồng. | -PP:dạy học hợp tác  -KT:công não | Nội dung trả lời của học sinh  Tranh ảnh SGK |
| **Hoạt động 2.2. Chuẩn bị giống cây trồng**  (25 phút) | 2 | Mục đích, trình tự nội dung và yêu cầu kĩ thuật của các bước chuẩn bị giống cây trồng | -PP:dạy học hợp tác  -KT:công não | Nội dung trả lời của học sinh  Tranh ảnh SGK |
| **Hoạt động 2.3. Gieo trồng** (15 phút) | 4 | Mục đích, trình tự nội dung và yêu cầu kĩ thuật của các bước gieo trồng. | -PP:dạy học giải quyết vấn đề  -KT:công não, phòng tranh | Nội dung trả lời của học sinh  Tranh ảnh SGK |
| **Hoạt động 2.4. Chăm sóc cây**  (25 phút) | 3 | Mục đích, trình tự nội dung và yêu cầu kĩ thuật của các công việc chăm sóc cây. | -PP:dạy học giải quyết vấn đề  -KT:công não, phòng tranh | Nội dung trả lời của học sinh  Tranh ảnh SGK. |
| **Hoạt động 2.5. Thu hoạch**  (20 phút) | b2.2  d2.2 | Mục đích, trình tự nội dung và yêu cầu kĩ thuật của các bước thu hoạch sản phẩm | -PP:dạy học giải quyết vấn đề  -KT:công não, phòng tranh | Nội dung trả lời của học sinh  Tranh ảnh SGK |
| **Hoạt động 3. Luyện tập**  (10 phút) | 2 | Các bài tập phần Luyện tập SHS | -PP:dạy học hợp tác  -KT:công não | Nội dung trả lời của học sinh |
| **Hoạt động 4. Vận dụng**  (10phút) | 3 | Bài tập phần Vận dụng trong SHS | -PP:dạy học hợp tác  -KT:công não | Nội dung trả lời của học sinh |

**B. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC**

|  |
| --- |
| **Hoạt động 1: Mờ đầu (5 phút)**  **a. Mục tiêu:** Khơi gợi nhu cầu tìm hiểu về trồng cây  **b. Nội dung:** Tình huống và câu hỏi ở phần Mở đầu SGK  **c. Sản phẩm dự kiến:** Nhu cầu tìm hiểu quy trình trồng trọt.  **d. Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\*Giao nhiệm vụ học tập:***  + GV nêu tình huống ở phần mở đầu SGK và đặt câu hỏi “ Công việc trồng cây phải thực hiện theo trình tự như thế nào”?  + Yêu cầu HS kể: các công việc khi trồng cây, cách thực hiện từng công việc trồng cây.  ***\*Thực hiện nhiệm vụ:***  + HS nghiên cứu, trao đổi, chia sẻ với nhau  *\** ***Báo cáo, thảo luận:***  - Cá nhân HS trả lời, những HS còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có).  ***\* Kết luận, nhận định:***  - GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của một số cá nhân học sinh, tuyên dương những cá nhân làm việc tích cực, khích lệ, động viên cá nhân chưa hoạt động sôi nổi, còn nhút nhát.  **Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (125 phút)**  **Hoạt động 2.1. Chuẩn bị đất trồng (15 phút)**  **a. Mục tiêu:** Giúp HS trình bày được mục đích và yêu cầu kĩ thuật của các bước chuẩn bị đất trồng.  **b. Nội dung:** Mục đích, trình tự, nội dung và yêu cầu kĩ thuật của các bước chuẩn bị đất trồng.  **c. Sản phẩm dự kiến**: Các bước chuẩn bị đất trồng.  Nếu đất trồng không được chuẩn bị tốt, vụ mùa sẽ bị ảnh hưởng:  · Cây cỏ dại trong đất trồng.  · Sinh vật gây hại cho cây trồng trong đất.  => Vụ mùa thất thu  Các yêu cầu chuẩn bị đất:  · Làm đất trở nên tơi xốp, đủ độ ẩm và chất dinh dưỡng  · Loại bỏ các chất độc hại, cỏ dại và mầm sâu, bệnh gây hại cho cây trồng.  · Tạo luống, đắp mô phù hợp với từng loại cây trồng (dễ chăm sóc, chống ngập úng, tạo tầng đất dày cho cây phát triển).  **d. Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\*Giao nhiệm vụ học tập:***  + GV yêu cầu HS quan sát hình 3.1 và chỉ ra các giai đoạn chuẩn bị đất trồng.    + GV phân tích hình ảnh và dẫn dắt HS nhận biết công việc làm đất.  + GV yêu cầu HS quan sát hình 3.2 và thảo luận (Mỗi nhóm 5-6 bạn), trả lời câu hỏi: Nếu đất trồng không được chuẩn bị tốt thì vụ mùa sẽ bị ảnh hưởng như thế nào?    + GV dẫn dắt HS nêu được mục đích của làm đất.  + GV gợi mở vấn đề: Chuẩn bị đất như thế nào là đạt yêu cầu? Phân tích chi tiết việc chuẩn bị đất và yêu cầu cần đạt cho từng công việc.  + GV yêu cầu nhắc lại những thông tin vừa tìm được, đúc kết thành kiến thức của bài học.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  + HS nghiên cứu quan sát hình SGK để tiến hành thảo luận nhóm (5-6 bạn), thời gian 7 phút  + Nhóm tiến hành thảo luận: Chỉ ra các giai đoạn chuẩn bị đất trồng; Phân tích chi tiết các công việc chuẩn bị đất trồng; Nêu yêu cầu cần đạt của từng công việc. Sau đó, tiến hành báo cáo.  + Một vài HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được, đúc kết thành kiến thức của bài học.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có).  ***\* Kết luận, nhận định:***  - GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của các nhóm và từng cá nhân học sinh, tuyên dương những nhóm, cá nhân làm việc tích cực, khích lệ, động viên những nhóm, cá nhân chưa hoạt động sôi nổi.  **Hoạt động 2.2. Chuẩn bị giống cây trồng (20 phút)**  **a. Mục tiêu:** Giúp HS trình bày được mục đích và yêu cầu kĩ thuật của các bước chuẩn bị giống cây trồng.  **b. Nội dung:** Mục đích, trình tự, nội dung và yêu cầu kĩ thuật của các bước chuẩn bị giống cây trồng  **c. Sản phẩm**: Mục đích, trình tự, yêu cầu kĩ thuật của các bước chuẩn bị giống cây trồng  **d. Tổ chức hoạt động**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  + GV yêu cầu HS quan sát hình 3.3 và hình 3.4, phân chia nhóm (5- 6 bạn) và chia nhiệm vụ thành viên trong nhóm trả lời các câu hỏi trong **phiếu học tập số 1.**      + GV có thể giới thiệu thêm thời gian ngâm ủ hạt.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  + HS phân chia nhóm, tự phân chia nhiệm vụ trong nhóm hoàn thành phiếu học tập.  + Nhóm HS có thể nêu khó khăn để GV giúp đỡ kịp thời.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - GV báo hết thời gian 10 phút thảo luận  - Đại diện nhóm báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có).  ***\* Kết luận, nhận định:***  - GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của các cặp đôi học sinh, tuyên dương những cặp đôi làm việc tích cực, khích lệ, động viên những cặp đôi chưa hoạt động sôi nổi.  ***Câu 1:***  - Cây con hình b không nên chọn trồng. Vì có mầm sâu, bệnh hại.  **Câu 2:**  - Cắt tỉa lá bị sâu, bệnh  - Sử dụng bả, vợt, bẫy đèn hoặc thuốc hóa học, chế phẩm sinh học để diệt sâu, bệnh hại.  **Câu 3:**  - Hình b, vì đã mọc mầm. Hình a chưa lên mầm.  **Tiết 2**  **Hoạt động 2.3. Gieo trồng (15 phút)**  **a. Mục tiêu:** Giúp HS trình bày được mục đích và yêu cầu kĩ thuật của các bước gieo trồng  **b. Nội dung:** Mục đích, trình tự, nội dung và yêu cầu kĩ thuật của các bước gieo trồng  **c. Sản phẩm**: Mục đích, trình tự, yêu cầu kĩ thuật của các bước gieo trồng.  **d. Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  + GV yêu cầu HS quan sát hình 3.5 và trả lời câu hỏi: “Trình bày các hình thức gieo trồng?”.    ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  + HS quan sát, lắng nghe và trình bày câu trả lời.  + HS khác sẽ nhận xét, bổ sung. Cuối cùng, nghe GV chốt vấn đề.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Gọi vài HS trình bày câu trả lời.  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có).  ***\* Kết luận, nhận định:***  - GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của học sinh, tuyên dương những HS làm việc tích cực.  + Xác định thời vụ, phương tiện, cách thức gieo trồng.  + Kiểm tra hạt giống hoặc cây giống và đất trồng.  + Tiến hành gieo trồng  **Hoạt động 2.4. Chăm sóc cây (25 phút)**  **a. Mục tiêu:** Giúp HS trình bày được mục đích và yêu cầu kĩ thuật của các công việc chăm sóc cây.  **b. Nội dung:** Mục đích, nội dung và yêu cầu kĩ thuật của các công việc chăm sóc cây.  **c. Sản phẩm dự kiến**: Mục đích, yêu cầu kĩ thuật của các công việc chăm sóc cây.  **d. Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  + GV yêu cầu HS quan sát hình 3.6    Thảo luận(5- 6 bạn) trong thời gian là 5 phút và đại diện nhóm trả lời vào **phiếu học tập số 2**, các câu hỏi sau:  **Câu 1**: So sánh sự phát triển của 2 cây?  **Câu 2**: Vì sao cùng một giống cây, cùng loại đất trồng và điều kiện khí hậu, các cây trồng lại có thể phát triển khác nhau?  **Câu 3**: Vì sao cần tỉa, dặm cây sau một thời gian gieo trồng?  **Câu 4**: Khi chăm sóc cây trồng, cần áp dụng những biện pháp nào để đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường?  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  + HS phân chia nhóm ( Nhóm 1: câu 1; Nhóm 2: câu 2; Nhóm 3: câu 3; Nhóm 4: câu 4)  + HS quan sát hình ảnh và thảo luận trả lời câu hỏi trong thời gian 5 phút hoàn thành các nhiệm vụ đã giao.  - Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào phiếu học tập, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  ***c. Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.  ***d. Kết luận, nhận định:***  - GV: Nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe  - GV chốt kiến lại  **Câu 1:**  + Cây ở hình 3.6a sinh trưởng và phát triển tốt hơn cây ở Hình 3.6b.  + Cùng một giống cây, cùng loại đất trồng và điều kiện khí hậu, các cây trồng phát triển khác nhau như vậy là do cách chăm sóc cây khác nhau.  **Câu 2:**  - Cần tỉa, dặm cây sau một thời gian gieo trồng để bảo vệ, phòng trừ các yếu tố gây hại cho cây:  - Bỏ cây yếu, bị sâu, bệnh, chỗ cây mọc dày.Trồng dặm cây khỏe vào chỗ hạt không mọc, cây bị chết.  - Đảm bảo khoảng cách, mật độ cây.  **Câu 3:**  **-** Khi chăm sóc cây trồng, cần áp dụng những biện pháp để đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường là:  **+** Hạn chế sử dụng các chất hóa học.  **+** Đối với tưới tiêu nước, cần tạo rãnh thoát, tránh để nước ứ động gây thối rễ.  **+** Khi bón phân, vun xới, tỉa, dặm diệt cỏ dại và phòng trừ sâu cần đeo bao tay và xử lý rác thải đúng nơi quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường.  **Hoạt động 2.5. Tìm hiểu về thu hoạch (20 phút)**  **a.Mục tiêu:** Giúp HS trình bày được mục đích và yêu cầu kỹ thuật của việc thu hoạch cây trồng.  **b. Nội dung:** Mục đích, trình tự, nội dung và yêu cầu kỹ thuật trong thu hoạch sản phẩm cây trồng.  **c. Sản phẩm dự kiến:** Mục đích, trình tự, nội dung và yêu cầu kỹ thuật của các bước thu hoạch sản phẩm cây trồng.  **d. Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  + GV phân nhóm dạng cặp đôi, phân chia nhiệm vụ.  + GV cho HS quan sát hình phương pháp thu hoạch    Cảnh tượng máy móc thu hoạch nông sản tại nông trại không người lái » Kinh  Tế Nông Thôn  + HS thảo luận trả lời câu hỏi:  - Nêu phương pháp thu hoạch ứng với mỗi hình?  - Nêu phương pháp thu hoạch ở địa phương mà em biết? cho ví dụ minh hoạ cho từng phương pháp?  - Vì sao mỗi loại cây trồng lại có phương pháp thu hoạch khác nhau?  - Trình tự thu hoạch?  - Yêu cầu kỹ thuật khi thu hoạch?  + GV quan sát các nhóm để hỗ trợ kịp thời.  + Hết thời gian thảo luận, GV yêu các nhóm báo cáo, nhóm khác nhận xét, bổ sung. Cuối cùng GV chốt lại vấn đề.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  + HS mỗi nhóm, tự phân chia nhiệm vụ trong nhóm.  + HS quan sát hình ảnh và thảo luận (3 phút) trả lời câu hỏi hoàn thành các nhiệm vụ đã được giao.  + Nhóm HS có thể nêu khó khăn để GV giúp đỡ kịp thời.  \* ***Báo cáo, thảo luận:***  + Đại diện nhóm báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  + GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có).  + GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của các cặp đôi học sinh, tuyên dương những cặp đôi làm việc tích cực, khích lệ, động viên những cặp đôi chưa hoạt động sôi nổi.  ***\* Kết luận, nhận định:***  - Thu hoạch nhằm mục đích đảm bảo số lượng và chất lượng sản phẩm trồng trọt đạt tiêu chuẩn. Để thu hoạch, đầu tiên cần kiểm tra sản phẩm cây trồng, sau đó tiến hành thu hoạch sản phẩm.  **HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP (10 phút)**  **a. Mục tiêu** : Giúp HS hiểu rõ hơn về các công việc trong quy trình làm đất  **b**. **Nội dung**: Các công việc trong quy trình làm đất  **c. Sản phẩm dự kiến:** Đáp án các bài tập phần Luyện tập SGK  **d.****Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  + GV phân nhóm dạng cặp đôi, phân chia nhiệm vụ.  + GV cho HS quan sát hình và hoàn thành bài tập    ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  + HS mỗi nhóm, tự phân chia nhiệm vụ trong nhóm.  + HS quan sát hình ảnh và thảo luận trả lời câu hỏi hoàn thành các nhiệm vụ đã được giao.  \* ***Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có). Khen gợi các nhóm có kết quả chính xác  ***\* Kết luận, nhận định:***  + 1b; 2d; 3a; 4c  **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (10 phút)**  **a.Mục tiêu:** Giúp HS vận dụng những vấn đề liên quan đến quy trình trồng trọt vào thực tiễn trồng trọt ở gia đình.  **b.** **Nội dung**: Bài tập phần Vận dụng trong SHS  **c. Sản phẩm dự kiến:** Đáp án các bài tập phần Vận dụng trong SHS.  **d. Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  + GV nêu cụ thể yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể để HS biết thực hiện cho đúng.  + GV chiếu các câu hỏi ở phần vận dụng, đồng thời gợi ý nội dung câu hỏi để giúp HS có định hướng ban đầu để giải quyết bài tập.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  + HS tập trung nghe GV hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ở phần vận dụng.  + HS quan sát màng chiếu các câu hỏi, nghe GV định hướng nội dung câu bài tập.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của từng học sinh, tuyên dương những học sinh làm việc tích cực, khích lệ, động viên những học sinh chưa hoạt động sôi nổi.  ***\* Kết luận, nhận định:***  Đầu giờ tiết học sau, các nhóm nộp sản phẩm học tập. Tiết học sau GV nhận xét, đánh giá các sản phẩm học tập các nhóm đã nộp. |

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**A. NỘI DUNG DẠY HỌC CỐT LÕI**

**TÊN CHỦ ĐỀ: TRỒNG TRỌT**

**CHƯƠNG 2: TRỒNG VÀ CHĂM SÓC CÂY TRỒNG**

**TÊN BÀI DẠY: NHÀ Ở ĐỐI VỚI CON NGƯỜI ( 3 TIẾT )**

**1. Chuẩn bị đất trồng**

- Chuẩn bị đất trồng nhằm đảm bảo cho cây sinh trưởng, phát triển tốt.

- Chuẩn bị đất trồng được thực hiện theo trình tự:

+ Xác định diện tích đất trồng.

+ Vệ sinh đất trồng.

+ Làm đất và cải tạo đất.

**2. Chuẩn bị giống cây trồng**

- Chuẩn bị giống có mục đích đảm bảo hạt giống, cây con khỏe mạnh, sạch sâu, bệnh, đủ số lượng giống để gieo.

- Các bước thực hiện:

+ Lựa chọn giốn để gieo

+ Xử lí giống trước khi gieo trồng.

+ Kiểm tra số lượng hạt giống/ cây con.

**3. Gieo trồng**

- Mục đích giúp cây được trồng ở điều kiện khí hậu, mật độ thích hợp.

- Các bước thực hiện:

+ Xác định thời vụ, phương tiện, cách thức gieo trồng.

+ Kiểm tra hạt giống hoặc cây giống và đất trồng.

+ Tiến hành gieo trồng.

**4. Chăm sóc cây**

- Mục đích nuôi dưỡng, bảo vệ, phòng trừ các yếu tố gây hại cho cây trồng.

- Các công việc chăm sóc cây trồng:

+ Tỉa, dặm cây.

+ Làm cỏ, vun xới.

+ Bón phân thúc.

+ Tưới, tiêu nước

+ Phòng trừ sâu, bệnh.

**5. Thu hoạch**

- Thu hoạch nhằm mục đích đảm bảo số lượng và chất lượng sản phẩm trồng trọt đạt tiêu chuẩn.

- Phương pháp thu hoạch: Hái (Cam, Quýt…), nhổ (Khoai mì, Su hào…), đào (Khoai lang, Củ gừng…), cắt ( Lúa, Hoa…).

- Thu hoạch, sản phẩm cây trồng thực hiện theo trình tự: kiểm tra sản phẩm cây trồng, sau đó tiến hành thu hoạch sản phẩm.

**B. CÁC HỒ SƠ KHÁC**

**Phiếu học tập số 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Trả lời** |
| **Câu 1:** Hình 3.3: Cây con trong hình nào không nên chọn để trồng? Vì sao? | - Cây con hình b không nên chọn trồng. Vì có mầm sâu, bệnh hại. |
| **Câu 2:** Hình 3.3: Cây con bị sâu hại, thì nên xử lí như thế nào trước khi trồng? | - Cắt tỉa lá bị sâu, bệnh  - Sử dụng bả, vợt, bẫy đèn hoặc thuốc hóa học, chế phẩm sinh học để diệt sâu, bệnh hại. |
| **Câu 3:** Hình 3.4a hay hình 3.4b: Hạt lúa ở hình nào có thể đem gieo trồng ngày? Vì sao? | - Hình b, vì đã mọc mầm. Hình a chưa lên mầm. |

- **Phiếu học tập số 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Trả lời** |
| **Câu 1:** So sánh sự phát triển của 2 cây? | - Cây ở hình 3.6a sinh trưởng và phát triển tốt hơn cây ở Hình 3.6b. |
| **Câu 2:** Vì sao cùng một giống cây, cùng loại đất trồng và điều kiện khí hậu, các cây trồng lại có thể phát triển khác nhau? | - Cùng một giống cây, cùng loại đất trồng và điều kiện khí hậu, các cây trồng phát triển khác nhau như vậy là do cách chăm sóc cây khác nhau. |
| **Câu 3**: Vì sao cần tỉa, dặm cây sau một thời gian gieo trồng? | - Cần tỉa, dặm cây sau một thời gian gieo trồng để bảo vệ, phòng trừ các yếu tố gây hại cho cây:  - Bỏ cây yếu, bị sâu, bệnh, chỗ cây mọc dày.Trồng dặm cây khỏe vào chỗ hạt không mọc, cây bị chết.  - Đảm bảo khoảng cách, mật độ cây. |
| **Câu 4**: Khi chăm sóc cây trồng, cần áp dụng những biện pháp nào để đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường? | **-** Khi chăm sóc cây trồng, cần áp dụng những biện pháp để đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường là:  **+** Hạn chế sử dụng các chất hóa học.  **+** Đối với tưới tiêu nước, cần tạo rãnh thoát, tránh để nước ứ động gây thối rễ.  **+** Khi bón phân, vun xới, tỉa, dặm diệt cỏ dại và phòng trừ sâu cần đeo bao tay và xử lý rác thải đúng nơi quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường. |

* Sách bài tập Công nghệ 7.

**C. ĐÁNH GIÁ NHẬN XÉT**

**BÀI 4:**

**NHÂN GIỐNG CÂY TRỒNG BẰNG PHƯƠNG PHÁP GIÂM CÀNH (2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất, năng lực** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **Mã hoá** |
| **1. Về năng lực**  ***1.1. Năng lực công nghệ*** | | |
| *Nhận thức công nghệ* | Nhận biết được khái niệm nhân giống bằng phương pháp giâm cành, dặc điểm của cây có thể dễ nhân giống bằng phương pháp giâm cành và quy trình nhân giống bằng phương pháp giâm cành. | (a2.2) |
| *Sử dụng công nghệ* | Thực hiện được quy trình nhân giống bằng phương pháp giâm cành và áp dụng cho loại cây trồng khác ở gia đình. | (c2.5) |
| *Đánh giá công nghệ* | Nhận xét, đánh giá được thao tác kỹ thuật trong quy trình nhân giống bằng phương pháp giâm cành. | (d2.1) |
| ***1.2. Năng lực chung*** | | |
| *Tự chủ và tự học* | Chủ động tìm hiểu về đặc điểm các loại cây trồng, chủ động vận dụng kiến thức, kỹ năng giâm cành vào việc trồng trọt của gia đình. | TCTH  4.1 |
| *Giao tiếp và hợp tác* | Biết thảo luận, trao đổi những vấn đề về phương pháp giâm cành với học sinh khác, biết phối hợp tốt với các thành viên khác trong nhóm. | TCTH  4.2 |
| **2. Về phẩm chất** | | |
| *Chăm chỉ* | Có ý thức về nhiệm vụ học tập; ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng giâm cành trong trồng trọt. | CC1.1 |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Giáo viên** | **Học sinh** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu** | Câu hỏi ngắn. | Đọc tài liệu và tìm hiểu thông tin qua các kênh khác. |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |  |  |
| **Hoạt động 2.1. Khái niệm giâm cành** | Phiếu học tập. | Đọc tài liệu |
| **Hoạt động 2.2. Quy trình nhân giống bằng phương pháp giâm cành.** | Clip về các điều kiện tự nhiên ảnh hưởng đến sự phát triển cây trồng [*https://www.youtube.com/watch?v=9nGrDl5\_zrc*](https://www.youtube.com/watch?v=9nGrDl5_zrc)  Phiếu học tập. | Đọc tài liệu và tìm kiếm thông tin trên internet. |
| **Hoạt động 2.3. Thực hành nhân giống cây hoa mười giờ bằng phương pháp giâm cành.** | Tranh, ảnh, file powerpoint, kéo cắt cành. | Chậu, giá thể, bình phun nước, rau muống. |
| **Hoạt động 3. Luyện tập** | Câu hỏi | Đọc tài liệu |
| **Hoạt động 4. Vận dụng** | Câu hỏi yêu cầu thực hành | Chậu, nước….. |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**- Tiết 1: + Khái niệm giâm cành.**

**+ Quy trình nhân giống bằng phương pháp giâm cành.**

**- Tiết 2: Thực hành nhân giống cây rau muống bằng phương pháp giâm cành.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(thời gian)** | **Mục tiêu**  (Mã hoá) | **Nội dung dạy học**  **trọng tâm** | **PP/KTDH**  **chủ đạo** | **PP/Công cụ đánh giá** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu**  (5 phút) |  | Tạo hứng thú vàkhơi gợi nhu cầu tìm hiểu về phương pháp giâm cành | Dạy học khám phá. | PP: Hỏi – đáp  Công cụ: Câu hỏi |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |  |  |  |  |
| **Hoạt động 2.1.** Khái niệm giâm cành  (15 phút) | (a2.2)  TCTH  4.2 | - Khái niệm về phương pháp giâm cành.  - Đặc điểm của cây có thể nhân giống bằng phương pháp giâm cành. | Hợp tác | PP: Quan sát  Công cụ: bảng kiểm |
| **Hoạt động 2.2.** Quy trình nhân giống bằng phương pháp giâm cành  (20 phút) | (a2.2)  TCTH  4.2 | Các bước trong quy trình chung nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành. | Hợp tác | PP: đánh giá quá trình  Công cụ: Rubric |
| **Hoạt động 2.3.** Thực hành nhân giống cây rau muống bằng phương pháp giâm cành  (35 phút) | (c2.5)  (d2.1)  TCTH  4.2 | Các bước nhân giống cây rau muống bằng phương pháp giâm cành. | Thực hành theo nhóm | PP: đánh giá đồng đẳng  Công cụ: bảng kiểm |
| **Hoạt động 3. Luyện tập**  (8 phút) | TCTH  4.1  CC1.1 | củng cố, khắc sâu kiến thức đã học | Hoạt động cá nhân | PP: Hỏi – đáp  Công cụ: Câu hỏi bài tập |
| **Hoạt động 4. Vận dụng**  (2 phút) | CC1.1  TCTH  4.1 | Thực hiện phương pháp giâm cành đối với một loại cây | Thực hành cá nhân | PP: đánh giá quá trình  Công cụ: bảng kiểm |
| **B. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:**  **Hoạt động 1. Mở đầu (5 phút):**  **a) Mục tiêu:** tạo hứng thú vàkhơi gợi nhu cầu tìm hiểu về phương pháp giâm cành.  **b) Nội dung:** tình huống và câu hỏi mở đầu trong SHS.  **c) Sản phẩm dự kiến:** nhu cầu tìm hiểu nhân giống cây trồng.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** GV đưa ra tình huống và yêu cầu HS trả lời: Làm thế nào để một đoạn cành cây mẹ có thể phát triển thành cây con?  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS tiếp nhận và phân tích tình huống đưa ra câu trả lời***.***  ***\* Báo cáo, thảo luận: +*** GV mời khoảng 6 HS trả lời.  + GV ghi câu trả lời lên bảng và yêu cầu HS thảo luận thêm:  • Trong các phương pháp các bạn đề xuất thì phương pháp nào đơn giản hơn? Tại sao?  • Kể 1 loài cây trồng phù hợp với phương pháp giâm cành. → Để làm rõ vấn đề này chúng ta đi vào bài học “Nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành”.  ***\* Kết luận, nhận định:***  **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới:**  **Hoạt động 2.1. Khái niệm giâm cành (15 phút)**  **a) Mục tiêu:** giúp HS trình bày được phương pháp giâm cành, một số đặc điểm của các loại cây có thể nhân giống bằng phương pháp giâm cành.  **b) Nội dung:** khái niệm về phương pháp giâm cành, đặc điểm của cây có thể nhân giống bằng phương pháp giâm cành.  **c) Sản phẩm dự kiến:** khái niệm phương pháp giâm cành, đặc điểm của cây có thể nhân giống bằng phương pháp giâm cành.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập: Nguồn học liệu SGK/22. Hoàn thành Phiếu học tập số 1***   |  | | --- | | ***PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1***  *1. Cây tạo ra bằng phương pháp giâm cành có ưu điểm gì so với cây được nhân giống từ hạt?*  *………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*  *2. Các loại cây dễ nhân giống bằng phương pháp giâm cành có những đặc điểm gì?*  *……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..* |   ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** Lớp chia thành 6 nhóm. Các nhóm thảo luận và trả lời vào phiếu học tập.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  Các nhóm treo sản phẩm ở vị trí của nhóm.  Đại diện 1 nhóm lên trình bày, các nhóm còn lại lắng nghe, trao đổi và nhận xét.  ***\* Kết luận, nhận định:*** Cho HS đánh giá đồng đẳng thông qua bảng kiểm.  **Nội dung cốt lõi:** *Giâm cành là phương pháp nhân giống vô tính được thực hiện bằng cách sử dụng một đoạn cành tách từ cây mẹ và trồng vào giá thể. Các loại cây được chọn để nhân giống bằng phương pháp giâm cành thường có khả năng ra rễ phụ nhanh.*  **Hoạt động 2.2. Quy trình nhân giống bằng phương pháp giâm cành (25 phút)**  **a) Mục tiêu:** giúp HS trình bày được quy trình chung giâm cành.  **b) Nội dung:** các bước trong quy trình chung nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành.  **c) Sản phẩm dự kiến:** quy trình chung của phương pháp giâm cành.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập: Hoàn thành phiếu học tập số 2***   |  | | --- | | ***PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2***  ***HS xem clip về các điều kiện tự nhiên tác động đến cây trồng*** [*https://www.youtube.com/watch?v=9nGrDl5\_zrc*](https://www.youtube.com/watch?v=9nGrDl5_zrc)  ***1.*** *Những yếu tố nào giúp cây trồng phát triển khỏe mạnh?*  *……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….*  *2. Sắp xếp các công việc nhân giống cây trồng theo thứ tự phù hợp?*  Lý thuyết nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành - Công nghệ 7 |  SGK Công nghệ 7 - Chân trời sáng tạo  *………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….*  *3. Ưu và nhược điểm của từng cách cắm giâm cành vào giá thể?*  *……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………* |   ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS nghiên cứu nội dung SHS, tài liệu tham khảo, suy nghĩ và trả lời theo nhóm.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** Mời đại diện ngẫu nhiên 3 nhóm lên báo cáo. Mỗi nhóm trình bày một nội dung. Các nhóm khác lắng nghe, đặt câu hỏi, bổ sung và thống nhất ý kiến.  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV khen ngợi những nhóm làm việc hiệu quả và chốt lại nội dung.  **Nội dung cốt lõi:** *Quy trình chung giâm cành gồm bốn bước: Chuẩn bị giá thể giâm cành → chuẩn bị cành giâm → giâm cành vào giá thể → chăm sóc cành giâm.*  **Hoạt động 2.3. Thực hành: Nhân giống cây rau muống bằng phương pháp giâm cành. (35 phút)**  **a) Mục tiêu:** tổ chức cho HS thực hành nhân giống cây rau muống bằng phương pháp giâm cành.  **b) Nội dung:** các bước nhân giống cây rau muống bằng phương pháp giâm cành.  **c) Sản phẩm dự kiến:** cây rau muống đã được giâm cành đúng kỹ thuật.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** GV nêu mục tiêu buổi thực hành, yêu cầu về trật tự, thời gian …, tiêu chí đánh giá sản phẩm. GV thao tác mẫu và yêu cầu HS thực hiện.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS quan sát, phân công nhiệm vụ các thành viên và tiến hành thực hiện.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** Đại diện các nhóm đem sản phẩm của nhóm lên bàn trưng bày. Đại diện 1 nhóm trình bày lại quy trình thực hiện. Các nhóm còn lại đặt câu hỏi hoặc bổ sung (nếu cần)  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét các nhóm trong quá trình thực hành, những điểm cần phát huy và những động tác nên khắc phục.  **Nội dung cốt lõi:**  *Quy trình nhân giống cây rau muống bằng phương pháp giâm cành:*  *+ Bước 1: Chuẩn bị đất trồng rau muống.*  *+ Bước 2: Chuẩn bị cành giâm.*  *+ Bước 3: Giâm cành vào đất trồng.*  *+ Bước 4: Chăm sóc cành giâm.*  **Hoạt động 3. Luyện tập (8 phút)**  **a) Mục tiêu:** giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức về phương pháp giâm cành, cách chọn cành giâm đạt yêu cầu, củng cố nội dung cốt lõi bài học.  **b) Nội dung:** bài tập trong phần Luyện tập trong SHS.  **c) Sản phẩm dự kiến:** đáp án cho câu hỏi trong phần Luyện tập trong SHS.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  HS làm phần Luyên tập/26 vào vở của mình.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** Mỗi HS trả lời câu hỏi phần Luyện tập vào vở.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** GV mời ngẫu nhiên 2 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe và đưa ra ý kiến.  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét và đưa ra đáp án.  **Câu 1:**  a. Hình c mô tả phương pháp giâm cành  b. Phương pháp giâm cành khác với phương pháp còn lại:   * Cắt một đoạn cành tách từ cây mẹ và giâm xuống đất (trồng vào giá thể). * Cây con sẽ phát triển và mang các đặc tính của cây mẹ.   **Câu 2:**  Đoạn thân 20cm đảm bảo yêu cầu kĩ thuật làm cành giâm vì:   * Cành giâm được lấy từ cây mẹ phải khỏe, không mang mầm bệnh, không quá non, không quá già. * Cành 10 cm là cành non nên ko đảm bảo yêu cầu kĩ thuật.   **Hoạt động 4. Vận dụng (2 phút)**  **a) Mục tiêu:** giúp HS củng cố và vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiến nhân giống bằng phương pháp giâm cành.  **b) Nội dung:** bài tập trong phần Vận dụng trong SHS.  **c) Sản phẩm dự kiến:** sản phẩm của HS.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập***: Em hãy chọn một loại rau hoặc hoa mà gia đình em thường sử dụng hoặc đang trồng để nhân giống bằng phương pháp giâm cành. Ghi nhận lại quá trình phát triển của cây từ khi giâm đến khi cây có 3 chồi non.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS thực hiện và ghi chép vào sổ.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** Khi có kết quả, HS chụp hình và báo cáo với cả lớp, rút ra kinh nghiệm trong quá trình thực hiện.  ***\* Kết luận, nhận định:*** Tuyên dương những HS thực hiện bài hoàn chỉnh. | | | | | |

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

1. **NỘI DUNG DẠY HỌC CỐT LÕI**

**BÀI 4: NHÂN GIỐNG CÂY TRỒNG BẰNG PHƯƠNG PHÁP GIÂM CÀNH**

*• Giâm cành là phương pháp nhân giống vô tính được thực hiện bằng cách sử dụng một đoạn cành tách từ cây mẹ và trồng vào giá thể. Các loại cây được chọn để nhân giống bằng phương pháp giâm cành thường có khả năng ra rễ phụ nhanh.*

**•** *Quy trình chung giâm cành gồm bốn bước: Chuẩn bị giá thể giâm cành → chuẩn bị cành giâm → giâm cành vào giá thể → chăm sóc cành giâm.*

1. **CÁC HỒ SƠ KHÁC**

**Hoạt động 2.1. Khái niệm giâm cành**

**Bảng kiểm đánh giá năng lực hợp tác và giao tiếp:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Không** | **Ghi chú** |
| **1** | Chăm chú lắng nghe |  |  |  |
| **2** | Không ngắt lời người nói |  |  |  |
| **3** | Kiềm chế cảm xúc tiêu cực |  |  |  |
| **4** | Đưa ra ý kiến của mình trên tinh thần xây dựng |  |  |  |
| **5** | Có thể hỏi về vấn đề được nghe |  |  |  |
| **6** | Có thể cung cấp thêm thông tin |  |  |  |
| **7** | Có thể tiếp nối và phát triển vấn đề hợp |  |  |  |

**Hoạt động 2.2. Quy trình nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành**

**Phiếu đánh giá theo tiêu chí Rubric:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **4 điểm** | **3 điểm** | **2 điểm** |
| **Nội dung** | - Kiến thức đủ, chính xác.  - Trả lời đủ 3 câu. | - Kiến thức đầy đủ, chính xác.  - Trả lời chưa đủ 3 câu. | - Kiến thức chưa đầy đủ.  - Trả lời chưa hoàn hảo 3 câu. |
| **Hình thức** | - Trình bày khoa học, đẹp, màu sắc hài hòa, chữ dễ đọc. | - Trình bày khoa học, chưa thu hút người đọc. | - Trình bày hơi rối, khó đọc. |
| **Thuyết trình** | - Giọng nói to, rõ ràng, dứt khoát.  - Rất tích cực. | - Giọng nói to, rõ ràng, dứt khoát.  - Khá tích cực. | - Giọng nói to, chưa rõ ràng.  - Khá tích cực. |

**Hoạt động 2.3. Thực hành: Nhân giống cây rau muống bằng phương pháp giâm cành.**

**Tiêu chí đánh giá quy trình thực hành**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Các bước thực hiện** | **Có** | **Không** |
| **1** | **Chuẩn bị đất và chậu trồng rau muống.** |  |  |
| **2** | **Chuẩn bị cành giâm.** |  |  |
| **3** | **Giâm cành vào đất trồng.** |  |  |
| **4** | **Chăm sóc cành giâm.** |  |  |
| **5** | **Đảm bảo vệ sinh và an toàn lao động.** |  |  |

**Tiêu chí đánh giá sản phẩm thực hành:**

**•** Đánh giá mức độ hoàn thành bài thực hành.

• Đánh giá sản phẩm thực hành theo tiêu chí của bảng kiểm:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí đánh giá sản phẩm** | **Đạt** | **Không đạt** | **Ghi chú** |
| 1 | Thành phần dinh dưỡng của đất cân đối, phù hợp với cây rau muống. |  |  |  |
| 2 | Lượng đất vừa đủ. |  |  |  |
| 3 | Cành giâm không quá già, không non, số lượng vừa đủ. |  |  |  |
| 4 | Cành giâm được cắt vát 15 – 20 cm, đoạn cành giâm có số lượng các chồi (mắt) bằng nhau. |  |  |  |
| 5 | Đầu già của cành giâm được cắm xuống đất. |  |  |  |
| 6 | Cành giâm chếch so với mặt đất trồng. |  |  |  |
| 7 | Khoảng cách giữa các cành giâm đều nhau. |  |  |  |
| 8 | Bề mặt đất luôn ẩm. |  |  |  |
| 9 | Cây phát triển tốt, không bị sâu, bệnh hại. |  |  |  |
| 10 | Sản phẩm thể hiện sự sáng tạo. |  |  |  |

**C. ĐÁNH GIÁ NHẬN XÉT**

**BÀI 5:**

**TRỒNG VÀ CHĂM SÓC CÂY CẢI XANH (2 tiết)**

Tiết PPCT:

**I. MỤC TIÊU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất, năng lực** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **Mã hoá** |
| **1. Về năng lực**  ***1.1. Năng lực công nghệ*** | | |
| *Nhận thức công nghệ* | Nhận biết được mục đích, quy trình, yêu cầu kỹ thuật trồng cây cải xanh. | (a2.2) |
| *Sử dụng công nghệ* | Thực hiện được quy trình trồng và chăm sóc cây cải xanh | (c2.5) |
| *Đánh giá công nghệ* | Nhận xét, đánh giá được thao tác kỹ thuật trong quy trình trồng và chăm sóc cây cải xanh. | (d2.1) |
| ***1.2. Năng lực chung*** | | |
| *Tự chủ và tự học* | Chủ động,tích cực thực hiện những công việc học tâp của bản thân,tự tìm hiểu thêm để vận dụng linh hoạt những kiến thức,kĩ năng đã học vào trong trồng trọt có hiệu quả. | TCTH  4.1 |
| *Giao tiếp và hợp tác* | Biết thảo luận, trao đổi những vấn đề về phương pháp trồng cây cải xanh với học sinh khác, biết phối hợp tốt với các thành viên khác trong nhóm. | TCTH  4.2 |
| **2. Về phẩm chất** | | |
| *Chăm chỉ* | Có ý thức về nhiệm vụ học tập; ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng trồng cây cải xanh trong trồng trọt gia đình. | CC1.1 |
| *Trách Nhiệm* | Quan tâm đến việc trồng một số loại cây tạo ra sản phẩm an toàn cho gia đình. | TN 2.1 |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Giáo viên** | **Học sinh** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu** | Câu hỏi ngắn. | Đọc tài liệu và tìm hiểu thông tin qua các kênh khác. |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |  |  |
| **Hoạt động 2.1.**  **Chuẩn bị** | Clip hình ảnh về cây cải xanh được trồng trong thùng mút.  Phiếu học tập. | Đọc tài liệu |
| **Hoạt động 2.2.**  **Yêu cầu kỹ thuật.** | Clip hình ảnh về cây cải xanh phát triển tốt và cây cải xanh bị sâu bệnh.  Phiếu học tập. | Đọc tài liệu và tìm kiếm thông tin trên internet. |
| **Hoạt động 2.3.**  **Quy trình trồng cây cải xanh.** | Phiếu học tập | Đọc tài liệu |
| **Hoạt động 2.4. Thực hành trồng cây cải xanh.** | Tranh, ảnh, file powerpoint. | Thùng xốp, hạt giốngcây cải xanh đã ngâm,bao tay …. |
| **Hoạt động 3. Luyện tập** | Câu hỏi | Đọc tài liệu |
| **Hoạt động 4. Vận dụng** | Câu hỏi yêu cầu thực hành | Những loại rau ở gia đình trồng bằng hạt như: Cây mồng tơi,cây rau dền,… |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**- Tiết 1: 1.Hướng dẫn trồng cây cải xanh.**

**1.1: Chuẩn bị**

**1.2: Yêu cầu kỹ thuật.**

**1.3: Quy trình trồng cải xanh.**

**- Tiết 2: Thực hành trồng cây cải xanh.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(thời gian)** | **Mục tiêu**  (Mã hoá) | **Nội dung dạy học**  **trọng tâm** | **PP/KTDH**  **chủ đạo** | **PP/Công cụ đánh giá** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu**  (5 phút) |  | Tạo hứng thú vàkhơi gợi nhu cầu tìm hiểu về trồng cây cải xanh | Dạy học khám phá. | PP: Hỏi – đáp  Công cụ: Câu hỏi |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |  |  |  |  |
| **Hoạt động 2.1.** Chuẩn bị  (15 phút) | (a2.2)  TCTH  4.2 | Nhận biết các công việc chuẩn bị trước khi trồng cây cải xanh | Hợp tác | PP: Quan sát  Công cụ: những dụng cụ,vật liệu |
| **Hoạt động 2.2.**  Yêu cầu kỹ thuật  (20 phút) | (a2.2)  TCTH  4.2 | Biết được yêu cầu kỹ thuật khi trồng cây cải xanh | Hợp tác | PP: Quan sát  Công cụ: những dụng cụ,vật liệu |
| **Hoạt động 2.3.**  Quy trình trồng cây cải xanh  (20 phút) | (a2.2)  TCTH  4.2 | Các bước trong quy trình cây trồng cải xanh. |  | PP: đánh giá quá trình  Công cụ: Rubric |
| **Hoạt động 2.4.** Thực hành trồng cây cải xanh (35 phút) | (c2.5)  (d2.1)  TCTH  4.2 | Các bước trồng cây cải xanh | Thực hành theo nhóm | PP: đánh giá đồng đẳng  Công cụ: bảng kiểm |
| **Hoạt động 3. Luyện tập**  (8 phút) | TCTH  4.1  CC1.1 | củng cố, khắc sâu kiến thức đã học | Hoạt động cá nhân | PP: Hỏi – đáp  Công cụ: Câu hỏi bài tập |
| **Hoạt động 4. Vận dụng**  (2 phút) | CC1.1  TCTH  4.1 | Thực hiện phương pháp trồng đối với một loại cây | Thực hành cá nhân | PP: đánh giá quá trình  Công cụ: bảng kiểm |
| **B. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:**  **Hoạt động 1. Mở đầu (5 phút):**  **a) Mục tiêu:** tạo hứng thú vàkhơi gợi nhu cầu tìm hiểu về phương pháp trồng cây cải xanh.  **b) Nội dung:** tình huống và câu hỏi mở đầu trong SHS.  **c) Sản phẩm dự kiến:** nhu cầu tìm hiểu cây trồng cải xanh.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** GV đưa ra tình huống và yêu cầu HS trả lời: Em hãy kể các công việc trồng và chăm sóc cây cải xanh mà em biết?  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS tiếp nhận và phân tích tình huống đưa ra câu trả lời***.***  ***\* Báo cáo, thảo luận: +*** GV mời khoảng 3 HS trả lời.  + Hs trình bày theo ý kiến riêng của cá nhân các em  ***\* Kết luận, nhận định:***  • GV nhắc lại quy trình trồng trọt.  • Vậy cây cải xanh được trồng như thế nào? GV nêu mục tiêu bài học. → Để làm rõ vấn đề này chúng ta đi vào bài học “Trồng và chăm sóc cây cải xanh”  **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới:**  **Hoạt động 2.1. Chuẩn bị: (10phút)**  **a) Mục tiêu:** giúp HS nhận biết các công việc chuẩn bị trước khi trồng cây cải xanh.  **b) Nội dung:** Chuẩn bị cho phần thực hành trồng cây cải xanh.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Những dụng cụ,vật liệu và cách tính toán cần khi trồng cây cải xanh.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học:**  ***HS xem clip hoặc hình ảnh về cây cải xanh được trồng trong thùng xốp (hoặc chậu) và hoàn thành phiếu học tập số 1.***  ***\* Giao nhiệm vụ học tập: Nguồn học liệu SGK/28. Hoàn thành Phiếu học tập số 1***   |  | | --- | | ***PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1***  *1* Cần thực hiện những công việc chuẩn bị gì trước khi tiến hành trồng cây cải xanh?  *………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………* |   ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** Lớp chia thành 6 nhóm. Các nhóm thảo luận và trả lời vào phiếu học tập.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  Các nhóm treo sản phẩm ở vị trí của nhóm.  Đại diện 1 nhóm lên trình bày, các nhóm còn lại lắng nghe, trao đổi và nhận xét. Đánh giá theo bảng kiểm  ***\* Kết luận, nhận định:***  - GV nhận xét, đánh giá quá trình chuẩn bị của hs  - GV kiểm tra tính khả thi trong việc chuẩn bị của các nhóm trước khi thực hiện  **Nội dung cốt lõi:** *Chuẩn bị trồng cây cải xanh gồm các công việc:Chuần bị đất trồng, chuẩn bị hạt giống cây cải xanh, phân bón và dụng cụ trồng cây.*  **Hoạt động 2.2. Yêu cầu kỹ thuật:(15 phút)**  **a) Mục tiêu:** giúp HS biết được yêu cầu kỹ thuật khi trồng cây cải xanh.  **b) Nội dung:** Yêu cầu cây cải xanh khi thu hoạch.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Yêu cầu kỹ thuật khi trồng cải xanh.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập: Hoàn thành phiếu học tập số 2***   |  | | --- | | ***PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2***  ***HS xem clip hoặc hình ảnh về cây cải xanh phát triển tốt và cây cải xanh bị sâu,bệnh.***  ***1.*** Mô tả những đặc điểm để nhận biết cây cải xanh phát triển tốt.  *……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….*  2.Vì sao bao bì thuốc bảo vệ thực vật cần bỏ đúng nơi quy định?  *………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….* |   *cây.*  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** Lớp chia thành 6 nhóm. Các nhóm thảo luận và trả lời vào phiếu học tập.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  Các nhóm treo sản phẩm ở vị trí của nhóm.  Đại diện 1 nhóm lên trình bày, các nhóm còn lại lắng nghe, trao đổi và nhận xét.  ***\* Kết luận, nhận định:*** Cho HS đánh giá theo rubic  - GV hướng dẫn HS về việc sử dụng phân, thuốc( khuyến khích sử dụng phân thuốc có nguồn gốc sinh học) và qui định nơi bỏ bao bì thuốc bảo vệ thức vật.  - GV giới thiệu thêm phương pháp trồng trọt theo hữu cơ.  **Nội dung cốt lõi:** *Cây cải xanh có thể được thu hoạch sau 30-40 ngày( hoặc cao trên 15cm) không bị sâu,bệnh.Lá cải còn nguyên vẹn, đều màu và có màu xanh đậm.*  **Hoạt động 2.3. Quy trình trồng cây cải xanh (20 phút)**  **a) Mục tiêu:** giúp HS trình bày được các bước trong quy trình cây trồng cải xanh.  **b) Nội dung:** Các công việc trong quy trình trồng cải xanh.  **c) Sản phẩm dự kiến:** quy trình trồng cải xanh.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  **-** GV dẫn dắt HS liên hệ quy trình trồng trọt với quy trình trồng cây cải xanh.  - GV cho hs làm phiếu học tập để nắm được yêu cầu kỹ thuật trong quy trình trồng cây cải xanh.  ***\* Giao nhiệm vụ học tập: Hoàn thành phiếu học tập số 3***   |  | | --- | | ***PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3***  1.Quan sát Hình 5.1 và cho biết trường hợp nào đảm bảo an toàn lao động trong khâu chuẩn bị đất trồng? Vì sao?  A picture containing text  Description automatically generated*……………………………………………………………………………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*  *2.* Quan sát hình 5.2 và cho biết trường hợp nào đảm bảo an toàn lao động trong chăm sóc cây trồng. Vì sao?  Text  Description automatically generated with medium confidence  *……………………………………………………….……………………………………………………….……………………………………………………….……………………………………………………….……………………………………………………….……………………………………………………….……………………………………………………….* |   ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS nghiên cứu nội dung SHS, tài liệu tham khảo, suy nghĩ và trả lời theo nhóm.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** Mời đại diện ngẫu nhiên 3 nhóm lên báo cáo. Mỗi nhóm trình bày một nội dung. Các nhóm khác lắng nghe, đặt câu hỏi, bổ sung và thống nhất ý kiến.  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV khen ngợi những nhóm làm việc hiệu quả và chốt lại nội dung, yêu cầu trong kỹ thuật trong quy trình trồng cây cải xanh.  **Nội dung cốt lõi:** *Quy trình trồng cải xanh gồm 5 giai đoạn: Chuẩn bị đất trồng → chuẩn bị hạt giống cải xanh → gieo trồng → Chăm sóc→ Thu hoạch.*  **Hoạt động 2.4. Thực hành: Trồng và chăm sóc cây cải xanh. (35 phút)**  **a) Mục tiêu:** tổ chức cho HS thực hành trồng cây cải xanh.  **b) Nội dung:** các bước trồng cây cải xanh trong chậu( thùng xốp).  **c) Sản phẩm dự kiến:** cây cải xanh được trồng đúng kỹ thuật.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** GV nêu mục tiêu buổi thực hành, yêu cầu về trật tự, thời gian …, tiêu chí đánh giá sản phẩm. GV thao tác mẫu và yêu cầu HS thực hiện.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS quan sát, phân công nhiệm vụ các thành viên và tiến hành thực hiện.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** Đại diện các nhóm đem sản phẩm của nhóm lên bàn trưng bày. Đại diện 1 nhóm trình bày lại quy trình thực hiện. Các nhóm còn lại đặt câu hỏi hoặc bổ sung (nếu cần). Yêu cầu các em đánh giá theo rubic  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét các nhóm trong quá trình thực hành, những điểm cần phát huy và những động tác nên khắc phục.  **Nội dung cốt lõi:**  *Quy trình trồng cây cải xanh:*  *+ Bước 1: Chuẩn bị đất trồng .*  *+ Bước 2: Chuẩn bị hạt giống cây cải xanh.*  *+ Bước 3: Gieo trồng .*  *+ Bước 4: Chăm sóc cây cải xanh.*  *+ Bước 5: Thu hoạch.*  **Hoạt động 3. Luyện tập (8 phút)**  **a) Mục tiêu:** giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức về phương pháp giâm cành, cách chọn cành giâm đạt yêu cầu, củng cố nội dung cốt lõi bài học.  **b) Nội dung:** bài tập trong phần Luyện tập trong SHS.  **c) Sản phẩm dự kiến:** đáp án cho câu hỏi trong phần Luyện tập trong SHS.  **Câu hỏi 1.**Quan sát Hình 5.3 và cho biết cây nào là cây cải xanh đã đực hướng dẫn trồng ở trên. Các cây trong hình còn lại có tên là gì? Theo em, cách trồng những cây cải này có giống cách trồng cải xanh không?  A picture containing plant, vegetable, broccoli, several  Description automatically generated  ***Lời giải:***   * Cây cải xanh được hướng dẫn trồng ở trên là hình d. * Tên các cây còn lại trong hình là:   + a. Cải ngồng   + b. Xà lách xoăn   + c. Cải bó xôi   + e. Xà lách   + f. Cải thìa (cải chip) * Theo em, cách trồng những cây cải này giống cách trồng cải xanh vì chúng đều là các loại rau xanh ăn lá.   **Câu hỏi 2.** Theo em, quy trình trồng cải xanh vừa học đã áp dụng các biện pháp trồng trọt hữu cơ như thế nào?  ***Lời giải:***  Quy trình trồng cải xanh vừa học đã áp dụng các biện pháp trồng trọt hữu cơ:   * Không sử dụng thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ độc hại. * Không sử dụng phân bón hóa học. * Không sử dụng chất kích thích phát triển.   => Mang tới nguồn rau sạch, an toàn chất lượng cho người tiêu dùng.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  gv yêu cầu HS làm phần Luyên tập vào vở của mình.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** Mỗi HS trả lời câu hỏi phần Luyện tập vào vở.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** GV mời ngẫu nhiên 2 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe và đưa ra ý kiến.  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét và đưa ra đáp án. Tuyên dương các học sinh làm bài tốt.  **Nội dung cốt lõi:** Tóm tắt lại các kiến thức đã học.  **Hoạt động 4. Vận dụng (2 phút)**  **a) Mục tiêu:** giúp HS củng cố và vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiến trong trồng rau.  **b) Nội dung:** bài tập trong phần Vận dụng trong SHS.  **c) Sản phẩm dự kiến:** sản phẩm của HS.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập***: Dựa vào quy trình trồng cải xanh, em hãy  tìm hiểu để thực hiện trồng và chăm sóc một loại cây rau đến khi thu hoạch***.***  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS thực hiện và ghi chép vào sổ.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** Khi có kết quả, HS chụp hình và báo cáo với cả lớp, rút ra kinh nghiệm trong quá trình thực hiện.  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét quá trình thực hành của các em, góp ý cho quy trình của hs, những điểm cần phát huy và những động tác nên khắc phục.  Tuyên dương những HS thực hiện bài hoàn chỉnh.  **Nội dung cốt lõi:** Nắm được quy trình trồng một loại cây mà các em đã lựa chọn | | | | | |

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

1. **NỘI DUNG DẠY HỌC CỐT LÕI**

**BÀI 5:TRỒNG VÀ CHĂM SÓC CÂY CẢI XANH**

*Quy trình trồng cây cải xanh:*

*+ Bước 1: Chuẩn bị đất trồng .*

*+ Bước 2: Chuẩn bị hạt giống cây cải xanh.*

*+ Bước 3: Gieo trồng .*

*+ Bước 4: Chăm sóc cây cải xanh.*

*+ Bước 5: Thu hoạch.*

**B. CÁC HỒ SƠ KHÁC**

**Hoạt động 2.1.**

**Bảng kiểm đánh giá năng lực hợp tác và giao tiếp:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Không** | **Ghi chú** |
| **1** | Chăm chú lắng nghe |  |  |  |
| **2** | Không ngắt lời người nói |  |  |  |
| **3** | Kiềm chế cảm xúc tiêu cực |  |  |  |
| **4** | Đưa ra ý kiến của mình trên tinh thần xây dựng |  |  |  |
| **5** | Có thể hỏi về vấn đề được nghe |  |  |  |
| **6** | Có thể cung cấp thêm thông tin |  |  |  |
| **7** | Có thể tiếp nối và phát triển vấn đề hợp |  |  |  |

**Hoạt động 2.2. Quy trình trồng cây cải xanh.**

**Phiếu đánh giá theo tiêu chí Rubric:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **4 điểm** | **3 điểm** | **2 điểm** |
| **Nội dung** | - Kiến thức đủ, chính xác.  - Trả lời đủ 3 câu. | - Kiến thức đầy đủ, chính xác.  - Trả lời chưa đủ 3 câu. | - Kiến thức chưa đầy đủ.  - Trả lời chưa hoàn hảo 3 câu. |
| **Hình thức** | - Trình bày khoa học, đẹp, màu sắc hài hòa, chữ dễ đọc. | - Trình bày khoa học, chưa thu hút người đọc. | - Trình bày hơi rối, khó đọc. |
| **Thuyết trình** | - Giọng nói to, rõ ràng, dứt khoát.  - Rất tích cực. | - Giọng nói to, rõ ràng, dứt khoát.  - Khá tích cực. | - Giọng nói to, chưa rõ ràng.  - Khá tích cực. |

**Hoạt động 2.4. Thực hành:Trồng và chăm sóc cây cải xanh.**

**Tiêu chí đánh giá quy trình thực hành theo bảng kiểm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Các bước thực hiện** | **Có** | **Không** |
| **1** | **Chuẩn bị đất và chậu trồng cây cải xanh.** |  |  |
| **2** | **Chuẩn bị hạt giống cây cải xanh (đã ngâm ủ).** |  |  |
| **3** | **Gieo hạt giống vào đất trồng.** |  |  |
| **4** | **Chăm sóc cây cải xanh.** |  |  |
| **5** | **Thao tác gọn gang, cẩn thận.** |  |  |
| **6** | **Đảm bảo vệ sinh và an toàn lao động.** |  |  |

**Tiêu chí đánh giá sản phẩm thực hành:**

**•** Đánh giá mức độ hoàn thành bài thực hành.

• Đánh giá sản phẩm thực hành theo tiêu chí của bảng kiểm:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí đánh giá sản phẩm** | **Đạt** | **Không đạt** | **Ghi chú** |
| 1 | Xác định diện tích đất trồng và số lượng hạt giống tương ứng. |  |  |  |
| 2 | Lượng đất vừa đủ, thành phần dinh dưỡng đất cân đối,phù hợp trồng cây cải xanh.  \_ Đất được làm kĩ: sạch cỏ và tàn dư cây trồng.  Đất bằng phẳng và tơi xốp |  |  |  |
| 3 | Hạt được ngâm ủ no nước hoặc nứt mầm,đủ số lượng. |  |  |  |
| 4 | Mật độ và khoảng cách gieo hạt của các hạt đều nhau. |  |  |  |
| 5 | Hạt được phủ một lớp đất mỏng( không bị vùi sâu). |  |  |  |
| 6 | Bón phân đúng thời điểm và liều lượng. |  |  | Đánh giá trong quá trình chăm sóc và thu hoạch |
| 7 | Bề mặt đất luôn ẩm. |  |  |
| 8 | Cây phát triển tốt, không bị sâu, bệnh hại. |  |  |
| 9 | Thực hiện đúng phương pháp thu hoạch đã lựa chọn , sản phẩm đạt kích thước và độ tuổi. |  |  |
| 10 | Sản phẩm thể hiện sự sáng tạo. |  |  |

**C. ĐÁNH GIÁ NHẬN XÉT**

**DỰ ÁN 1:**

**KẾ HOẠCH TRỒNG VÀ CHĂM SÓC CÂY TRỒNG TRONG GIA ĐÌNH**

**Thời gian thực hiện: 02 tiết**

**I. Mục tiêu  
1. Kiến thức, kĩ năng**

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng về kĩ thuật trồng và chăm sóc cây trồng để lập kế hoạch và tính toán chi phi cho việc trồng và chăm sóc một loại cây phù hợp với điều kiện trồng trọt tại gia đình.

- Rèn luyện tính tự lực và năng lực công tác trong việc tổ chức và thực hiện dự án.

**2. Năng lực**

**2.1. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết lập và thực hiện kế hoạch học tập, nhận thức được sở thích, khả năng của bản thân; chủ động, tích cực thực hiện những công việc thuộc nhiệm vụ bản thân để góp phần hoàn thành dự án, vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng về trồng và chăm sóc cây trồng để thực hiện dự án.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận những vấn đề của dự án; thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhản và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống đã cho để lập được kế hoạch hoạt động bao gồm mục tiêu, nội dung, hình thức hoạt động; đánh giá được kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch.

**2.2. Năng lực công nghệ**

- Năng lực nhận biết công nghệ: Nhận biết các yêu cầu, công việc thực hiện trồng và chăm sóc cây trồng.

- Năng lực sử dụng công nghệ: Sử dụng quy trình trồng trọt để lập kế hoạch trồng và chăm sóc cây trồng trong gia đình.

- Năng lực đánh giá công nghệ: Nhận xét, đánh giá kĩ thuật trồng và chăm sóc cho cây trồng.

- Năng lực thiết kế công nghệ: Xây dựng được kế hoạch trồng và chăm sóc cây trồng trong gia đình hợp lí, hiệu quả, tiết kiệm, an toàn.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: Có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng về trồng và chăm sóc cây trồng để thực hiện dự án.

- Yêu nước: Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ.

- Trung thực: HS trung thực trong học tập, hoạt động nhóm, tự làm ra sản phẩm nhân giống, cẩn thận trong thực hành, ghi chép kết quả của dự án.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Giáo viên** | **Học sinh** |
|  | - Dự kiến phân chia nhóm HS trong lớp.  - Biểu mẫu bảng kế hoạch, bảng tinh chi phí cho việc trồng và chăm sóc loại cây trồng đã chọn. | - Giấy, bút, máy tính.  - Thiết bị hỗ trợ: máy tinh có kết nồi internet.  - Tài liệu hướng dẫn về kĩ thuật trồng vả chăm sóc loại cây trồng đã chọn. |
| **Hoạt động 1. Mở đầu** | Sử dụng phần mềm để tạo video về vai trò của trồng trọt ở nước ta các biện pháp chăm sóc cây trồng | Đọc trước bài  Điện thoại, sách vở |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** | - Các tài liệu cần thiết liên quan đến qui trình trồng cây  - Bài giảng điện tử (Powerpoint)  - Bầu cây giống, dao, kéo…  - Phiếu học tập | - Sưu tầm hình ảnh mô tả quy trình cây trồng gửi lên Padlet.  - Tập ghi chép  - Máy tính hoặc smatphone. |
| **Hoạt động 2.1. Giới thiệu dự án** | - Nghiên cứu tài liệu tham khảo có liên quan.  - Tranh ảnh | Sưu tầm hình ảnh mô tả quy trình trồng cây. |
| **Hoạt động 2.2. Xây dựng kế hoạch** | Nghiên cứu tài liệu tham khảo có liên quan  - Bảng phụ, nam châm.  - Tranh ảnh liên quan | HS dựa vào kiến thức đã học trình bày theo sự hiểu biết.  - Tập chép |
| **Hoạt động 2.3. Thực hiện dự án** | Nghiên cứu tài liệu tham khảo có liên quan  - Bảng phụ, nam châm.  - Tranh ảnh liên quan | Sưu tầm hình ảnh mô tả quy trình cây trồng  Tập vở, sách |
| **Hoạt động 2.4. Báo cáo dự án** | Kế hoạch trồng cây  Sản phẩm trồng cây | Bảng SGK |
| **Hoạt động 3. Luyện tập** | - Đáp án bài tập luyện tập trong SGK. | Xem trước phần luyện tập. |
| **Hoạt động 4. Vận dụng** | Đáp án bài tập vận dụng và bài tập về nhà. | Xem trước phần vận dụng |

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1:** Giới thiệu dự án

a) Mục tiêu: Giúp học sinh nhận biết chủ đề dự án, các nhiệm vụ phải thực hiện để hoàn thành dự án.

b) Nội dung: Mục tiêu, nhiệm vụ của dự án.

c) Sản phẩm: Mục tiêu, nhiệm vụ dự án

d) Tổ chức thực hiện: Sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm.

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên và học sinh | Nội dung |
| \*Chuyển giao nhiệm vụ học tập  - GV cho HS quan sát tranh ảnh giới thiệu một số loại cây trồng trong gia đình ở Việt Nam và trả lời câu hỏi: Theo em có cần thiết phải trồng cây trong gia đình không? Vì sao? |  |
| 5 cây phong thủy hút độc chất trong nhà bạn - Tuổi Trẻ Online  Những loại cây ăn quả có thể trồng trong chậu tại nhà - Phần 1 – Công Ty  TNHH Sản xuất Thương mại Tổng hợp Trần Gia  5 loại cây được nhiều gia đình chọn để trồng trước cửa nhà. Vì sao vậy? | |
| - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Kể tên các loại cây thường được trồng trong các hộ gia đình?  \*Thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS: Tiếp nhận nhiệm vụ, quan sát tranh, suy nghĩ độc lập.  \*Báo cáo kết quả  - GV gọi ngẫu nhiên học sinh trình bày câu trả lời, mỗi HS trình bày 1 nội dung.  \*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá:  - GV nhận xét, đánh giá:  -> GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Cây trồng trong gia đình có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường, mang lại niềm vui, thư giãn cho con người, đem lại nguồn kinh tế cho gia đình. Để cây trồng phát triển tốt, đạt hiệu quả kinh tế cao chúng ta cùng thực hiện dự án hôm nay.  \* GV chiếu các nội dung sau:  - Chủ đề của dự án: Kế hoạch trồng và chăm sóc cây trồng trong gia đình  - Mục tiêu của dự án: Lập kế hoạch, tính toán chi phí cho việc trồng và chăm sóc một loại cây trồng trong gia đình.  - Nhiệm vụ cần thực hiện để hoàn thành dự án:  + Xác định loại cây trồng phù hợp với điều kiện trồng trọt tại gia đình.  + Lập kế hoạch trồng và chăm sóc cho cây trồng đã chọn.  + Tính toán chi phí trồng và chăm sóc cho cây trồng đã chọn.  -> GV chiếu 2 mẫu báo cáo số 1 và số 2. |  |
| Mẫu 1: Báo cáo kế hoạch trồng và chăm sóc cây trồng trong gia đình  1. Giới thiệu  - Giống cây:  - Phương thức trồng:  - Diện tích, số lượng cây trồng:  - Điều kiện sinh trưởng, phát triển của cây:  2. Kế hoạch trồng và chăm sóc cây trồng   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | STT | Công việc cần làm | Thời gian thực hiện | Vật liệu, dụng cụ cần thiết | Ghi chú | | 1 |  |  |  |  | | 2 |  |  |  |  | | 3 |  |  |  |  |   Mẫu 2: Bảng tính chi phí trồng và chăm sóc cây trồng trong gia đình   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | STT | Các loại chi phí | Đơn vị tính | Đơn giá (đồng) | Số lượng | Thành tiền (đồng) | Ghi chú | | 1 | Vật liệu, dụng cụ để trồng và chăm sóc cây (xẻng,bình tưới nước..) | ? | ? | ? | ? | ? | | 2 | Cây trồng | ? | ? | ? | ? | ? | | 3 | Phân bón | ? | ? | ? | ? | ? | | 4 | Thuốc bảo vệ thực vật | ? | ? | ? | ? | ? | | 5 | Chi phí gieo trồng, chăm sóc cây | ? | ? | ? | ? | ? | | 6 | Chi phí khác | ? | ? | ? | ? | ? | | Tổng cộng | | | | | ? |  | | |
| - Các tiêu chí đánh giá kết quả dự án:  + Cấu trúc bài báo cáo: Đầy đủ nội dung, rõ ràng, chi tiết; chi phí hợp lí.  +Trình bày kết quả dự án trước lớp: Diễn đạt tự tin, trôi chảy, thuyết phục.  - GV kết hợp với HS để phân chia nhóm thích hợp. |  |

**2. Hoạt động 2:** Xây dựng kế hoạch

a) Mục tiêu: Hướng dẫn HS lập kế hoạch thực hiện dự án.

b) Nội dung: Các công việc phải thực hiện, mốc thời gian hoàn thành, vật liệu cần thiết, phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm.

c) Sản phẩm: Kế hoạch chi tiết thực hiện các nhiệm vụ của dự án.

d) Tổ chức thực hiện: Tổ chức học tập theo nhóm. Nghiên cứu nội dung trước ở nhà.

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên và học sinh | Nội dung |
| \*Chuyển giao nhiệm vụ học tập  - Ở hoạt động hướng dẫn học ở nhà của tiết học trước, GV hướng dẫn các nhóm HS tổ chức thảo luận để lập kế hoạch, tính toán chi phí cho việc trồng và chăm sóc cây trồng trong gia đình.  HS thảo luận các vấn đề sau:  + Lựa chọn một loại cây trồng phù hợp với điều kiện trồng trọt tại gia đình.  + Thiết kế các công việc cần làm để trồng và chăm sóc loại cây trồng đã chọn.  + Lập kế hoạch thời gian, xác định các mốc thời gian cho từng công việc của dự án  + Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm.  \*Thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS thảo luận theo nhóm ở nhà  - Các nhóm viết báo cáo kết quả thảo luận xây dựng dự án trên giấy A0. | I. Xây dựng kế hoạch  Kế hoạch thực hiện dự án bao gồm một số mục chính:  - Công việc cần làm  - Thời gian thực hiện  - Người thực hiện  - Vật liệu, dụng cụ cần thiết  - Địa điểm tiến hành |

**3. Hoạt động 3:** Thực hiện dự án

a) Mục tiêu: Hướng dẫn HS lập kế hoạch thực hiện dự án.

b) Nội dung: Lập bảng kế hoạch, tính toán chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc loại cây trồng đã chọn.

c) Sản phẩm: Bảng kế hoạch trồng và chăm sóc một loại cây trồng trong gia đình, bảng tính toán chi phí cho việc trồng và chăm sóc loại cây trồng đó.

d) Tổ chức thực hiện: Tổ chức học tập theo nhóm. Nghiên cứu nội dung trước ở nhà.

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên và học sinh | Nội dung |
| \*Chuyển giao nhiệm vụ học tập  - Ở hoạt động hướng dẫn học ở nhà của tiết học trước, GV hướng dẫn các nhóm HS tổ chức thảo luận để hoàn chỉnh bảng kế hoạch trồng và chăm sóc một loại cây trồng tại gia đình và bảng tính toán chi phí cho việc trồng và chăm sóc loại cây trồng đó. Cụ thể:  + GV hướng dẫn HS nghiên cứu tài liệu để thu thập thông tin về các công việc trồng và chăm sóc cây trồng đã chọn.  + GV hỗ trợ cung cấp các nguồn tài liệu tham khảo cần thiết.  + GV cung cấp các thông tin về số lượng, đơn giá của cây trồng, phân bón, dụng cụ trồng trọt, ... cho kế hoạch trồng và chăm sóc loại cây trồng đã chọn.  + GV hướng dẫn HS thực hiện dự án theo kế hoạch đã đề ra và sự phân công các thành viên trong nhóm.  + GV hỗ trợ các nhóm HS tự giám sát, quản lí quá trình thực hiện dự án.  \*Thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS thảo luận theo nhóm ở nhà  - Các nhóm viết báo cáo kết quả thảo luận xây dựng dự án trên giấy A0. | II. Thực hiện dự án  - Bảng kế hoạch trồng và chăm sóc một loại cây trồng tại gia đình bao gồm các nội dung:  + Công việc cần làm  + Mốc thời gian cho từng công việc  - Bảng tính toán chi phí cho việc trồng và chăm sóc một loại cây trồng bao gồm các nội dung:  + Đơn giá mỗi loại nguyên - vật liệu (tham khảo trên google giá của các loại giống khác nhau)  + Số lượng mỗi loại nguyên - vật liệu. |

**4. Hoạt động 4:** Báo cáo dự án

a) Mục tiêu: Giúp HS trình bày, báo cáo kết quả thực hiện dự án, giúp HS đánh giá và hướng dẫn HS tự đánh giá kết quả dự án.

b) Nội dung: Nội dung bài thuyết trình giới thiệu kế hoạch trồng, chăm sóc một loại cây trồng trong gia đình và bảng tính toán chi phí cho việc trồng, chăm sóc loại cây trồng đã chọn.

c) Sản phẩm:

- Bảng báo cáo kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc một loại cây trồng.

- Bảng tính toán chi phí và hiệu quả nuôi loại cây trồng đã chọn

d) Tổ chức thực hiện: Tổ chức dạy học toàn lớp.

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên và học sinh | Nội dung |
| \*Chuyển giao nhiệm vụ học tập  GV chiếu lại 2 mẫu báo cáo và tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả thực hiện dự án.  \*Thực hiện nhiệm vụ học tập  Các nhóm báo cáo các nội dung:  - Báo cáo kế hoạch trồng và chăm sóc cây trồng trong gia đình theo Mẫu 1  - Báo cáo bảng tính chi phí cho việc trồng và chăm sóc cây trồng trong gia đình theo Mẫu 2  \*Báo cáo kết quả và thảo luận  GV gọi ngẫu nhiên 2 HS đại diện cho 2 nhóm lần lượt trình bày bản báo cáo Mẫu 1 và Mẫu 2.  \*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  - Các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá. | III. Báo cáo dự án |

**5. Hoạt động 5:** Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức để tham gia vào hoạt động trồng trọt của gia đình, đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong trồng trọt.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức vào thực tế.

c) Sản phẩm: Hình ảnh, video hoạt động trồng, chăm sóc cây trồng của hs.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu hs vận dụng kiến thức vào thực tế để trồng, chăm sóc cây trồng tại nhà.

- HS tiếp nhận thông tin, thực hiện tại nhà.

- HS chụp hình ảnh, quay video sự tham gia hoạt động trồng cây của mình tại nhà sau đó gửi cho GV thông qua tài khoản Zalo và padlet.

-> GV tiếp nhận sản phẩm của HS, nhận xét, đánh giá cho điểm trong đầu giờ học sau.

**C. ĐÁNH GIÁ NHẬN XÉT**

**Bài 6: RỪNG Ở VIỆT NAM**

Thời gian thực hiện: 01 tiết

**I. MỤC TIÊU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất, năng lực** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **Mã hoá** |
| **1. Về năng lực**  ***1.1. Năng lực công nghệ*** | | |
| Nhận thức công nghệ | Nhận biết vai trò của rừng đối với đời sống và sản xuất, nhận dạng được được các loại rừng phổ biến ở Việt Nam | (a2.2) |
| Đánh giá công nghệ | Lựa chọn được loại rừng với chức năng sử dụng phù hợp với địa phương | (d2.2) |
| ***1.2. Năng lực chung*** | | |
| Tự chủ và tự học | Biết lập và thực hiện kế hoạch học tập; lựa chọn được các nguồn học tập phù hợp; lưu giữ thông tin có chọn lọc bằng nội dung tóm tắt và các từ khóa | (1) |
| Giao tiếp và hợp tác | Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp hình ảnh để trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận những vấn đề đơn giản. Chủ động, gương mẫu hoàn thành phần việc được giao. | (2) |
| **2. Về phẩm chất** | | |
| Chăm chỉ | Có ý thức về nhiệm vụ học tập, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn | (3) |
| Trách nhiệm | Sống hòa hợp, thân thiện với thiên nhiên | (4) |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Giáo viên** | **Học sinh** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu** | - Tranh ảnh về vai trò của rừng  - Video hỗ trợ  - Phiếu học tập số 1  - Bảng đánh giá hoạt động nhóm | - Tranh ảnh về vai trò của rừng |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |  |  |
| **Hoạt động 2.1. Vai trò của rừng** | - Tranh ảnh hình 6.1  - Video hỗ trợ  - Phiếu học tập số 2  - Bảng đánh giá hoạt động nhóm | - Tranh ảnh về vai trò của rừng |
| **Hoạt động 2.2. Một số loại rừng phổ biến ở Việt Nam** | - Tranh ảnh hình 6.2; hình 6.3; hình 6.4  - Video hỗ trợ  - Phiếu học tập số 3  - Bảng đánh giá hoạt động nhóm | - Tranh ảnh về một số loại rừng phổ biến ở Việt Nam |
| **Hoạt động 3. Luyện tập** | - Hệ thống câu hỏi phần luyện tập | Giấy A4 |
| **Hoạt động 4. Vận dụng** | - Hệ thống câu hỏi phần vận dụng | Giấy A4 |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(thời gian)** | **Mục tiêu**  (Mã hoá) | **Nội dung dạy học**  **trọng tâm** | **PP/KTDH**  **chủ đạo** | **PP/Công cụ đánh giá** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu**  (5 phút) | (a2.2) | - Giới thiệu những tác động của rừng đến đời sống con người và một số loại rừng ở Việt Nam | - Dạy học trực quan  - Kĩ thuật công não | - Đánh giá qua sản phẩm học tập  - Phiếu học tập số 1 |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |  |  |  |  |
| **Hoạt động 2.1. Vai trò của rừng**  (15 phút) | (a2.2) | - Trình bày được vai trò của rừng đối với môi trường, đời sống và sản xuất | - Dạy học giải quyết vấn đề  - Kĩ thuật công não | - Đánh giá qua sản phẩm học tập  - Phiếu học tập số 2 |
| **Hoạt động 2.2. Một số loại rừng phổ biến ở Việt Nam**  (15 phút) | (a2.2)  (d2.2) | - Phân loại được một số loại rừng phổ biến ở Việt Nam | - Dạy học giải quyết vấn đề  - Kĩ thuật công não | - Đánh giá qua sản phẩm học tập  - Phiếu học tập số 3 |
| **Hoạt động 3. Luyện tập**  (5phút) | (1), (2), (3), (4) | - HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập phần luyện tập | - Dạy học theo nhóm  - Kĩ thuật trình bày 1 phút | - Đánh giá qua sản phẩm học tập  - Bảng kiểm  - Bảng đánh giá hoạt động nhóm |
| **Hoạt động 4. Vận dụng**  (5 phút) | (d2.2) | - HS biết vận dụng vào thực tế cuộc sống gia đình và địa phương | - Dạy học theo nhóm  - Kĩ thuật công não | - HS đánh giá theo phiếu đánh giá đồng đẳng |
| **B. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:**  **Hoạt động 1. Mở đầu (5 phút):**  **a) Mục tiêu:** Kích thích nhu cầu tìm hiểu về vai trò và các loại rừng phổ biến ở Việt Nam  **b) Nội dung:** Tình huống và câu hỏi trong phần Mở đầu trong SHS  **c) Sản phẩm dự kiến:** Nhu cầu tìm hiểu các loại rừng ở Việt Nam  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***a. Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  + GV chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm 6 thành viên, phân công cụ thể cho từng thành viên trong nhóm (trên giấy A4): Nhóm trưởng, thư kí, người thuyết trình, người quản lí thời gian (vai trò sẽ luân chuyển ở các hoạt động sau).  + Phát phiếu học tập số 1.  + Yêu cầu các nhóm xem video (về mưa gió, bão, lũ lụt, sạt lở đất…) và trả lời câu hỏi:  ? Rừng có tác động như thế nào đến đời sống của con người  ? Ở Việt Nam có những loại rừng nào  + Sau đó, giáo viên trình chiếu vedeo, ảnh về những loại rừng ở Việt Nam.  ***b. Thực hiện nhiệm vụ học tập***  + HS xem xong video (về mưa gió, bão, lũ lụt, sạt lở đất…)  + Ghi lại câu trả lời trên phiếu học tập số 1  ***c. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***  + Giáo viên đưa ra câu trả lời  + HS chủ động kiểm tra câu trả lời của nhóm mình  + GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của các nhóm và từng cá nhân học sinh, cho điểm và trao phần thưởng cho nhóm đạt kết quả cao nhất  ***d. Kết luận***  - GV dẫn dắt vào bài  - Phiếu học tập số 1   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Trả lời** | | **Câu 1**  - Rừng có tác động như thế nào đến đời sống của con người? | - Ngăn cản, làm giảm tốc độ của dòng chảy  - Hạn chế hiện tượng sạt lở đất, … | | **Câu 2**  - Ở Việt Nam có những loại rừng nào? | - Rừng nguyên sinh, rừng tre nứa, rừng ngập nước, rừng ngập mặn, … |   **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới:**  **Hoạt động 2.1. Vai trò của rừng (15 phút)**  **a) Mục tiêu:** Trình bày được vai trò của rừng đối với môi trường, đời sống và sản xuất  **b) Nội dung:** Những chức năng, tác dụng của rừngđối với môi trường, đời sống và sản xuất  **c) Sản phẩm dự kiến:** Vai trò của rừngđối với môi trường, đời sống và sản xuất  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***a. Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  + Phân thành 4 nhóm như hoạt động khởi động.  + Giáo viên phát phiếu làm việc nhóm và nói rõ các yêu cầu cần thực hiện trong phiếu học tập này.  + Cho học sinh xem hình ảnh hình 6.1 trong thời gian khoảng 2 phút.  + Sau khi xem hình ảnh yêu cầu học sinh ghi vào phiếu học tập số 2. Thời gian để học sinh ghi nhận nội dung là 4 phút.  + Kết thúc thời gian hoàn thiện phiếu học tập, giáo viên chiếu đáp án và yêu cầu các nhóm nhận xét chéo.  + Giới thiệu thông tin về “Ngày Quốc tế về Rừng”  ***b. Thực hiện nhiệm vụ học tập***  + HS nhận phiếu làm việc nhóm.  + HS tập trung xem hình ảnh hình 6.1 về vai trò của rừng...và thực hiện nhiệm vụ được giao trên phiếu làm việc nhóm.  + HS nhận xét chéo theo yêu cầu của giáo viên.  - HS trả lời vấn đáp thông qua phiếu học tập số 2  + HS khác nhận xét, đánh giá.  + GV bổ sung, chốt kiến thức.  ***c. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Các nhóm HS tự kiểm tra và dán sản phẩm ở góc của nhóm.  - Đại diện 1 nhóm thuyết trình, các nhóm còn lại lắng nghe và nhận xét, trao đổi.  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của các nhóm và từng cá nhân học sinh, tuyên dương những nhóm, cá nhân làm việc tích cực, khích lệ, động viên những nhóm, cá nhân chưa hoạt động sôi nổi.  ***d. Kết luận***  - Rừng có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và cải tạo môi trường, phục vụ tích cực cho đời sống, sản xuất và nghiên cứu khoa học.  - Phiếu học tập số 2   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Trả lời** | | **Câu 1**  - Em hãy nêu vai trò của rừng đối với môi trường, đời sống và sản xuất trong mỗi trường hợp được minh họa ở hình 6.1? | - Hình 6.1a: Cung cấp khí Oxygen và thu nhận khí Carbon dioxide giúp không khí trong lành và góp phần điều hòa khí hậu.  - Hình 6.1b: Chắn gió, chống cát di động ven biển, che chở cho vùng đất phía trong đất liền.  - Hình 6.1c: Cung cấp nguyên liệu gỗ cho sản xuất  - Hình 6.1d: Rừng ngăn cản, làm giảm tốc độ của dòng chảy bề mặt của nước mưa, từ đó giúp bảo vệ độ phì nhiêu của đất, hạn chế các hiện tượng xói mòn, sạt lở đất, lũ lụt.  - Hình 6.1e: Phục vụ nghiên cứu khoa học.  - Hình 6.1f: Môi trường sinh sống tốt cho nhiều loài động vật | | **Câu 2**  - Hãy kể những ngành sản xuất sử dụng nguyên liệu từ rừng? | Những ngành sản xuất sử dụng nguyên liệu từ rừng:  - Ngành chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ: ngành mộc, xây dựng...  - Ngành chế biến hương liệu và tinh dầu. (từ các bộ phận của cây: hoa, lá, cành, thân..) như mùi hương của mỹ phẩm, nước hoa...  - Ngành chế biến và cung cấp dược liệu, thuốc : dùng các loại nấm như linh chi, các vị thuốc bắc, thuốc nam.  - Ngành chế biến nhựa để sản xuất keo. |   **Hoạt động 2.2. Một số loại rừng phổ biến ở Việt Nam (15 phút)**  **a) Mục tiêu:** Giúp học sinh phân loại được một số loại rừng phổ biến ở Việt Nam  **b) Nội dung:** Đặc điểm của một số loại rừng theo từng cách phân loại  **c) Sản phẩm dự kiến:** Đặc điểm theo mục đích sử dụng của một số loại rừng phổ biến ở Việt Nam  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***a. Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  + Phân thành 4 nhóm như hoạt động khởi động.  + Giáo viên phát phiếu làm việc nhóm số 3 và nói rõ các yêu cầu cần thực hiện trong phiếu học tập này.  + Cho học sinh xem hình ảnh hình 6.2 và hình 6.4 trong thời gian khoảng 2 phút.  + Sau khi xem hình ảnh yêu cầu học sinh ghi vào phiếu học tập số 3. Thời gian để học sinh ghi nhận nội dung là 4 phút.  + Kết thúc thời gian hoàn thiện phiếu học tập, giáo viên chiếu đáp án và yêu cầu các nhóm nhận xét chéo.  + Giáo viên chiếu hình ảnh 6.3, yêu cầu học sinh cho biết tên gọi loại rừng này?  ***b. Thực hiện nhiệm vụ học tập***  + HS nhận phiếu làm việc nhóm.  + HS tập trung xem hình ảnh hình 6.2 và hình 6.4 về một số loại rừng trong tự nhiên và một số loại rừng phổ biến ở Việt Nam...và thực hiện nhiệm vụ được giao trên phiếu làm việc nhóm.  + HS nhận xét chéo theo yêu cầu của giáo viên.  - HS trả lời vấn đáp thông qua phiếu học tập số 3  + HS khác nhận xét, đánh giá.  + GV bổ sung, chốt kiến thức.  ***c. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Các nhóm HS tự kiểm tra và dán sản phẩm ở góc của nhóm.  - Đại diện 1 nhóm thuyết trình, các nhóm còn lại lắng nghe và nhận xét, trao đổi.  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của các nhóm và từng cá nhân học sinh, tuyên dương những nhóm, cá nhân làm việc tích cực, khích lệ, động viên những nhóm, cá nhân chưa hoạt động sôi nổi.  ***d. Kết luận***  - Ở nước ta rừng chủ yếu được phân loại theo mục đích sử dụng. Theo đó, có 3 loại rừng: Rừng sản xuất, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.  - Phiếu học tập số 3   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Trả lời** | | **Câu 1**  - Những loại rừng ở hình 6.2 được gọi tên theo đặc điểm nào của rừng? | - Hình 6.2a: Nguồn gốc hình thành  - Hình 6.2b: Phân loại theo loài cây  - Hình 6.2c: Phân loại theo điều kiện lập địa | | **Câu 2**  - Tại địa phương em có những loại rừng nào? Hãy kể tên rừng ở Việt Nam mà em biết? | - Ở địa phương em có : Rừng Quốc gia Cúc Phương - Ninh Bình  - Một số loại rừng ở Việt Nam mà em biết :  + Rừng U Minh - Cà Mau, Kiên Giang.  + Rừng Nam Cát Tiên - Đồng Nai, Bình Phước, Lâm Đồng.  + Rừng thông Bản áng - Mộc Châu, Sơn La  + Rừng nguyên sinh Tam Đảo - Vĩnh Phúc  + Rừng thông Bồ Bồ - Quảng Nam  + Rừng tràm Trà Sư - An Giang | | **Câu 3**  - Hình 6.4 cho thấy rừng giúp ích cho môi trường và cho đời sống con người như thế nào? | - Hình 6.4a: Phục vụ cho ngành khai thác và sản xuất gỗ.  - Hình 6.4b: Phục vụ du lịch, bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa; nghiên cứu khoa học; bảo tồn nguồn gene sinh vật rừng, rừng nguyên sinh.  - Hình 6.4c: Bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất, chống xói mòn, chống sa mạc hóa, hạn chế lũ lụt. |   **Hoạt động 3. Luyện tập (5 phút)**  **a) Mục tiêu:** Giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức về vai trò của rừng và các loại rừng phổ biến ở Việt Nam  **b) Nội dung:** Bài tập phần luyện tập trong SHS  **c) Sản phẩm dự kiến:** Đáp ánbài tập phần luyện tập trong SHS  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***a. Chuyển giao nhiệm vụ***  - Điều quan trọng nhất các em học được hôm nay là gì? Theo em vấn đề gì là quan trọng nhất mà chưa được giải đáp?  - HS suy nghĩ và viết ra vở, GV gọi đại diện một số em, mỗi em sẽ có thời gian 1 phút trình bày trước lớp về những điều các em đã học và những câu hỏi các em muốn được giải đáp.  - Yêu cầu Hs hoàn thiện bài tập trong phần luyện tập SHS  ***b. Thực hiện nhiệm vụ***  + HS tập trung nghe GV hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ở phần luyện tập.  + HS quan sát màng chiếu các câu hỏi để nghiên cứu tài liệu trả lời các câu hỏi:  Câu 1: Hãy quan sát hình 6.5 và kể tên những sản phẩm thu được từ rừng phục vụ cho đời sống?  Câu 2: Hãy cho biết mục đích sử dụng các loại rừng thể hiện ở hình 6.6; 6.7 và 6.8?  Cuối mỗi câu hỏi HS đều tham gia nhận xét, bổ sung và cuối cùng tập trung nghe GV chốt đáp án.  ***c. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***  - GV gọi HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có). Khen gợi những HS có kết quả chính xác.  ***d. Kết luận***  + GV công bố đáp án ở các câu hỏi nhiệm vụ của hoạt động luyện tập. Sau đó, nhận xét tính chính xác, đầy đủ nội dung trả lời của từng HS. Thông qua đó đánh giá từng HS và chốt những nội dung liên quan ở hoạt động luyện tập.  + GV dẫn dắt đi đến hoạt động vận dụng.  \* Gợi ý đáp án:  Câu 1:  - Hình 6.5a: Bàn gỗ → Đồ gỗ  - Hình 6.5b: Giỏ mây tre đan → Các sản phẩm từ mây tre đan  - Hình 6.5c: Hương hoa lan → Các loại tinh dầu chiết suất từ bộ phận của cây  - Hình 6.5d: Mật ong → Sản phẩm cho thực phẩm có nguồn gốc động vật  Câu 2:  - Hình 6.6. Rừng Cúc Phương: Rừng đặc dụng  - Hình 6.7. Rừng keo trồng: Rừng sản xuất  - Hình 6.8. Rừng phi lao: Rừng phòng hộ  **Hoạt động 4. Vận dụng (5 phút)**  **a) Mục tiêu:** Giúp HS củng cố và vận dụng kiến thức đã học để giải thích lợi ích của rừng trong thực tiễn cuộc sống gia đình và người dân địa phương  **b) Nội dung:** Bài tập phần vận dụng trong SHS  **c) Sản phẩm dự kiến:** Đáp ánbài tập phần vận dụng trong SHS  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***a. Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  + GV nêu cụ thể yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể để HS biết thực hiện cho đúng.  + GV chiếu các câu hỏi ở phần vận dụng, đồng thời gợi ý nội dung câu hỏi để giúp HS có định hướng ban đầu để giải quyết bài tập.  ***b. Thực hiện nhiệm vụ học tập***  + HS tập trung nghe GV hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ở phần vận dụng.  + HS quan sát màng chiếu các câu hỏi, nghe GV định hướng nội dung câu hỏi.  Câu 1: Rừng giúp ích như thế nào cho cuộc sống gia đình em và người dân địa phương nơi em sinh sống?  ***c. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***  - GV gọi 1-2 HS trả lời, còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của từng học sinh, tuyên dương những học sinh làm việc tích cực, khích lệ, động viên những học sinh chưa hoạt động sôi nổi.  ***d. Kết luận***  + GV công bố đáp án ở các câu hỏi nhiệm vụ của hoạt động vận dụng. Sau đó, nhận xét tính chính xác, đầy đủ nội dung trả lời của từng HS. Thông qua đó đánh giá từng HS và chốt những nội dung liên quan ở hoạt động vận dụng. | | | | | |

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**BẢNG ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NHÓM**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí đánh giá** | **Điểm tối đa** | **Điểm đạt được** | **Ghi chú** |
| 1 | Số lượng thành viên đầy đủ | 1 |  |  |
| 2 | Tổ chức làm việc nhóm: phân công tổ trưởng, thư kí; phân công việc; kế hoạch làm việc | 1 |  |  |
| 3 | Các thành viên tham gia tích cực vào hoạt động nhóm. Tạo không khí vui vẻ và hoà đồng giữa các thành viên trong nhóm | 2 |  |  |
| 4 | Kỷ luật trật tự và vệ sinh trong quá trình làm việc nhóm. | 2 |  |  |
| 5 | Trình bày phiếu học tập rõ ràng, đẹp  Nhận xét rõ ràng mạch lạc  Lắng nghe các nhóm khác nhận xét.  Nhận xét đúng | 3 |  |  |
| 6 | Thực hiện tốt các yêu cầu trong phiếu học tập | 1 |  |  |
| Tổng | | 10 |  |  |

**C. ĐÁNH GIÁ NHẬN XÉT**

**TÊN BÀI/CHỦ ĐỀ:**

**BÀI 7: TRỒNG, CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ RỪNG**

Thời gian thực hiện: 2tiết

**\* I. MỤC TIÊU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất, năng lực** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **Mã hoá** |
| **1. Về năng lực**  ***1.1. Năng lực công nghệ*** | | |
| Nhận thức công nghệ: | * Nhận biết (nhận thức được nội dung cơ bản về) quy trình trồng rừng * (Nhận thức được các biện pháp) chăm sóc rừng * (Nhận thức được các biện pháp) bảo vệ rừng | a2.2.1  a2.2.2  a2.2.3 |
| ***Sử dụng công nghệ:*** | - Đề xuất được những giải pháp cần làm và không nên làm để bảo vệ rừng.   * Thực hiện được một số kĩ thuật đơn giản trong quy trình trồng rừng. | c2.3.1  c2.5.1 |
| ***1.2. Năng lực chung*** | | |
| Tự chủ và tự học | Tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống; vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng về trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng để giải quyết vấn đề trong tình huống mới. | 1 |
| Giao tiếp và hợp tác | Biết trình bày ý tưởng và thảo luận những vấn đề về trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng. | 2 |
| **2. Về phẩm chất** | | |
| Chăm chỉ | Có ý thức về nhiệm vụ học tập, vận dụng kiến thức, kỹ năng về trồng, chăm sóc và các biện pháp bảo vệ rừng vào thực tiễn. | 3 |
| Trách nhiệm | Có ý thức chăm sóc, bảo vệ rừng và môi trường sinh thái, phản đối những hành vi xâm hại rừng. Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động ứng phó và biến đổi khí hậu. | 4 |

**\* II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Giáo viên** | **Học sinh** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu** | Hình ảnh, video tư liệu về tình hình rừng, chăm sóc rừng, bảo vệ môi trường sinh thái. | Đọc nghiên cứu và tìm hiểu trước bài ở nhà. |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |  |  |
| **Hoạt động 2.1.Trồng rừng** | - Phiếu học tập số 1; 2; 3; 4; 5  - Hình H7.1, H7.2; H7.3; H7.4, H7.5; H7.6 | - Hoàn thành phiếu học tập số 1; 2; 3; 4 ; 5/nhóm  - Bút lông, bút bi, vở ghi chép., SGK |
| **Hoạt động 2.2. Bảo vệ rừng** | - Phiếu học tập số 6;  - H7.7  video về “Vấn nạn phá rừng và hiểm họa” | Hoàn thành phiếu học tập số 6/nhóm  - Bút lông, bút bi, vở ghi chép. SGK |
| **Hoạt động 3. Luyện tập** | Bài tập ở phần luyện tập ở SGK. | - Hoàn thành bài tập SGK phần luyện tập.  - Bút lông, bút bi, vở ghi chép. |
| **Hoạt động 4. Vận dụng** | Bài tập ở phần vận dụng ở SGK. | Hoàn thành bài tập SGK phần vận dụng.  - Bút lông, bút bi, vở ghi chép. |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

- Tiết 1: 1. Trồng rừng

* 1. Chuẩn bị
  2. Trồng rừng bằng cây con

- Tiết 2: 1.3 Chăm sóc rừng sau khi trồng

1. Bảo vệ rừng.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(thời gian)** | **Mục tiêu**  (Mã hoá) | **Nội dung dạy học**  **trọng tâm** | **PP/KTDH**  **chủ đạo** | **PP/Công cụ đánh giá** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu**  (…10.. phút) | a2.2.1  a2.2.2  a2.2.3 | Quy trình trồng, chăm sóc và các biện pháp bảo vệ rừng. | + Phương pháp trực quan (xem video và hình ảnh minh họa) | Những hình ảnh minh họa. |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |  |  |  |  |
| **Hoạt động 2.1: Trồng rừng**  (30 phút) | a2.2.1  a2.2.2  C2.5.1  1  2  3 | - Cách chuẩn bị cây con đem trồng rừng.  - Các khâu làm đất trồng cây rừng.  - Quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu đất.  - Các bước trồng rừng bằng cây con rễ trần.  - Các công việc chăm sóc rừng sau khi trồng. | Phương pháp dạy học hợp tác Phương pháp công não. | Phiếu học tập số 1;2;3;4;5.  **BẢNG ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NHÓM** |
| **Hoạt động 2.2.** Bảo vệ rừng  (30 phút) | a2.2.3  c2.3.1 | - Sự cần thiết của việc bảo vệ rừng.  - Các biện pháp bảo vệ rừng. | Phương pháp dạy học hợp tác Phương pháp công não. | Phiếu học tập số 6 |
| **Hoạt động 3. Luyện tập**  (10 phút) | 1  2  3  4 | quy trình trồng, chăm sóc rừng và các biện pháp bảo vệ rừng. | Phương pháp công não | **BẢNG ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NHÓM** |
| Hoạt động 4: Vận dụng ( 10 phút) | 4 | đối sánh với thực tiễn để trình bày công tác bảo vệ rừng ở nước ta hiện nay. | Phương pháp công não |  |
| **B. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:**  **Hoạt động 1. Mở đầu: (10 p)**  **a) Mục tiêu:** Kích thích nhu cầu tìm hiểu về cách thức để rừng phát triển, giúp ích cho đời sống và sản xuất của HS.  **b) Nội dung:** Quy trình trồng, chăm sóc và các biện pháp bảo vệ rừng.  **c) Sản phẩm dự kiến:**Nhu cầu tìm hiểu về cách trồng, chăm sóc rừng và các biện pháp bảo vệ rừng**.**  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***Trước khi vào bài GV cho HS xem slide một số hình ảnh GV đã sưu tập được và yêu cầu học sinh đọc tên các hình ảnh  rung.jpg  ? Làm thế nào để rừng phát triển, giúp ích cho đời sống và sản xuất?  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi dưới sự hướng dẫn của GV.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** HS trả lời cá nhân  ***\* Kết luận, nhận định:***  GV nhận xét trình bày của HS.  GV chốt lại kiến thức: Trồng rừng là để phủ xanh đồi núi bị khai thác bừa bãi, gây biến đổi về khí hậu, là để duy trì sự cân bằng về sinh thái, tạo ra môi trường sống bền vững cho con người.  **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới:**  **Hoạt động 2.1: Trồng rừng ( 30 phút)**   * + 1. **Chuẩn bị:**   **A/ Chuẩn bị cây con:**  **a) Mục tiêu:** Giúp HS trình bày được yêu cầu của cây con đem trồng rừng**.**  **b) Nội dung:** Cách chọn và chăm sóc cây con chuẩn bị đem trồng rừng.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Cách chuẩn bị cây con đem trồng rừng.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  ***-*** Gv gợi mở và dẫn dắt hs tìm hiểu về thời vụ trồng rừng phù hợp với từng vùng miền.  ?) Ở nước ta mùa nào trong năm có khí hậu thuận lợi giúp cây con phát triển tốt? Vì sao?  - Gv gợi mở và dẫn dắt hs tìm hiểu về cách thức chuẩn bị cây con.  + GV phát phiếu học tập số 1và chiếu slide hình H7.1  + GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm tìm hiểu về đặc điểm các loại cây giống dùng để trồng rừng và thực hiện yêu cầu:  ?1) Quan sát H 7.1 Diagram  Description automatically generated  và cho biết ưu điểm khi trồng rừng bằng cây con. Theo em, phương pháp trồng rừng bằng cây con có bầu đất và cây con rễ trần có nhược điểm như thế nào?  - GV gợi mở và dẫn dắt HS kể tên các loại cây con và trình bày các tiêu chuẩn của cây con đem trồng rừng mới?  - GV gợi mở, giải thích thêm lí do loại vỏ bầu đất tự phân hủy được sản xuất từ các thành phần hữu cơ có tác dụng bảo vệ môi trường và góp phần cải thiện độ phì nhiêu của đất.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS nghiên cứu tài liệu kết hợp hiểu biết cá nhân để trả lời câu hỏi theo yêu cầu của Gv về thời vụ trồng rừng.  - HS nhận xét chéo theo yêu cầu của giáo viên.  - HS tiến hành phân chia nhóm và nhận phiếu học tập số 1 và HS quan sát hình H7.1. Mỗi HS nghiên cứu tài liệu để hoàn thành các nhiệm vụ được giao.  - HS tham gia trả lời các câu hỏi từ vấn đề GV nêu. HS khác nhận xét, bổ sung. Sau đó ghi nhận nội dung.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Nhóm tiến hành thảo luận. Đại diện nhóm báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có).  - HS liệt kê được tên các loại cây con và trình bày các tiêu chuẩn của cây con đem trồng rừng mới  ***\* Kết luận, nhận định:***  ***-*** GV yêu cầu HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được đúc kết thành kiến thức của bài học.  - Gv nhận xét dựa vào phiếu học tập số 1.  - GV công bố đáp án ở các nhiệm vụ của hoạt động 2.1.1. Sau đó, nhận xét tính chính xác, đánh giá quá trình làm việc của các nhóm, tuyên dương những nhóm làm việc tích cực, khích lệ, động viên những nhóm chưa hoạt động sôi nổi.  Thông qua đó đánh giá từng HS và chốt những nội dung liên quan ở hoạt động 2.1.1 và khởi động.  **Nội dung cốt lõi:** Chuẩn bị cây con gồm cây con có bầu đất và cây con rễ trần. Cây con được chọn đem trồng phải có đủ tiêu chuẩn, cây khỏe, sinh trưởng phát triển tốt, cân đối.  **B/ Làm đất trồng cây:**  **a) Mục tiêu:** Giúp HS trình bày được các khâu làm đất trồng cây rừng.  **b) Nội dung:** Các khâu làm đất trồng cây rừng.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Các khâu làm đất trồng cây rừng.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - GV phát phiếu học tập số 2.  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm tìm hiểu về công việc làm đất chuẩn bị trồng cây, yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Đất trồng rừng cần được chuẩn bị như thế nào để trồng được cây con đã có rễ?*  ***-*** Gv gợi mở, dẫn dắt hs tìm hiểu và trình bày các bước làm đất chuẩn bị trồng cây.  - GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân và trả lời câu hỏi trong SGK:  ?TB) Tác dụng của bón lót là gì?  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS tiến hành phân chia nhóm, nhận phiếu học tập số 2, tự phân chia nhiệm vụ trong nhóm và thảo luận trả lời câu hỏi hoàn thành các nhiệm vụ đã được giao.  - Nhóm tiến hành thảo luận.  - HS nghiên cứu tài liệu kết hợp hiểu biết cá nhân để trả lời câu hỏi về tác dụng của bón lót.  - HS tham gia trả lời các câu hỏi từ vấn đề GV nêu. HS khác nhận xét, bổ sung. Sau đó ghi nhận nội dung.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Nhóm tiến hành thảo luận. Đại diện nhóm báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có).  ***\* Kết luận, nhận định:***  - Gv nhận xét dựa vào phiếu học tập số 2  - GV công bố đáp án ở các nhiệm vụ. Sau đó, nhận xét tính chính xác, đánh giá quá trình làm việc của các nhóm, tuyên dương những nhóm làm việc tích cực, khích lệ, động viên những nhóm chưa hoạt động sôi nổi.  Thông qua đó đánh giá từng HS và chốt những nội dung liên quan  - Gv giới thiệu thêm thông tin về phân bón NPK.  - Gv giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.  **Nội dung cốt lõi:** Làm đất trồng cây rừng được thực hiện theo trình tự như sau: Vạt sạch cỏ chỗ đào hố → cuốc lớp đất màu để riêng một bên→ bón lót ( lớp đất màu trộn với phân bón) → Lấp đất đã trộn phân bón vào hố→ lấp đất đầy hố.  **2.1.2: Trồng rừng bằng cây con.**   1. **Trồng bằng cây con có bầu đất:**   **a) Mục tiêu:** Giúp HS trình bày được quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu đất.  **b) Nội dung:** Các bước trong quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu đất.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu đất.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  **-** GV dẫn dắt cho HS hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi sau:  ?K) Theo em, tại sao ở những vùng đất xấu, đồi núi trọc lại áp dụng trồng rừng bằng cây con có bầu đất?  - GV phát phiếu học tập số 3, tổ chức cho HS tìm hiểu quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu đất, yêu cầu HS hoạt động nhóm, thực hiện yêu cầu trong SHS:  ?1) Quan sát Hình 7.3  Diagram  Description automatically generated  và sắp xếp các công việc trồng rừng bằng cây con có bầu đất theo thứ tự thích hợp.  ?2) Hãy giải thích tác dụng của từng bước trong quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu đất?  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS nghiên cứu tài liệu kết hợp hiểu biết cá nhân để trả lời câu hỏi:  *→Ở những vùng đất xấu, đồi núi trọc lại áp dụng trồng rừng bằng cây con có bầu đất vì:*  *Trồng cây trong bầu ta có thể can thiệp, điều chỉnh để đảm bảo bầu đất có đủ phân bón và tơi xốp đảm bảo cho cây phát triển.*  *Trong quy trình trồng được nền đất 2 lần đảm bảo chặt gốc cây, đảm bảo cho cây phát triển tốt.*  - HS tham gia trả lời các câu hỏi từ vấn đề GV nêu. HS khác nhận xét, bổ sung. Sau đó ghi nhận nội dung.  - HS tiến hành phân chia nhóm, nhận phiếu học tập số 3, tự phân chia nhiệm vụ trong nhóm.  + HS quan sát hình H7.3 và thảo luận trả lời câu hỏi hoàn thành các nhiệm vụ đã được giao.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Nhóm tiến hành thảo luận. Đại diện nhóm báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có).  ***\* Kết luận, nhận định:***  - Gv nhận xét dựa vào phiếu học tập số 3  - GV công bố đáp án ở các nhiệm vụ. Sau đó, nhận xét tính chính xác, đánh giá quá trình làm việc của các nhóm, tuyên dương những nhóm làm việc tích cực, khích lệ, động viên những nhóm chưa hoạt động sôi nổi.  Thông qua đó đánh giá từng HS và chốt những nội dung liên quan  - GV giúp HS đúc kết quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu đất.  - GV gợi mở và giải thích thêm về cách lấp đất vào hố khi trồng rừng bằng cày con ở nơi có địa hình dốc.  - Gv giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.  **Nội dung cốt lõi:** Trồng rừng bằng cây con có bầu đất thực hiện theo quy trình như sau: Tạo lỗ trong hố trồng → Rạch vỏ bầu đất của cây con → Đặt bầu cây con vào hố trồng → Lấp và nén đất lần 1 → Lấp và nén đất lần 2 → Vun gốc.  **B. Trồng bằng cây con rễ trần**  **a) Mục tiêu:** giúp HS trình bày được quy trình trồng rừng bằng cây con rễ trần.  **b) Nội dung:** Các bước trồng rừng bằng cây con rễ trần.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Các bước trồng rừng bằng cây con rễ trần.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - GV dẫn dắt HS tìm hiểu quy trình trồng rừng bằng cây con rễ trần.  - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm. GV phát phiếu học tập số 4 và yêu cầu HS thực hiện yêu cầu trong SHS:  ?1) Quan sát Hình 7.4, giải thích các thao tác kĩ thuật của phương pháp trồng rừng bằng cây con rễ trần.  Diagram  Description automatically generated with low confidence  ?2) Nêu những điểm khác nhau giữa hai bước lấp và nén đất lần 1, lần 2.  - GV giới thiệu thông tin bổ sung về các yêu cầu đối với cây con khi trồng rừng.  - Tiếp theo GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân để thực hiện yêu cầu trong SHS:  ? Hãy giải thích tác dụng của việc vun đất cao hơn gốc cây trong bước vun gốc?  - GV quan sát các nhóm để hỗ trợ kịp thời.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS tiến hành phân chia nhóm, nhận phiếu học tập số 4, tự phân chia nhiệm vụ trong nhóm.  + HS quan sát hình H7.4 và thảo luận trả lời câu hỏi hoàn thành các nhiệm vụ đã được giao.  - Nhóm HS có thể nêu khó khăn để GV giúp đỡ kịp thời.  - HS nghiên cứu tài liệu kết hợp hiểu biết cá nhân để trả lời giải thích tác dụng của việc vun đất cao hơn gốc cây trong bước vun gốc  - HS tham gia trả lời các câu hỏi từ vấn đề GV nêu.  *→ Ta cần vun đất cao hơn gốc cây để khi tưới nước hay mưa xuống đất lún xuống bằng miệng hố, nước có thể thoát đi dễ dàng, cây không bị ngập úng.*  HS khác nhận xét, bổ sung. Sau đó ghi nhận nội dung.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Nhóm tiến hành thảo luận. Đại diện nhóm báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có).  ***\* Kết luận, nhận định:***  - Gv nhận xét dựa vào phiếu học tập số 4  - GV công bố đáp án ở các nhiệm vụ. Sau đó, nhận xét tính chính xác, đánh giá quá trình làm việc của các nhóm, tuyên dương những nhóm làm việc tích cực, khích lệ, động viên những nhóm chưa hoạt động sôi nổi.  Thông qua đó đánh giá từng HS và chốt những nội dung liên quan  - GV giới thiệu thông tin bổ sung và giải thích việc trồng rừng bằng hạt.  - Gv giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.  **Nội dung cốt lõi:**  -Trồng rừng bằng cày con rễ trần thực hiện theo quy trình như sau: tạo lỗ trong hố đất trồng→ đặt cây con vào hố trồng →lấp và nén đất lần 1→ lấp và nén đất lần 2 →vun gốc.  - Ngoài ra người ta còn trồng rừng bằng cách gieo hạt trục tiếp vào hố (đem hạt gieo trực tiếp trên đất trồng rừng đã được chuẩn bị trước).  **2.1.3.Chăm sóc rừng sau khi trồng**  **a) Mục tiêu**: Giúp HS trình bày được các công việc chăm sóc rừng sau khi trồng.  **b) Nội dung:** Các công việc chăm sóc rừng sau khi trồng.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Các công việc chăm sóc rừng sau khi trồng.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân để thực hiện yêu cầu trong SHS:  ? Hãy nêu nguyên nhân khiến rừng sau khi trồng có tỉ lệ cây chết cao?  - GV phân nhóm dạng cặp đôi, chiếu slide H7.5 yêu cầu HS quan sát và hoàn thành phiếu học tập số 5: Các biện pháp chăm sóc cây rừng sau khi trồng.  - Từ nội dung tìm hiểu trên, tiếp tục GV cho HS hoạt động cá nhân để thực hiện yêu cầu trong SHS:  ?1) Vì sao cần phát quang khi chăm sóc cây rừng mới trồng?  ?2) Theo em, trong trường hợp nào nên rào bảo vệ từng cây rừng mới trồng như Hình 7.6?  A picture containing text  Description automatically generated  - GV quan sát các nhóm để hỗ trợ kịp thời.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS nghiên cứu tài liệu kết hợp hiểu biết cá nhân để trả lời:  → *Nguyên nhân khiến rừng sau khi trồng có tỉ lệ cây chết cao:*  *Khí hậu khắc nghiệt, thời tiết xấu*  *Do cây cỏ hoang dại chèn ép cây trồng khiến cây trồng không đảm bảo được điều kiện sinh trưởng và phát triển*  *Đất khô và thiếu chất dinh dưỡng*  *Sâu, bệnh hại, thú rừng phá hại,..*  *Thiếu nước vì không được tưới tiêu cẩn thận, …*  - HS tiến hành phân chia nhóm, nhận phiếu học tập số 5, quan sát slide H7.5 tự phân chia nhiệm vụ trong nhóm. HS tập trung xem Slide H7.5 và hoàn thành các nhiệm vụ đã được giao trước đó.  - HS quan sát slide hình H7.6 và nghiên cứu tài liệu kết hợp hiểu biết cá nhân để trả lời câu hỏi hoàn thành các nhiệm vụ đã được giao.  *→1) Cần phát quang khi chăm sóc cây rừng mới trồng vì:*  *Tránh cho cây hoang dại chèn ép cây trồng.*  *Để loại bỏ nơi trú ẩn của các sâu bọ gây hại cho cây.*  *Tránh sự chèn ép về ánh sáng, dinh dưỡng đối với cây rừng*  *Để dễ dàng chăm sóc mà không bị vướng bận*  *→2) Theo em, nên rào bảo vệ từng cây rừng mới trồng trong trường hợp các cây trồng phân tán, có tán rộng, nhiều cành con.*  - Nhóm HS có thể nêu khó khăn để GV giúp đỡ kịp thời.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  Nhóm tiến hành thảo luận. Đại diện nhóm báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có).  ***\* Kết luận, nhận định:***  - Gv nhận xét dựa vào phiếu học tập số 5  - GV công bố đáp án ở các nhiệm vụ. Sau đó, nhận xét tính chính xác, đánh giá quá trình làm việc của các nhóm, tuyên dương những nhóm làm việc tích cực, khích lệ, động viên những nhóm chưa hoạt động sôi nổi.  Thông qua đó đánh giá từng HS và chốt những nội dung liên quan.  - GV giới thiệu thông tin bổ sung về trồng dặm trong SHS.  - GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.  **Nội dung cốt lõi:**  Quá trình chăm sóc rừng bao gồm các công việc: làm rào bảo vệ, phát quang cây hoang dại, làm cỏ quanh gốc cây, xới đất, vun gốc, bón phân, tỉa và dặm cây.  **Hoạt động 2.2: Bảo vệ rừng ( 30 phút)**  **2.2.1.Sự cần thiết phải bảo vệ rừng**  **a) Mục tiêu:** giúp HS trình bày được tầm quan trọng của việc bảo vệ rừng.  **b) Nội dung: s**ự cần thiết phải bảo vệ rừng, mục đích của các biện pháp bảo vệ rừng.  **c) Sản phẩm dự kiến:** sự cần thiết của việc bảo vệ rừng.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học:**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân để thực hiện yêu cầu trong SHS:  - GV chiếu video về “Vấn nạn phá rừng và hiểm họa” kết hợp với quan sát slide H7.7  - GV yêu cầu học sinh trả lời: Qua đoạn phim và Hình 7.7 cho thấy rừng có thể bị mất do những nguyên nhân nào?  Graphical user interface, website  Description automatically generated  - GV yêu cầu HS kể tên một số tài nguyên rừng có thể bị xâm phạm.  - GV dẫn dắt các nhóm HS thảo luận nhóm. GV phân nhóm dạng cặp đôi, yêu cầu HS quan sát và hoàn thành phiếu học tập số 6: tìm hiểu để trình bày mục đích của việc bảo vệ rừng.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS nghiên cứu tài liệu kết hợp hiểu biết cá nhân để trả lời câu hỏi về nguyên nhân gây mất rừng?  → *Rừng có thể bị mất do những nguyên nhân như chặt phá rừng (a), cháy rừng, phá rừng lấy đất làm nương rẫy ( b), chuyển và xâm lấn rừng rừng tự nhiên sang sản xuất nông nghiệp và đất khác (c).*  - HS nhận xét chéo theo yêu cầu của giáo viên.  - HS tiến hành phân chia nhóm, nhận phiếu học tập số 6, tự phân chia nhiệm vụ trong nhóm và hoàn thành các nhiệm vụ đã được giao trước đó.  - Nhóm HS có thể nêu khó khăn để GV giúp đỡ kịp thời.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Mỗi HS nghiên cứu tài liệu để hoàn thành các nhiệm vụ được giao.  - GV gọi ngẫu nhiên học sinh trình bày ý kiến của mình, các thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung để làm sáng tỏ vấn đề.  - Nhóm tiến hành thảo luận. Đại diện nhóm báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có).  ***\* Kết luận, nhận định:***  - GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.  **Nội dung cốt lõi:**  Rừng có vai trò quan trọng trong bảo vệ môi trường; phục vụ đời sống, sản xuất của con người. Bảo vệ rừng là việc làm cần thiết. Bảo vệ rừng chính là bảo vệ môi trường sống của chúng ta.  **2.2.2.Biện pháp bảo vệ rừng**  **a) Mục tiêu:** GiúpHS trình bày được các biện pháp bảo vệ rừng.  **b) Nội dung:** Biện pháp bảo vệ rừng.  **c) Sản phẩm dự kiến:** các biện pháp bảo vệ rừng.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học:**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm, thảo luận cặp đôi. GV phát phiếu học tập số 6 và yêu cầu HS thực hiện yêu cầu trong SHS:  ? Vì sao cần phải bảo vệ rừng?  + GV dẫn dắt để HS trình bày một số biện pháp bảo vệ rừng.  + GV giới thiệu thông tin bổ sung về một số ứng dụng công nghệ và thiết bị kĩ thuật trong công tác bảo vệ rừng trong SHS.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS nghiên cứu tài liệu kết hợp hiểu biết cá nhân để trả lời câu hỏi về nguyên nhân gây mất rừng?  + HS nhận xét chéo theo yêu cầu của giáo viên.  - Nhóm tiến hành thảo luận. Đại diện nhóm báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  + GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có).  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Mỗi HS nghiên cứu tài liệu để hoàn thành các nhiệm vụ được giao, các thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung để làm sáng tỏ vấn đề.  - Đại diện nhóm báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  ***\* Kết luận, nhận định:***  - Gv nhận xét dựa vào phiếu học tập số 6  - GV công bố đáp án ở các nhiệm vụ. Sau đó, nhận xét tính chính xác, đánh giá quá trình làm việc của các nhóm, tuyên dương những nhóm làm việc tích cực, khích lệ, động viên những nhóm chưa hoạt động sôi nổi.  Thông qua đó đánh giá từng HS và chốt những nội dung liên quan.  + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.  **Nội dung cốt lõi:**  Để bảo vệ rừng cần ngăn chặn, cấm phá hoại tài nguyên rừng và đất rừng; phòng chống cháy rừng. Việc khai thác rừng và sử dụng đất rừng phải có kế hoạch và được Nhà nước cho phép.  **Hoạt động 3. Luyện tập (10 phút)**  **a) Mục tiêu:** Giúp HS hiểu rõ hơn quy trình trồng, chăm sóc rừng và các biện pháp bảo vệ rừng.  **b) Nội dung:** bài tập phần Luyện tập trong SHS.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Đáp án bài tập phần Luyện tập trong SHS.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  \* **Giao nhiệm vụ học tập:**  GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân :  - Hệ thống nội dung của bài 7  - Quan sát kỹ thuật trồng và chăm sóc cây ở gia đình/ địa phương và đề xuất những điểm cần thay đổi (nếu có)  - GV tổ chức cho HS trả lời câu hỏi, thực hiện yêu cầu ở phần Luyện tập trong SHS:  •Câu 1. Vì sao cần nén đất 2 lần khi trồng rừng bằng cây con?  •Câu 2. Hãy so sánh quy trình trồng rừng bằng cây con rễ trần và cây con có bầu đất.  •Câu 3. Em hãy kể các công việc em có thể làm để phát triển, bảo vệ rừng và môi trường sinh thái.  - GV chiếu từng câu hỏi để HS nghiên cứu tài liệu kết hợp hiểu biết thực tế trả lời các câu hỏi. Trong từng câu hỏi GV Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung để hoàn chỉnh câu trả lời. Cuối cùng GV chốt vấn đề.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  + HS tập trung nghe GV hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ở phần luyện tập.  + HS quan sát slide chiếu các câu hỏi để nghiên cứu tài liệu trả lời các câu hỏi:  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  Cá nhân hay đại diện nhóm báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  ***\* Kết luận, nhận định:***  + GV công bố đáp án ở các câu hỏi nhiệm vụ của hoạt động luyện tập. Sau đó, nhận xét tính chính xác, đầy đủ nội dung trả lời của từng HS. Thông qua đó đánh giá từng HS và chốt những nội dung liên quan ở hoạt động luyện tập.  + GV dẫn dắt đi đến hoạt động vận dụng.  **Hoạt động 4. Vận dụng (10 phút)**  **a) Mục tiêu:** giúp HS vận dụng kiến thức đã học trong việc đối sánh với thực tiễn để trình bày công tác bảo vệ rừng ở nước ta hiện nay.  **b) Nội dung:**bài tập phần Vận dụng trong SHS và bài tập về nhà trong SBT.  **c) Sản phẩm dự kiến:** đáp án bài tập vận dụng và bài tập về nhà.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  GV dẫn dắt và yêu cầu HS tìm hiểu thông tin, báo chí, truyền hình và cho biết việc bảo vệ rừng ở nước ta hiện nay.  Gợi ý: Hiện nay, nước ta có những hình thức, hành động thực hiện bảo vệ rừng; sử dụng một số phương tiện trong bảo vệ rừng, đồng thời có những biện pháp xử lí các trường hợp vi phạm công tác bảo vệ rừng,...  + GV hướng dẫn HS làm bài tập cá nhân ở nhà.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  + HS tập trung nghe GV hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ở phần vận dụng.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** Cá nhân hay đại diện nhóm báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  ***\* Kết luận, nhận định:***  - GV nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp;  - GV đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh trọng tâm bài,  - Gv khuyến khích HS tìm hiểu thêm nội dung thông tin về rừng xoan ta trong phần “Có thể em chưa biết” trong SHS. | | | | | |

**IV. PHỤ LỤC**

**1. Thông tin về nội dung cập nhật liên quan đến bài dạy:**

- Một số hình ảnh sưu tầm trên internet

- Sách giáo viên và bài tập công nghệ 7

**2 Công cụ đánh giá:**

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập số 1**  **Diagram  Description automatically generated**  **? Quan sát H 7.1 và cho biết ưu điểm khi trồng rừng bằng cây con. Theo em, phương pháp trồng rừng bằng cây con có bầu đất và cây con rễ trần có nhược điểm như thế nào?**  \* Trồng rừng bằng cây con có bầu:  Ưu điểm : Cây được trồng có đầy đủ lá, thân, rễ, có sức đề kháng cao,cây con có bầu đất ít bị tổn thương, bầu đất có đủ phân bón và đất tơi xốp, giảm thời gian và số lần chăm sóc, tỉ lệ sống cao, dễ vận chuyển đến nơi trồng  Nhược điểm: Đòi hỏi phải có kĩ thuật, diện tích để làm cho cây có sức đề kháng cao, tốn kém chi phí mua bao , mất nhiều thời gian và sức lực hơn.  \* Trồng rừng bằng cây con rễ trần:  Ưu điểm: Cây được tiếp xúc với điều kiện tự nhiên nhất, cây con rễ trẫn thường có bộ rễ khỏe do được phát triển tự nhiên.  Nhược điểm: Chỉ phù hợp với các loài cây có bộ rễ phát triển, phục hồi nhanh như tràm, đước, tre, ... |

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập số 2**  **? Đất trồng rừng cần được chuẩn bị như thế nào để trồng được cây con đã có rễ?**  → Để trồng được cây con đã có rễ trên đất trồng rừng, cần :  + Đào hố:  ● Phát dọn cỏ dại đào hố, xới cỏ xung quanh miệng hố.  ● Lấy lớp đất màu đem trộn với phân lân.  + Cuốc thêm đất, đập nhỏ và nhặt sạch cỏ và lấp đầy hố.  + Đất phải được đảm bảo đã được phơi phóng, xử lý phèn. |

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập số 3**  **?1) Quan sát Hình 7.3**  Diagram  Description automatically generated  **và sắp xếp các công việc trồng rừng bằng cây con có bầu đất theo thứ tự thích hợp.**  *→ Thứ tự thích hợp để trồng rừng bằng cây con có bầu đất:*  *Tạo lỗ trong hố trồng → Rạch vỏ bầu đất của cây con → Đặt bầu cây con vào hố trồng → Lấp và nén đất lần 1 → Lấp và nén đất lần 2 → Vun gốc.*  **?2)** **Giải thích tác dụng của từng bước trong quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu đất*.***  *Bước 1 : Tạo lỗ trong hố trồng có độ sâu lớn hơn chiều cao bầu đất*  *=> Đảm bảo bầu đất được chôn lấp hết,  không bị lộ ra ngoài.*  *Bước 2 : Rạch bỏ vỏ bầu*  *=> Rễ phát triển thuận lợi hơn và dễ dàng cắm vào nguồn đất tự nhiên, đảm bảo hấp thu chất dinh dưỡng*  *Bước 3 : Đặt bầu vào lỗ trong hố*  *=> Bắt đầu trồng cây.*  *Bước 4 : Lấp và nén đất lần 1*  *=> Lấp đất có chứa phân bón để cây hấp thụ dinh dưỡng*  *Bước 5 : Lấp và nén đất lần 2*  *=> Đảm bảo gốc cây được chặt, không bị đổ.*  *Bước 6 : Vun gốc*  *=> Khi tưới nước hay mưa đất lún xuống bằng miệng hố cây không bị ngập úng.* |

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập số 4**   1. **Quan sát Hình 7.4**   Diagram  Description automatically generated with low confidence  **giải thích các thao tác kĩ thuật của phương pháp trồng rừng bằng cây con rễ trần.**  *+ Tạo lỗ trong hố trồng: để đặt vừa cây con vào hố.*  *+ Đặt cây con vào giữa hố, giữ thân cây thẳng đứng, rễ cọc không uốn cong, rễ ngang và rễ con phân bố tự nhiên, cổ rễ nằm ở dưới mặt đất khoảng 2 - 3cm*  *+ Dùng đất tơi nhuyễn lấp lần 1 và nén chặt xung quanh để giữ cân bằng cây.*  *+ Lấp và nén đất lần 2: lấp tới đường kính cổ rễ và nén kín gốc cây non để đảm bảo gốc cây được chặt, không bị đổ.*  *+ Vun gốc: vun đất cao hơn gốc cây để khi tưới nước hay mưa đất lún xuống bằng miệng hố nước dễ dàng thoát, cây không bị ngập úng.*  **2) Những điểm khác nhau giữa hai bước lấp và nén đất lần 1, lần 2.**  *+ Lấp và nén đất lần 1: Để định hình cây ở trong hố trồng, giữ cho cây được thăng bằng, không bị xiêu vẹo.*  *+ Lấp và nén đất lần 2: Để để đảm bảo gốc cây được chặt, không bị đổ, cây có rễ chắc hơn và hút chất dinh dưỡng từ đất.* |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phiếu học tập số 5**  Hoàn thành bảng sau để được thông tin đúng về các công việc chăm sóc cây rừng   |  |  | | --- | --- | | **Các công việc** | **Mục đích** | | Bón phân (bón thúc) | Bổ sung chất dinh dưỡng cho cây | | Làm cỏ | Làm cho đất tơi xốp; tạo điều kiện cho rễ phát triển | | Làm rào bảo vệ | Bảo vệ cây trồng khỏi sự phá hoại của động vật | | Phát quang | Loại bỏ cây, dây leo làm ảnh hưởng tới cây rừng | | Tỉa và dặm cây | Đảm bảo mật độc ây rừng phù hợp | | Xới đất và vun gốc | Tạo tầng đất dày, tơi xốp cho cây rừng | |

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập số 6**  **? Vì sao cần phải bảo vệ rừng?**  Giữ gìn tài nguyên thực vật, động vật, đất rừng hiện có  Giữ gìn các nguồn gen quý hiếm  Đảm bảo chỗ ở cho động vật sinh sống  Tạo điều kiện thuận lợi để rừng phát triển, bảo vệ môi trường sinh thái và tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao giúp ích cho đời sống và sản xuất của xã hội  Đảm bảo việc điều hòa khí hậu, ngăn chặn được phần nào thiên tai như sạt lở đất, lũ lụt |

**Bài tập SHS phần luyện tập.**

**Câu hỏi 1.** Vì sao cần nén đất 2 lần khi trồng rừng bằng cây con?

***Lời giải:***

Nén đất 2 lần là vì:

* Nén đất lần 1 để đảm bảo gốc cây được chăt không bị đổ.
* Nén đất lần 2 để rễ chắc hơn và đảm bảo hút chất dinh dưỡng từ lòng đất.

**Câu hỏi 2.** Hãy so sánh quy trình trồng rừng bằng cây con rễ trần và cây con có bầu đất.

***Lời giải:***

Giống nhau: Đều gồm các bước:

* Chuẩn bị đất
* Tạo lỗ trong hố đất
* Đặt cây vào lỗ trong hố đất
* Lấp đất
* Nén chặt
* Vun đất kín gốc cây

Khác nhau:

* Tạo lỗ trong hố đất:
  + Trồng cây có bầu chỉ tạo lỗ trong hố đất vừa với bầu, sau đó đặt cả bầu.
  + Trồng cây rễ trần phải tạo lỗ sâu trong hố đất để kín rễ, khi lấp đất không làm rễ cong, gãy.
* Số lần nén đất:
  + Trồng cây có bầu phải có 2 lần lấp và nén đất.
  + Trồng cây con rễ trần chỉ có 1 lần lấp và nén đất.

**Câu hỏi 3.** Em hãy kể các công việc em có thể làm để phát triển, bảo vệ rừng và môi trường sinh thái.

***Lời giải:***

* Tích cực tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho những người xung quanh về bảo vệ, phát triển rừng.
* Tích cực trồng cây, hăng hái tham gia các phong trào bảo vệ môi trường.
* Nghiêm cấm mọi hành động phá hoại rừng, gây cháy rừng, lấn chiếm rừng và đất rừng, săn bắt, mua bán, vận chuyển, cất giữ lâm sản cũng như các loài động vật bị cấm khai thác, săn bắt,.. Và cần có chế tài xử phạt đối với những đối tượng cố tình vi phạm
* Vứt rác đúng nơi quy định, không xả rác bừa bãi.
* Lựa chọn sử dụng những đồ vật thân thiện với môi trường để mua và sử dụng một cách hợp lí.
* Không bẻ cây, bẻ cành, ngắt hoa.
* Thông báo đến cơ quan chức năng về cá nhân hay tổ chức phá hoại rừng.

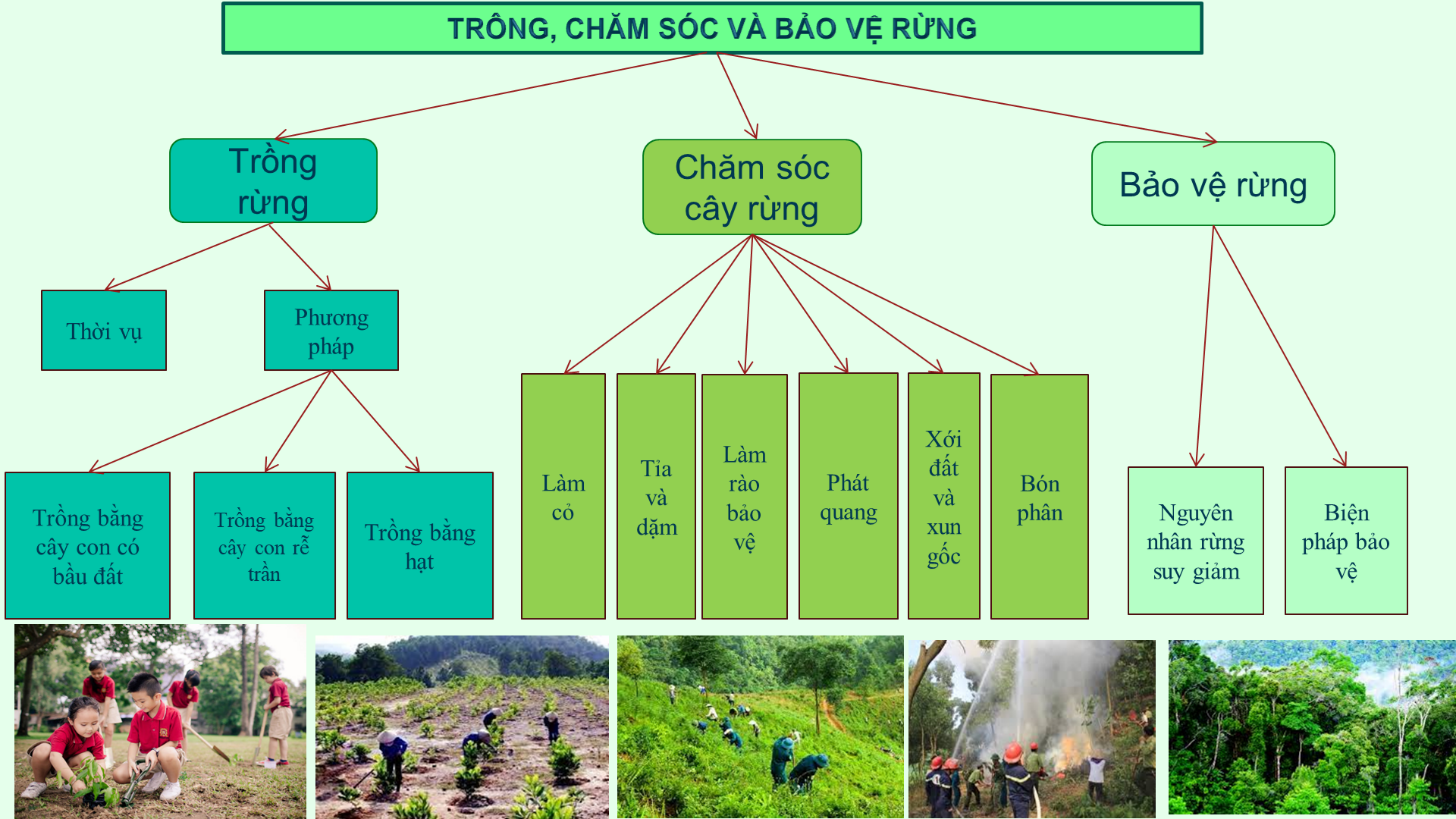
**Vận dụng**

**Câu hỏi.**Qua thông tin, báo chí, truyền hình, em hãy trình bày những hoạt động bảo vệ rừng ở nước ta hiện nay.

***Lời giải:***

Những hoạt động bảo vệ rừng ở nước ta hiện nay:

* Quản lí chặt chẽ việc khai thác và tăng cường trồng và bảo vệ rừng (rừng phòng hộ, rừng đặc dụng).
* Thành lập các đội tình nguyện bảo vệ rừng : Trồng cây gây rừng, đi tuần tra rừng nhằm phát hiện những trường hợp vi phạm
* Thực hiện chính sách giao đất giao rừng cho rừng hộ gia đình quản lí.
* Thực hiện xen lẫn giữa việc thu hoạch rừng và trồng mới, phủ xanh đồi trọc.
* Đầu tư phát triển kinh tế rừng ở miền núi, xây dựng các mô hình nông - lâm kết hợp, giúp đồng bào các dân tộc ít người nắm kĩ thuật và phương thức canh tác để đạt hiệu quả kinh tế cao.
* Giáo dục nâng cao ý thức về bảo vệ rừng trong nhân dân, hướng người dân phối hợp cùng với các ban ngành liên quan để bảo vệ rừng
* Phong trào “Tết trồng cây” được các địa phương hưởng ứng, xây dựng kế hoạch hành động cụ thể về trồng rừng, bảo vệ rừng và trồng cây phân tán để bảo vệ thiên nhiên, môi trường sinh thái.



**BẢNG ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NHÓM**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí đánh giá** | **Điểm tối đa** | **Điểm đạt được** | **Ghi chú** |
| 1 | Số lượng thành viên đầy đủ | 1 |  |  |
| 2 | Tổ chức làm việc nhóm: phân công tổ trưởng, thư kí; phân công việc; kế hoạch làm việc | 1 |  |  |
| 3 | Các thành viên tham gia tích cực vào hoạt động nhóm. Tạo không khí vui vẻ và hoà đồng giữa các thành viên trong nhóm | 2 |  |  |
| 4 | Kỷ luật trật tự và vệ sinh trong quá trình làm việc nhóm. | 2 |  |  |
| 5 | Trình bày phiếu học tập rõ ràng, đẹp  Nhận xét rõ ràng mạch lạc  Lắng nghe các nhóm khác nhận xét.  Nhận xét đúng | 3 |  |  |
| 6 | Thực hiện tốt các yêu cầu trong phiếu học tập | 1 |  |  |
| Tổng | | 10 |  |  |

**TÊN BÀI/CHỦ ĐỀ:**

**ÔN TẬP CHƯƠNG I VÀ II**

Thời gian thực hiện: 01 tiết

**I. MỤC TIÊU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất, năng lực** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **Mã hoá** |
| **1. Về năng lực**  ***1.1. Năng lực công nghệ*** | | |
| Nhận thức công nghệ | – Trình bày được tóm tắt những kiến thức đã học về vai trò, triển vọng và đặc điểm nghề trồng trọt ở Việt Nam, các phương thức trồng trọt, trồng trọt công nghệ cao, quy trình trồng trọt, nhân giống bằng phương pháp giảm cảnh | a1.1 |
| Giao tiếp công nghệ | - Biết được một số thuật ngữ trong trồng trọt | b1.1 |
| Sử dụng công nghệ | – Vận dụng kiến thức, kĩ năng trồng trọt trong Chương 1 và Chương 2 để giải quyết các câu hỏi xoay quanh chủ để trồng trọt ở Việt Nam. | c1.1 |
| Đánh giá công nghệ | -Nhận xét, đánh giá những vấn đề liên quan trồng trọt | d1.1 |
| Thiết kế kĩ thuật | -Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm, tự luận liên quan đến kiến thức đã học về trồng trọt. | e1.1 |
| 1.2. Năng lực chung | | |
| Tự chủ và tự học | Chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập, tự tìm hiểu để vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học về trồng trọt vào thực tiễn | TCTH 2.1.1 |
| Giao tiếp và hợp tác | Biết trình bày ý tưởng, trao đổi thảo luận những vấn đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm | GTHT 2.1.1 |
| **2. Về phẩm chất** | | |
| Chăm chỉ | Có ý thức về nhiệm vụ học tập; ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng trồng trọt vào đời sống hằng ngày | CC 2.2 |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Giáo viên** | **Học sinh** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu** | - Chuẩn bị hệ thống câu hỏi trắc nghiệm và câu hỏi ôn tập: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính.  - Bài giảng powerpoint, máy chiếu. | - Ôn lại các bài đã học, đọc trước bài ôn tập . |
| **Hoạt động 2.**  **Hệ thống kiến thức và kỹ năng chương I và II** |  |  |
| **Hoạt động 2.1: Ôn lại kiến thức chương 1 (10 phút)** | - Nghiên cứu trọng tâm của Chương 1  - Chuẩn bị hệ thống câu hỏi trắc nghiệm và câu hỏi ôn tập: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính.  - Bài giảng powerpoint, máy chiếu. | - Ôn lại các bài đã học, đọc trước bài ôn tập |
| **Hoạt động 2.2. Ôn lại kiến thức chương II (10 phút)** | - Nghiên cứu trọng tâm của Chương 2.  - Chuẩn bị hệ thống câu hỏi trắc nghiệm và câu hỏi ôn tập: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính.  - Bài giảng powerpoint, máy chiếu. | - Ôn lại các bài đã học, đọc trước bài ôn tập |
| **Hoạt động 2.3: Hệ thống kiến thức và kỹ năng chương I và II**  ( 5 phút) | - Nghiên cứu trọng tâm của Chương 1 và 2.  - Chuẩn bị hệ thống câu hỏi trắc nghiệm và câu hỏi ôn tập: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính.  - Bài giảng powerpoint, máy chiếu. | - Ôn lại các bài đã học, đọc trước bài ôn tập |
| **Hoạt động 3. Luyện tập**  (5 phút) | - Chuẩn bị hệ thống câu hỏi trắc nghiệm và câu hỏi ôn tập: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính. | Các bài tập phần Luyện tập trắc nghiệm |
| **Hoạt động 4. Vận dụng**  (7 phút) | - Tranh ảnh các hình thức trồng trọt ứng dụng công nghệ cao trong nước. | - Quan sát tranh các hình thức trồng trọt ứng dụng công nghệ cao trong nước. |

**III. Tiến trình dạy học**

**A. Tiến trình dạy học**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(thời gian)** | **Mục tiêu**  (Mã hoá) | **Nội dung dạy học**  **trọng tâm** | **PP/KTDH**  **chủ đạo** | **PP/Công cụ đánh giá** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu ( 5 phút)** | (a1.1)  TCTH 2.1.1 | Vai trò của trồng trọt và phương thức trồng trọt | PP: dạy học hợp tác | Phiếu học tập số 1 |
| **Hoạt động 2.**  **Hệ thống kiến thức và kỹ năng chương I và II** |  |  |  |  |
| **Hoạt động 2.1: ôn lại kiến thức chương 1 (10 phút)** | a1.1  CC 2.2  TCTH 2.1.1  GTHT 2.1.1 | Hệ thống hóa kiến thức, kĩ năng chương 1 | - PP: dạy học hợp tác  -KT: công não | Phiếu học tập số 2 |
| **Hoạt động 2.2. Ôn lại kiến thức chương II (10 phút)** | a1.1  CC 2.2  TCTH 2.1.1  GTHT 2.1.1 | Hệ thống hóa kiến thức, kĩ năng chương 2 | - PP:dạy học hợp tác  -KT:công não | Phiếu học tập số 3 |
| **Hoạt động 2.3: Hệ thống kiến thức và kỹ năng chương I và II** | a1.1  TCTH 2.1.1 | Mối liên kết giữa các kiến thức của Chương 1 và 2:  + Vai trò, triển vọng và đặc điểm nghề trồng trọt ở Việt Nam.  + Các phương thức trồng trọt.  + Quy trình trồng trọt.  + Nhân giống bằng phương pháp giâm cành. | - KT:công não | Phiếu học tập số 4: Sơ đồ hệ thống kiến thức và kỹ năng chương I và II |
| **Hoạt động 3. Luyện tập**  (5 phút) | CC 2.2  TCTH 2.1.1 | Câu hỏi trắc nghiệm | -PP: dạy học hợp tác  - KT:công não | Nội dung trả lời của học sinh |
| **Hoạt động 4. Vận dụng**  (7 phút) | CC 2.2  TCTH 2.1.1  GTHT 2.1.1 | Tìm hiểu các hình thức trồng trọt ứng dụng công nghệ cao trong nước. | -PP: dạy học hợp tác  -KT:công não | Nội dung trả lời của học sinh |
| **B. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:**  **Hoạt động 1. Mở đầu ( 10 phút):**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho các em khi củng cố lại kiến thức đã học: về vai trò và các phương thức trồng trọt.  **b) Nội dung:**  + Vai trò của nghề trồng trọt ở Việt Nam.  + Các phương thức trồng trọt.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Hoàn thành phiếu học tập số 1  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** - GV chia lớp thành 6 nhóm : - GV trình chiếu các hình ảnh về vai trò của trồng trọt và phương thức trồng trọt  - Phát phiếu học tập số 1   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | | Hình | | Vai trò | Thực phẩm cho người và vật nuôi |  | | Nguyên liệu công nghiệp |  | | Xuất khẩu |  | | Tạo việc làm cho người lao động |  | | Phương thức | Độc canh |  | | Xen canh |  | | Luân canh |  | | Tăng vụ |  |   Yêu cầu các nhóm quan sát, thảo luận, ghi hình ảnh thích hợp vào trong máy chiếu trong vòng 1p  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS tiếp nhận nhiệm vụ quan sát và ghi nhanh kết quả quan sát được, hoàn thành phiếu  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Hs cử đại diện trình bày  - Các nhóm lắng nghe  - HS chủ động kiểm tra đã trả lời được bao nhiêu câu đúng.  ***\* Kết luận, nhận định:***  - Gv chốt lại vai trò và phương thức trồng trọt  GV chốt ý vào hoạt động 2  **Hoạt động 2.**  **Hoạt động 2.1: ÔN LẠI KIẾN THỨC CHƯƠNG 1 (10 phút)**  **a) Mục tiêu:** Hệ thống hóa kiến thức, kĩ năng chương 1  **b) Nội dung:** Mối liên kết giữa các kiến thức của chương 1:  + Vai trò, triển vọng và đặc điểm nghề trồng trọt ở Việt Nam.  + Các phương thức trồng trọt.  + Trồng trọt công nghệ cao.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Sơ đồ khối hệ thống hóa các kiến thức, kĩ năng của chương 1.    **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  **Chuẩn bị:**  - Giấy A4 (6 tờ) có in sẵn khung bên dưới. ( Phiếu học tập số 2)  - Các chữ (tương ứng với nội dung sẽ dán vào các ô cam, vàng và hồng ) để sẵn.  - Keo dán.  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** Giáo viên chia lớp thành 6 nhóm. Gv phát phiếu số 2 cho các nhóm và các mẫu giấy có sẵn nội dung, yêu cầu các nhóm chọn và ráp nối các ô có sẵn thành sơ đồ.  Thời gian cho mỗi nhóm: 7 phút.  - Giáo viên ghim câu trả lời của các nhóm lên bảng.  - Công bố rubric đánh giá nhóm.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS thực hiện theo yêu cầu nhiệm vụ  - Thảo luận để làm sơ đồ tư duy  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  Mỗi đội sẽ cử đại diện trình bày sơ đồ tư duy.  - Sau khi các nhóm trình bày, bổ sung, GV nhận xét hoàn thành nội dung trong phiếu học tập.  - Đánh giá nhóm theo rubric  ***\* Kết luận, nhận định:***  Hệ thống hóa được kiến thức chương I  Tuyên dương các nhóm đạt số điểm cao.  **Hoạt động 2.2. ÔN LẠI KIẾN THỨC CHƯƠNG II (10 phút)**  **a) Mục tiêu:** Hệ thống hóa kiến thức, kĩ năng chương II.  **b) Nội dung:** Mối liên kết giữa các kiến thức của chương II:  + Quy trình trồng trọt.  + Nhân giống bằng phương pháp giâm cành.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Hoàn thànhsơ đồ khối hệ thống hóa các kiến thức, kĩ năng của chương II ( phiếu học tập số 3).    **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** + GV chia lớp thành 6 nhóm: trình bày về quy trình trồng trọt qua 5 bước và nhân giống bằng phương pháp giâm cành (đã chuẩn bị sẵn ở nhà).  + Phát phiếu học tập số 3.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  + HS chia nhóm theo yêu cầu, thảo luận nhóm đề hoàn thành phiếu số 3  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  + Đại diện nhóm trình bày các bước trong quy trình trồng trọt và nhân giống bằng phương pháp giâm cành dựa vào phần chuẩn bị của nhóm ở nhà trước đó bằng tranh ảnh.  + Sau khi các nhóm trình bày, bổ sung, GV nhận xét hoàn thành nội dung trong phiếu học tập.  + GV đặt câu hỏi, dẫn dắt để HS trả lời theo hệ thống kiến thức như sơ đồ SGK.  ***\* Kết luận, nhận định:***  + GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của các nhóm và từng cá nhân học sinh, cho điểm và trao phần thưởng cho nhóm có sự chuẩn bị tốt nhất  GV Hệ thống hóa tóm tắt kiến thức liên quan giữa 2 chương 1 và 2 qua sơ đồ tư duy      **Hoạt động 3. Luyện tập ( 15 phút )**  **a. Mục tiêu** : Củng cố, khắc sâu kiến thức của Chương 1 và 2  b. **Nội dung**: Câu hỏi trắc nghiệm  **1**.Vai trò của trồng trọt là:  A. Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người; cung cấp thức ăn cho vật nuôi  B. Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp  C. Cung cấp nông sản cho sản xuất  D. Tất cả các ý trên  2. Luân canh là  A. cách tiến hành gieo trồng luân phiên các loại cây trồng khác nhau trên cùng một diện tích  B. tăng số vụ gieo trồng trong năm trên một diện tích đất  C. trồng hai loại hoa màu cùng một lúc trên cùng một diện tích  D. tăng từ một vụ lên hai, ba vụ  3. Có mấy cách xử lý hạt giống?  A. 4. B. 3. C. 2. D. 1.  4. Các loại nông sản như cam, quýt, đậu xanh…được thu hoạch bằng phương pháp nào?  A. Hái. B. Nhổ. C. Đào. D. Cắt.  5. Mục đích của việc làm cỏ là:  A. Diệt cỏ dại, sâu, bệnh hại. B. Chống đổ.  C. Làm đất tơi xốp. D. Hạn chế bốc hơi nước.  **c. Sản phẩm:** Đáp án các câu hỏi trắc nghiệm: 1D, 2A, 3C, 4A, 5A  **d. Tổ chức thực hiện:**  **\* *Giao nhiệm vụ học tập:***  Gv trình chiếu các câu hỏi trên máy chiếu. Tổ chức cho các em trò chơi “ Câu cá”.Yêu cầu hs đọc câu hỏi và trả lời để giúp ông lão câu được nhiều cá.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  + Hs tham gia trò chơi  ***+*** Hs đọc và suy nghĩ trả lời các câu hỏi.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  + hs trình bày cá nhân  + hs khác bổ sung, GV nhận xét hoàn thành nội dung trong phiếu học tập.  ***\* Kết luận, nhận định:***  GV nhận xét, đánh giá quá trình tham gia trò chơi của các thành viên trong nhóm. Đánh giá phần kiến thức hs tiếp thu sau khi luyện tập.  **Hoạt động 4: Vận dụng ( 5 phút )**  **a. Mục tiêu:** Tìm hiểu các hình thức trồng trọt ứng dụng công nghệ cao trong nước.  **b**. **Nội dung**: Em hãy mô tả các hình thức trồng trọt ứng dụng công nghệ cao trong nước mà em biết  **c. Sản phẩm:** Các hình thức trồng trọt ứng dụng công nghệ cao trong nước.  **d. Tổ chức thực hiện:**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** + GV chia lớp thành 6 nhóm: Yêu cầu hs về nhà tìm hiểu các hình thức trồng trọt ứng dụng công nghệ cao trong nước hoặc ở địa phương em, tìm thêm tranh ảnh minh họa để tiết sau trình bày.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  + HS chia nhóm theo yêu cầu và phân chia nhiệm vụ để về nhà thực hiện  ***\* Báo cáo, thảo luận:***(thực hiện ở tiết học sau)  + Đại diện nhóm trình bày hình thức trồng trọt ứng dụng công nghệ cao trong nước dựa vào phần chuẩn bị của nhóm ở nhà trước đó bằng tranh ảnh.  + Nhóm khác bổ sung, GV nhận xét.  ***\* Kết luận, nhận định:*** (thực hiện ở tiết học sau)  + GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc các nhóm. Chốt lại các hình thức trồng trọt ứng dụng công nghệ cao trong nước hoặc ở địa phương em | | | | | | |

**HỒ SƠ HỌC TẬP:**

**\* Rubic đánh giá dành cho hoạt động 2.1:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Trọng số** | **Mức độ** | | | | **Điểm** |
| **Xuất sắc**  **(10-9)** | **Tốt**  **(8-7)** | **Đạt**  **(6-5)** | **Chưa đạt**  **(4-0)** |
| **Hoàn thành sơ đồ** | **50%** | Hoàn thành đúng hoàn toàn sơ đồ. | Hoàn thành đúng 80% sơ đồ | Hoàn thành 50% sơ đồ | Hoàn thành dưới 50% sơ đồ. |  |
| **Thẩm mĩ và logic** | **10%** | -Sơ đồ đẹp, sạch. | -Sơ đồ rõ ràng, sạch | -Sơ đồ rõ ràng. | -Sơ đồ dán lệch, không rõ rằng hoặc không chắc chắn.. |  |
| **Trật tự và tinh thần hợp tác của nhóm** | **20%** | -Nhóm giữ trật tự tốt và các thành viên hoàn thành **tốt** nhiệm vụ của mình. | -Nhóm giữ trật tự tốt và các thành viên hoàn thành nhiệm vụ của mình. | -Nhóm có ồn nhưng giữ trật tự sau khi được nhắc nhở; các thành viên hoàn thành nhiệm vụ. | -Nhóm ồn và phải nhắc nhiều lần; các thành viên hoàn thành nhiệm vụ. |  |
| **Tham gia phản biện** | **20%** | Tích cực nhận xét sơ đồ của nhóm khác và có đưa ra ý kiến sáng tạo đặc biệt. | Tích cực nhận xét sơ đồ của nhóm khác. | Có nhận xét sơ đồ của nhóm khác. | Không tham gia nhận xét. |  |

**C. ĐÁNH GIÁ NHẬN XÉT**

**Bài 6: RỪNG Ở VIỆT NAM**

Thời gian thực hiện: 01 tiết

**I. MỤC TIÊU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất, năng lực** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **Mã hoá** |
| **1. Về năng lực**  ***1.1. Năng lực công nghệ*** | | |
| Nhận thức công nghệ | Nhận biết vai trò của rừng đối với đời sống và sản xuất, nhận dạng được được các loại rừng phổ biến ở Việt Nam | (a2.2) |
| Đánh giá công nghệ | Lựa chọn được loại rừng với chức năng sử dụng phù hợp với địa phương | (d2.2) |
| ***1.2. Năng lực chung*** | | |
| Tự chủ và tự học | Biết lập và thực hiện kế hoạch học tập; lựa chọn được các nguồn học tập phù hợp; lưu giữ thông tin có chọn lọc bằng nội dung tóm tắt và các từ khóa | (1) |
| Giao tiếp và hợp tác | Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp hình ảnh để trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận những vấn đề đơn giản. Chủ động, gương mẫu hoàn thành phần việc được giao. | (2) |
| **2. Về phẩm chất** | | |
| Chăm chỉ | Có ý thức về nhiệm vụ học tập, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn | (3) |
| Trách nhiệm | Sống hòa hợp, thân thiện với thiên nhiên | (4) |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Giáo viên** | **Học sinh** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu** | - Tranh ảnh về vai trò của rừng  - Video hỗ trợ  - Phiếu học tập số 1  - Bảng đánh giá hoạt động nhóm | - Tranh ảnh về vai trò của rừng |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |  |  |
| **Hoạt động 2.1. Vai trò của rừng** | - Tranh ảnh hình 6.1  - Video hỗ trợ  - Phiếu học tập số 2  - Bảng đánh giá hoạt động nhóm | - Tranh ảnh về vai trò của rừng |
| **Hoạt động 2.2. Một số loại rừng phổ biến ở Việt Nam** | - Tranh ảnh hình 6.2; hình 6.3; hình 6.4  - Video hỗ trợ  - Phiếu học tập số 3  - Bảng đánh giá hoạt động nhóm | - Tranh ảnh về một số loại rừng phổ biến ở Việt Nam |
| **Hoạt động 3. Luyện tập** | - Hệ thống câu hỏi phần luyện tập | Giấy A4 |
| **Hoạt động 4. Vận dụng** | - Hệ thống câu hỏi phần vận dụng | Giấy A4 |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(thời gian)** | **Mục tiêu**  (Mã hoá) | **Nội dung dạy học**  **trọng tâm** | **PP/KTDH**  **chủ đạo** | **PP/Công cụ đánh giá** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu**  (5 phút) | (a2.2) | - Giới thiệu những tác động của rừng đến đời sống con người và một số loại rừng ở Việt Nam | - Dạy học trực quan  - Kĩ thuật công não | - Đánh giá qua sản phẩm học tập  - Phiếu học tập số 1 |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |  |  |  |  |
| **Hoạt động 2.1. Vai trò của rừng**  (15 phút) | (a2.2) | - Trình bày được vai trò của rừng đối với môi trường, đời sống và sản xuất | - Dạy học giải quyết vấn đề  - Kĩ thuật công não | - Đánh giá qua sản phẩm học tập  - Phiếu học tập số 2 |
| **Hoạt động 2.2. Một số loại rừng phổ biến ở Việt Nam**  (15 phút) | (a2.2)  (d2.2) | - Phân loại được một số loại rừng phổ biến ở Việt Nam | - Dạy học giải quyết vấn đề  - Kĩ thuật công não | - Đánh giá qua sản phẩm học tập  - Phiếu học tập số 3 |
| **Hoạt động 3. Luyện tập**  (5phút) | (1), (2), (3), (4) | - HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập phần luyện tập | - Dạy học theo nhóm  - Kĩ thuật trình bày 1 phút | - Đánh giá qua sản phẩm học tập  - Bảng kiểm  - Bảng đánh giá hoạt động nhóm |
| **Hoạt động 4. Vận dụng**  (5 phút) | (d2.2) | - HS biết vận dụng vào thực tế cuộc sống gia đình và địa phương | - Dạy học theo nhóm  - Kĩ thuật công não | - HS đánh giá theo phiếu đánh giá đồng đẳng |
| **B. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:**  **Hoạt động 1. Mở đầu (5 phút):**  **a) Mục tiêu:** Kích thích nhu cầu tìm hiểu về vai trò và các loại rừng phổ biến ở Việt Nam  **b) Nội dung:** Tình huống và câu hỏi trong phần Mở đầu trong SHS  **c) Sản phẩm dự kiến:** Nhu cầu tìm hiểu các loại rừng ở Việt Nam  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***a. Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  + GV chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm 6 thành viên, phân công cụ thể cho từng thành viên trong nhóm (trên giấy A4): Nhóm trưởng, thư kí, người thuyết trình, người quản lí thời gian (vai trò sẽ luân chuyển ở các hoạt động sau).  + Phát phiếu học tập số 1.  + Yêu cầu các nhóm xem video (về mưa gió, bão, lũ lụt, sạt lở đất…) và trả lời câu hỏi:  ? Rừng có tác động như thế nào đến đời sống của con người  ? Ở Việt Nam có những loại rừng nào  + Sau đó, giáo viên trình chiếu vedeo, ảnh về những loại rừng ở Việt Nam.  ***b. Thực hiện nhiệm vụ học tập***  + HS xem xong video (về mưa gió, bão, lũ lụt, sạt lở đất…)  + Ghi lại câu trả lời trên phiếu học tập số 1  ***c. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***  + Giáo viên đưa ra câu trả lời  + HS chủ động kiểm tra câu trả lời của nhóm mình  + GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của các nhóm và từng cá nhân học sinh, cho điểm và trao phần thưởng cho nhóm đạt kết quả cao nhất  ***d. Kết luận***  - GV dẫn dắt vào bài  - Phiếu học tập số 1   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Trả lời** | | **Câu 1**  - Rừng có tác động như thế nào đến đời sống của con người? | - Ngăn cản, làm giảm tốc độ của dòng chảy  - Hạn chế hiện tượng sạt lở đất, … | | **Câu 2**  - Ở Việt Nam có những loại rừng nào? | - Rừng nguyên sinh, rừng tre nứa, rừng ngập nước, rừng ngập mặn, … |   **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới:**  **Hoạt động 2.1. Vai trò của rừng (15 phút)**  **a) Mục tiêu:** Trình bày được vai trò của rừng đối với môi trường, đời sống và sản xuất  **b) Nội dung:** Những chức năng, tác dụng của rừngđối với môi trường, đời sống và sản xuất  **c) Sản phẩm dự kiến:** Vai trò của rừngđối với môi trường, đời sống và sản xuất  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***a. Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  + Phân thành 4 nhóm như hoạt động khởi động.  + Giáo viên phát phiếu làm việc nhóm và nói rõ các yêu cầu cần thực hiện trong phiếu học tập này.  + Cho học sinh xem hình ảnh hình 6.1 trong thời gian khoảng 2 phút.  + Sau khi xem hình ảnh yêu cầu học sinh ghi vào phiếu học tập số 2. Thời gian để học sinh ghi nhận nội dung là 4 phút.  + Kết thúc thời gian hoàn thiện phiếu học tập, giáo viên chiếu đáp án và yêu cầu các nhóm nhận xét chéo.  + Giới thiệu thông tin về “Ngày Quốc tế về Rừng”  ***b. Thực hiện nhiệm vụ học tập***  + HS nhận phiếu làm việc nhóm.  + HS tập trung xem hình ảnh hình 6.1 về vai trò của rừng...và thực hiện nhiệm vụ được giao trên phiếu làm việc nhóm.  + HS nhận xét chéo theo yêu cầu của giáo viên.  - HS trả lời vấn đáp thông qua phiếu học tập số 2  + HS khác nhận xét, đánh giá.  + GV bổ sung, chốt kiến thức.  ***c. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Các nhóm HS tự kiểm tra và dán sản phẩm ở góc của nhóm.  - Đại diện 1 nhóm thuyết trình, các nhóm còn lại lắng nghe và nhận xét, trao đổi.  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của các nhóm và từng cá nhân học sinh, tuyên dương những nhóm, cá nhân làm việc tích cực, khích lệ, động viên những nhóm, cá nhân chưa hoạt động sôi nổi.  ***d. Kết luận***  - Rừng có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và cải tạo môi trường, phục vụ tích cực cho đời sống, sản xuất và nghiên cứu khoa học.  - Phiếu học tập số 2   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Trả lời** | | **Câu 1**  - Em hãy nêu vai trò của rừng đối với môi trường, đời sống và sản xuất trong mỗi trường hợp được minh họa ở hình 6.1? | - Hình 6.1a: Cung cấp khí Oxygen và thu nhận khí Carbon dioxide giúp không khí trong lành và góp phần điều hòa khí hậu.  - Hình 6.1b: Chắn gió, chống cát di động ven biển, che chở cho vùng đất phía trong đất liền.  - Hình 6.1c: Cung cấp nguyên liệu gỗ cho sản xuất  - Hình 6.1d: Rừng ngăn cản, làm giảm tốc độ của dòng chảy bề mặt của nước mưa, từ đó giúp bảo vệ độ phì nhiêu của đất, hạn chế các hiện tượng xói mòn, sạt lở đất, lũ lụt.  - Hình 6.1e: Phục vụ nghiên cứu khoa học.  - Hình 6.1f: Môi trường sinh sống tốt cho nhiều loài động vật | | **Câu 2**  - Hãy kể những ngành sản xuất sử dụng nguyên liệu từ rừng? | Những ngành sản xuất sử dụng nguyên liệu từ rừng:  - Ngành chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ: ngành mộc, xây dựng...  - Ngành chế biến hương liệu và tinh dầu. (từ các bộ phận của cây: hoa, lá, cành, thân..) như mùi hương của mỹ phẩm, nước hoa...  - Ngành chế biến và cung cấp dược liệu, thuốc : dùng các loại nấm như linh chi, các vị thuốc bắc, thuốc nam.  - Ngành chế biến nhựa để sản xuất keo. |   **Hoạt động 2.2. Một số loại rừng phổ biến ở Việt Nam (15 phút)**  **a) Mục tiêu:** Giúp học sinh phân loại được một số loại rừng phổ biến ở Việt Nam  **b) Nội dung:** Đặc điểm của một số loại rừng theo từng cách phân loại  **c) Sản phẩm dự kiến:** Đặc điểm theo mục đích sử dụng của một số loại rừng phổ biến ở Việt Nam  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***a. Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  + Phân thành 4 nhóm như hoạt động khởi động.  + Giáo viên phát phiếu làm việc nhóm số 3 và nói rõ các yêu cầu cần thực hiện trong phiếu học tập này.  + Cho học sinh xem hình ảnh hình 6.2 và hình 6.4 trong thời gian khoảng 2 phút.  + Sau khi xem hình ảnh yêu cầu học sinh ghi vào phiếu học tập số 3. Thời gian để học sinh ghi nhận nội dung là 4 phút.  + Kết thúc thời gian hoàn thiện phiếu học tập, giáo viên chiếu đáp án và yêu cầu các nhóm nhận xét chéo.  + Giáo viên chiếu hình ảnh 6.3, yêu cầu học sinh cho biết tên gọi loại rừng này?  ***b. Thực hiện nhiệm vụ học tập***  + HS nhận phiếu làm việc nhóm.  + HS tập trung xem hình ảnh hình 6.2 và hình 6.4 về một số loại rừng trong tự nhiên và một số loại rừng phổ biến ở Việt Nam...và thực hiện nhiệm vụ được giao trên phiếu làm việc nhóm.  + HS nhận xét chéo theo yêu cầu của giáo viên.  - HS trả lời vấn đáp thông qua phiếu học tập số 3  + HS khác nhận xét, đánh giá.  + GV bổ sung, chốt kiến thức.  ***c. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Các nhóm HS tự kiểm tra và dán sản phẩm ở góc của nhóm.  - Đại diện 1 nhóm thuyết trình, các nhóm còn lại lắng nghe và nhận xét, trao đổi.  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của các nhóm và từng cá nhân học sinh, tuyên dương những nhóm, cá nhân làm việc tích cực, khích lệ, động viên những nhóm, cá nhân chưa hoạt động sôi nổi.  ***d. Kết luận***  - Ở nước ta rừng chủ yếu được phân loại theo mục đích sử dụng. Theo đó, có 3 loại rừng: Rừng sản xuất, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.  - Phiếu học tập số 3   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Trả lời** | | **Câu 1**  - Những loại rừng ở hình 6.2 được gọi tên theo đặc điểm nào của rừng? | - Hình 6.2a: Nguồn gốc hình thành  - Hình 6.2b: Phân loại theo loài cây  - Hình 6.2c: Phân loại theo điều kiện lập địa | | **Câu 2**  - Tại địa phương em có những loại rừng nào? Hãy kể tên rừng ở Việt Nam mà em biết? | - Ở địa phương em có : Rừng Quốc gia Cúc Phương - Ninh Bình  - Một số loại rừng ở Việt Nam mà em biết :  + Rừng U Minh - Cà Mau, Kiên Giang.  + Rừng Nam Cát Tiên - Đồng Nai, Bình Phước, Lâm Đồng.  + Rừng thông Bản áng - Mộc Châu, Sơn La  + Rừng nguyên sinh Tam Đảo - Vĩnh Phúc  + Rừng thông Bồ Bồ - Quảng Nam  + Rừng tràm Trà Sư - An Giang | | **Câu 3**  - Hình 6.4 cho thấy rừng giúp ích cho môi trường và cho đời sống con người như thế nào? | - Hình 6.4a: Phục vụ cho ngành khai thác và sản xuất gỗ.  - Hình 6.4b: Phục vụ du lịch, bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa; nghiên cứu khoa học; bảo tồn nguồn gene sinh vật rừng, rừng nguyên sinh.  - Hình 6.4c: Bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất, chống xói mòn, chống sa mạc hóa, hạn chế lũ lụt. |   **Hoạt động 3. Luyện tập (5 phút)**  **a) Mục tiêu:** Giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức về vai trò của rừng và các loại rừng phổ biến ở Việt Nam  **b) Nội dung:** Bài tập phần luyện tập trong SHS  **c) Sản phẩm dự kiến:** Đáp ánbài tập phần luyện tập trong SHS  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***a. Chuyển giao nhiệm vụ***  - Điều quan trọng nhất các em học được hôm nay là gì? Theo em vấn đề gì là quan trọng nhất mà chưa được giải đáp?  - HS suy nghĩ và viết ra vở, GV gọi đại diện một số em, mỗi em sẽ có thời gian 1 phút trình bày trước lớp về những điều các em đã học và những câu hỏi các em muốn được giải đáp.  - Yêu cầu Hs hoàn thiện bài tập trong phần luyện tập SHS  ***b. Thực hiện nhiệm vụ***  + HS tập trung nghe GV hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ở phần luyện tập.  + HS quan sát màng chiếu các câu hỏi để nghiên cứu tài liệu trả lời các câu hỏi:  Câu 1: Hãy quan sát hình 6.5 và kể tên những sản phẩm thu được từ rừng phục vụ cho đời sống?  Câu 2: Hãy cho biết mục đích sử dụng các loại rừng thể hiện ở hình 6.6; 6.7 và 6.8?  Cuối mỗi câu hỏi HS đều tham gia nhận xét, bổ sung và cuối cùng tập trung nghe GV chốt đáp án.  ***c. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***  - GV gọi HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có). Khen gợi những HS có kết quả chính xác.  ***d. Kết luận***  + GV công bố đáp án ở các câu hỏi nhiệm vụ của hoạt động luyện tập. Sau đó, nhận xét tính chính xác, đầy đủ nội dung trả lời của từng HS. Thông qua đó đánh giá từng HS và chốt những nội dung liên quan ở hoạt động luyện tập.  + GV dẫn dắt đi đến hoạt động vận dụng.  \* Gợi ý đáp án:  Câu 1:  - Hình 6.5a: Bàn gỗ → Đồ gỗ  - Hình 6.5b: Giỏ mây tre đan → Các sản phẩm từ mây tre đan  - Hình 6.5c: Hương hoa lan → Các loại tinh dầu chiết suất từ bộ phận của cây  - Hình 6.5d: Mật ong → Sản phẩm cho thực phẩm có nguồn gốc động vật  Câu 2:  - Hình 6.6. Rừng Cúc Phương: Rừng đặc dụng  - Hình 6.7. Rừng keo trồng: Rừng sản xuất  - Hình 6.8. Rừng phi lao: Rừng phòng hộ  **Hoạt động 4. Vận dụng (5 phút)**  **a) Mục tiêu:** Giúp HS củng cố và vận dụng kiến thức đã học để giải thích lợi ích của rừng trong thực tiễn cuộc sống gia đình và người dân địa phương  **b) Nội dung:** Bài tập phần vận dụng trong SHS  **c) Sản phẩm dự kiến:** Đáp ánbài tập phần vận dụng trong SHS  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***a. Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  + GV nêu cụ thể yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể để HS biết thực hiện cho đúng.  + GV chiếu các câu hỏi ở phần vận dụng, đồng thời gợi ý nội dung câu hỏi để giúp HS có định hướng ban đầu để giải quyết bài tập.  ***b. Thực hiện nhiệm vụ học tập***  + HS tập trung nghe GV hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ở phần vận dụng.  + HS quan sát màng chiếu các câu hỏi, nghe GV định hướng nội dung câu hỏi.  Câu 1: Rừng giúp ích như thế nào cho cuộc sống gia đình em và người dân địa phương nơi em sinh sống?  ***c. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***  - GV gọi 1-2 HS trả lời, còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của từng học sinh, tuyên dương những học sinh làm việc tích cực, khích lệ, động viên những học sinh chưa hoạt động sôi nổi.  ***d. Kết luận***  + GV công bố đáp án ở các câu hỏi nhiệm vụ của hoạt động vận dụng. Sau đó, nhận xét tính chính xác, đầy đủ nội dung trả lời của từng HS. Thông qua đó đánh giá từng HS và chốt những nội dung liên quan ở hoạt động vận dụng. | | | | | |

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**BẢNG ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NHÓM**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí đánh giá** | **Điểm tối đa** | **Điểm đạt được** | **Ghi chú** |
| 1 | Số lượng thành viên đầy đủ | 1 |  |  |
| 2 | Tổ chức làm việc nhóm: phân công tổ trưởng, thư kí; phân công việc; kế hoạch làm việc | 1 |  |  |
| 3 | Các thành viên tham gia tích cực vào hoạt động nhóm. Tạo không khí vui vẻ và hoà đồng giữa các thành viên trong nhóm | 2 |  |  |
| 4 | Kỷ luật trật tự và vệ sinh trong quá trình làm việc nhóm. | 2 |  |  |
| 5 | Trình bày phiếu học tập rõ ràng, đẹp  Nhận xét rõ ràng mạch lạc  Lắng nghe các nhóm khác nhận xét.  Nhận xét đúng | 3 |  |  |
| 6 | Thực hiện tốt các yêu cầu trong phiếu học tập | 1 |  |  |
| Tổng | | 10 |  |  |

**C. ĐÁNH GIÁ NHẬN XÉT**

**TÊN BÀI/CHỦ ĐỀ:**

**BÀI 8: NGHỀ CHĂN NUÔI Ở VIỆT NAM**

Thời gian thực hiện: 01tiết

1. **MỤC TIÊU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất, năng lực** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **Mã hoá** |
| **1. Về năng lực**  ***1.1. Năng lực công nghệ*** | | |
| Nhận thức công nghệ | Trình bày được vai trò, triển vọng của chăn nuôi, nhận biết được một số vật nuôi được nuôi nhiều, các loại vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta. | (a.2.1.1) |
| Nêu được một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam. | (a.2.1.2) |
| Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi. | (a.2.1.3) |
| Nhận thức được sở thích, sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong chăn nuôi. | (a.2.1.4) |
|  |  |  |
| ***1.2. Năng lực chung*** | | |
| *Tự chủ và tự học* | Tự chủ và tự học vận dụng một cách linh hoạt kiến thức, kĩ năng đã học về chăn nuôi để giải quyết vấn đề trong tình huống mới; nhận thức được sở thích, sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề chăn nuôi. | (1) |
| *Giao tiếp và hợp tác* | Giao tiếp, hợp tác, biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh để trình bày thông tin ý tưởng và thảo luận những vấn đề của bài học | (2) |
| **2. Về phẩm chất** | | |
| *Chăm chỉ* | Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập, vận dụng kiến thức, kĩ năng chăn nuôi vào thực tiễn của bản thân với các ngành nghề chăn nuôi. | (3) |
| *Trách nhiệm* | Chủ động, gương mẫu hoàn thành công việc được giao, góp ý, điều chỉnh để thúc đẩy hoạt động chung, khiêm tốn, học hỏi các thành viên trong nhóm | (4) |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Giáo viên** | **Học sinh** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu** | Hình ảnh, video về nghề chăn nuôi | Đọc trước bài ở nhà |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |  |  |
| **Hoạt động 2.1. Tìm hiểu vai trò của chăn nuôi** | Hình 8.1 shs, phiếu học tập  Giấy Ao, nam châm(hoặc băng dính) | Bút, vở ghi, thước. Tìm hiểu bài trước tại nhà |
| **Hoạt động 2.2. Tìm hiểu triển vọng của chăn nuôi** | hình 8.2 SHS, Các câu hỏi gợi ý | Tìm hiểu bài trước tại nhà |
| **Hoạt động 2.3.Tìm hiểu đặc điểm cơ bản của nghề chăn nuôi** | Hình 8.3 SHS, Phiếu học tập  Giấy Ao; nam châm(hoặc băng dính) | Bút, thước. Tìm hiểu bài trước tại nhà |
| **Hoạt động 2.4.Tìm hiểu yêu cầu đối với người lao động trong lĩnh vực chăn nuôi** | Hình 8.4 SHS Các câu hỏi gợi ý | Tìm hiểu bài trước tại nhà |
| **Hoạt động 3. Luyện tập** | Câu hỏi trắc nghiệm, bài tập SGK (có thể sưu tầm thêm các tình huống thực tiễn) | Ôn tập lại kiến thức của bài qua các câu hỏi, bài tập |
| **Hoạt động 4. Vận dụng** | Câu hỏi | Bút, vở ghi để ghi câu hỏi và hướng dẫn của HS |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(thời gian)** | **Mục tiêu**  (Mã hoá) | **Nội dung dạy học**  **trọng tâm** | **PP/KTDH**  **chủ đạo** | **PP/Công cụ đánh giá** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu**  (3 phút) | a.2.1.1 | Kích thích nhu cầu tìm hiểu về nghề chăn nuôi ở Việt Nam thông qua phần tình huống mở đầu | Giải quyết vấn đề |  |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |  |  |  |  |
| **Hoạt động 2.1. Tìm hiểu vai trò của chăn nuôi**  (7phút) | a.2.1.1 | Vai trò của chăn nuôi | Hoạt động nhóm | Phiếu học tập số 1 |
| **Hoạt động 2.2. Tìm hiểu triển vọng của chăn nuôi**  (5 phút) | a.2.1.2 | Triển vọng của chăn nuôi | Hỏi – đáp gợi mở |  |
| **Hoạt động 2.3.Tìm hiểu đặc điểm cơ bản của nghề chăn nuôi**  (5 phút) | a.2.1.3 | Đặc điểm cơ bản của nghề chăn nuôi | Hoạt động nhóm | Phiếu học tập số 2 |
| **Hoạt động 2.4.Tìm hiểu yêu cầu đối với người lao động trong lĩnh vực chăn nuôi**  (5 phút) | a.2.1.4 | **Yêu cầu đối với người lao động trong lĩnh vực chăn nuôi** | Hỏi – đáp gợi mở | Câu hỏi |
| **Hoạt động 3. Luyện tập**  (12 phút) | a.2.1.4 | Trả lời các câu hỏi, bài tập để hiểu rõ hơn kiến thức về vai trò, triển vọng của chăn nuôi trong nền kinh tế Việt Nam và đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi. | Hòi - Đáp | Câu hỏi, bài tập |
| **Hoạt động 4 Vận dụng**  (3 phút) | (1) (2) (3) (4) | Vận dụng những vấn đề liên quan đến nghề chăn nuôi vào thực tiễn, tìm hiểu nghề chăn nuôi ở địa phương |  | Bài tập  Phiếu đánh giá hoạt động nhóm |
| **B. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:**  **Hoạt động 1. Mở đầu (3 phút):**  **a) Mục tiêu:** Kích thích nhu cầu tìm hiểu về nghề chăn nuôi ở Việt Nam  **b) Nội dung:** tình huống và câu hỏi phần mở đầu của SHS  **c) Sản phẩm dự kiến:** Nhu cầu tìm hiểu về vai trò, triển vọng của chăn nuôi, một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** - GV nêu tình huống câu chuyện của hai HS và đặt câu hỏi:*Nghề chăn nuôi có triển vọng phát triển như thế nào?*  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** - HS suy nghĩ  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** HS chia sẻ câu trả lời của mình  ***\* Kết luận, nhận định:*** - GV nhận xét, đánh giá và cho HS xem video: Triển vọng tăng trưởng 10 năm tới của ngành chăn nuôi  Gv cho HS xem video: “Triển vọng 10 năm tới của nghề chăn nuôi- Trên VTV1  **https://www.youtube.com/watch?v=5pqsvpmANlU**  - GV dẫn dắt HS vào nội dung bài học, **Bài 8. Nghề chăn nuôi ở Việt Nam**  **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới:**  **Hoạt động 2.1. Tìm hiểu vai trò của chăn nuôi ( 7 phút)**  **a) Mục tiêu** giúp HS trình bày được vai trò của chăn nuôi trong nền kinh tế Việt Nam  **b) Nội dung:** Các sản phẩm của chăn nuôi phục vụ con người, đời sống và sản xuất  **c) Sản phẩm dự kiến:** Phiếu học tập cuả HS  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - GV trình chiếu hình ảnh 8.1 shs, GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 HS hoàn thành phiếu học tập: (phiếu học tập số 1)  1. Trả lời câu hỏi sau để hoàn thành bảng  *+ Kể tên các sản phẩm của ngành chăn nuôi có trong hình?*  *+ Em hãy nêu những lợi ích mà các sản phẩm của ngành chăn nuôi mang lại cho đời sống và sản xuất?*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Hình** | **Tên sản phẩm chăn nuôi** | **Lợi ích mà các sản phẩm của ngành chăn nuôi mang lại cho đời sống và sản xuất** | | a |  |  | | b |  |  | | c |  |  | | d |  |  |   2.  *Em hãy kể tên một số sản phẩm khác của ngành chăn nuôi mà em biết?*  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS bắt cặp, quan sát hình ảnh, thảo luận  - GV quan sát quá trình HS thực hiện, hỗ trợ khi HS cần.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện 2- 3 HS đứng dậy trình bày câu trả lời  - HS khác nhận xét, đánh giá, bổ sung  - Gv hướng dẫn HS thảo luận nêu ví dụ cho các vai trò  ***\* Kết luận, nhận định:***  - Sau khi HS trả lời, GV trình bày: *Có thể nói, ngành chăn nuôi có rất nhiều vai trò quan trọng. Một trong số đó là việc tạo ra phân bón hữu cơ vi sinh từ nguồn chất thải chăn nuôi, giúp tăng hiệu suất cây trồng, đồng thời giúp kiểm soát chất thải vật nuôi, bổ sung chất hữu cơ làm tăng độ phì nhiêu cho đất cũng như giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường một cách hiệu quả.*  - GV đánh giá, nhận xét, kết luận, chuyển sang nội dung mới.  **Nội dung cốt lõi:**  *1. Vai trò của chăn nuôi*  - Cung cấp thực phẩm (thịt, trứng, sữa...) cho con người. Cung cấp nguồn thức ăn từ động vật cho gia súc, gia cầm, vật nuôi.  - Cung cấp sức kéo (trâu, bò,ngựa...) phục vụ cho canh tác, tham quan, du lịch,…  - Cung cấp phân bón cho sản xuất nông nghiệp  - Cung cấp nguyên liệu (lông, sừng, da, móng...) cho các ngành công nghiệp nhẹ.  => Ngành chăn nuôi có vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam, cung cấp nhiều sản phẩm phục vụ con người, đời sống, sản xuất và phục vụ tiêu dùng.  **Hoạt động 2.2 Tìm hiểu triển vọng của chăn nuôi** **( 5 phút)**  **a) Mục tiêu:** giúp HS trình bày được triển vọng của ngành chăn nuôi trong nền kinh tế Việt Nam  **b) Nội dung:**những ứng dụng công nghệ cao và cơ hội phát triển của ngành chăn nuôi  **c) Sản phẩm dự kiến:** Câu trả lời của HS về triển vọng của ngành chăn nuôi trong nền kinh tế Việt Nam  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - GV yêu cầu HS quan sát hình 8.2 SHS và cho biết:  + *Có những biện pháp chăn nuôi hiện đại nào được nhắc đến trong hình?*  *+ Việc sử dụng những biện pháp chăn nuôi hiện đại giúp ngành chăn nuôi phát triển như thế nào?*  - GV tiếp tục trình chiếu một đoạn ngắn video về công nghệ nuôi lợn hiện đại ở Đan Mạch cho HS theo dõi  ***https://www.youtube.com/watch?v=LQmYXJ0tfbo***  - GV trình bày: *Hiện nay, ngoài việc chăn nuôi trang trại, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, người dân còn hướng tới chăn nuôi hữu cơ là một hình thức chăn nuôi sử dụng chủ yếu các thức ăn có nguồn gốc hữu cơ, hạn chế nuôi nhốt hoặc buộc cố định*  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS quan sát hình ảnh, suy nghĩ trả lời  - GV quan sát quá trình HS thực hiện, hỗ trợ khi HS cần.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện 2- 3 HS đứng dậy trình bày câu trả lời  - HS khác nhận xét, đánh giá, bổ sung  ***\* Kết luận, nhận định:***  - GV đánh giá, nhận xét, kết luận, chuyển sang nội dung mới.  **Nội dung cốt lõi:**  ***Triển vọng của ngành chăn nuôi.***  - Gắn chíp điện tử theo dõi sự sinh trưởng, sức khỏe...vật nuôi -> Hiện đại hóa.  - Chăn nuôi trang trại, chăn nuôi công nghiệp -> Công nghiệp hóa  => Ngành chăn nuôi ở Việt Nam phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, liên kết giữa chăn nuôi, giết mổ và phân phối để tạo ra các sản phẩm chất lượng cao, an toàn cho người sử dụng.  **Hoạt động 2.3. Tìm hiểu đặc điểm cơ bản của nghề chăn nuôi ( 10 phút)**  **a) Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được đặc điểm cơ bản của một số nghề trong lĩnh vực chăn nuôi.  **b) Nội dung:** đặc điểm của một số nghề trong lĩnh vực chăn nuôi  **c) Sản phẩm dự kiến:** Phiếu học tập của HS  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - GV yêu cầu HS quan sát hình 8.3 SHS và cho biết:  + *Hãy kể tên những nghế chăn nuôi trong mỗi trường hợp?*  *+ Em hãy kể tên một số nghề khác trong lĩnh vực chăn nuôi?*  - GV chia lớp thành các nhóm nhỏ, yêu cầu các nhóm tìm hiểu và trình bày đặc điểm cơ bản của các nghề:  *+ Nhà chăn nuôi*  *+ Nhà tư vấn nuôi trồng, thủy sản*  *+ Bác sĩ thú y.*  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS quan sát hình ảnh, video, suy nghĩ trả lời  - GV quan sát quá trình HS thực hiện, hỗ trợ khi HS cần.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện 2- 3 HS đứng dậy trình bày câu trả lời  - HS khác nhận xét, đánh giá, bổ sung  ***\* Kết luận, nhận định:***  - GV đánh giá, nhận xét, kết luận, chuyển sang nội dung mới.  **Nội dung cốt lõi:**  **2. Định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực chăn nuôi**  ***2.1. Đặc điểm cơ bản của nghề chăn nuôi***  - Một số nghề phổ biến trong lĩnh vực chăn nuôi:  ***+ Nhà chăn nuôi****:nghiên cứu về giống vật nuôi, kĩ thuật nuoi dưỡng, chăm sóc, phòng bệnh, trị bệnh...*  ***+ Nhà tư vấn nuôi trồng, thủy sản:****hỗ trợ kĩ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng dịch bệnh, chính sách quản lí nuôi trồng...*  ***+ Bác sĩ thú y****:chăm sóc, theo dõi sức khỏe, chuẩn đoán, điều trị, tiêm phòng cho vật nuôi, tư vấn sức khỏe, dinh dưỡng, thức ăn...*  **Hoạt động 2.4. Tìm hiểu yêu cầu đối với người lao động trong lĩnh vực chăn nuôi ( 5 phút)**  **a) Mục tiêu:** giúp HS trình bày được yêu cầu đối với người lao động trong lĩnh vực chăn nuôi và nhận thức được sở thích, sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong chăn nuôi.  **b) Nội dung:** những yêu cầu về kiến thức, kĩ năng, phẩm chất của người lao động trong lĩnh vực chăn nuôi.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - GV yêu cầu HS quan sát hình 8.4 SHS và trả lời câu hỏi  *+ Theo em, người yêu cầu trong lĩnh vực chăn nuôi cần có những yêu cầu nào?*  *+ Em nhận thấy bản thân có phù hợp với các nghề trong lĩnh vực chăn nuôi không? Vì sao?*  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS quan sát hình ảnh, suy nghĩ trả lời  - GV quan sát quá trình HS thực hiện, hỗ trợ khi HS cần.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện 2- 3 HS đứng dậy trình bày câu trả lời  - HS khác nhận xét, đánh giá, bổ sung  ***\* Kết luận, nhận định:***  - GV đánh giá, nhận xét, kết luận, chuyển sang nội dung mới.  **Nội dung cốt lõi:**  ***2.2. Yêu cầu đối với người lao động trong lĩnh vực chăn nuôi***  Người lao động các ngành nghề trong lĩnh vực chăn nuôi cần có:  *+ Kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi.*  *+ Có kĩ năng sử dụng và bảo quản các thiết bị, dụng cụ chăn nuôi.*  *+ Có tinh thần trách nhiệm, yêu nghề và yêu động vật.*  **Hoạt động 3. Luyện tập (12 phút)**  **a) Mục tiêu** giúp HS hiểu rõ hơn kiến thức về vai trò, triển vọng của chăn nuôi trong nền kinh tế Việt Nam và đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trng chăn nuôi.  **b) Nội dung:** bài tập phần luyện tập trong shs  **c) Sản phẩm dự kiến:** đáp án bài tập phần luyện tập trong shs  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - GV dẫn dắt và giải thích cho HS các sản phẩm sản xuất từ nguyên liệu do chăn nuôi cung cấp.  - GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi:  *+ Câu 1. Nguyên liệu nào của ngành chăn nuôi được dùng để sản xuất các sản phẩm ở hình 8.5?*  *+ Câu 2. Hãy cho biết các biện pháp chăn nuôi hiện đại được thể hiện trong mỗi trường hợp ở hình 8.6?*  *+ Câu 1 .Áo – da; lược – sừng, ngà; cuộn bông – lông.*  *+ Câu 2. a. Chăn nuôi trang trại*  *b, chăn nuôi công nghiệp*  *c, ứng dụng CN cao trong chăn nuôi.*  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi thông qua hệ thống câu hỏi trắc nghiệm  ***Câu 1****. Đâu không phải là vai trò của ngành chăn nuôi?*   1. *Cung cấp thực phẩm* 2. *Cung cấp sức kéo* 3. *Cung cấp nhiên liệu* 4. *Cung cấp nguyên liệu*   ***Câu 2****. Theo em, đâu không phải là vai trò của con gà?*   1. *Cung cấp thực phẩm* 2. *Cung cấp phân bón*   *C. Cung cấp nguyên liệu*  *D. Cung cấp sức kéo*  ***Câu 3****. Ở Việt Nam, ngành chăn nuôi đang chuyển dần sang hướng?*  *Chọn đáp án sai:*   1. *Chăn nuôi nhỏ lẻ* 2. *B. Công nghiệp hóa* 3. *Công nghiệp hóa* 4. *D. Hiện đại hóa*   ***Câu 4****. Theo em, đâu không phải là yêu cầu chính đối với người lao động trong lĩnh vực chăn nuôi:*   1. *Có kiến thức nuôi dưỡng* 2. *Có năng khiếu ăn nói* 3. *Biết sử dụng dụng cụ chăn nuôi* 4. *Yêu quý động vật nuôi*   ***Câu 5****. Sản phẩm nào sau đây không lấy nguyên liệu của ngành chăn nuôi để sản xuất?*   * 1. *Áo da*   2. *Lược ngà*   3. *Bình gốm*   4. *Cuộn bông*   ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ và trả lời:  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - HS trả lời:  ***\* Kết luận, nhận định:***  - HS tham gia trò chơi, GV đánh giá, nhận xét, công bố người dành chiến thắng.  **Hoạt động 4. Vận dụng (3 phút)**  **a) Mục tiêu:** giúp HS vận dụng những vấn đề liên quan đến nghề chăn nuôi vào thực tiễn  **b) Nội dung:** bài tập phần vận dụng và bài tập về nhà  **c) Sản phẩm dự kiến:** Câu trả lời của phần vận dụng và bài tập về nhà.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - GV yêu cầu HS về nhà nghiên cứu, tìm hiểu và hoàn thành bài tập: *Hãy cho biết những nghề trong lĩnh vực chăn nuôi đang được phát triển ở địa phương em. Giải thích nguyên nhân?*  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành vào tiết học tuần sau.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - HS hoàn thành và báo cáo kết quả thực hiện vào tiết học tuần sau.  ***\* Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, đánh giá, kết thúc bài học.  - Ghi nhớ kiến thức vừa học.  - Hoàn thành bài tập phần vận dụng  - Tìm hiểu thêm về ngành chăn nuôi công nghệ cao trong phần Có thể em chưa biết SHS.  - Xem trước nội dung bài 9: Một số phương thức chăn nuôi ở Việt Nam. | | | | | |

**TÀI LIỆU DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  1. Trả lời câu hỏi sau để hoàn thành bảng  *+ Kể tên các sản phẩm của ngành chăn nuôi có trong hình?*  *+ Em hãy nêu những lợi ích mà các sản phẩm của ngành chăn nuôi mang lại cho đời sống và sản xuất?*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Hình** | **Tên sản phẩm chăn nuôi** | **Lợi ích mà các sản phẩm của ngành chăn nuôi mang lại cho đời sống và sản xuất** | | a |  |  | | b |  |  | | c |  |  | | d |  |  |   2.  *Em hãy kể tên một số sản phẩm khác của ngành chăn nuôi mà em biết?* |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  Tìm hiểu và trình bày đặc điểm cơ bản của các nghề theo nhóm   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **TT** | **Nghề cơ bản** | **Đặc điểm** | | **1** | *Nhà chăn nuôi* |  | | **2** | *Nhà tư vấn nuôi trồng, thủy sản* |  | | **3** | *Bác sĩ thú y.* |  | |

**BẢNG ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NHÓM**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí đánh giá** | **Điểm tối đa** | **Điểm đạt được** | **Ghi chú** |
| 1 | Số lượng thành viên đầy đủ | 1 |  |  |
| 2 | Tổ chức làm việc nhóm: phân công tổ trưởng, thư kí; phân công việc; kế hoạch làm việc | 1 |  |  |
| 3 | Các thành viên tham gia tích cực vào hoạt động nhóm. Tạo không khí vui vẻ và hoà đồng giữa các thành viên trong nhóm | 2 |  |  |
| 4 | Kỷ luật trật tự và vệ sinh trong quá trình làm việc nhóm. | 2 |  |  |
| 5 | Trình bày phiếu học tập rõ ràng, đẹp  Nhận xét rõ ràng mạch lạc  Lắng nghe các nhóm khác nhận xét.  Nhận xét đúng | 3 |  |  |
| 6 | Thực hiện tốt các yêu cầu trong phiếu học tập | 1 |  |  |
| Tổng | | 10 |  |  |

**C. ĐÁNH GIÁ NHẬN XÉT**

**BÀI 9**

**MỘT SỐ PHƯƠNG THỨC CHĂN NUÔI Ở VIỆT NAM**

Thời gian thực hiện: 01 tiết

**I. MỤC TIÊU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất, năng lực** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **Mã hoá** |
| **1. Về năng lực**  ***1.1. Năng lực công nghệ*** | | | |
| Nhận thức công nghệ | - Nhận biết được một số vật nuôi được nuôi nhiều, các loài vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta.  - Trình bày được nội dung cơ bản về phương thức chăn nuôi | (a2.2.1)  (a2.2.2) |
| Đánh giá công nghệ | Đưa ra được nhận xét về các phương thức chăn muôi, lựa chọn được phương thức chăn nuôi | (e2.2.1) |
| ***1.2. Năng lực chung*** | | | |
| Tự chủ và tự học | Biết lập và thực hiện kế hoạch học tập, lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập phù hợp, lưu giữ thông tin có chọn lọc băng ghi tóm tắt các từ khóa, ghi chú bài giảng của giáo viên theo các ý chính | (1) |
| Giao tiếp và hợp tác | Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh để trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận những vấn đề đơn giản của bài học. Biết chủ động và gương mẫu hoàn thành phân việc được giao; góp ý, điều chỉnh, thúc đấy hoạt động chung, khiêm tôn học hỏi các thành viên trong nhóm. | (2) |
| **2. Về phẩm chất** | | | |
| Chăm chỉ | Có ý thức vê nliệm vụ học tập, vận dụng kiên thức, kĩ năng về phương thức chăn nuôi vào học tập và thực tiễn chăn nuôi | (3) |
| Trách nhiệm | Quan tâm đến công việc chăn nuôi của gia đình | (4) |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Giáo viên** | **Học sinh** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu** | Video (về một số vật nuôi đang ăn) | - Hoàn thành phiếu học tập số 1 |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |  |  |
| **Hoạt động 2.1. Một số loài vật nuôi phổ biến ở Việt Nam** | - Phiếu học tập số 2-  Hình 9.1, 9.2, 9.3,9.4 SGK | - Hoàn thành phiếu học tập số 2 /nhóm  - Bút lông, bút bi, vở ghi chép. |
| **Hoạt động 2.2. Một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam** | - Phiếu học tập số 3,4  - Hình 9.5 SGK | - Hoàn thành phiếu học tập số 3,4 /nhóm  - Bút lông, bút bi, vở ghi chép. |
| **Hoạt động 3. Luyện tập** | - Bút lông.  Bài tập ở phần luyện tập ở SGK. | - Hoàn thành bài tập SGK phần luyện tập.  - Bút lông, bút bi, vở ghi chép. |
| **Hoạt động 4. Vận dụng** | - Phiếu học tập 5 (Giấy A4) | - Hoàn thành phiếu học tập 5/HS  - Bút bi, vở ghi chép. |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(thời gian)** | **Mục tiêu**  (Mã hoá) | **Nội dung dạy học**  **trọng tâm** | **PP/KTDH**  **chủ đạo** | **PP/Công cụ đánh giá** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu**  (5 phút) | (a2.2.1) | Những hình ảnh về một số vật nuôi đang ăn. | Trò chơi | Phiếu học tập số 1 |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |  |  |  |  |
| **Hoạt động 2.1. Một số loài vật nuôi phổ biến ở Việt Nam** (20 phút) | a2.2.1 | **Một số loài vật nuôi được nuôi phổ biến ở Việt Nam** | Phương pháp dạy học hợp tác Phương pháp công não. | Phiếu học tập số 2 |
| **Hoạt động 2.2. Một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam**  (10 phút) | (a2.2.2)  (e2.2.1)  (3)  (1)  (2)  (4) | **Một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam** | Phương pháp dạy học hợp tác Phương pháp công não. | Phiếu học tập số 3,4  **BẢNG ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NHÓM** |
| **Hoạt động 3. Luyện tập**  (6 phút) | (e2.2.1) | Xác định ưu – nhược điểm của từng phương thức chăn nuôi | Phương pháp công não |  |
| **Hoạt động 4. Vận dụng**  (4 phút) | (e2.2.1) | Lựa chọn phương thức chăn nuôi phù hợp với từng giống vật nuôi | Phương pháp công não | Phiếu học tập số 5 |
| **B. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:**  **Hoạt động 1. Mở đầu (5 phút):**  **a) Mục tiêu:** Kích thích nhu cầu tìm hiểu về một số vật nuôi, phương thức chăn nuôi phổ biên ở Việt Nam  **b) Nội dung:** Những hình ảnh về một số vật nuôi đang ăn.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Trả lời câu hỏi và đáp án phiếu học tập số 1  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động dạy** | **Hoạt động học** | | ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** + GV chia lớp thành 6 nhóm, mỗi nhóm 6 thành viên, phân công cụ thể cho từng thành viên trong nhóm (trên giấy A4): Nhóm trưởng, thư kí, người thuyết trình, người quản lí thời gian (vai trò sẽ luân chuyển ở các hoạt động sau).  + Phát phiếu học tập số 1.  + Yêu cầu các nhóm xem video (về một số vật nuôi đang ăn) và tham gia trò chơi “Ai nhanh hơn”. Yêu cầu các nhóm ghi lại tên những vật nuôi đang ăn gì vào phiếu trong thời gian nhanh nhất. Đồng thời đại diện nhóm trình bày hiểu biết ban đầu về các loài vật nuôi.  + Sau đó, giáo viên trình chiếu ảnh về các loài vật nuôi dẫn dắt vì sao lại các loài vật nuôi khác nhau thì cho ăn thức ăn và phương thức nuôi khác nhau.  ***\* Kết luận, nhận định:***  + Giáo viên đưa ra đáp án của trò chơi.  + GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của các nhóm và từng cá nhân học sinh, cho điểm và trao phần thưởng cho nhóm đạt kết quả cao nhất trong trò chơi “Ai nhanh hơn”.  - Từ các từ khóa, GV dẫn dắt vào bài. | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  + HS chia nhóm theo yêu cầu.  + HS xem xong video (về một số vật nuôi đang ăn)  + Ghi lại tên những vật nuôi đang ăn gì vào bảng con trong thời gian nhanh nhất. Đồng thời đại diện nhóm trình bày hiểu biết ban đầu về các loài vật nuôi.  + HS xem ảnh về các loài vật nuôi khác nhau thì cho ăn thức ăn và phương thức nuôi khác nhau.  để tham gia trả lời.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  + HS chủ động kiểm tra đã trả lời được bao nhiêu câu đúng.  + HS bổ sung cho về các loài vật nuôi khác nhau thì cho ăn thức ăn và phương thức nuôi khác nhau.  theo hiểu biết cá nhân. |   **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới:**  **Hoạt động 2.1. Một số loài vật nuôi phổ biến ở Việt Nam ( 20 phút)**  **a) Mục tiêu: Giúp HS nhận biết được một số loài vật nuôi phổ biến ở Việt Nam**  **b) Nội dung: Một số loài vật nuôi được nuôi phổ biến ở Việt Nam**  **c) Sản phẩm dự kiến:** Trả lời câu hỏi và đáp án phiếu học tập số 2  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động dạy** | **Hoạt động học** | | ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** + GV chia lớp thành 6 nhóm, mỗi nhóm 6 thành viên, phân công cụ thể cho từng thành viên trong nhóm (trên giấy A4): Nhóm trưởng, thư kí, người thuyết trình, người quản lí thời gian (vai trò sẽ luân chuyển ở các hoạt động sau).  + Phát phiếu học tập số 2.  + GV chiếu hình 9.1, 9.2, 9.3, 9.4 nêu các công việc cần hoàn thành ở nhiệm vụ này (nhiệm vụ ở phiếu học tập số 2). Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, GV chốt vấn đề. Sau đó, yêu cầu HS ghi nhận nội dung gia súc ăn cỏ.  + GV dẫn dắt HS liên hệ thực tiễn ở địa phương để kể được tên các vật nuôi ăn cỏ. GV đặt vấn đề để đi đến các giống lợn.  Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, GV chốt vấn đề. Sau đó, yêu cầu HS ghi nhận nội dung về các giông lợn.  + GV dẫn dắt HS liên hệ thực tiễn ở địa phương để kể được tên các các giống lơn.. GV đặt vấn đề để đi đến các loài gia cầm.  Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, GV chốt vấn đề. Sau đó, yêu cầu HS ghi nhận nội dung về các loài gia cầm.  + GV đặt vấn đề: Vì sao gia súc được nuôi nhiều ở khu vực Bắc Trung Bộ, Duyên Hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên? Lợn, gia cầm được nuôi nhiều ở đâu? Sau khi trả lời xong GV chốt vấn đề, yêu cầu HS ghi nhận nội dung.  + GV nhận xét và giải thích thêm. ***+ Liên hệ thực tế:*** Cách lựa chọn vật nuôi và thức ăn sao cho chăn nuôi có hiệu quả cao  ***\* Kết luận, nhận định:***  + Gv nhận xét dựa vào phiếu học tập số 2  - GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của các cặp đôi học sinh, tuyên dương những cặp đôi làm việc tích cực, khích lệ, động viên những cặp đôi chưa hoạt động sôi nổi. | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  + HS kếp hợp thành cặp đôi và nhận phiếu học tập số 2.  + HS quan sát hình 9.1, 9.2, hoàn thành các công việc được giao. Các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, ghi nhận nội dung.  + HS liệt kê các loài vật nuôi ăn cỏ được nuôi nhiều ở địa phương.  + Tiếp theo các nhóm tiếp tục quan sát hình 9.3, hoàn thành các công việc được giao. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + HS liệt kê các giống lợn được nuôi nhiều ở địa phương.  + Tiếp theo các nhóm tiếp tục quan sát hình 9.4, hoàn thành các công việc được giao. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + HS liệt kê các loài gia cầm được nuôi nhiều ở địa phương.  + HS tham gia trả lời các câu hỏi từ vấn đề GV nêu. HS khác nhận xét, bổ sung. Sau đó ghi nhận nội dung.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có). | | **Nội dung cốt lõi:**  - Các vật nuôi phỏ biến ở Việt Nam như: gia cầm, lợn được tập trung nuôi nhiều nhất ở đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long, vùng trung du.  - Gia súc ăn cỏ được nuôi nhiều ở Trung du và miền núi Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Duyên Hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. | |   **Hoạt động 2.2. Một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam(10 phút)**  **a) Mục tiêu:** Giúp HS nêu được một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam  **b) Nội dung:** Một số phương thức chăn nuôi như: chăn thả, nuôi nhốt, bán chăn thả.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Trả lời câu hỏi và đáp án phiếu học tập số 3,4  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động dạy** | **Hoạt động học** | | ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** + GV phân nhóm dạng cặp đôi, phân chia nhiệm vụ.  + GV chiếu video về các phương thức chăn nuôi các loài vật nuôi  + GV yêu cầu HS quan sát và hoàn thành phiếu học tập số 5 sau khi xem video trên.  + GV quan sát các nhóm để hỗ trợ kịp thời.  + Hết thời gian thảo luận, GV yêu các nhóm báo cáo, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + Từ nội dung tìm hiểu trên, tiếp tục GV cho HS hoàn thành phiếu học tập số 6.  + Hết thời gian thảo luận, GV yêu các nhóm báo cáo, nhóm khác nhận xét, bổ sung. Cuối cùng GV chốt lại vấn đề.  ***\* Kết luận, nhận định:***  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của các cặp đôi học sinh, tuyên dương những cặp đôi làm việc tích cực, khích lệ, động viên những cặp đôi chưa hoạt động sôi nổi. | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  + HS phân chia nhóm, tự phân chia nhiệm vụ trong nhóm.  + HS tập trung xem video và hoàn thành các nhiệm vụ đã được giao trước đó.  + Nhóm HS có thể nêu khó khăn để GV giúp đỡ kịp thời.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung. | | **Nội dung cốt lõi:**  Có 3 phương thức chăn thả được áp dụng phổ biến ở nước ta: chăn thả, bán chăn thả, nuôi nhốt. | |   **Hoạt động 3. Luyện tập ( 6 phút)**  **a) Mục tiêu:** Giúp HS củng cố kiến thức về một số loài vật nuôi, phương thức chăn nuôi phổ biến, đặc trưng vùng miền ở nước ta.  **b) Nội dung:** bài tập phần Luyện tập trong SHS.  **c) Sản phẩm dự kiến:** đáp án bài tập phần Luyện tập trong SHS.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động dạy** | **Hoạt động học** | | ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** - Điều quan trọng nhất các em học được hôm nay là gì? Theo em vấn đề gì là quan trọng nhất mà chưa được giải đáp?  - HS suy nghĩ và viết ra vở, GV gọi đại diện một số em, mỗi em sẽ có thời gian 1 phút trình bày trước lớp về những điều các em đã học và những câu hỏi các em muốn được giải đáp.  - Yêu cầu Hs hoàn thiện bài tập trong phần luyện tập SHS  ***\* Kết luận, nhận định:***  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có). Khen gợi các nhóm có kết quả chính xác | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** + HS lắng nghe và trả lời câu hỏi.  + HS tập trung nghe GV hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ở phần luyện tập.  + HS nghiên cứu tài liệu SHS để trả lời các câu hỏi:  Câu 1: Hãy quan sát và gọi tên phương thúc chăn nuôi trong mỗi trường hợp ở Hình 9.6  Câu 2: Trình bày ưu điểm và nhược điểm của phương thức chăn nuôi: chăn thả, nuôi nhốt, bán chăn thả.  Câu 3: Quan sát đặc điểm ngoại hình và cho biết tên gọi của các vật nuôi trong mỗi trường hợp ở hình 9.7  Câu 4: Trâu, bò, lợn, gia cầm được nuôi nhiều ở đâu ? Vì sao?  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  + Đại diện trả lời và giải thích. + Nhận xét chéo. |   **Hoạt động 4. Vận dụng ( 4 phút)**  **a) Mục tiêu** giúp HS củng cô và vận đụng những kiến thức, kĩ năng vừa học vào thực tiển.  **b) Nội dung:** : bài tập vận dụng trong SHS và bài tập về nhà trong SBT.  **c) Sản phẩm dự kiến:** đáp án bài tập trong SHS và phiếu học tập số 5.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động dạy** | **Hoạt động học** | | ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** + Giáo viên hướng dẫn làm bài tập ở nhà.(hoạt động cá nhân)  ***\* Kết luận, nhận định:***  - Gv nhận xét dựa vào bài tập trong SHS, và phiếu học tập số 7. | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** + Hs lắng nghe và hoàn thành bài tập theo yêu cầu.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  + HS hoàn thành bài tập trong SHS, và phiếu học tập số 5. | | | | | | |

**IV. PHỤ LỤC**

**1. Thông tin về nội dung cập nhật liên quan đến bài dạy:**

- Một số hình ảnh sưu tầm trên internet

- Sách giáo viên và bài tập công nghệ 7

**2 Công cụ đánh giá:**

**Phiếu học tập số 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | TÊN VẬT NUÔI | THỨC ĂN |
| 1 | Trâu | Ăn cỏ, thân cây bắp,… |
| 2 | Bò | Ăn cỏ, thân cây bắp,… |
| 3 | Gà | Ăn thóc, bắp,… |
| 4 | Lợn | Ăn cám, rau muống,.. |

**Phiếu học tập số 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | TÊN VẬT NUÔI | THỨC ĂN | ĐẶC ĐIỂM NGOẠI HÌNH |
|  | Bò vàng Việt Nam | Ăn cỏ | Lông vàng, da mỏng |
|  | Bò sữa Hà Lan | Ăn cỏ | Long loang đen trắng, cho sữa nhiều |
|  | Bò lai Sind | Ăn cỏ | Lông vàng hoặc nâu, vai u |
|  | Trâu Việt Nam | Ăn cỏ | Da đen xám, tai mọc ngang, sưng dài |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | TÊN VẬT NUÔI | THỨC ĂN | ĐẶC ĐIỂM NGOẠI HÌNH |
|  | Lợn Móng Cái | Thức ăn hỗn hợp | Lông trắng đen hoặc hồng, lưng hơi võng xuống |
|  | Lợn Landrace | Thức ăn hỗn hợp | Thân dài, da trắng, tai rủ xuống trước mặt, nạc nhiều |
|  | Lợn Yorkshire | Thức ăn hỗn hợp | Thân dài, da trắng, tai dựng lên, nạc nhiều |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | TÊN VẬT NUÔI | THỨC ĂN | ĐẶC ĐIỂM NGOẠI HÌNH |
|  | Gà Ri | Thức ăn hỗn hợp | Có màu lông đa dạng |
|  | Gà Hồ | Thức ăn hỗn hợp | - Gà trống: lông có màu đen ánh xanh và màu đỏ mạn chín  - Gà mái: lông có màu trắng vàng, nâu sọc hay nâu nhạt |
|  | Vịt cỏ | Thức ăn hỗn hợp | Thân hình nhỏ bé, chạy nhanh, lông có nhiều màu |

**Phiếu học tập số 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mỗi phương thức chăn nuôi được minh họa trong hình 9.5 có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển của vật nuôi?** | |
| Hình 9.5a | Chăn thả:Vật nuôi tự tìm thức ăn, vật nuôi dễ mất bệnh |
| Hình 9.5b | Nuôi nhốt: con người cung cấp thức ăn cho vật nuuoi và kiểm soát được dịch bệnh |
| Hình 9.5c | Bán chăn thả: con người cung cấp thức ăn một phần, một phần vật nuôi tự kiếm thức ăn nên chậm lớn. |

**Phiếu học tập số 4**

**Hãy nêu tên 3 loài vật nuôi và cho biết phương thức chăn thả phù hợp.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | TÊN VẬT NUÔI | PHƯƠNG THỨC CHĂN NUÔI |
| 1 | Trâu Việt Nam | Chăn thả |
| 2 | Lợn Landrace | Nuôi nhốt |
| 3 | Gà Ri | Bán chăn thả |

**Bài tập SHS phần luyện tập.**

Câu 1: Hãy quan sát và gọi tên phương thúc chăn nuôi trong mỗi trường hợp ở Hình 9.6

a. Chăn nuôi theo phương thức bản chăn thả;

b. Chăn nuôi theo phương thức chăn thả;

c. Chăn nuôi theo phương thức nuôi nhốt.

Câu 2: Trình bày ưu điểm và nhược điểm của phương thức chăn nuôi: chăn thả, nuôi nhốt, bán chăn thả.

*Phương thức chăn nuôi chăn thả có*

- Ưu điểm: mức đầu tư thấp, kĩ thuật nuôi đơn giản.

- Nhược điểm: khó kiêm soát địch bệnh.

*Phương thức chăn nuôi nuôi nhốt*

*-* Ít phụ thuộc vào các điều kiện tự nhiên, cho năng suât cao và ôn định.

- Nhược điểm: chỉ phí đầu tư cao

*Phương thức chăn môi bán chăn thả*

*-* Ưu điểm: chuông trại đơn giản, đễ nuôi, ít bệnh, tự sản xuât con giồng

- Nhược điểm: châm lớn, quy mô đàn vừa phải, khó kiêm soát.

Câu 3: Quan sát đặc điểm ngoại hình và cho biết teen gọi của các vật nuôi trong mỗi trường hợp ở hình 9.7

- Gà mái có màu lông vàng đồm; gà trống lông màu nâu sáng, lông đuôi màu đen kèm ánh xanh là gà Ri,

- Lợn có màu lông đen pha lẫn trắng, lưng hơi võng xuỗng là lợn Móng Cái;

- Vịt có dáng nặng nề, lông loang đen trắng là vịt bầu.

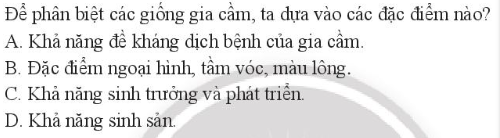
Câu 4: Trâu, bò, lợn, gia cầm được nuôi nhiều ở đâu ? Vì sao?

- Lợn, gia cầm: được nuôi nhiều ở vùng đông bằng,

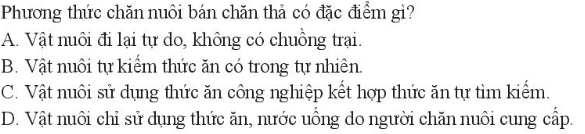
- Trâu, bò được nuôi nhiều ở trung du và miễn núi.

Vì đây là những khu vực có điều kiện thuận lợi cho chăn nuôi, có nguồn thức ăn tự nhiên phong phủ, khí hậu phù hợp với điều kiện sinh trưởng và phát triển của vật nuôi.

**Phiếu học tập số 5**



Đáp án: B



Đáp án: C

**BẢNG ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NHÓM**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí đánh giá** | **Điểm tối đa** | **Điểm đạt được** | **Ghi chú** |
| 1 | Số lượng thành viên đầy đủ | 1 |  |  |
| 2 | Tổ chức làm việc nhóm: phân công tổ trưởng, thư kí; phân công việc; kế hoạch làm việc | 1 |  |  |
| 3 | Các thành viên tham gia tích cực vào hoạt động nhóm. Tạo không khí vui vẻ và hoà đồng giữa các thành viên trong nhóm | 2 |  |  |
| 4 | Kỷ luật trật tự và vệ sinh trong quá trình làm việc nhóm. | 2 |  |  |
| 5 | Trình bày phiếu học tập rõ ràng, đẹp  Nhận xét rõ ràng mạch lạc  Lắng nghe các nhóm khác nhận xét.  Nhận xét đúng | 3 |  |  |
| 6 | Thực hiện tốt các yêu cầu trong phiếu học tập | 1 |  |  |
| Tổng | | 10 |  |  |

**C. ĐÁNH GIÁ NHẬN XÉT**

**ÔN TẬP CHƯƠNG 3**

Thời gian thực hiện: 1 tiết

**I. MỤC TIÊU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất, năng lực** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **Mã hoá** |
| **1. Về năng lực**  ***1.1. Năng lực công nghệ*** | | |
| Nhận thức công nghệ | Tóm tắt được kiến thức đã học ở chương 3 về rừng Việt Nam, vai trò của rừng đối với đời sống sản xuất, các loại rừng và quy trình trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng | (a2.4) |
| ***1.2. Năng lực chung*** | | |
| Giao tiếp, hợp tác | Biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm. | (1) |
| Tự chủ, tự học | Chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong đời sống ờ gia đỉnh; vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng về thồng, chăm sóc và bảo vệ rừng vào thực tiễn | (2) |
| **2. Về phẩm chất** | | |
| Chăm chỉ | Có ý thức về nhiệm vụ học tập; ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng về trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng vào thực tiễn | (3) |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Giáo viên** | **Học sinh** |
| **Hoạt động 1. Khởi động** | Ô chữ về rừng | Hoàn thành bài tập |
| **Hoạt động 2. Hệ thống hóa kiến thức kĩ năng** | Bút lông  Sơ đồ SGK/48 | Sơ đồ nhóm HS tự làm, bút bi, vở ghi chép, sách giáo khoa |
| **Hoạt động 3. Câu hỏi bài tập** | Bài tập SGK/48  Hình về các loại rừng  Hình về vai trò của rừng | Hoàn thành bài tập  Bảng phụ, bút lông, bút bi, vở ghi chép, sách giáo khoa |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(thời gian)** | **Mục tiêu**  (Mã hoá) | **Nội dung dạy học**  **trọng tâm** | **PP/KTDH**  **chủ đạo** | **PP/Công cụ đánh giá** |
| **Hoạt động 1. Khởi động**  (10 phút) |  | Kiến thức về lâm nghiệp | Phương pháp dạy học công não | Ô chữ của GV |
| **Hoạt động 2. Hệ thống hóa kiến thức**  (20 phút) | **(a2.4)** | Ôn lại các kiến thức ở chương lâm nghiệp về rừng ở Việt Nam, trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng. | Phương pháp dạy học hợp tác | Sơ đồ SGK/48 |
| **Hoạt động 3. Câu hỏi ôn tập**  (15 phút) | **(a2.4), (1), (2), (3)** | Một số câu hỏi giúp HS ôn lại kiến thức về chương lâm nghiệp | Phương pháp dạy học hợp tác, phương pháp dạy học công não | Bài tập SGK/48 |
| **B. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:**  **Hoạt động 1. Khởi động (10 phút):**  **a) Mục tiêu:** Ghi nhớ lại kiến thức đã học  **b) Nội dung:** Kiến thức về lâm nghiệp  **c) Sản phẩm dự kiến:** Kết quả hoạt động của HS  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** Trò chơi giải ô chữ với chủ đề Rừng:  GV chiếu ô chữ và yêu cầu HS lắng nghe thể lệ trò chơi  Cách chơi trò chơi như sau: Trò chơi ô chữ sẽ gồm các ô chữ hàng ngang và 1 ô chữ hàng dọc chứa từ khóa chính. Nhiệm vụ của người chơi là lần lượt trả lời các câu hỏi ở ô chữ hàng ngang để tìm ra được gợi ý cho đáp án của ô chữ hàng dọc chứa từ khóa chính. HS giải đúng được ô hàng ngang sẽ được 1 điểm cộng, HS giải đúng ô hàng dọc khi vẫn còn ô hàng ngang sẽ được 10 điểm, nếu giải đúng ô hàng dọc khi đã hết ô hàng ngang thì được 1 điểm cộng.  Hàng ngang số 1. Có 5 chữ cái: Đây là hậu quả của việc chặt phá rừng.  🡪 LŨ LỤT  Hàng ngang số 2. Có 8 chữ cái: Vào mùa khô, thảm hoạ lớn nhất có thể xảy ra đối với rừng là gì?  🡪 CHÁY RỪNG  Hàng ngang số 3. Có 3 chữ cái: Loại khí mà cây xanh nhã ra trong quá trình quang hợp.  🡪 ÔXI  Hàng ngang số 4. Có 8 chữ cái: Các hoạt động của con người hiện nay có nguy cơ làm thủng tầng này trên trái dất?  🡪 TẦNG ÔZÔN  Hàng ngang số 5. Có 10 chữ cái: Đây là một ngành sản xuất chính ở nước ta, người hoạt động gọi là nông dân.  🡪 NÔNG NGHIỆP  Hàng ngang số 6. Có 7 chữ cái: Một trong những hoạt động của con người làm suy thoái trầm trọng môi trường thực vật tự nhiên.  🡪 PHÁ RỪNG  Hàng ngang số 7. Có 7 chữ cái: Hoạt động nào của người nguyên thuỷ không làm ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên?  🡪 HÁI LƯỢM  Hàng ngang số 8. Có 8 chữ cái: Quy định về việc bảo vệ các loài sinh vật được gọi là gì?  🡪 PHÁP LỆNH  Hàng ngang số 9. Có 10 chữ cái: Hoạt động của ngành này gây ô nhiễm môi trường nhiều nhất?  🡪 CÔNG NGHIỆP  Từ khóa: TRỒNG RỪNG  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS lắng nghe thể lệ trò chơi.Cá nhân HS chọn ô hàng ngang bất kì để biết câu hỏi và trả lời, HS trả lời không được nhường quyền trả lời cho HS khác.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** Cá nhân HS hoàn thành  ***\* Kết luận, nhận định:*** HS ghi nhớ lại kiến thức về lâm nghiệp đã học    **Hoạt động 2. Hệ thống hóa kiến thức**  **a) Mục tiêu:** HS khắc sâu kiến thức cần nhớ ở chương 3 về lâm nghiệp  **b) Nội dung:** Ôn lại các kiến thức ở chương lâm nghiệp về rừng ở Việt Nam, trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Sơ đồ hệ thống kiến thức về rừng Việt Nam, trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** 2 tổ thành 1 nhóm, mỗi nhóm phân công trưởng nhóm, thư kí, người thuyết trình để thực hiện nhiệm vụ hệ thống lại kiến thức đã học dưới dạng sơ đồ đơn giản, ngắn gọn, dễ hiểu (HS hoạt động nhóm hoàn thành ở nhà). Nhóm 1 về Rừng ở Việt Nam, nhóm 2 về trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** Các thành viên trong nhóm cùng nhau hình thành ý tưởng và thực hiện (Thực hiện ở nhà)  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** Đại diện nhóm báo cáo kết quả thảo luận của nhóm  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét và hệ thống hóa kiến thức bằng sơ đồ để HS khắc sâu kiến thức  **Nội dung cốt lõi:** Sơ đồ hệ thống hóa kiến thức (SGK/48)  Cung cấp oxygen, thu nhân carbon dioxide  Chắn gió, che chở cho đất liền  Vai trò  Hạn chế sạt lở đất và lũ lụt  Phục vụ sản xuất và nghiên cứu khoa học  Rừng sản xuất  Các loại rừng  Rừng Việt Nam  Rừng đặc dụng  Rừng phòng hộ  Làm đất trồng cây, đào hố, bón lót, lấp hố  1. Chuẩn bị  Chuẩn bị cây con  Trồng cây con có bầu  Lấp đất lần 2  Lấp đất lần 1  Vun gốc  Đặt cây vào hố  Rạch vỏ bầu  Tạo lỗ  2. Trồng cây  Trồng cây có rễ trần  Làm cỏ, xới đất, phát quang, tỉa và dặm cây, bón phân, rào bảo vệ  3. Chăm sóc rừng  Khai thác có kế hoạch, phòng chống cháy rừng  Nghiêm cấm phá rừng, săn bắt, mua bán lâm sản  Nâng cao nhận thức của người dân  Bảo vệ rừng  **Hoạt động 3. Câu hỏi ôn tập (15 phút)**  **a) Mục tiêu:** Củng cố, khắc sâu kiến thức chương 3  **b) Nội dung:** Một số câu hỏi ôn tập giúp HS ôn lại kiến thức về chương lâm nghiệp, nội dung câu hỏi SGK  **c) Sản phẩm dự kiến:** Đáp án các câu hỏi và bài tập, quá trình hoạt động của HS  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi và thảo luận nhóm hoàn thành bài tập GV giao  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS dựa vào kiến thức đã học ở chương 3 trả lời câu hỏi và thảo luận nhóm hoàn thành bài tập gv giao  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** Đại diện nhóm trình bày  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét và góp ý, nêu đáp án chuẩn  **Câu 1. Rừng có vai trò như thế nào đối với đời sống và sản xuất?**  C:\Users\PC\Desktop\sách 7 mới\tải xuống (1).jpgC:\Users\PC\Desktop\sách 7 mới\tải xuống.jpgC:\Users\PC\Desktop\sách 7 mới\2b-7.jpg***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** GV chiếu hình mô tả vai trò chính của rừng, yêu cầu HS dựa vào hình kể tên các vai trò của rừng đối với đời sống và sản xuất.   1. (b) (c)   C:\Users\PC\Desktop\sách 7 mới\tải xuống (2).jpgC:\Users\PC\Desktop\sách 7 mới\tải xuống (3).jpg  (d) (e)  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS dựa vào kiến thức đã học ở chương 3 hoàn thành bài tập  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** Cá nhân HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét và góp ý, nêu đáp án chuẩn  (a) Cung cấp oxygen và thu nhận cacbon dioxide  (b) Chắn gió, bão, cát bay  (c) Ngăn chặn sạt lở đất  (d) Cung cấp gỗ cho sản xuất  (e) Phục vụ nghiên cứu khoa học  **Câu 2: Trình bày mục đích sử dụng của rừng?**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** GV yêu cầu 4 HS phân thành 1 nhóm, mỗi nhóm phân công nhiệm vụ cụ thể gồm nhóm trưởng, thư kí, thuyết trình thảo luận nhóm hoàn thành bài tập:  Nối cột A với cột B sao cho phù hợp   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **CỘT A** | **CỘT B** | **Đáp án** | | 1. Rừng sản xuất | a. Bảo tồn nguồn gen sinh vật rừng, bảo vệ di tích lịch sử-văn hóa, phục vụ du lịch, nghiên cứu khoa học | 1 – c | | 2. Rừng đặc dụng | b. Bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất, chống xói mòn, chống sa mạc hóa, hạn chế lũ lụt | 2 – a | | 3. Rừng phòng hộ | c. Khai thác gỗ và các lâm sản ngoài gỗ | 3 – b |   ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS thảo luận nhóm hoàn thành bài tập vào bảng nhóm  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** Đại diện nhóm trình bày  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét và góp ý, nêu đáp án chuẩn  **Câu 3. Nêu ví dụ minh họa các loại rừng phổ biến ở Việt Nam?**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** GV chiếu hình ảnh một số loại rừng ở Việt Nam, yêu cầu HS nêu tên của rừng theo từng hình.  C:\Users\PC\Desktop\sách 7 mới\ky-thuat-trong-rung-keo-la-tram-500x375.jpgC:\Users\PC\Desktop\sách 7 mới\tải xuống (4).jpgC:\Users\PC\Desktop\sách 7 mới\tải xuống (5).jpg   1. (b) (c)   ***C:\Users\PC\Desktop\sách 7 mới\tải xuống (6).jpgC:\Users\PC\Desktop\sách 7 mới\tải xuống (7).jpg***  ***(d) (e)***  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS dựa vào kiến thức đã học ở chương 3 trả lời câu hỏi và thảo luận nhóm hoàn thành bài tập gv giao  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét và góp ý, nêu đáp án chuẩn  (a) Rừng tràm; (b) Rừng nứa; (c) Rừng thông; (d) Rừng ngập nước; (e) Rừng núi đá  **Câu 4: Em có thể làm gì để góp phần bảo vệ tài nguyên rừng của đất nước?**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** GV yêu cầu cá nhân HS trả lời câu hỏi: Em có thể làm gì để góp phần bảo vệ tài nguyên rừng của đất nước?  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS dựa vào kiến thức đã học ở chương 3 trả lời câu hỏi  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** Đại diện nhóm trình bày  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét và góp ý, nêu đáp án: Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân, trồng cây gây rừng, bảo vệ các loài động vật, không hái lá bẻ cành…  **Câu 5: Nêu tác dụng của các công việc chăm sóc rừng sau khi trồng?**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** GV yêu cầu HS hoạt động nhóm trả lời câu hỏi và ghi vào bảng nhóm.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS dựa vào kiến thức đã học ở chương 3 thảo luận trả lời câu hỏi  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** Đại diện nhóm trình bày  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét và góp ý, nêu đáp án: Làm cỏ nhằm làm sạch cỏ xung quanh gốc cây; xới đất, vun gốc nhằm làm đất tơi xốp; phát quang nhằm loại bỏ cây dại; tỉa và trồng dặm nhằm giữ cây khỏe, bổ sung cây mới; Bón phân nhằm cung cấp dinh dưỡng cho cây; làm rào bảo vệ nhằm bảo vệ rừng  **C. TỔNG KẾT – ĐÁNH GIÁ**  **BẢNG ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NHÓM**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Tiêu chí đánh giá** | **Điểm tối đa** | **Điểm đạt được** | **Ghi chú** | | 1 | Số lượng thành viên đầy đủ | 1 |  |  | | 2 | Tổ chức làm việc nhóm: phân công tổ trưởng, thư kí; phân công việc; kế hoạch làm việc | 1 |  |  | | 3 | Các thành viên tham gia tích cực vào hoạt động nhóm. Tạo không khí vui vẻ và hoà đồng giữa các thành viên trong nhóm | 2 |  |  | | 4 | Kỷ luật trật tự và vệ sinh trong quá trình làm việc nhóm. | 2 |  |  | | 5 | Trình bày phiếu học tập rõ ràng, đẹp  Nhận xét rõ ràng mạch lạc  Lắng nghe các nhóm khác nhận xét.  Nhận xét đúng | 3 |  |  | | 6 | Thực hiện tốt các yêu cầu trong phiếu học tập | 1 |  |  | | Tổng | | 10 |  |  | | | | | | |

**C. ĐÁNH GIÁ NHẬN XÉT**

**CHƯƠNG 5. NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC VÀ PHÒNG, TRỊ BỆNH CHO VẬT NUÔI**

**BÀI 10. KĨ THUẬT NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC VẬT NUÔI**

Thời gian thực hiện: 3 tiết

**I. MỤC TIÊU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất, năng lực** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **STT** |
| 1. **Về kiến thức, kĩ năng** | | |
| **Kiến thức** | Trình bày được vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi  Nêu được các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản. | (1) |
| **Kĩ năng** | Có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi | (2) |
| **2. Về năng lực**  ***2.1. Năng lực công nghệ*** | | |
| Nhận thức công nghệ | Nhận thức được các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản. | (3) |
| Giao tiếp công nghệ | Sử dụng được một số thuật ngữ về kỹ thuật chăn nuôi. | (4) |
| Đánh giá công nghệ | Nhận xét đánh giá được tính hợp lý của các công việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi cái sinh sản. | (5) |
| ***2.2. Năng lực chung*** | | |
| Tự chủ và tự học: | Lập và thực hiện được kế hoạch học tập, lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập phù hợp, lưu giữ thông tin có chọn lọc, bằng ghi tóm tắt các từ khóa, ghi chú bài giảng của giáo viên theo ý chính; lập và thực hiện được kế hoạch học tập, lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập phù hợp, lưu giữ thông tin có chọn lọc, bằng ghi tóm tắt các từ khóa, ghi chú bài giảng của giáo viên theo ý chính. | (6) |
| Giao tiếp và hợp tác | Sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh để trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận những vấn đề đơn giản, biết chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao, góp ý, điều chỉnh thúc đẩy hoạt động chung, khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm. | (7) |
| **3. Về phẩm chất** | | |
| Chăm chỉ | Có ý thức về nhiệm vụ học tập, vận dụng kiến thức, kỹ năng nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi vào thực tiễn và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. | (8) |
| Trách nhiệm | Quan tâm đến công việc chăn nuôi của gia đình, có ý thức bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường sống khi chăn nuôi tại gia đình. | (9) |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Giáo viên** | **Học sinh** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu** | Tìm hiểu mục tiêu và nội dung bài | Đọc trước bài học trong SHS |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |  |  |
| **Hoạt động 2.1. Vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi** | Chuẩn bị tài liệu giảng dạy: SGK Và SBT là tài liệu tham khảo chính | Tìm hiểu về quy trình chăm sóc và nuôi dưỡng vật nuôi ở gia đình, địa phương |
| **Hoạt động 2.2. Chăn nuôi vật nuôi** | Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học: tranh ảnh mô tả vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi, các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi. | Tìm hiểu về quy trình chăm sóc và nuôi dưỡng vật nuôi ở gia đình, địa phương |
| **Hoạt động 2.3. Vệ sinh trong chăn nuôi** | Các công việc vệ sinh trong chăn nuôi | SHS |
| **Hoạt động 3. Luyện tập** | SGK, SBT | SHS |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**- Tiết 1:** 1. Vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi

2. Chăn nuôi vật nuôi

2.1. Chăn nuôi vật nuôi non

**- Tiết 2:** 2. Chăn nuôi vật nuôi (tiếp theo)

    2.2. Chăn nuôi vật nuôi đực giống

    2.3. Chăn nuôi vật nuôi cái sinh sản

**- Tiết 3:** 3. Vệ sinh trong chăn nuôi

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học**  **trọng tâm** | **PP/KTDH**  **chủ đạo** | **PP/Công cụ đánh giá** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu**  (5 phút) | Kích thích nhu cầu tìm hiểu về kĩ thuật nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi | Chăm sóc vật nuôi ở các mỗi giai đoạn phát triển | PPDH: vấn đáp  KTDH: tia chớp | GV nhận xét, đánh giá |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |  |  |  |  |
| **Hoạt động 2.1.**  (20 phút) | (1), (2), (3), (4), (5), (7) | - Vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi  - Chăn nuôi vật nuôi non | PPDH: thảo luận, trực quan, thuyết trình, giải quyết vấn đề.  - KTDH: chia sẻ nhóm đôi, thông tin phản hồi. | -HS tự đánh giá  -Đánh giá đồng đẳng  -GV đánh giá |
| **Hoạt động 2.2.**  (55 phút) | (1), (2), (3), (4), (5), (7) | - Chăn nuôi vật nuôi đực giống  - Chăn nuôi vật nuôi cái sinh sản | PPDH: thảo luận, trực quan, thuyết trình, giải quyết vấn đề.  - KTDH: chia sẻ nhóm đôi, thông tin phản hồi. | -HS tự đánh giá  -Đánh giá đồng đẳng  -GV đánh giá |
| **Hoạt động 2.3.**  (40 phút) | (1), (2), (3), (4), (5), (7) | Vệ sinh trong chăn nuôi | PPDH: thảo luận, trực quan, thuyết trình, giải quyết vấn đề.  - KTDH: chia sẻ nhóm đôi, thông tin phản hồi. | -HS tự đánh giá  -Đánh giá đồng đẳng  -GV đánh giá |
| **Hoạt động 3. Luyện tập**  (10 phút) | (4), (6), (7) | Bài tập phần Luyện tập trong SGK và trong VBT | PPDH: thảo luận  KHDH: chia sẻ nhóm đôi | Đánh giá đồng đẳng |
| **Hoạt động 4. Vận dụng**  (5 phút) | (4), (5), (6), (8), (9) | Bài tập phần vận dụng trong SGK và bài tập về nhà trong VBT | PPDH: thuyết trình, vấn đáp | -HS tự đánh giá  -GV nhận xét, đánh giá |
| **B. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:**  **Hoạt động 1. Mở đầu :**  **a) Mục tiêu:** Kích thích nhu cầu tìm hiểu kỹ thuật nuô,i chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi.  **b) Nội dung:** Tình huống và câu hỏi ở phần mở đầu trong sách học sinh  **c) Sản phẩm dự kiến:** Nhu cầu tìm hiểu về kỹ thuật nuôi, chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | | ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  + Giáo viên nêu tình huống về vật nuôi như gà, vịt và yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi trong sách học sinh  + Giáo viên minh họa hình ảnh về các giai đoạn phát triển của một số đồ vật nuôi  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn hóa kiến thức  + GV kết luận chốt kết thức  + Giáo viên giới thiệu mục tiêu bài học | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS xem tranh, tiếp nhận câu hỏi và tìm ra câu trả lời.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** HS trình bày kết quả theo hiểu biết  Nhận xét các câu trả lời của nhau |   **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới:**  **Hoạt động 2.1.** **Vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi**.  **a) Mục tiêu:** Giúp học sinh nêu được vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi.  **b) Nội dung:** Tác động của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi đến năng suất chất lượng sản phẩm chăn nuôi.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | | ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** Giáo viên cho học sinh xem hình ảnh về vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi để thực hiện yêu cầu trả lời câu hỏi trong sách học sinh.  Câu 1. Quan sát hình 19.1 và nêu những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của vật nuôi.  Câu 2. Hãy liệt kê những công việc cần làm để nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.  Câu 3. Theo em, vì sao tiêu vaccine lại giúp vật nuôi phòng ngừa được bệnh dịch?  Giáo viên gợi mở yêu cầu học sinh Tìm hiểu và liệt kê những việc cần làm để nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.   - Gợi ý: cho vật nuôi ăn, tắm chải,  vệ sinh chuồng trại, tiêm phòng bệnh cho vật nuôi  Giáo viên gợi mở, tổ chức học sinh học tập theo nhóm đôi để tìm hiểu và phân tích về mỗi vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi.  - Khi đưa vắc xin vào cơ thể vật nuôi khỏe mạnh, cơ thể sẽ phản ứng lại bằng cách tạo ra kháng thể chống lại tác nhân gây bệnh. Khi bị mầm bệnh xâm nhập, cơ thể vật nuôi đã có kháng thể giúp vật nuôi khó bị mắc bệnh, gọi là vật nuôi đã có khả năng miễn dịch.  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  - Giáo viên giúp học sinh tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học. | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận nhóm nhỏ, phát biểu ý kiến nhận xét.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** HS trình bày kết quả, tổng hợp, ghi nhận phần kiến thức chuẩn  Câu 1.   * Quá trình chọn con giống * Quá trình nuôi dưỡng * Quá trình chăm sóc * Quá trình phòng và trị bệnh   Câu 2.  Những công việc cần làm để nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.   * Chuẩn bị chuồng trại một cách tốt nhất, chọn nơi đủ mát, đủ ấm, đủ ánh sáng để làm chuồng * Nuôi vật nuôi mẹ tốt để có nhiều sữa chất lượng tốt cho đàn con. * Tiêm thuốc phòng các bệnh theo đúng từng giai đoạn * Giữ ấm cho cơ thể. * Cho bú sữa đầu có đủ chất dinh dưỡng và kháng thể (chất chống bệnh). * Tập cho vật nuôi non ăn sớm với các loại thức ăn có đủ chất dinh dưỡng để bổ sung sự thiếu hụt chất dinh dưỡng trong sữa mẹ. * Cho vật nuôi vận động và tiếp xúc với nhiều ánh sáng. * Giữ vệ sinh, phòng bệnh cho vật nuôi. * Cần phải cho vật nuôi vận động, tắm chải thường xuyên, kiểm tra thể trọng và tinh dịch. * Thức ăn phải có đủ năng lượng, protein, chất khoáng và vitamin. * Thường xuyên bổ sung các loại thức ăn để đảm bảo vật nuôi được đủ chất * Làm cho khả năng phối giống và chất lượng đời sau có thể tăng lên.   Câu 3.  Tiêm vaccine giúp vật nuôi phòng ngừa được bệnh dịch vì vắc xin là chế phẩm có tính kháng nguyên để tạo miễn dịch đặc hiệu chủ động nhằm tăng sức đề kháng của cơ thể đối với tác nhân gây bệnh, kích thích hệ thống miễn dịch tự nhận diện, loại bỏ các mầm mống vi sinh vật tấn công cơ thể động vật.  - Nhận xét các câu trả lời của nhau.  - HS bổ sung kiến thức phần ghi chép. |   **Nội dung cốt lõi:** Việc nuôi dưỡng, chăm sóc, tiêm phòng và điều trị bệnh kịp thời, giữ vệ sinh thân thể và chuồng trại giúp chàng vật nuôi sẽ luôn khỏe mạnh, phát triển tốt.  **Hoạt động 2.2. Chăn nuôi vật nuôi.**  **2.2.1. Chăn nuôi vật nuôi non**  **a. Một số đặc điểm sinh lí cơ thể của vật nuôi non**  **a) Mục tiêu:** Giúp học sinh nhận biết được một số đặc điểm sinh lý trong cơ thể của vật nuôi  **b) Nội dung:** Một số đặc điểm sinh lí cơ thể của vật nuôi non  **c) Sản phẩm dự kiến:** Một số đặc điểm sinh lí cơ thể của vật nuôi non  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | | ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** Giáo viên cho học sinh xem hình ảnh hoặc video clip về một số vật nuôi non và trả lời câu hỏi trong sách học sinh  Câu 4. Hãy nêu các đặc điểm cơ thể của vật nuôi non mà em biết trong từng trường hợp được minh họa ở hình 10.2.  Giáo viên gợi mở và dẫn dắt học sinh khám phá các đặc điểm cơ thể của vật nuôi non  Gợi ý: Đặc điểm cơ thể ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình sinh trưởng của vật nuôi non, Ví dụ, ở gà con, khả năng sinh nhiệt kém, điều tiết thân nhiệt kém dẫn đến dễ bị nhiễm lạnh, dễ phát sinh các bệnh về hô hấp, tiêu hóa…Ở lợn con do chức năng miễn dịch kém, đề kháng kém dẫn đến dễ phát sinh các bệnh về tiêu hóa, bệnh cảm sốt.  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  - Giáo viên giúp học sinh tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học. | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận nhóm nhỏ, phát biểu ý kiến nhận xét.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** HS trình bày kết quả, tổng hợp, ghi nhận phần kiến thức chuẩn  Câu 4.  Hình 10.2a: Lợn con :   * Lợn con có tốc độ sinh trưởng phát triển nhanh * Hệ thần kinh điều khiển cân bằng nhiệt chưa hoàn chỉnh. * Bộ máy tiêu hóa của lợn con phát triển nhanh nhưng chưa hoàn thiện về chức năng, khả năng tiêu hóa của lợn con rất hạn chế. * Chức năng miễn dịch chưa tốt. * Khả năng điều hòa thân nhiệt kém (do lớp mỡ dưới còn mỏng, lượng mỡ và đường glycogen dự trữ còn ít nên khả năng cung cấp năng lượng bị hạn chế)   Hình 10.2b: Gà con   * Gà con mới nở có thân nhiệt chưa ổn định, khả năng điều tiết thân nhiệt kém (lớp lông tơ mỏng manh và khả năng sinh nhiệt kém nên dễ mất nhiệt, giảm thân nhiệt và chết vì lạnh) * Sức đề kháng kém, chức năng miễn dịch chưa tốt. * Gà con có tốc độ sinh trưởng cao nhất nên nhu cầu dinh dưỡng cao nhưng do kích thước và chức năng hệ tiêu hóa chưa hoàn chỉnh.   Hình 10.2c: Bê ( Bò con)   * Chưa có sừng. * Sức đề kháng của bê con vẫn còn yếu * Chức năng hệ tiêu hóa chưa hoàn chỉnh.   - Nhận xét các câu trả lời của nhau.  - HS bổ sung kiến thức phần ghi chép |   **Nội dung cốt lõi:** Tùy theo từng loại vật nuôi non, cơ thể sẽ có những đặc điểm sau: Sự điều tiếp thân nhiệt chưa hoàn chỉnh, chức năng của hệ tiêu hóa chưa hoàn chỉnh, chức năng miễn dịch chưa tốt, sức đề kháng kém.  ***b. Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non***  **a) Mục tiêu:** Giúp học sinh nêu được một số công việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non.  **b) Nội dung:** Một số công việc nuôi dưỡng và chăm sóc đối với vật nuôi non.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Một số công việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | | ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  Giáo viên cho học sinh xem hình ảnh về một số vật nuôi non và trả lời câu hỏi trong sách học sinh   Câu 5. Đặc điểm cơ thể ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng của vật nuôi non như thế nào?  Câu 6. Nêu tác dụng của các công việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non được minh họa trong mỗi trường hợp ở hình 10.3.  Giáo viên gợi mở và yêu cầu học sinh xem hình 10.3 tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm đôi để thực hiện yêu cầu trong sách học sinh. Nêu tác dụng của các công việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non được minh họa trong mỗi trường hợp ở hình người 10.3  Gợi ý: Hình a: ủ ấm cho gà con;  Hình b: cho bú sữa, đặc biệt là sữa đầu để cung cấp dinh dưỡn,g kháng thể cho lợn con;  Hình c: cung cấp dinh dưỡng cho lợn con thông qua thức ăn; Hình d: cho lợn con vận động giúp cơ thể khỏe mạnh; Hình e: giữ vệ sinh chuồng nuôi; Hình f: Phòng bệnh cho vật nuôi non.  Giáo viên gợi mở, dẫn dắt và tổ chức học sinh hoạt động theo nhóm để kể tên các công việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.  Giáo viên gợi mở, dẫn dắt học sinh tìm hiểu thêm về thành phần sữa đầu của lợn trong sách học sinh.  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  - Giáo viên giúp học sinh tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học. | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận nhóm nhỏ, phát biểu ý kiến nhận xét.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** HS trình bày kết quả, tổng hợp, ghi nhận phần kiến thức chuẩn  **Câu hỏi 5.**  Đặc điểm cơ thể ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng của vật nuôi non   * Sự điều tiết thân nhiệt chưa hoàn chỉnh: Con non mới sinh ra chưa có khả năng điều hòa thân nhiệt được như những con lớn => Cần giữ ấm nếu không cơ thể sẽ rất yếu, chậm phát triển. * Chức năng của hệ tiêu hóa chưa hoàn chỉnh: Con non mới sinh từ trong bụng mẹ chỉ có nguồn thức ăn chính là sữa mẹ, chưa được tiếp xúc với những nguồn thức ăn lạ => Cần chọn thức ăn dễ tiêu hóa. * Chức năng hệ miễn dịch chưa tốt, sức đề kháng kém => Vật nuôi con dễ bị mắc bệnh hơn những vật nuôi trưởng thành.   **Câu hỏi 6.**   * Hình 10.3a: Sưởi ấm để tránh nhiễm lạnh làm phát sinh các bệnh về hô hấp, tiêu hóa cho vật nuôi non. * Hình 10.3b: Cho bú sữa đầu có đủ chất dinh dưỡng, nhiều kháng thể giúp cho cơ thể vật nuôi non chống lại bệnh tật. * Hình 10.3c: Tập cho ăn sớm để cung cấp dinh dưỡng cho vật nuôi non và giúp hệ tiêu hóa phát triển hoàn thiện. * Hình 10.3d: Cho vật nuôi non vận động, tiếp xúc nhiều với nắng sớm để cơ thể khỏe mạnh và trao đổi chất tốt. * Hình 10.3e: Giữ vệ sinh chuồng sạch sẽ, khô ráo; cho uống hoặc tiêm vaccine phòng bệnh đầy đủ. * Hình 10.3f: Thường xuyên theo dõi để phát hiện và điều trị bệnh kịp thời; nhanh chóng cách li vật nuôi non nhiễm bệnh để tránh lây lan.   - Nhận xét các câu trả lời của nhau.    - HS bổ sung kiến thức phần ghi chép |   **Nội dung cốt lõi:** Để vật nuôi non khỏe mạnh cần cho bú sữa đầu, tập cho ăn sớm, cho vật nuôi được vận động, sưởi ấm, tiếp xúc nhiều với nắng sớm và được nuôi trong môi trường đảm bảo vệ sinh. Tiêm phòng định kỳ, theo dõi để phát hiện và điều trị bệnh kịp thời cho vật nuôi.  **2.2.2. Chăn nuôi vật nuôi đực giống**  **a. Yêu cầu đối với vật nuôi đực giống**  **a) Mục tiêu:** Giúp học sinh nhận biết được các yêu cầu đối với vật nuôi đực giống  **b) Nội dung:** Một số tiêu chuẩn đối với vật nuôi đực giống có chất lượng cao  **c) Sản phẩm dự kiến:** Yêu cầu đối với vật nuôi đực giống  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | | ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - Giáo viên cho học sinh xem hình ảnh về vật nuôi đực giống tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm hoặc cá nhân để trả lời câu hỏi trong sách học sinh:   Câu 7. Vật nuôi đực giống có vai trò gì trong sự phát triển của đàn?  -Giáo viên gợi mở, dẫn dắt tổ chức học sinh hoạt động theo nhóm đôi để trả lời câu hỏi trong sách học sinh:  Câu 8. Các vật nuôi đực giống trong hình 10.4 có đặc điểm cơ thể như thế nào?  -Giáo viên gợi mở dẫn dắt học sinh hoạt động theo nhóm đôi để khám phá các yêu cầu đối với vật nuôi đực giống:  + Đối với lợn, bò, dê  + Đối với gà, vịt  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  - Giáo viên giúp học sinh tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học. | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận nhóm nhỏ, phát biểu ý kiến nhận xét.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** HS trình bày kết quả, tổng hợp, ghi nhận phần kiến thức chuẩn  Câu 7. Vai trò của vật nuôi đực giống trong sự phát triển cả đàm: đạt khả năng phối giống cao và cho con giống tốt cho vật nuôi đời sau.  Câu 8.   * Hình 10.4a: Hình thể chắc,khỏe mạnh, hệ cơ phát triển, thân dài, lưng thẳng, yếm và u vai phát triển, tai to và cụp xuống. * Hình 10.4b: Thân có lông màu trắng tuyền, đầu nhỏ, dài, tai to dài rủ xuống kín mặt, tai cúp về phía trước, cổ nhỏ và dài, mình dài, vai – lưng – mông và đùi rất phát triển, mõm thẳng. * Hình 10.4c: Ngoại hình to, khỏe, lượng sữa dê khá. Con dê đực được chọn làm giống có đầu ngắn và rộng, đôi tai to cân đối và dày, cổ to, ngực nở, bốn chân cứng cáp, 2 dịch hoàn to và đều đặn, khả năng phối giống đạt tỷ lệ thụ thai cao.   - Nhận xét các câu trả lời của nhau  - HS bổ sung kiến thức phần ghi chép. |   **Nội dung cốt lõi:** Vật nuôi đực giống cần cân đối, rắn chắc, khỏe mạnh, thể hiện rõ tính đực.  **b. Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi đực giống**  **a) Mục tiêu:** Giúp học sinh trình bày được các công việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi đực giống.  **b) Nội dung:** Một số công việc nuôi dưỡng và chăm sóc đối với vật nuôi đực giống.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Một số công việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi đực giống.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | | ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - Giáo viên gợi mở và tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm đôi để trả lời câu hỏi: Để có sức khỏe và thể trạng tốt, vật nuôi đực giống cần được nuôi dưỡng và chăm sóc như thế nào?  - Giáo viên dẫn dắt học sinh nêu được các công việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi đực giống.  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  - Giáo viên giúp học sinh tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học. | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận nhóm đôi, phát biểu ý kiến nhận xét.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** HS trình bày kết quả, tổng hợp, ghi nhận phần kiến thức chuẩn  - Nhận xét các câu trả lời của nhau.  - HS bổ sung kiến thức phần ghi chép. |   **Nội dung cốt lõi:** Nuôi được giống cần được cung cấp thức ăn đủ năng lượng, protein, vitamin và chất khoáng, cho vật nuôi vận động hàng ngày, nuôi dưỡng trong môi trường đảm bảo vệ sinh, tiêm phòng định kỳ, theo dõi để phát hiện và điều trị kịp thời các bệnh truyền nhiễm.  **2.2.3. Chăn nuôi vật nuôi cái sinh sản**  **a. Yêu cầu đối với vật nuôi cái sinh sản**  **a) Mục tiêu:** Giúp học sinh nhận biết được các yêu cầu đối với vật nuôi cái sinh sản.  **b) Nội dung:** Một số yêu cầu đối với vật nuôi cái sinh sản có chất lượng cao.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Yêu cầu đối với vật nuôi cái sinh sản.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | | ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - Giáo viên cho học sinh xem hình ảnh về giai đoạn mang thai của các vật nuôi cái sinh sản, tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong sách học sinh:  Câu 9. Cơ thể vật nuôi thay đổi như thế nào khi mang thai (hình 10.5)?  - Giáo viên cho học sinh xem hình ảnh về giai đoạn nuôi con của các vật nuôi cái sinh sản, tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân hoặc nhóm nhỏ trả lời câu hỏi:  Câu 10. Hãy nêu nhiệm vụ của các vật nuôi cái sinh sản ở giai đoạn nuôi con (hình 10.6)?  - Giáo viên gợi mở, dẫn dắt của học sinh hoạt động theo nhóm đôi để nêu được yêu cầu đối với vật nuôi cái sinh sản.  Giáo viên gợi mở, dẫn dắt giúp học sinh đọc và tìm hiểu thông tin về số con non trong 1 lứa đẻ của trâu, bò, dê.  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  - Giáo viên giúp học sinh tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học. | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận nhóm nhỏ, phát biểu ý kiến nhận xét.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** HS trình bày kết quả, tổng hợp, ghi nhận phần kiến thức chuẩn  Câu 9. Hình 10.5a: Lợn cái mang thai   * + Thường xuất hiện trạng thái phù thũng ở tứ chi, thành bụng.   + Tuyến vú phát triển to lên, bè ra.   + Lợn yên tĩnh ăn uống tốt và ngủ ngon, bụng phát triển to lên.   + Tình trạng lợn không có biểu hiện động dục lại sau 21 ngày kể từ lúc phối. * Hình 10.5b: Bò cái mang thai   + Bầu vú có sự thay đổi như bầu vú căng, phát triển lớn khi bò có chửa, càng gần đẻ càng lớn.   + Bầu vú ôm gọn, sờ vào thì săn chắc, các núm vú se nhỏ gọn gàng và không có nếp nhăn.   + Khi nặn thử có tia sữa non bắn ra. Nếu bò vừa mới mang thai thì sữa non đục trắng, bắn ra thành tia. * Hình 10.5c: Dê cái mang thai   + Sau khi lên giống theo dõi đến chu kỳ động dục tiếp theo (21 ngày) nếu không thấy dê cái có biểu hiện động dục thì có thể chúng đã mang thai.   + Sau một thời gian, chúng sẽ tăng cân, lông mềm mượt hơn.   + Dê cái có thể tăng khoảng 5kg trong suốt giai đoạn chửa, không để dê quá béo.   Câu 10.  Nhiệm vụ của các vật nuôi cái sinh sản ở giai đoạn nuôi con:   * Hình 10.6a: Giữ ấm cho lợn con, cho lợn con bú * Hình 10.6b: Cho bê con bú sữa đầu, hướng dẫn con một số kỹ năng sống, tách bê con khỏi mẹ để rèn luyện khả năng tự lập. * Hình 10.6c: Cho dê con bú sữa đầu, tách dê con khỏi mẹ để rèn luyện khả năng tự lập.   - Nhận xét các câu trả lời của nhau.  - HS bổ sung kiến thức phần ghi chép. |     **Nội dung cốt lõi:** Vật nuôi cái sinh sản cần có khả năng sinh con có tỉ lệ sống cao, tiết sữa tố,t tỷ lệ con nuôi sống đến lúc cai sữa cao, đàn con có chất lượng tốt.  **b. Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi cái sinh sản**  **a) Mục tiêu:** Giúp học sinh trình bày được các công việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi cái sinh sản.  **b) Nội dung:** Một số công việc nuôi dưỡng và chăm sóc đối với vật nuôi cái sinh sản.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Một số công việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi cái sinh sản.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | | ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - Giáo viên gợi mở vấn đề của chế độ nuôi dưỡng ảnh hưởng đến chất lượng của đàn vật nuôi con.  - Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi:  Câu 11. Chăm sóc vật nuôi cái sinh sản có tác động thế nào đến đàn vật nuôi con?  - Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm đôi để trả lời câu hỏi:  Câu 12. Theo em, cần làm gì để phòng và điều trị bệnh thông thường do ký sinh trùng như giun, sán, ve …gây ra cho vật nuôi?  - Giáo viên gợi mở, dẫn dắt học sinh hoạt động theo nhóm đôi để kể được những yêu cầu khi chăm sóc vật nuôi cái sinh sản.  - Giáo viên dẫn dắt học sinh tìm hiểu thêm thông tin về nuôi dưỡng bò cái mang thai.  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  - Giáo viên giúp học sinh tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học. | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận nhóm nhỏ, phát biểu ý kiến nhận xét.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** HS trình bày kết quả, tổng hợp, ghi nhận phần kiến thức chuẩn  Câu 11. Chăm sóc vật nuôi cái sinh sản ở giai đoạn mang thai và giai đoạn nuôi con ảnh hưởng đến sức khỏe cúa mẹ và con non trong bụng và chất lượng của đàn vật nuôi con.  Câu 12.   * Vệ sinh nơi ở, chuồng trại vật nuôi sạch sẽ. Đảm bảo nơi ở khô ráo, thoáng mát * Tiêm vaccine định kì cho vật nuôi * Theo dõi và chăm sóc thường xuyên cho vật nuôi nhằm phát hiện và điều trị bệnh kịp thời. * Cách li vật nuôi nhiễm bệnh để tránh lây lan cho những vật nuôi khác.   - Nhận xét các câu trả lời của nhau.  - HS bổ sung kiến thức phần ghi chép |     **Nội dung cốt lõi:** Ở giai đoạn mang thai và nuôi con vật nuôi cái sinh sản cần được cung cấp đủ các chất dinh dưỡng và bổ sung thêm thức ăn nhân rau tươi củ quả Cần theo dõi chăm sóc khi vật nuôi sinh con để có chế độ vận động phù hợp đảm bảo vệ sinh và tiêm phòng bệnh.  **2.3. Vệ sinh trong chăn nuôi**  **2.3.1. Vệ sinh môi trường sống của vật nuôi**  **a) Mục tiêu:** Giúp học sinh nhận biết được các yêu cầu về vệ sinh môi trường sống của vật nuôi.  **b) Nội dung:** Yêu cầu vệ sinh trong xây dựng chuồng, thức ăn, xử lý phân, rác… khi nuôi dưỡng của vật nuôi.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Các yêu cầu vệ sinh môi trường sống của vật nuôi.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | | ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát hình 10.7 tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân hoặc nhóm đôi để trả lời câu hỏi:  Câu 13. Nêu những yếu tố ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường sống của vật nuôi?  - Giáo viên cho học sinh xem hình ảnh hoặc video clip về chất thải và rác thải trong chăn nuôi, tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong sách học sinh:  Câu 14. Chất thải và rác thải trong chăn nuôi ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe của con người như thế nào?  - GV dẫn dắt để học sinh nêu thêm những yêu cầu vệ sinh môi trường sống của vật nuôi.  - Giáo viên gợi mở, hướng dẫn học sinh tìm hiểu thêm thông tin về xử lý chất thải trong chăn nuôi trong sách học sinh.  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  - Giáo viên giúp học sinh tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học. | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận nhóm đôi, phát biểu ý kiến nhận xét.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** HS trình bày kết quả, tổng hợp, ghi nhận phần kiến thức chuẩn  Câu 13. Những yếu tố ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường sống của vật nuôi:   * Nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, không khí chuồng trại * Hướng chuồng, kiểu chuồng, xử lí chất thải, vị trí chuồng * Thức ăn và nước uống   Câu 14. Ảnh hưởng của chất thải và rác thải trong chăn nuôi đến môi trường và sức khỏe của con người:   * Là địa điểm trú ngụ của nhiều loại côn trùng gây nguy hiểm, như ruồi, muỗi, gián, các mầm mống gây bệnh… => Những loại rất dễ dàng truyền các bệnh nguy hiểm như: sốt xuất huyết, tay chân miệng, hay nguy hiểm hơn là mần móng của các bệnh ung thư, hô hấp… ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe của vật nuôi và con người * Có ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe con người, làm giảm sức đề kháng vật nuôi, tăng tỷ lệ mắc bệnh, năng suất bị giảm, tăng các chi phí phòng trị bệnh, hiệu quả kinh tế của chăn nuôi không cao,... * Ảnh hưởng rất nhiều đến nguồn nước ngầm (với nhiều hộ ở nông thôn vẫn hay dùng giếng làm nước sinh hoạt chính, nên nguồn nước ngầm rất quan trọng), hay nguồn đất có thể bị ảnh hưởng. * Bón phân động vật không qua xử lý, sẽ làm chết cây, gây úng hoặc thối rễ. * Sản phẩm thịt và các sản phẩm khác từ vật nuôi sẽ không được sạch và an toàn tuyệt đối.   - Nhận xét các câu trả lời của nhau.  - HS bổ sung kiến thức phần ghi chép |     **Nội dung cốt lõi:** Các yếu tố môi trường sống của vật nuôi như: khí hậu trongchuồng, xây dựng chuồng nuôi, thức ăn và nước uống… cần được đảm bảo các yêu cầu vệ sinh.  **2.3.2. Vệ sinh thân thể vật nuôi**  **a) Mục tiêu:** Giúp học sinh nhận biết được các yêu cầu về vệ sinh thân thể vật nuôi.  **b) Nội dung:** Ý nghĩa và công việc vệ sinh thân thể vật nuôi.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Các công việc vệ sinh thân thể vật nuôi.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | | ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** Giáo viên gợi mở, dẫn dắt học sinh tìm hiểu và rút ra kết luận về ý nghĩa và các câu việc cần làm để vệ sinh thân thể vật nuôi.  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  - Giáo viên giúp học sinh tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học. | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận nhóm nhỏ, phát biểu ý kiến nhận xét.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** HS trình bày kết quả, tổng hợp, ghi nhận phần kiến thức chuẩn  Nhận xét các câu trả lời của nhau  - HS bổ sung kiến thức phần ghi chép. |   **Nội dung cốt lõi:** Khi chăn nuôi, cần đảm bảo vệ sinh thân thể cho vật nuôi; tắm, chải và cho vật nuôi vận động hợp lí.  **Hoạt động 3. Luyện tập**  **a) Mục tiêu:** Giúp học sinh củng cố kiến thức về kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi.  **b) Nội dung:** Bài tập phần luyện tập trong sách học sinh.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Đáp án bài tập phần luyện tập trong sách học sinh.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** Giáo viên dẫn dắt, gợi mở để học sinh trả lời câu hỏi trong sách học sinh.  Câu 1. Vì sao chăm sóc, phòng và trị bệnh cho vật nuôi lại ảnh hưởng đến năng suất chất lượng sản phẩm chăn nuôi?  Câu 2. Trình bày biện pháp nuôi dưỡng, chăm sóc cho các vật nuôi được minh họa trong hình 10.8.   Câu 3. Cách chăm sóc vật nuôi đực giống khác với vật nuôi cái sinh sản như thế nào?  - Hướng dẫn học sinh trả lời dựa trên kiến thức đã học.  -Giáo viên hướng dẫn HS trả lời dựa trên sự khác biệt về đặc điểm của hai nhóm vật nuôi.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận nhóm nhỏ, phát biểu ý kiến nhận xét.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** HS trình bày kết quả, tổng hợp, ghi nhận phần kiến thức chuẩn  Câu 1.   * Nếu chăm sóc, phòng và điều trị bệnh không tốt dẫn đến vật nuôi có hệ miễn dịch không tốt, sức đề kháng kém, sức khỏe yếu, không đáp ứng được nhu cầu người tiêu dùng. * Ảnh hưởng rất lớn đến năng suất cũng như chất lượng sản phẩm chăn nuôi, nguồn sản phẩm không còn sạch và an toàn. * Sự sống vật nuôi ngắn hạn dẫn đến tổn thất kinh tế cho người nuôi.   **Câu 2.**   * Hình 10.8a: Cho vật nuôi con vận động để tăng cường sức khỏe, tiếp xúc nhiều với nắng sớm để cơ thể khỏe mạnh và trao đổi chất tốt. * Hình 10.8b: Giữ vệ sinh chuồng sạch sẽ, khô ráo tạo điều kiện tốt nhất cho vật nuôi sinh hoạt * Hình 10.8c: Cho bú sữa đầu có đủ chất dinh dưỡng, nhiều kháng thể giúp cho cơ thể vật nuôi non chống lại bệnh tật.   **Câu 3.**  Chế độ nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi cái sinh sản ở giai đoạn mang thai và giai đạn nuôi con quyết định đến chất lượng đàn vật nuôi con.   * Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi đực giống nhằm đạt khả năng giao phối giống cao và cho vật nuôi đời sau có chất lượng tốt.   => Chăm sóc con bố mẹ tốt thì khả năng sản xuất ra đời con thế hệ sau được tốt hơn và chất lượng hơn.  - Nhận xét các câu trả lời của nhau.  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV đánh giá, nhận xét.  **Hoạt động 4. Vận dụng**  **a) Mục tiêu:** Giúp học sinh cũng cố và vận dụng các kiến thức, kỹ năng chăm sóc và nuôi dưỡng vật nuôi vừa học vào thực tiễn.  **b) Nội dung:** Bài tập phần vận dụng trong sách học sinh và bài tập về nhà trong sách bài tập.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Đáp án bài tập phần vận dụng và bài tập về nhà.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - Giáo Viên gợi mở, hướng dẫn thực hiện yêu cầu trong sách học sinh.  - Gợi ý: Học sinh xác định loài vật nuôi ở gia đình, địa phương, nhận xét công việc chăm sóc và nuôi dưỡng vật nuôi trên cơ sở yêu cầu kỹ thuật nuôi dưỡng của mỗi loại vật nuôi.  - Giáo viên giao bài tập cho học sinh thực hiện ở nhà.  - Giáo Viên Gợi mở hướng dẫn thực hiện yêu cầu trong sách học sinh  - Gợi ý: Học sinh xác định loài vật nuôi ở gia đình, địa phương, nhận xét công việc chăm sóc và nuôi dưỡng vật nuôi trên cơ sở yêu cầu kỹ thuật nuôi dưỡng của mỗi loại vật nuôi.  - Giáo viên giao bài tập cho học sinh thực hiện ở nhà.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS tiếp nhận câu hỏi và về tìm đáp án.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** HS trình bày kết quả ở giờ học sau.  - Nhận xét các câu trả lời của nhau.  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV đánh giá, nhận xét. | | | | | |

**C. ĐÁNH GIÁ NHẬN XÉT**

**DỰ ÁN 2: KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC VẬT NUÔI**

**TRONG GIA ĐÌNH**

Thời gian thực hiện: 1 tiết

**I. MỤC TIÊU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất, năng lực** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **Mã hoá** |
| **1. Về năng lực**  **1.1. Năng lực công nghệ** | | |
| Đánh giá công nghệ | Lập kế hoạch và tính toán chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc một số loại vật nuôi trong gia đình. | [d.2.2] |
| **1.2. Năng lực chung** | | |
| Tự chủ và tự học | Biết lập và thực hiện kế hoạch học tập; nhận thức được sở thích khả năng của bản thân; chủ động, tích cực thực hiện những công việc thuộc nhiệm vụ bản thân để góp phần thực hiện dự án; vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng về nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi để thực hiện dự án. | 1 |
| Giao tiếp và hợp tác | Biết trình bày thông tin, ý tưởng, thảo luận những vấn đề về dự án, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm. | 2 |
| Giải quyết vấn đề và sáng tạo | Phân tích được tình huống đã cho để lập được kế hoạch hoạt động với mục tiêu, nội dung, hình thức hoạt động; đánh giá được kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch. | 3 |
| **2. Về phẩm chất** | | |
| Chăm chỉ | Có ý thưc vận dụng kiến thức cho công việc thực tiễn | 4 |
| Trách nhiệm | Có ý thức bảo vệ môi trường trong chăn nuôi | 5 |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động | Giáo viên | Học sinh |
| **Hoạt động 1. Giới thiệu dự án** | - Bài giảng CNTT  - Bảng đánh giá thực hiện dự án | - Vở bài tập  - Bút bi, thước,... |
| **Hoạt động 2. Xây dựng kế hoạch dự án** | - Bảng kế hoạch thực hiện dự án | - Vở bài tập  - Bút bi, thước,... |
| **Hoạt động 3: Thực hiện dự án** |  | - SHS  - Tài liệu tham khảo: sách báo, hình ảnh, video,...  - Bút bi, thước,…  - Mẫu 1. Báo cáo kế hoạch nuôi dưỡng chăm sóc vật nuôi  - Mẫu 2. Bảng tính chi phí nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi  - Bảng kế hoạch thực hiện dự án |
| **Hoạt động 4. Báo cáo dự án** | - Bảng đánh giá thực hiện dự án | - Mẫu 1. Báo cáo kế hoạch nuôi dưỡng chăm sóc vật nuôi  - Mẫu 2. Bảng tính chi phí nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi  - Bảng kế hoạch thực hiện dự án |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(thời gian)** | **Mục tiêu**  **(Mã hoá)** | **Nội dung dạy học**  **trọng tâm** | **PP/KTDH**  **chủ đạo** | **PP/Công cụ đánh giá** |
| **Hoạt động 1. Giới thiệu dự án** *(Kết hợp trong bài đầu tiên của chương)* |  | Giới thiệu chủ đề, mục tiêu, nội dung của dự án. | Dạy học theo dự án |  |
| **Hoạt động 2. Xây dựng kế hoạch dự án** *(Kết hợp trong bài 11)* |  | Phân công các công việc phải thực hiện, mốc thời gian, phân công nhiệm vụ | Dạy học theo dự án | - Bảng kế hoạch thực hiện dự án  - Bảng đánh giá thực hiện dự án |
| **Hoạt động 3: thực hiện dự án** *(HS thực hiện dự án ở nhà trong 1 tuần)* | [d.2.2]  [1]; [3];  [4]; [5] | Hoàn thành kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi theo mẫu 1 và mẫu 2 trang 69 SHS. | Dạy học theo dự án | - Mẫu 1. Báo cáo kế hoạch nuôi dưỡng chăm sóc vật nuôi  - Mẫu 2. Bảng tính chi phí nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi  - Bảng kế hoạch thực hiện dự án |
| **Hoạt động 4. Báo cáo dự án (45 phút)** | [2]; [3];  [4]; [5] | Báo cáo và đánh giá dự án của các nhóm. | Dạy học theo dự án | - Mẫu 1. Báo cáo kế hoạch nuôi dưỡng chăm sóc vật nuôi  - Mẫu 2. Bảng tính chi phí nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi  - Bảng đánh giá dự án |

**B. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:**

**HOẠT ĐỘNG 1. GIỚI THIỆU DỰ ÁN *(Kết hợp trong bài đầu tiên của chương)***

**a) Mục tiêu:** HS nhận biết chủ đề dự án, các nhiệm vụ phải thực hiện để hoàn thành dự án.

**b) Nội dung**: Giới thiệu chủ đề, mục tiêu, nội dung của dự án.

**c) Sản phẩm dự kiến:**

- Chủ đề: kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi trong gia đình

- Mục tiêu: Lập kế hoạch và tính toán chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc một số loại vật nuôi trong gia đình.

- Nhiệm vụ:

+ Lựa chọn một loại vật nuôi phù hợp với điều kiện nuôi thực tế của gia đình.

+ Tìm hiểu kĩ thuật nuôi dưỡng và chăm sóc loại vật nuôi đã chọn.

+ Lập kế hoạch cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc loại vật nuôi đã chọn.

+ Lập bảng tính chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc loại vật nuôi đã chọn.

**d) Tổ chức hoạt động dạy học**

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**

- GV chia lớp thành 4 nhóm để thực hiện nhiệm vụ của dự án.

+ GV nêu chủ đề, mục tiêu của dự án.

+ GV nêu tiêu chí đánh giá kết quả dự án.

+ GV nêu các nhiệm vụ cần thực hiện để hoàn thành đự án.

+ GV giới thiệu các nguồn tài liệu tham khảo.

- GV thông qua bảng đánh giá thực hiện dự án và bảng đánh giá dự án cho HS biết những tiêu chí HS cần đạt.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS nghe GV giới thiệu dự án, phân chia nhóm và tiếp nhận nhiệm vụ

**\* Báo cáo, thảo luận:**

- HS đại diện nhóm trình bày nội dung của nhóm đã thống nhất trong tiết báo cáo dự án.

**\* Kết luận, nhận định:**

- GV thống nhất nhóm và nêu lại mục tiêu, thời gian hoàn thành của dự án của dự án.

**HOẠT ĐỘNG 2. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH DỰ ÁN *(Kết hợp trong bài 11)***

**a) Mục tiêu**: hướng dẫn HS lập kế hoạch thực hiện dự án

**b) Nội dung**: bảng phân công các công việc phải thực hiện, mốc thời gian, phân công nhiệm vụ theo Phụ lục 1.

**c) Sản phẩm dự kiến**: kế hoạch chi tiết thực hiện các nhiệm vụ dự án.

**d) Tổ chức hoạt động dạy học**

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**

- GV hướng dẫn các nhóm HS tổ chức thảo luận để lập kế hoạch thực hiện theo Phụ lục 1:

+ Liệt kê các công việc cần làm

+ Lập kế hoạch thời gian, các mốc thời gian cho từng công việc;

+ Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm;

+ Liêt kê các dụng cụ, vật liệu cần thiết.

- GV dưa ra một số câu hỏi gợi ý cho dự án:

+ Nhóm của em đã chọn vật nuôi nào để thực hiện kế hoạch nuôi dưỡng chăm sóc. Đặc điểm của loại vật nuôi đó?

+ Dự định số lượng con giống? Chi phí cho con giống là bao nhiêu?

+ Việc chuẩn bị chuồng trại chăn nuôi được thực hiện như thế nào? Chi phí cho việc chuẩn bị chuồng trại, dụng cụ nuôi dưỡng cho nuôi dưỡng chăm sóc vật nuôi là bao nhiêu?

+ Dự tính chi phí thức ăn từ lúc bắt đầu đến lúc xuất chuồng là bao nhiêu?

+ Dự kiến việc phòng trị bệnh cho vật nuôi thực hiện hàng tuần, hàng tháng là như thế nào?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

+ HS nghe GV hướng dẫn, tiếp nhận nhiệm vụ và tiến hành thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**\* Báo cáo, thảo luận:**

- Các nhóm trình bày bản kế hoạch ở tiết báo cáo dự án.

**\* Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá.

**HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HIỆN DỰ ÁN *(HS thực hiện dự án ở nhà trong 1 tuần)***

**a) Mục tiêu:**

- [d.2.2] Lập kế hoạch và tính toán chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc một số loại vật nuôi trong gia đình.

- [1] Biết lập và thực hiện kế hoạch học tập; nhận thức được sở thích khả năng của bản thân; chủ động, tích cực thực hiện những công việc thuộc nhiệm vụ bản thân để góp phần thực hiện dự án; vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng về nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi để thực hiện dự án.

- [3] Phân tích được tình huống đã cho để lập được kế hoạch hoạt động với mục tiêu, nội dung, hình thức hoạt động; đánh giá được kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch.

- [4] Có ý thưc vận dụng kiến thức cho công việc thực tiễn

- [5] Có ý thức bảo vệ môi trường trong chăn nuôi

**b) Nội dung:**

Hoàn thành kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi theo mẫu 1 và mẫu 2 trang 69 SHS.

**c) Sản phẩm dự kiến:**

Bảng kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi của nhóm.

**d) Tổ chức hoạt động dạy học**

***\* Giao nhiệm vụ học tập:***

- GV hướng dẫn HS về nhà thực hiện nhiệm vụ và trình bày theo mẫu 1 và 2 trang 69 SHS.

***\* Thực hiện nhiệm vụ:***

- Các nhóm thực hiện phân công nhiện vụ cho từng cá nhân cụ thể theo bảng kế hoạch nhiệm vụ (phụ lục 1) nhiệm vụ.

- Các cá nhân trong nhóm thực hiện nhiệm vụ: tìm hiểu tài liệu; xây dựng kế hoạch cá nhân; hoàn thành nhiệm vụ.

- Thống nhất các ý kiến từ các thành viên trong nhóm; tổng hợp, hoàn thành các bảng (phụ lục 2 và 3).

***\* Báo cáo, thảo luận:***

- Các cá nhân báo cáo kết quả nhiệm vụ, thư kí tổng hợp.

- Các thành viên khác trong nhóm thảo luận, trao đổi, thống nhất.

***\* Kết luận, nhận định:***

*-* Tổng hợp các ý kiến vào bảng mẫu 1 và 2.

**HOẠT ĐỘNG 4. BÁO CÁO DỰ ÁN (45 PHÚT)**

**a) Mục tiêu:**

- [2] Biết trình bày thông tin, ý tưởng, thảo luận những vấn đề về dự án, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

- [3] Phân tích được tình huống đã cho để lập được kế hoạch hoạt động với mục tiêu, nội dung, hình thức hoạt động; đánh giá được kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch.

- [4] Có ý thưc vận dụng kiến thức cho công việc thực tiễn .

- [5] Có ý thức bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.

**b) Nội dung**:

Báo cáo và đánh giá thực hiện nhiệm vụ, đánh giá dự án của các nhóm.

**c) Sản phẩm dự kiến:**

Bảng báo cáo, đánh giá của các nhóm.

**d) Tổ chức hoạt động dạy học**

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**

- GV yêu cầu các nhóm trao đổi, thống nhất lại nội dung báo cáo trong thời gian 5 phút.

- GV tổ chức cho các nhóm HS báo cáo kết quả thực hiện dự án gồm các mục:

+ Báo cáo kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.

+ Báo cáo bảng tính chi phí nuôi dưỡn và chăm sóc vật nuôi.

- GV gợi ý cho các nhóm khác đưa ý kiến bổ sung.

- GV có thể yêu cầu các nhóm phân tích cụ thể một số nội dung chưa được làm rõ.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS thống nhất lại nội dung báo cáo của dự án.

- Ghi nhận một số ý kiến bổ sung vào dự án.

**\* Báo cáo, thảo luận:**

- Đại diện HS các nhóm báo cáo. Các HS khác trong nhóm theo dõi, bổ sung.

- Các HS các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung, nêu ý kiến nếu nội dung chưa được rõ ràng.

- HS trao đổi, phản biện câu hỏi.

- HS thực hiện đánh giá theo bảng đánh giá.

**\* Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, bổ sung.

- GV đánh giá việc thực hiện dự án của các nhóm:

+ Kế hoạch nhiệm vụ.

+ Xây dựng kế hoach dự án

+ Kết quả báo cáo của dự án.

**PHỤ LỤC**

**PHỤ LỤC 1**

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian bắt đầu thực hiện** | **Thời gian kết thúc** | **Nhiệm vụ** | **Người thực hiện** | **Phương tiện, dụng cụ, vật liệu** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**PHỤ LỤC 2**

**MẪU 1. BÁO CÁO KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG CHĂM SÓC**

**VẬT NUÔI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Giới thiệu**  - Giống vật nuôi chọn nuôi;  - Phương thức nuôi;  - Số lượng nuôi;  - Điều kiện sinh trưởng và phát triển  **2. Kế hoạch nuôi dưỡng chăm sóc**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Công việc cần làm** | **Thời gian thực hiện** | **Dụng cụ, vật liệu cần thiết** | **Ghi chú** | | 1 | ? | ? | ? | ? | | 2 | ? | ? | ? | ? | | 3 | ? | ? | ? | ? | | 4 | ? | ? | ? | ? | | … | ? | ? | ? | ? | |

**PHỤ LỤC 3**

**MẪU 2. BẢNG TÍNH CHI PHÍ NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SOCCS VẬT NUÔI**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Các loại chi phí** | **Đơn vị tính** | **Đơn giá**  **(đồng)** | **Số lượng** | **Thành tiền (đồng)** | **Ghi chú** |
| **1** | Vật liệu xây dựng chuồng nuôi | ? | ? | ? | ? | ? |
| **2** | Dụng cụ nuôi dưỡng (máng ăn, máng uống, …) | ? | ? | ? | ? | ? |
| **3** | Con giống | ? | ? | ? | ? | ? |
| **4** | Thức ăn | ? | ? | ? | ? | ? |
| **5** | Thuốc thú y | ? | ? | ? | ? | ? |
| **6** | Công chăm sóc | ? | ? | ? | ? | ? |
| **7** | Chi phí khác | ? | ? | ? | ? | ? |

**PHỤ LỤC 4**

**BẢNG ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

Tên nhóm:……………….

Tên thành viên được đánh giá:………………

\* Lưu ý: Đánh dấu X vào ô dưới mức độ tương ứng đạt được. Mỗi tiêu chí chỉ được tích một mức độ.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **MỨC ĐỘ** | | | |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** | **Mức 4** |
| **Đảm bảo thời gian** | Không tham gia làm việc nhóm; không hoàn thành nhiệm vụ cá nhân | Tham gia làm việc nhóm không thường xuyên; hoàn thành một phần nhiệm vụ cá nhân | Tham gia làm việc nhóm đầy đủ; hoàn thành nhiệm vụ cá nhân còn sơ sài. | Tham gia làm việc nhóm đầy đủ; hoàn thành tốt nhiệm vụ cá nhân. |
|  |  |  |  |
| **Trao đổi, hợp tác** | Không có tinh thần hợp tác, lắng nghe ý kiến của mọi người trong nhóm. | Có tinh thần hợp tác, lắng nghe ý kiến của mọi người trong nhóm | Có tinh thần hợp tác, biết lắng nghe và học hỏi ý kiến của các bạn, bảo vệ quan điểm cá nhân | Có tinh thần hợp tác, biết lắng nghe và học hỏi ý kiến của các bạn, bảo vệ quan điểm cá nhân, đồng thời giúp các bạn hợp tác tốt với nhau |
|  |  |  |  |
| **Kế hoạch làm việc** | Không có kế hoạch | Kế hoạch sơ sài, không thực tế | Có kế hoạch chi tiết, rõ ràng nhưng không thực tế | Kế hoạch chi tiết rõ ràng, thực tế, sáng tạo, khả năng ứng dụng cao |
|  |  |  |  |

**PHỤ LỤC 5**

**BẢNG ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt được tiêu chí** | | | |
| **4** | **3** | **2** | **1** |
| **NỘI DUNG**  **(6đ)** | Có đầy đủ các phần: giới thiệu, nội dung và kết thúc. Phần mở hoặc kết trình bày ấn tượng. **(4đ)** | Có đầy đủ các phần: giới thiệu, nội dung và kết thúc. **(3đ)** | Có phần nội dung nhưng thiếu phần giới thiệu hoặc kết thúc. **(2đ)** | Có phần nội dung nhưng thiếu cả hai phần giới thiệu và kết thúc. **(1đ)** |
| Tất cả nội dung trình bày đầy đủ nội dung, khoa học, chi tiết. **(2đ)** | Trên 70% nội dung trình bày đầy đủ nội dung, khoa học **(1.5đ)** | Từ 50% đến 70% nội dung trình bày đầy đủ nội dung, khoa học**(1đ)** | Hơn 50% nội dung trình bày không đầy đủ nội dung, chưa khoa học. **(0.5đ)** |
| **KẾT NỐI,**  **PHẢN HỒI,**  **HỢP TÁC**  **(4đ)** | Phân công công việc hợp lí, nhóm hợp tác tốt. **(2đ)** | Phân công công việc hợp lí, các thành viên có hợp tác. **(1,5đ)** | Phân công công việc rõ ràng, 1-2 thành viên không hợp tác. **(1đ)** | Phân công công việc chưa rõ ràng, nhóm không hợp tác. **(0,5đ)** |
| Trả lời đúng các câu hỏi của nhóm khác và GV  **(2đ)** | Trả lời đúng trên 70% các câu hỏi của nhóm khác và GV **(1,5đ)** | Trả lời đúng trên 50% các câu hỏi của nhóm khác và GV **(1đ)** | Trả lời đúng dưới 50% các câu hỏi của nhóm khác và GV **(0,5đ)** |

**C. ĐÁNH GIÁ NHẬN XÉT**

**ÔN TẬP CHƯƠNG 4 VÀ CHƯƠNG 5**

Thời gian thực hiện: 01 tiết

**I. MỤC TIÊU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất, năng lực** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **Mã hoá** |
| **1. Về phẩm chất** | | |
| Chăm chỉ | Có ý thức thực hiện nhiệm vụ học tập, biết vận dụng kiến thức, kỹ năng về nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi vào thực tiễn | 1 |
| ***1.2. Năng lực chung*** | | |
| - Tự chủ và tự học | Chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong đời sống ở gia đình, vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng về nuôi dưỡng, chăm sóc phòng trị bệnh cho vật nuôi vào thực tiễn | 2 |
| - Giao tiếp và hợp tác | Biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm những phần việc của cá nhân và phối hợp tốt vối các thành viên trong nhóm | 3 |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Giáo viên** | **Học sinh** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu** | Chuẩn bị hệ thông câu hỏi và bài tập SHS và SBT là tư liệu tham khảo. | Ôn lại các bài đã học, đọc trước bài ôn tập. |
| **Hoạt động 2. (Hình thành kiến thức mới**  **(Hệ thống câu hỏi)** |  |  |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(thời gian)** | **Mục tiêu**  (Mã hoá) | **Nội dung dạy học**  **trọng tâm** | **PP/KTDH**  **chủ đạo** | **PP/Công cụ đánh giá** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu**  (….. phút) | Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen với bài học. | Nội dung kiến thức ở chương 4 và chương 5. | Quan sát, hỏi đáp | Câu hỏi |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** | Hệ thống hóa kiến thức chương 4 và chương 5. | Mối liên hệ giữa các kiến thức của chương 4 và chương 5. | Sử dụng các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực hóa người học. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập.  - Trao đổi, thảo luận. |
| **B. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:**  **Hoạt động 1. Mở đầu ( 5 phút):**  **a) Mục tiêu:** Xác định được nội dung trọng tâm của Chương 4 và Chương 5.  **b) Nội dung:** HS xem sơ đồ tóm tắt nội dung ôn tập Chương 4 và Chương 5 để trả lời các câu hỏi ôn tập trang 71.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Sơ đồ hệ thống hóa các kiến thức, kĩ năng của chương 4 và chương 5.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  GV chia lớp thành 6 nhóm, mỗi nhóm 6 thành viên, phân công cụ thể cho từng thành viên trong nhóm( trên giấy A4). Mỗi nhóm trả lời 2 câu hỏi trong sgk trang 71.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  HS chia nhóm theo yêu cầu của GV và HS trả lời câu hỏi.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - HS chủ động trả lời câu hỏi GV phân công.  - HS khác bổ sung, nhận xét.  ***\* Kết luận, nhận định:***  GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của các nhóm.  **Hoạt động 2. (Hình thành kiến thức mới) ( 30 phút)**  **Hệ thống câu hỏi**  **a) Mục tiêu:**  Giúp HS hệ thống hóa các kiến thức, kĩ năng đã học ở Chương 4 và Chương 5.  **b) Nội dung:**  Mối liên hệ giữa các kiến thức của Chương 4 và Chương 5.  + Nghề chăn nuôi của Việt Nam.  + Một số phương thức chăn nuôi ở Việt Nam.  + Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.  + Chăn nuôi gà thịt thả vườn.  **c) Sản phẩm dự kiến:**  Đáp án của HS.  **1.** Vai trò ngành chăn nuôi trong nền kinh tế nước ta:   * Giúp phát triển kinh tế * Cung cấp thực phẩm cho con người như thịt, trứng, sữa…. * Cung cấp sức kéo như trâu, bò, ngựa, voi,… * Phục vụ cho việc canh tác, phục vụ tham quan du lịch như: voi, ngỗng... * Cung cấp phân bón sinh học phục vụ cho nông nghiệp với số lượng lớn. * Cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp nhẹ như lông, sừng, da, xương...   **2.** Hãy kể tên một số nghề phổ biến trong chăn nuôi   * Bác sĩ thú y * Nhà chăn nuôi (Nhà chăn nuôi lợn; nhà chăn nuôi trâu, bò; Nhà chăn nuôi dê; Nhà chăn nuôi gia cầm; Nhà chăn nuôi tôm cá..) * Nhà tư vấn nuôi trồng thủy sản * Nghề chọn và tạo giống vật nuôi   3.Những đặc điểm cơ bản của các nghề phổ biến trong chăn nuôi:   * Bác sĩ thú y: chăm sóc, theo dõi sức khỏe, dinh dưỡng, thức ăn và vệ sinh chăn nuôi. * Nhà chăn nuôi: nghiên cứu về giống vật nuôi, kĩ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng bệnh và trị bệnh cho vật nuôi; * Nhà tư vấn nuôi trồng thủy sản: hỗ trợ và tư vấn các kĩ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng dịch bệnh cho thủy sản; phát triển các chính sách quản lí nuôi trồng thủy sản. * Nghề chọn tạo giống vật nuôi: nghiên cứu, chọn lọc và tạo ra các giống vật nuôi có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao.   4. Chăn thả tự do   * Ưu điểm :   + Dễ nuôi, ít tốn thời gian, ít tốn công sức, ít bệnh   + Chuồng trại đơn giản, đỡ tốn kém   + Tự sản xuất con giống   + Thịt thơm ngon, săn chắc * Nhược điểm :   + Chậm lớn, chậm phát triển   + Phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên   + Quy mô đàn vừa phải   + Kiểm soát bệnh dịch khó khăn. Việc phát hiện bệnh không được kịp thời   Nuôi nhốt:   * Ưu điểm :   + Dễ kiểm soát dịch bệnh   + Nhanh lớn   + Ít phụ thuộc vào các điều kiện tự nhiên   + Cho năng suất cao và ổn định. * Nhược điểm :   + Thịt không ngon bằng chăn thả tự do   + Phức tạp về chuồng trại   + Đòi hỏi điều kiện kinh tế.   + Đòi hỏi nhiều về ký thuật chăn nuôi   Bán chăn thả tự do   * Ưu điểm:   + Dễ nuôi, ít bệnh tật   + Chuồng trại đơn giản, không cần phải đầu tư quá nhiều   + Hầu hết tự sản xuất con giống   + Các sản phẩm vật nuôi mang lại thơm ngon, đảm bảo chất dinh dưỡng. * Nhược điểm:   + Vật nuôi chậm lớn   + Quy mô đàn vừa phải, không quá lớn   + Việc kiểm soát bệnh dịch khó khăn   **5.** - Mục đích: Đạt khả năng phối giống cao và cho vật nuôi đời sau có chất lượng tốt.  - Biện pháp chăn nuôi vật nuôi đực giống:   * Nuôi dưỡng: cung cấp thức ăn có đủ năng lượng, protein, vitamin và những chất khoáng có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển tính dục của vật nuôi đực giống (kẽm, mangan, i-ốt,...) * Chăm sóc:   + Cho vật nuôi đực giống tắm nắng, vận động hằng ngày để cơ thể săn chắc, nhanh nhẹn, trao đổi chất tốt.   + Tiêm vaccine định kì cho vật nuôi đực giống.   + Giữ vệ sinh chuồng trại và tắm, chải cho vật nuôi.   + Kiểm tra định kì thể trọng và tình địch của vật nuôi đực giống.   + Thường xuyên theo dõi để phát hiện bệnh kịp thời.   + Nhanh chóng cách li và điều trị các vật nuôi đực giống nhiễm bệnh.   **6.** Khi nuôi dưỡng vật nuôi cái sinh sản cần phải chú ý đến những vấn đề sau:   * Cho vật nuôi vận động phù hợp để cơ thể vật nuôi tăng cường trao đổi chất. * Cung cấp đầy đủ năng lượng và các chất dinh dưỡng như: protein, chất khoáng (Ca, P,...), vitamin (A, B1, D, E,..) để nuôi cơ thể mẹ tăng trưởng, chuẩn bị tiết sữa sau đẻ. * Thay nước và thức ăn ngày 3-4 lần, vệ sinh máng, khay đựng thức ăn sạch sẽ * Theo dõi và chăm sóc kịp thời khi vật nuôi đẻ để bảo vệ đàn vật nuôi sơ sinh * Vật nuôi sơ sinh cần được sưởi ấm * Tắm, chải vệ sinh chuồng trại và dụng cụ cho ăn giúp vật nuôi tránh nhiễm bệnh (nhất là ở cuối giai đoạn mang thai) * Tiêm vaccine định kì cho vật nuôi cái sinh sản * Thường xuyên theo dõi nhằm phát hiện và điều trị bệnh kịp thời. * Cách li vật nuôi cái nhiễm bệnh để tránh lây lan cho đàn vật nuôi con.   **7.** Tầm quan trọng của việc vệ sinh trong chăn nuôi:   * Vệ sinh thân thể, chuồng trại tạo môi trường thoáng mát cho vật nuôi. * Phòng ngừa bệnh dịch xảy ra, bảo vệ sức khỏe vật nuôi và nâng cao năng suất chăn nuôi. * Đảm bảo môi trường sống của con người. * Thực hiện phương châm: " Phòng bệnh hơn chữa bệnh".   Yêu cầu:  (1) Vệ sinh môi trường sống của vật nuôi:   * Chuồng trại phải đảm bảo rộng rãi, đủ không gian sống cho vật nuôi * Khí hậu trong chuồng: nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, không khí... thích hợp để vật nuôi sinh trưởng và phát triển. Luôn đảm bảo chuồng trại khô ráo, thoáng mát * Xây dựng chuồng nuôi: hướng chuồng, kiểu chuồng đảm bảo thông gió, đủ ảnh sáng, kiểm soát được nhiệt độ; chuồng được giữ vệ sinh, khô ráo, sạch sẽ; * Thức ăn và nước uống đảm bảo vệ sinh; Trước mỗi lần thay thức ăn nước uống thì cần vệ sinh khay, mạng đựng sạch sẽ. * Xử lí phân,rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn trong chăn nuôi, bảo đảm chất lượng chăn nuôi cũng như sức khỏe con người.   (2) Vệ sinh thân thể vật nuôi: Tùy vào mỗi loại vật nuôi mà có chế độ tắm, chải và cho vật nuôi vận động hợp lí.  **8.** Nếu không cung cấp đủ dinh dưỡng cho vật nuôi cái ở giai đoạn mang thai:   * Con cái không đủ sức khỏe, thiếu chất, thiếu dinh dưỡng. * Ảnh hưởng đến sức khỏe đàn vật nuôi con, sức đề kháng kém, sức khỏe yếu, không đáp ứng được nhu cầu người tiêu dùng. * Ảnh hưởng đến năng suất chất lượng, sản phẩm chăn nuôi => Ít mang lại giá trị kinh tế cho người nuôi,  tổn thất kinh tế cho người nuôi.   **9.** Ngoài những phương thức chăn nuôi như là : chăn thả tự do, nuôi nhốt, nuôi bán chăn thả tự do thì ngày nay người ta đã cải tiến hơn trong cach nuôi  như là :   * Nuôi trồng thủy sản : Ngoài cách nuôi thả ao truyền thống thì nay người ta đã nuôi lồng đặt ở các vùng ven biển. * Nuôi bò sữa thì nay đã có gắn chíp điện tử cho mỗi từng con   Đề xuất biện pháp cải tiến hoạt động chăn nuôi ở địa phương em : Địa phương em thì chủ yếu là:   * Chăn nuôi heo. Trước đây người dân chăn nuôi theo kiểu truyền thống là cho heo ăn đơn thuần là hỗn hợp mỗi rau và cám gạo nấu lên. Theo cách nuôi này thì heo lâu lớn hơn, thời gian nuôi dài hơn. Ngày nay người ta đã biết bổ sung thêm cám cò, cám tổng hợp để đẩy nhanh thời gian nuôi mà chất lượng thịt vẫn đảm bảo * Có những trang trại nuôi bò nhưng vẫn đang theo hình thức bán chăn thả tự do => Nên cải tiến cách nuôi cho đàn bò bằng việc gắn chíp để theo dõi sức khỏe cho đàn bò. Như thế thì họ sẽ chủ động kiểm soát được đàn bò dễ hơn về cả vấn đề số lượng và sức khỏe đàn bò.   **10.** Vai trò:   * Chuồng nuôi giúp cho việc thực hiện quy trình chăn nuôi khoa học. * Chuồng nuôi sẽ giải quyết được vấn đề giữ khoảng cách đảm bảo giữa nhà ở và vật nuôi * Chuồng nuôi giúp gà tránh được những thay đổi của thời tiết ( tránh nắng mưa, gió bão..), đồng thời tạo ra một tiểu khí hậu thích hợp cho vật nuôi (nền chuồng đảm bảo khô ráo, thoáng mát, dễ dọn vệ sinh). Và là nơi cho gà nghỉ ngơi * Chuồng nuôi giúp cho vật nuôi hạn chế tiếp xúc với mầm bệnh (như vi trùng, kí sinh trùng gây bệnh…) (cần thực hiện tiêu độc, khử trùng, vệ sinh chuồng thường xuyên..) * Chuồng nuôi góp phần nâng cao năng suất chăn nuôi. * Chuồng nuôi giúp quản lí tốt đàn vật nuôi, thu được chất thải làm phân bón và tránh làm ô nhiễm môi trường.   Chuồng nuôi hợp vệ sinh:   * Lượng khí độc ít. * Đảm bảo rộng rãi, khô ráo, thoáng mát, nhiệt độ và độ ẩm thích hợp. * Cao ráo, thoáng mát phù hợp với thời tiết. * Các thiết bị khác chuồng cần được bố trí hợp lý. * Chuồng nên quay về hướng đông nam, mùa hè mát mẻ, mùa đông ấm áp, đảm bảo được việc đón ánh nắng, đón sáng đầy đủ * Nền chuồng cao, tránh gây trơn trượt và ẩm ướt khi vào mùa mưa. * Chọn địa điểm phải cách xa khu dân cư theo khoảng cách đúng quy định. * Chuồng đảm bảo vệ sinh, quét vôi sáng sủa, phòng chuột, rắn, ruồi, muỗi. * Tường nên xây bằng gạch để ủ ấm vật nuôi, mái che nên thiết kế dốc để thoát nước nhanh.   **11.**  - Chuẩn bị chuồng trại chăn nuôi gà thả vườn  Tùy theo từng kích cỡ và độ tuổi của gà đẻ có chuồng nuôi phù hợp :   * Gà con đến 1 tháng tuổi: để mật độ 20 đến 25 con/m2. * Gà đang trường thành từ 1 – 2 tháng tuổi: mật độ 8 đến 10 con/m2.   - Cách sử dụng máng ăn, máng uống:   * Bắt đầu sử dụng máng ăn loại nhỏ khi gà con được khoảng 5 ngày tuổi. Thay thế máng nhỏ bằng máng ăn treo khi gà được ít nhất 2 tuần tuổi. * Sử dụng máng uống loại treo đặt ngay gần máng ăn và thêm một số vị trí trong sân chơi để gà dễ dàng uống nước khi cần.   - Lắp đặt hệ thống điện sưởi ấm:   * Hệ thống đèn điện sưởi ấm là rất cần thiết đối với sự sống của gà con => Cần lắp đặt hệ thống đèn điện để sưởi ấm đủ để gà con không bị lạnh mà chết. * Sử dụng loại đèn 50W để sưởi ấm cho 30 con gà con. * Để tập trung gà con lại sưởi ấm qua đêm, nên sử dụng lồng chụp kích thước từ cao 50cm, rộng 150cm.   - Thức ăn chăn nuôi gà thả vườn   * Thức ăn cũng là một trong những yếu tố quan trọng trong kỹ thuật chăn nuôi gà thịt thả vườn. Đối với gà dưới 1 tháng tuổi, có thể rải tấm, cám ngô hoặc cám thóc trực tiếp lên sàn cho chúng ăn. Cho ăn liên tục không để trên sàn thiếu thức ăn. * Khi gà được 1 đến 2 tháng tuổi có thể cho chúng ăn bằng máng treo. Giai đoạn này, bà con có thể cho ăn thức ăn tự chế biến hoặc thức ăn công nghiệp tùy thích nhưng phải đảm bảo cung cấp đủ khoáng chất, đạm và vitamin cần thiết.   12.   * Em đồng ý với ý kiến trên. * Phòng bệnh thì người nuôi sẽ chủ động được, đỡ tốn công sức, tiền của và thời gian hơn. * Gà có khả năng mắc phải nhiều loại bệnh khó chữa, phải dùng thuốc, có thể không chữa khỏi hoặc để lại di chứng sau này.   + Khi bệnh chuyển biến quá nặng, gà sẽ chết, gây ảnh hưởng lớn đến kinh tế.   + Ngoài ra bệnh có thể lây lan ra toàn bộ đàn gây thiệt hại rất lớn. * Nếu ta phòng bệnh tốt cho vật nuôi thì vật nuôi sẽ cho sản phẩm chất lượng cao, số lượng nhiều, ngoài ra chi phí phòng bệnh sẽ thấp hơn chi phí chữa bệnh.   **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  GV yêu cầu HS nhắc lại các kiến thức cốt lỗi của Chương 4 và Chương 5.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  + GV đặt câu hỏi về mối liên hệ giữa các khối kiến thức và vẽ minh họa hệ thống hóa kiến thức Chương 4 và Chương 5 trong SHS. GV có thể dùng sơ đồ để nhắc lại những ý chính của từng bài học.  + GV triển khai thêm các nhánh của sơ đồ để tái hiện nội dung chính của Chương 4 và Chương 5.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  + HS trình bày kết quả.  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung.  ***\* Kết luận, nhận định:***  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  **Nội dung cốt lõi: …………………….**  **Hoạt động 3. Luyện tập ( 6 phút)**  **a) Mục tiêu:** Hệ thống hóa kiến thức của chương 4 và chương 5.  **b) Nội dung:** Mối liên hệ giữa các kiến thức chương 4 và chương 5.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Sơ đồ hệ thống hóa các kiến thức, kĩ năng của chương 4 và chương 5.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** GV yêu cầu HS nhắc lại kiến thức khái quát về chăn nuôi, hướng dẫn HS vẽ sơ đồ mối liên hệ kiến thức của chương 4 và chương 5.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  *+*HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV quan sát, hướng dẫn HS khi HS cần sự giúp đỡ.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  *+*HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung.  ***\* Kết luận, nhận định:***  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  + HS ghi chép bài đầy đủ vào tập.  **Hoạt động 4. Vận dụng ( 4 phút)**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.  **b) Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Câu hỏi của học sinh.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  1. Ngành chăn nuôi có vai trò như thế nào trong nền kinh tế nước ta?  2. Hãy kể tên một số nghề phổ biến trong chăn nuôi?  3. Hãy trình bày những đặc điểm cơ bản của các nghề phổ biến trong chăn nuôi?  4. Trình bày ưu và nhược điểm của mỗi phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam?  5. Trình bày mục đích và biện pháp chăn nuôi vật nuôi đực giống?  6. Khi nuôi dưỡng vật nuôi cái sinh sản cần phải lưu ý những vấn đề gì? Vì sao?  7. Hãy nêu tầm quan trọng và những yêu cầu của việc vệ sinh rong chăn nuôi?  8. Tại sao các chất dinh dưỡng như protein, chất khoáng, vitamin cung cấp cho vật nuôi cái sinh sản trong giai đoạn mang thai ảnh hưởng đến chất lượng của đàn vật nuôi con?  9. Tìm hiểu trên báo chí và internet để biết những phương pháp mới trong chăn nuôi. Từ đó, đề xuất biện pháp cải tiến hoạt động chăn nuôi ở địa phương em?  10. Vai trò của chuồng nuôi gà thịt thả vườn là gì? Thế nào là chuồng nuôi hợp vệ sinh?  11. Trình bày kĩ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc gà thịt thả vườn?  12. Em nghĩ thế nào về ý kiến “ Phòng bệnh hơn chữa bệnh” cho vật nuôi?  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và ôn tập kiểm tra.  ***\* Kết luận, nhận định:***  +Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp.  + Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh kiến thức cốt lỗi của Chương 4 và Chương 5. | | | | | |
|  | | | | | |

**C. ĐÁNH GIÁ NHẬN XÉT**

**BÀI 12. NGÀNH THỦY SẢN Ở VIỆT NAM**

Thời gian thực hiện: 01 tiết

**I. MỤC TIÊU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất, năng lực** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **Mã hoá** |
| **1. Về năng lực**  ***1.1. Năng lực công nghệ*** | | | |
| Nhận thức công nghệ | - Trình bày được vai trò cùa ngành thủy sản trong nền kinh tế Việt Nam;  - Nhận biết được một số thuỷ sản có giá trị kinh tế cao ở nước ta. | (a2.2.1)  (a2.2.2) |
| Giao tiếp công nghệ | Sử dụng một số thuật ngữ về nuôi th[uỷ sản đề trình bày vai trò](https://blogtailieu.com/) [của ngành nuôi thủy sản](https://blogtailieu.com/) đồi với nền kinh tế xã hội Việt Nam | (b2.2) |
| Đánh giá công nghệ | Đưa ra nhận xét, đánh giá hành động hợp lí trong hoạt động [của ngành](https://blogtailieu.com/) [nuôi thuỷ sản trong nền](https://blogtailieu.com/) kinh tế. Đánh giá được một số đối tượ[ng thuỷ sản nuôi có giá tri](https://blogtailieu.com/) [kinh tế cao của Việt Nam](https://blogtailieu.com/). | (d2.1) |
| ***1.2. Năng lực chung*** | | | |
| Tự chủ và tự học | [C](https://blogtailieu.com/)hủ động, tích cực trong hoc tập và cuộ[c sống, vận dụng linh hoạt](https://blogtailieu.com/) [những kiến thức, kĩ năng](https://blogtailieu.com/) đã học vào việc nuôi thủy sản trong gia đình và địa phương. | (1) |
| Giao tiếp và hợp tác | Biết trình bày ý tưởng, thảo luận những [vấn đề của bài học và thực](https://blogtailieu.com/) [hiện có trách nhiệm các ph](https://blogtailieu.com/)ần việc của cá nhân phải phối hợp tốt với cá[c thành viên trong nhóm.](https://blogtailieu.com/) | (2) |
| **2. Về phẩm chất** | | | |
| Yêu nước | Có ý thức tìm hiểu về ngành nuôi thủy sản của [Việt Nam, ý thức học tập,](https://blogtailieu.com/) [rèn luyện tạo sản phẩm đ](https://blogtailieu.com/)óng góp cho sự phát triển kinh tế của đất nước | (3) |
| Chăm chỉ | Có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụ[ng kiến thức, kĩ năng vào](https://blogtailieu.com/) [nghề nuôi thủy sản trong](https://blogtailieu.com/) đời sồng hằng ngày | (4) |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Giáo viên** | **Học sinh** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu** | Video (về hoạt động nuôi thủy sản) | Bút bi, vở ghi chép. |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |  |  |
| **Hoạt động 2.1. Vai trò của ngành thủy sản trong nền kinh tế Việt Nam** | + Phát phiếu học tập số 1.  + Hình 12.1 (SHS) | - Hoàn thành phiếu học tập số 1 /nhóm  - Bút lông, bút bi, vở ghi chép. |
| Hoạt động 2.2. Một số thủy sản có giá trị kinh tế cao ở Việt Nam | + Phát phiếu học tập số 2  + Hình 12.2  + Giấy A0 | - Hoàn thành phiếu học tập số 2 /nhóm  - Bút lông, bút bi, vở ghi chép. |
| **Hoạt động 3. Luyện tập** | Bài tập ở phần luyện tập ở SHS | - Hoàn thành bài tập SHS phần luyện tập.  - Bút bi, vở ghi chép. |
| **Hoạt động 4. Vận dụng** | Bài tập ở phần Vận dụng ở SHS | - Hoàn thành bài tập SHS phần luyện tập.  - Bút bi, vở ghi chép |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(thời gian)** | **Mục tiêu**  (Mã hoá) | **Nội dung dạy học**  **trọng tâm** | **PP/KTDH**  **chủ đạo** | **PP/Công cụ đánh giá** | |
| **Hoạt động 1. Mở đầu**  (6 phút) | (a2.2.2)  (3) | Hình ảnh hoạt động nuôi thủy sản | Phương pháp công não | Câu trả lời của HS | |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |  |  |  |  | |
| **Hoạt động 2.1. Vai trò của ngành thủy sản trong nền kinh tế Việt Nam**  (12 phút) | (a2.2.1)  (b2.2)  (2) (4) | Vai trò của ngành thủy sản trong nền kinh tế Việt Nam | Phương pháp hoạt động nhóm  Phương pháp công não | Phiếu học tập số 1 | |
| **Hoạt động 2.2. Một số thủy sản có giá trị kinh tế cao ở Việt Nam**  (18 phút) | (a2.2.2)  (d2.1)  (2) (4) | Một số thủy sản có giá trị kinh tế cao ở Việt Nam | Kĩ thuật khăn trãi bàn Phương pháp hoạt động nhóm | + Phiếu học tập số 2  + Sản phẩm khăn trãi bàn của nhóm (giấy A0) | |
| **Hoạt động 3. Luyện tập**  (5 phút) | (a2.2.1)  (d2.1)  (1) | Vai trò nuôi thủy sản – Vận dụng kiến thức nuôi thủy sản vào cuộc sống | Phương pháp công não | Câu trả lời của HS | |
| **Hoạt động 4. Vận dụng**  (4 phút) | (1)  (4) | Vận dụng loại hình, các giá trị nuôi thủy sản trong gia đình và địa phương. | Phương pháp công não | Câu trả lời của HS | |
| **B. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:**  **Hoạt động 1. Mở đầu (5 phút):**  **a) Mục tiêu:** Khơi gợi nhu cầu tìm hiểu về tác động của hoạt [động nuôi thủy sản đến](https://blogtailieu.com/) [nền kinh tế của nước ta.](https://blogtailieu.com/)  **b) Nội dung:** Câu hỏi ở phần mở đầu của SHS  **c) Sản phẩm dự kiến:** Trả lời câu hỏi ở phần mở đầu của SHS  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động dạy** | **Hoạt động học** | | ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  GV cho hs xem video về hoạt động nuôi thủy sản  Yêu cầu HS trả lời câu hỏi ở phần mở đầu của SHS  ***\* Kết luận, nhận định:***  + GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của từng cá nhân học sinh  + GV dẫn dắt vào bài, giới thiệu mục tiêu bài học | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  HS học tập toàn lớp:  + HS xem video (về hoạt động nuôi thủy sản)  + Ghi lại các tác động của hoạt động nuôi thủy sản đến nền kinh tế thông qua đoạn video.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  + HS chủ động xung phong trả lời theo nội dung đã ghi lại  + HS khác nhận xét, bổ sung các tác động của hoạt động nuôi thủy sản đến nền kinh tế theo hiểu biết cá nhân sau khi quan sát video |   **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới:**  **Hoạt động 2.1: Vai trò của ngành thủy sản trong nền kinh tế Việt Nam ( 12 phút)**  **a) Mục tiêu:**  - G[iúp HS n](https://blogtailieu.com/)hận biết vai trò quan trọng của ngành [thủy sản trong nền kinh](https://blogtailieu.com/) [tế Việt Nam.](https://blogtailieu.com/)  **b) Nội dung:**  - V[ai trò củ](https://blogtailieu.com/)a ngành thủy sản trong nền kinh tếViệt Nam  **c) Sản phẩm:**  Trả lời câu hỏi và đáp án phiếu học tập số 1  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động dạy** | **Hoạt động học** | | ***Giao nhiệm vụ học tập:*** + GV chia lớp thành 5 nhóm, mỗi nhóm 6 thành viên  GV hướng dẫn các nhóm phân công cụ thể cho từng thành viên trong nhóm (trên giấy A4): Nhóm trưởng, thư kí, người thuyết trình (vai trò sẽ luân chuyển ở các hoạt động sau).  + Phát phiếu học tập số 1.  + Yêu cầu các nhóm xem hình 12.1 Vai trò của ngành thủy sản trong nền kinh tế Việt Nam (GV phóng to hình ảnh và trình chiếu cho HS dễ quan sát)  Yêu cầu các nhóm điền đáp án (Vai trò của ngành thủy sản) vào phiếu học tập số 1  **Phiếu học tập số 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **TT** | **Hình ảnh** | **Vai trò của ngành thủy sản** | | 1 | 12.1a |  | | 2 | 12.1b |  | | 3 | 12.1c |  | | 4 | 12.1d |  | | 5 | 12.1e |  | | 6 | 12.1f |  |   + Sau đó, giáo viên yêu cầu các nhóm thảo luận trả lời câu hỏi 2 (SHS )  ***\* Kết luận, nhận định:***  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của các nhóm, tuyên dương những nhóm làm việc tích cực; khích lệ, động viên những nhóm chưa hoạt động sôi nổi.  - GV kết luận | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  + HS chia nhóm và phân công nhiệm vụ từng thành viên theo yêu cầu.  + HS quan sát hình 12.1, thảo luận và hoàn thành phiếu học tập số 1  + HS thảo luận và trả lời câu hỏi số 2 (SHS)  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  - Đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung. | | **Nội dung cốt lõi:**  **1. Vai trò của ngành thủy sản trong nền kinh tế Việt Nam**  - Cung cấp thực phẩm cho con người  - Cung cấp nguyên liệu cho ngành chế biến thực phẩm, chăn nuôi và các ngành công nghiệp khác  - Xuất khẩu thủy sản  - Tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động  - Góp phần bảo vệ môi trường và đảm bảo chủ quyền quốc gia. | |   **Hoạt động 2.2: Một số thủy sản có giá trị kinh tế cao ở Việt Nam (18 phút)**  **a) Mục tiêu:**  - [Giúp HS](https://blogtailieu.com/) nhận biết được nguồn lợi thủy sản củ[a Việt Nam](https://blogtailieu.com/).  - [Giúp HS](https://blogtailieu.com/) nhận biết được một số loài thủy sản n[uôi có giá tri kinh tế cao](https://blogtailieu.com/)  **b) Nội dung:**  - [Các ngu](https://blogtailieu.com/)ồn lợi thủy sản nước mặn, nước lợ, nư[ớc ngọt](https://blogtailieu.com/)  - Nguồn lợi thuỷ sản Việt Nam và một số loài thuỷ sản có giá trị kinh tế cao ở Việt Nam.  **c) Sản phẩm:** Sản phẩm khăn trãi bàn của các nhóm (giấy Ao), trả lời câu hỏi và đáp án phiếu học tập số 2  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động dạy** | **Hoạt động học** | | **Hoạt động 2.2.1 Nguồn lợi thủy sản của Việt Nam** | | | **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  [GV tổ chức cho](https://blogtailieu.com/) HS hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm thông qua kĩ thuật khăn trãi bàn tìm hiểu [những lợi thế để phát](https://blogtailieu.com/) triển ngành nuôi thủy sản ở nước ta?      ***\* Kết luận, nhận định:***  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa sản phẩm của các nhóm  - GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của các cá nhân, các nhóm  - GV kết luận | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  HS phân chia nhóm, tự phân chia nhiệm vụ trong nhóm:  + Mỗi người ngồi vào vị trí xung quanh bàn, trước tấm khăn trãi bàn (giấy Ao)  + Mỗi cá nhân tự nghiên cứu câu hỏi ([Những lợi thế để phát](https://blogtailieu.com/) triển ngành nuôi thủy sản ở nước ta?)và làm việc độc lập trong khoảng vài phút để chuẩn bị câu trả lời  +Viết câu trả lời vào ô mang số của cá nhân HS  +Sau thời gian làm việc cá nhân, các thành viên thảo luận thống nhất các câu trả lời và viết những ý kiến chung của cả nhóm vào giữa tấm khăn trải bàn (giấy Ao)  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  Các nhóm treo sản phẩm, đại diện nhóm trình bày | | **Hoạt động 2.2.2 Một số thủy sản có giá trị cao ở Việt Nam** | | | **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  [GV tổ chức cho](https://blogtailieu.com/) HS hoạt động nhóm để thảo luận các nội dung: Giá trị kinh tế của Tôm? Những loại thủy sản được nuôi để xuất khẩu ở nước ta?  + Phát phiếu học tập số 2  + Yêu cầu các nhóm xem hình 12.2 Một số thủy sản đang được nuôi ở nước ta (GV phóng to hình ảnh và trình chiếu cho HS dễ quan sát)  Yêu cầu các nhóm điền đáp án vào phiếu học tập số 2  **Phiếu học tập số 2**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **TT** | **Hình ảnh** | **Tên và môi trường sống của các loại thủy sản** | | 1 | 12.2a |  | | 2 | 12.2b |  | | 3 | 12.2c |  | | 4 | 12.2d |  | | 5 | 12.2e |  | | 6 | 12.2f |  | | 7 | 12.2g |  | | 8 | 12.2h |  | | 9 | 12.2i |  | | 10 | 12.2j |  | | 11 | 12.2k |  | | 12 | 12.2l |  |   ***\* Kết luận, nhận định:***  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của các nhóm, tuyên dương những nhóm làm việc tích cực; khích lệ, động viên những nhóm chưa hoạt động sôi nổi.  - GV kết luận | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  + HS phân chia nhóm, tự phân chia nhiệm vụ trong nhóm.  +HS thảo luận hoàn thành các nhiệm vụ đã được giao trước đó: Tìm hiểu giá trị kinh tế của Tôm? Những loại thủy sản được nuôi để xuất khẩu ở nước ta?  + Hoàn thành phiếu học tập số 2  + Nhóm HS có thể nêu khó khăn để GV giúp đỡ kịp thời.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  - Đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung. | | **Nội dung cốt lõi:**  **2. Một số thủy sản có giá trị kinh tế cao ở Việt Nam**  **2.1 Nguồn lợi thủy sản của Việt Nam**  - Thủy sản nước mặn  - Thủy sản nước lợ  - Thủy sản nước ngọt  **2.2 Một số thủy sản có giá trị cao ở Việt Nam**  **a. Tôm**  Tôm sú, tôm thẻ chân trắng, tôm càng xanh và tôm hùm.  **b. Cá nước ngọt**  Cá tra và cá basa  **c. Cá biển**  Cá song (cá mủ), cá giò (cá bớp), cá vược (cá chèm), cá chim trắng, cá hồng, cá măng,...  Ngoài cá, một số thủy sản nước mặn khác mang lại giá trị cao như cua, ghẹ, nghêu (ngao), hàu, tu hài, ốc hương, trai (nuôi lấy ngọc). | |   **Hoạt động 3. Luyện tập ( 5 phút)**  **a) Mục tiêu:** Giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức đã học về vai trò cùa ngành nuôi thủy sản đối với nền kinh tế Việt Nam và xác định được một số loài thuỷ sản có giá trị cao ở nước ta.  **b) Nội dung:** Bài tập ở phần Luyện tập trong SHS  **c) Sản phẩm dự kiến:** Đáp án bài tập ở phần Luyện tập trong SHS  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động dạy** | **Hoạt động học** | | **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  GV dẫn dắt, gợi mở để HS trả lời câu hỏi trong SHS:  **Câu 1.** Nuôi thủy sản có vai trò gì đối với nền kinh tế và đời sống xã hội?  **Câu 2.** Trong những năm vừa qua, nghề nuôi tôm ờ đồng bằng Nam Bộ khá phát triển. Thấy nuôi tôm có lợi, nhiều gia đình đã phá rừng ngập mặn ven biển để làm đầm nuôi tôm. Theo em, cách làm như vậy đúng hay sai? Vì sao?  ***\* Kết luận, nhận định:***  Chính xác hóa câu trả lời của HS | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  + HS tập trung nghe GV hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ở phần luyện tập.  + HS nghiên cứu tài liệu SHS để trả lời các câu hỏi.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  + Đại diện cá nhân HS trả lời và giải thích. + HS khác nhận xét, bổ sung |   **Hoạt động 4. Vận dụng ( 5 phút)**  **a) Mục tiêu**  - Giúp HS cũng cố các kiến thức, kĩ năng và vận dụng kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm để xác định vai trò cùa ngành nuôi thuỷ sản, nhận biết các đối tượng nuôi có giá trị kinh tế.  **b) Nội dung:** bài tập vận dụng trong SHS và bài tập về nhà trong SBT.  **c) Sản phẩm dự kiến:** đáp án bài tập phần vận dụng trong SHS và bài tập về nhà trong SBT  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động dạy** | **Hoạt động học** | | ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** + Giáo viên hướng dẫn, yêu cầu HS làm bài tập phần vận dụng trong SHS (hoạt động cá nhân)  ***\* Kết luận, nhận định:***  - Gv nhận xét dựa vào bài tập trong SHS và kết luận, hướng dẫn về nhà | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** + Hs lắng nghe và hoàn thành bài tập theo yêu cầu.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  + HS hoàn thành bài tập phần vận dụng trong SHS | | | | | | |

**IV. PHỤ LỤC**

**Đáp án phiếu học tập số 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình ảnh** | **Vai trò của ngành thủy sản** |
| 1 | 12.1a | Cung cấp thực phẩm cho con người |
| 2 | 12.1b | Cung cấp nguyên liệu cho ngành chăn nuôi và các ngành công nghiệp khác. |
| 3 | 12.1c | Cung cấp nguyên liệu cho ngành chế biến thực phẩm. |
| 4 | 12.1d | Xuất khẩu thủy sản |
| 5 | 12.1e | Tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động. |
| 6 | 12.1f | Góp phần bảo vệ môi trường và đảm bảo chủ quyền quốc gia. |

**Đáp án phiếu học tập số 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình ảnh** | **Tên và môi trường sống của các loại thủy sản** |
| 1 | 12.2a | Tôm sú (thủy sản nước lợ): ao, đầm ven biển hoặc các bãi bồi.. |
| 2 | 12.2b | Tôm sú (thủy sản nước lợ): ao, đầm ven biển hoặc các bãi bồi.. |
| 3 | 12.2c | Tôm thẻ chân trắng (thủy sản nước lợ): ao, đầm ven biển hoặc các bãi bồi.. |
| 4 | 12.2d | Tôm càng xanh (môi trường nước ngọt): ao, ruộng lúa. |
| 5 | 12.2e | Cá tra nuôi (nước lợ hoặc nước phèn): ao đấy hoặc trong lồng bè. |
| 6 | 12.2f | Cá rô phi (nước ngọt, nước lợ hoặc nước mặn): sông, suối, kênh, rạch, ao, hồ |
| 7 | 12.2g | Cá chép (nước ngọt): ao, hồ, sông, suối. |
| 8 | 12.2h | Cá basa (nước lợ hoặc nước phèn): ao đấy hoặc trong lồng bè. |
| 9 | 12.2i | Cá mú (nước mặn): lồng bè ở ven biển hoặc vùng vịnh. |
| 10 | 12.2j | Trai (nước mặn): lồng bè ở ven biển hoặc vùng vịnh. |
| 11 | 12.2k | Cá bớp (nước mặn): lồng bè ở ven biển hoặc vùng vịnh. |
| 12 | 12.2l | Cá chim trắng (nước mặn): lồng bè ở ven biển hoặc vùng vịnh. |

**Bài tập SHS phần Luyện tập.**

**Câu hỏi 1.** Nuôi thủy sản có vai trò gì đối với nền kinh tế và đời sống xã hội?

**Trả lời**

Nuôi thủy sản có vai trò đối với nền kinh tế và đời sống xã hội:

- Cung cấp thực phẩm cho con người,

- Cung cấp nguyên liệu cho ngành chế biến thực phẩm, chăn nuôi và các ngành công nghiệp khác,

- Làm sạch môi trường nước.

- Làm thức ăn cho gia súc gia cầm (Bột cá làm thức ăn trong chăn nuôi).

- Xuất khẩu thuỷ sản.

- Tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động,

- Góp phần bảo vệ môi trường và đảm bảo chủ quyền quốc gia.

=> Ngành thuỷ sản đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế đất nước.

**Câu hỏi 2.** Trong những năm vừa qua, nghề nuôi tôm ở đồng bằng Nam Bộ khá phát triển. Thầy nuôi tôm có lợi, nhiều gia đình đã phá rừng ngập mặn ven biển để làm nuôi tôm. Theo em, cách làm như vậy đúng hay sai? Vì sao?

**Trả lời**

- Cách làm như vậy là không đúng vì việc chắt phá rừng là hoàn toàn sai trái.

- Thiên nhiên là do trời ban tặng, mỗi loài động, thực vật trên Trái Đất đều được sinh sống.

- Không chỉ vậy, có những năm thủy lợi phát triển mạnh nhưng cũng có năm không phát triển mạnh.

- Nếu thời điểm nuôi trồng thủy sản gặp đúng thời điểm không phát triển thì sẽ vừa bị tốn kém chi phí lại vừa phá hoại rừng, gây ảnh hưởng rất lớn đến kinh tế cũng như môi trường tự nhiên.

=> Không nên phá hoại của cải, vật chất thiên nhiên mà ông trời ban cho ta ngược lại phải quý trọng và giữ gìn chúng.

**Bài tập SHS phần Vận dụng.**

**Câu hỏi 1.** Ở địa phương em hiện đang nuôi loại thủy sản nào và nuôi theo hình thức nào?

**Trả lời**

HS liên hệ thực tế tại địa phương. Ví dụ:

- Ở địa phương em thường nuôi cá. Hình thức nuôi cá chủ yếu là nuôi trong ao nước tĩnh với quy mô nhỏ.

- Nuôi tôm theo hình thức nuôi chắn sáo, đăng quầng.

- Nuôi lươn, ếch bằng đầm nhân tạo.

**Câu hỏi 2.** Em hãy tìm hiểu để mô tả lại cách nuôi trai lấy ngọc. Ngọc trai có giá trị như thế nào?

**Trả lời**

Để có trai cho ngọc, người nuôi phải trải qua ít nhất 3 giai đoạn:

- Giai đoạn nuôi vỗ

- Giai đoạn nuôi cấy

- Giai đoạn nuôi dưỡng

- Sau đó thực hiện cấy ghép mô tế bào và nhân vào xoang màng áo ngoài của trai.

- Cấy ghép xong, trai được cho vào bể chứa, cố định trong túi lưới trồi treo xuống ao.

Ngọc trai có giá trị:

- Làm trang sức

- Làm đồ trang trí

- Đem lại nguồn giá trị về kinh tế

- Mang ý nghĩa phong thủy

**TÊN BÀI/CHỦ ĐỀ:**

**Bài 13 : QUY TRÌNH KĨ THUẬT NUÔI THỦY SẢN ( TIẾT 1)**

**Thời gian thực hiện: 3 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất, năng lực** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **Mã hoá** |
| **1. Về năng lực**  ***1.1. Năng lực công nghệ*** | | |
| *Nhận thức công nghệ* | Nhận thức được vai trò của việc nuôi thuỷ sản để tạo thực phẩm sạch, an toàn cung cấp cho xã hội. | a.1.1 |
| *Giao tiếp công nghệ* | Sử dụng một số thuật ngữ về phương pháp, kĩ thuật nuôi để trình bày cách nuôi và quy trình thực hiện nuôi một loại thuỷ sản phổ biến. | a.1.2 |
| *Sử dụng công nghệ* | Sử dụng các công đoạn trong quy trình đã học, phương pháp đo nhiệt độ, độ trong của nước vào thực tiễn nuôi thuỷ sản. | a.1.3 |
| *Đánh giá công nghệ* | nhận xét, đánh giá hành động hợp lí để nuôi một loại thuỷ sản, đánh giá được nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thuỷ sản. | a.1.4 |
| ***1.2. Năng lực chung*** | | |
| *Tự chủ và tự học* | Chủ động, tích cực trong học tập và cuộc sống; vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học vào việc nuôi thuỷ sản trong gia đình và địa phương. | (1) |
| *Giao tiếp và hợp tác* | biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học và thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân, phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm. | (2) |
| **2. Về phẩm chất** | | |
| *Nhân ái* | Có ý thức quan tâm, tham gia vào việc nuôi trồng thuỷ sản, hiểu được kĩ thuật nghề nuôi thuỷ sản, tạo được sản phẩm đóng góp cho sự phát triển kinh tế, xã hội. | (3) |
| *Chăm chỉ* | Có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng nghề nuôi thuỷ sản trong đời sống hằng ngày. | (4) |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Giáo viên** | **Học sinh** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu** | Máy tính, máy chiếu, video clip về hoạt động nuôi thuỷ sản.  (https://youtu.be/RqRJMI9HUf8) | Học sinh tìm hiểu về kĩ thuật nuôi thủy sản |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |  |  |
| **Hoạt động 2.1. Môi trường nuôi thủy sản.** | Máy tính, máy chiếu,  Hình 13.1 SGK  Phiếu học tập số 1 | -Bút xạ, giấy A0  - Đọc trước nội dung bài trong sách học sinh. |
| **Hoạt động 2.2. Thức ăn của thủy sản** | Máy tính, máy chiếu,  Hình 13.2, 13.3, 13.4 SGK  Phiếu học tập số 2 | -Bút xạ, giấy A0  Đọc trước nội dung bài trong sách học sinh |
| **Hoạt động 3. Luyện tập** | Máy tính, máy chiếu,  Hình ảnh về quạt nước  Câu hỏi luyện tập trong SHS | Bút, giấy A4 |
| **Hoạt động 4. Vận dụng** | Câu hỏi vận dụng trong SHS | Bút, giấy A4 |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**- Tiết 1:**

**1. Môi trường nuôi thuỷ sản**

**2. Thức ăn của thuỷ sản**

**- Tiết 2:**

**3. Quy trình kĩ thuật nuôi thuỷ sản (tôm, cá)**

**- Tiết 3:**

**4. Đo nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thuỷ sản (tổ chức thực hành)**

**B. CHUẨN BỊ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(thời gian)** | **Mục tiêu**  (Mã hoá) | **Nội dung dạy học**  **trọng tâm** | **PP/KTDH**  **chủ đạo** | **PP/Công cụ đánh giá** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu**  (5 phút) | Khơi gợi nhu cầu tìm hiểu về cách nuôi thuỷ sản đạt hiệu quả cao | Kĩ thuật chăn nuôi thủy sản. | PP dạy học trực quan, vấn đáp  KTDH: động não  - công não | GV nhận xét, đánh giá |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |  |  |  |  |
| **Hoạt động 2.1. Môi trường nuôi thủy sản.**  (15 phút) | (a1.1), (a1.2), (a1.4), (1), (2),(3), (4) | - Một số môi trường nuôi thủy sản.  - Đặc điểm của nước nuôi thủy sản. | PP dạy học trực quan  PP vấn đáp  KTDH: động não – công não | Hỏi đáp .  Câu hỏi – đáp án |
| **Hoạt động 2.2. Thức ăn của thủy sản**  ( 17 phút) | (a1.1), (a1.2), (a1.4), (1), (2),(3), (4) | Các loại thức ãn của thủy sản: | PP thảo luận, trực quan, thuyết trình, giải quyết vấn đề  KTDH: chia nhóm, động não – công não. | Hỏi đáp .  Câu hỏi – đáp án |
| **Hoạt động 3. Luyện tập**  (5 phút) | (a1.4), (2),(3), (4) | Tác dụng của quạt nước trong đầm nuôi tôm | PP thảo luận, trực quan, giải quyết vấn đề.  KTDH: động não – công não | Hỏi đáp.  Câu hỏi- thang đánh giá. |
| **Hoạt động 4. Vận dụng**  (3 phút) | (a1.4), (1),(2), (3), (4) | Bài tập phần Vận dụng trong SGK | PP thuyết trình, vấn đáp | GV nhận xét đánh giá |
| **C. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:**  **Hoạt động 1. Mở đầu ( 5 phút):**  **a) Mục tiêu:** Khơi gợi nhu cầu tìm hiểu về cách nuôi thuỷ sản đạt hiệu quả cao.  **b) Nội dung:** Câu hỏi ở phần mở đầu trong SHS  **c) Sản phẩm dự kiến:** Nhu cầu tìm hiểu về cách nuôi thuỷ sản đạt hiệu quả cao.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  -GV chia lớp thành 4 nhóm: 1 nhóm trưởng, 1 thư kí.  - GV cho HS xem video clip về hoạt động nuôi thuỷ sản, đặt vấn đề về kĩ thuật nuôithuỷ sản để đạt hiệu quả cao.  https://youtu.be/RqRJMI9HUf8  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - Học sinh quan sát video, lắng nghe câu hỏi và tiếp nhận nhiệm vụ: nêu những hiểu biết của bản thân về các kĩ thuật nuôi, chăm sóc thuỷ sản.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Học sinh chia sẽ câu trả lời của mình.  - HS khác nhận xét và bổ sung.  ***\* Kết luận, nhận định:***  - GV nhận xét, đánh giá, dẫn dắt học sinh vào nội dung bài học Bài 13: QUY TRÌNH KĨ THUẬT NUÔI THỦY SẢN  - GV giới thiệu mục tiêu bài học  **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới:**  **Hoạt động 2.1: Môi trường nuôi thủy sản ( 15 phút)**  **a) Mục tiêu :** Giúp HS nhận biết vai trò và ý nghĩa của môi trường nuôi thuỷ sản.  **b) Nội dung:** Một số môi trường nuôi thuỷ sản.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Những đặc điểm cơ bản của nước nuôi thuỷ sản.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  -GV chia lớp thành 4 nhóm: 1 nhóm trưởng, 1 thư kí.  - GV yêu cầu HS nghiên cứu thông tin SGK, quan sát hình 13.1 thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập số 1 trong 5 phút  **PHIẾU HỌC TẬP 1:**  **Câu 1:** Hình 13.1 cho thấy thủy sản sống trong những môi trường như thế nào?   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **HÌNH 13.1 MỘT SỐ MÔI TRƯỜNG NUÔI THỦY SẢN** | | | | | |  |  |  |  |  | | **TÊN PHƯƠNG PHÁP** |  |  |  |  |   **Câu 2:** Những đặc điểm nào của nước ảnh hưởng trực tiếp đến các loài thủy sản?  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  **Câu 3:** Khả năng hòa tan các chất vô cơ, hữu cơ của nước có tác dụng gì khi nuôi thủy sản ?  …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS quan sát hình ảnh, thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập số 1  - GV quan sát quá trình HS thực hiện, hỗ trợ khi HS cần.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thông qua phiếu học tập số 1  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của các nhóm, cộng điểm cho những nhóm làm đúng nội dung.  ***\* Kết luận, nhận định:***  +GV phân tích từng hình ảnh để HS phân biệt mô hình thuỷ sản nuôi trong lồng bè trên sông (nước ngọt), nuôi lồng trên biển (nước mặn), nuôi ao đất (nước ngọt), nuôi tôm trong nhà kính (nước lợ).  +GV phân tích những đặc điểm của nước ảnh hưởng trực tiếp đến các loài thuỷ sản, đặc biệt là tôm, cá.  +GV giải thích tác động của mỗi đặc điểm nước đến hoạt động nuôi thuỷ sản.  +GV gợi mở, yêu cầu HS nêu những biện pháp để cải thiện những bất lợi của môi trường nước đến thuỷ sản. Ví dụ cần điều chỉnh tỉ lệ thành phần oxygen để tạo môi trường sống thuận lợi cho tôm, cá bằng cách tạo dòng chảy (quạt nước) làm tăng lượng oxygen trong nước.  + GV giải thích thêm nước nuôi thuỷ sản phải phù hợp cho các mô hình nuôi (môi trường nước mặn, lợ, ngọt) và đảm bảo chất lượng môi trường nước như nhiệt độ, độ trong, độ mặn, độ pH, hàm lượng oxygen cho việc nuôi thuỷ sản.  + GV yêu cầu HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.  - GV đánh giá, nhận xét, kết luận, chuyển sang nội dung mới.  **Nội dung cốt lõi:**  Đặc điểm của nước nuôi thủy sản:  + Có khả năng hòa tan các chất vô cơ và hữu cơ.  + Nhiệt độ nước ổn định và điều hòa hơn nhiệt độ không khí trên cạn.  + Thành phần oxygen trong nước thấp và lượng cacbonic cao hơn không khí trên cạn.  **Hoạt động 2.2 : Thức ăn của thủy sản ( 17 phút)**  **a) Mục tiêu:** Giúp HS nhận biết được các loại thức ăn của thuỷ sản.  **b) Nội dung:** Các loại thức ăn tự nhiên và thức ăn nhân tạo.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Vai trò và ý nghĩa của việc sử dụng thức ăn nuôi tôm, cá.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  -GV chia lớp thành 8 nhóm: 1 nhóm trưởng, 1 thư kí.  - GV yêu cầu HS quan sát Hình 13.2, 13.3, 13.4 thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập số 2 ( Nhóm 1, 2, 3, 4 trả lời câu hỏi 1, 2, 3. Nhóm 5, 6, 7, 8 trả lời câu hỏi 4, 5, 6) trong 7 phút  **PHIẾU HỌC TẬP 2:**   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Câu trả lời** | | 1. Vì sao thức ăn lại ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng thuỷ sản. |  | | 2. Hãy phân biệt và đánh giá ưu, nhược điểm của các loại thức ăn cho tôm, cá. |  | | 3. Hãy kể tên một số nguyên liệu khác có thể dùng làm thức ăn cho tôm, cá. |  | | 4. Vì sao lại sản xuất thức ăn công nghiệp nuôi cá ở dạng viên nổi và thức ăn công nghiệp nuôi tôm ở dạng viên chìm ? |  | | 5. Vì sao khi nuôi tôm, cá ở mật độ cao, người nuôi hay sử dụng thức ăn viên công nghiệp? |  | | 6**.** Làm thế nào để tăng nguồn thức ăn cho tôm, cá nuôi ? |  |     ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS quan sát hình ảnh, thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập số 2  - GV quan sát quá trình HS thực hiện, hỗ trợ khi HS cần.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thông qua phiếu học tập số 2  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của các nhóm, cộng điểm cho những nhóm làm đúng nội dung.  ***\* Kết luận, nhận định:***  + GV giúp HS phân tích từng loại thức ăn tự nhiên là thức ăn có sẵn trong nước, nêu ví dụ về từng loại: thực vật phù du, thực vật đáy, động vật phù du, động vật đáy.  + GV yêu cầu HS nêu thêm những nguyên liệu khác có thể dùng làm thức ăn được gia đình hoặc địa phương sử dụng khi nuôi tôm, cá.  +GV giải thích về tác dụng của thức ăn ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng thuỷ sản  +GV yêu cầu HS nêu những biện pháp để tăng nguồn thức ăn cho tôm, cả nuôi.  +GV yêu cầu HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.  **Nội dung cốt lõi:**  Thức ăn của tôm, cá gồm hai loại:  + Thức ăn tự nhiên là thức ăn có sẵn trong ao, hồ, bao gồm thực vật phù du, thực vật đáy, động vật phù du, động vật đáy;  + Thức ăn nhân tạo là thức ăn do con người tạo ra để cung cấp cho vật nuôi. Có hai loại là thức ăn thô và thức ăn viên hỗn hợp.  **Hoạt động 3. Luyện tập ( 5 phút)**  **a) Mục tiêu:** Giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức về các kĩ thuật nuôi thuỷ sản.  **b) Nội dung:**  **c) Sản phẩm dự kiến:**  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - GV sử dụng hình thức học tập toàn lớp theo nhóm đôi  - GV cho học sinh quan sát hình ảnh quạt nước, hoạt động của quạt nước trong đầm nuôi tôm. Yêu cầu HS trả lời câu hỏi 1 trong phần luyện tập SHS trang 82: Khi nuôi tôm mật độ cao ( thâm canh) bắt buộc phải sử dụng quạt nước. Hãy giải thích tác dụng của quạt nước trong đầm nuôi tôm.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS quan sát hình ảnh của quạt nước, vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện 1- 2 HS đứng dậy trình bày câu trả lời  - HS khác nhận xét, đánh giá, bổ sung  ***\* Kết luận, nhận định:***  - Giáo viên dẫn dắt, gợi mở để học sinh trả lời câu hỏi.  - Giáo viên công bố đáp án, nhận xét câu trả lời của học sinh, đánh giá học sinh và chốt lại kiến thức liên quan đến phần vận dụng.  **Hoạt động 4. Vận dụng ( 3 phút)**  **a) Mục tiêu:** Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng và vận dụng kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm nuôi các loại tôm cá để đạt hiệu quả cao.  **b) Nội dung:** Bài tập phần vận dụng trong sách học sinh.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Lời giải bài tập phần vận dụng trong sách học sinh  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  -GV hướng dẫn học sinh về nhà làm bài tập 1 trong phần vận dụng SHS trang 82:Em hãy tìm hiểu xem ở địa phương nơi em ở đang nuôi loại thủy sản nào và sử dụng loại thức ăn gì. Từ đó, hãy đánh giá ưu và nhược điểm của loại thức ăn mà địa phương em đang sử dụng để nuôi thủy sản.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***Hs thực hiện nhiệm vụ ở nhà.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** Tiết học sau nộp lại cho GV.  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét, chốt lại kiến thức. | | | | | |

**TÊN BÀI/CHỦ ĐỀ:**

**Bài 13: QUY TRÌNH KĨ THUẬT NUÔI THỦY SẢN (TIẾT 2)**

**Thời gian thực hiện: 3 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất, năng lực** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **Mã hoá** |
| **1. Về năng lực**  ***1.1. Năng lực công nghệ*** | | |
| *Nhận thức công nghệ* | Nêu được quy trình kĩ thuật nuôi, chăm sóc, phòng, trị bệnh, thu hoạch một loại thủy sản phổ biến. | a.2.2 |
| *Giao tiếp công nghệ* | Sử dụng một số thuật ngữ về phương pháp, kĩ thuật nuôi để trình bày cách nuôi và quy trình thực hiện nuôi một loại thủy sản phổ biến. | b.2.2 |
| *Sử dụng công nghệ* | Sử dụng các công đoạn trong quy trình đã học vào thực tiễn nuôi thuỷ sản. | c.2.2 |
| ***1.2. Năng lực chung*** | | |
| *Tự chủ và tự học* | Chủ động, tích cực trong học tập và cuộc sống; vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học vào việc nuôi thuỷ sản trong gia đình và địa phương. | (1) |
| *Giao tiếp và hợp tác* | Biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học và thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân, phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm. | (2) |
| **2. Về phẩm chất** | | |
| *Nhân ái* | Có ý thức quan tâm, tham gia vào việc nuôi trồng thuỷ sản; hiểu được kĩ thuật nghề nuôi thuỷ sản; tạo được sản phẩm đóng góp cho sự phát triển kinh tế, xã hội. | (3) |
| *Chăm chỉ* | Có ý thức về nhiệm vụ học tập; ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng nghề nuôi thuỷ sản trong đời sống hằng ngày. | (4) |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Giáo viên** | **Học sinh** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu** | Máy tính, máy chiếu, | HS tìm hiểu về các hoạt động trong quy trình nuôi tôm, cá. |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |  |  |
| **Hoạt động 2.1. Tìm hiểu một số hoạt động trong quy trình nuôi tôm, cá. Nhận biết 4 bước chính trong quy trình công nghệ nuôi thủy sản.** | Máy tính, máy chiếu  Hình 13.5 SGK. | - Bút lông/phấn, bảng phụ.  - Đọc trước nội dung bài trong sách học sinh. |
| **Hoạt động 2.2. Tìm hiểu kĩ từng bước nuôi thủy sản** | Máy tính, máy chiếu,  Phiếu học tập số 1,2,3,4. | - Hoàn thành các phiếu học tập.  - Đọc trước nội dung bài trong sách học sinh. |
| **Hoạt động 3. Luyện tập** | Máy tính, máy chiếu,  Câu hỏi luyện tập trong SHS | - Bút, giấy A4 |
| **Hoạt động 4. Vận dụng** | Câu hỏi vận dụng trong SHS | - Bút bi, vở ghi chép. |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**- Tiết 1:**

**1. Môi trường nuôi thuỷ sản**

**2. Thức ăn của thuỷ sản**

**- Tiết 2:**

**3. Quy trình kĩ thuật nuôi thuỷ sản (tôm, cá)**

**- Tiết 3:**

**4. Đo nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thuỷ sản (tổ chức thực hành)**

**B. CHUẨN BỊ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(thời gian)** | **Mục tiêu**  (Mã hoá) | **Nội dung dạy học**  **trọng tâm** | **PP/KTDH**  **chủ đạo** | **PP/Công cụ đánh giá** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu**  (5 phút) | Khơi gợi nhu cầu tìm hiểu về quy trình kĩ thuật nuôi thủy sản (tôm, cá). | Quy trình kĩ thuật nuôi thủy sản (tôm, cá) | PP dạy bằng trò chơi sư phạm | GV nhận xét, đánh giá |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |  |  |  | GV nhận xét, đánh giá |
| **Hoạt động 2.1. Tìm hiểu một số hoạt động trong quy trình nuôi tôm, cá**  (7 phút) | (a.2.2), (2) | Nhận biết 4 bước chính trong quy trình công nghệ nuôi thủy sản. | PP dạy học trực quan, hỏi-đáp.  KTDH: chia sẻ nhóm đôi | Hỏi đáp .  Câu hỏi – đáp án |
| **Hoạt động 2.2. Tìm hiểu kĩ từng bước nuôi thủy sản**  (25 phút) | (a.2.2), (b.2.2), (2) | Tìm hiểu kĩ nội dung cụ thể trong các bước chính của quy trình kĩ thuật nuôi thủy sản (tôm, cá). | PP công đoạn, PP hoạt động nhóm.  KTDH: động não – công não | Hỏi đáp .  Câu hỏi – đáp án |
| **Hoạt động 3. Luyện tập**  (5 phút) | (c.2.2), (2), (4) | Giải quyết tình huống thực tế có liên quan đến bài học |  | Hỏi đáp.  Câu hỏi – đáp án. |
| **Hoạt động 4. Vận dụng**  (3 phút) | (c.2.2), (1), (3), (4) | Bài tập phần Vận dụng trong SGK |  | GV nhận xét đánh giá |
| **C. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:**  **Hoạt động 1. Mở đầu (5 phút):**  **a) Mục tiêu:** Khơi gợi nhu cầu tìm hiểu về quy trình kĩ thuật nuôi thủy sản (tôm, cá).  **b) Nội dung:** Trả lời câu hỏi:  - H1: Em hãy nêu một số hoạt động trong quy trình nuôi thủy sản mà em biết?  - H2: Dựa vào nội dung đã tìm hiểu và SHS, em hãy cho biết quy trình kĩ thuật nuôi thủy sản gồm mấy bước chính? Kể tên?  **c) Sản phẩm dự kiến:** Câu trả lời của HS trên bảng chính.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  Trò chơi “Tiếp sức”.  - Cách thức: + GV chia cả lớp thành 4 đội, chia bảng chính thành 4 phần.  + GV đặt câu hỏi H1.  + Khi có hiệu lệnh từ GV, thành viên đầu tiên của đội chạy lên bảng ghi một ý về hoạt động trong quy trình nuôi trồng thủy sản vào ô của đội mình. Sau khi ghi xong thành viên đó chạy xuống đưa phấn cho thành viên thứ hai trong đội chạy lên ghi ý thứ 2, ý sau không trùng ý trước, cứ như vậy cho đến khi GV ra hiệu lệnh kết thúc trò chơi. Đội nào có câu trả lời đúng nhiều nhất đội đó thắng.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - Các HS được chia đội đặt tên cho đội của mình.  - HS chơi trò chơi nhiệt tình, thể hiện sự đoàn kết, nhanh nhẹn.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  **-** GV xem xét từng đáp án của các đội. Các HS khác xem và cùng thảo luận đáp án đúng, sai.  ***\* Kết luận, nhận định:***  - GV nhận xét, đánh giá, dẫn dắt học sinh vào nội dung tiết 2 bài Bài 13: 3.Quy trình kĩ thuật nuôi thủy sản (cá, tôm).  - GV giới thiệu mục tiêu bài học.  **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới:**  **Hoạt động 2.1: Tìm hiểu một số hoạt động trong quy trình nuôi tôm, cá. Nhận biết 4 bước chính trong quy trình công nghệ nuôi thủy sản (7 phút)**  **a) Mục tiêu:** Giới thiệu quy trình nuôi tôm, cá.  **b) Nội dung:** Các bước trong quy trình kĩ thuật nuôi tôm, cá.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Quy trình kĩ thuật nuôi.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  -GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi số 9/77 trong SHS và ghi kết quả vào bảng phụ trong vòng 2 phút.  - Yêu cầu HS trả lời H2.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS thực hiện yêu cầu của GV.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Các nhóm được GV mời báo cáo kết quả thực hiện.  - HS khác nhận xét và bổ sung.  - GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của các nhóm, cộng điểm cho những nhóm làm đúng nội dung.  ***\* Kết luận, nhận định:***  - GV nhận xét, chỉnh sửa (nếu có), đưa ra đáp án câu hỏi số 9: Đào ao, đắp bờ Xử lí đáy ao Kiểm tra chất lượng nước nuôi Thả con giống Cho ăn Thu hoạch.  - GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của các nhóm, tuyên dương những nhóm làm việc tích cực; khích lệ, động viên những nhóm chưa hoạt động sôi nổi.  - GV kết luận: Quy trình kĩ thuật nuôi tôm, cá gồm: Chuẩn bị ao nuôi, xử lí nước Thả con giống Chăm sóc, quản lí Thu hoạch.  **Nội dung cốt lõi:**  ***3. Quy trình kĩ thuật nuôi thủy sản (tôm, cá)***  Quy trình công nghệ nuôi thủy sản gồm 4 bước chính: Chuẩn bị ao nuôi, xử lí nước Thả con giống Chăm sóc, quản lí Thu hoạch thủy sản.  **Hoạt động 2.2 : Tìm hiểu kĩ từng bước nuôi thủy sản (25 phút)**   1. **Mục tiêu:**   - Trình bày được các công việc chuẩn bị ao nuôi, xử lí nước.  - Nhận biết yêu cầu về con giống, cách thả giống.  - Nêu được các kĩ thuật chăm sóc và quản lí tôm, cá.  - Trình bày được phương pháp thu hoạch tôm, cá.  **b) Nội dung:**  - Yêu cầu của ao nuôi, biện pháp xử lí ao nuôi, xử lí nước trước khi thả con giống.  - Tiêu chuẩn con giống thủy sản chọn nuôi, kĩ thuật thả con giống vào ao nuôi.  - Cách cho ăn, quản lí và phòng, trị bệnh cho tôm, cá.  - Các phương pháp thu hoạch tôm, cá.  **c) Sản phẩm dự kiến:**  - Biện pháp chuẩn bị ao nuôi, xử lí nước nuôi.  - Tiêu chuẩn con giống và kĩ thuật thả con giống.  **-** Biện pháp chăm sóc, quản lí khi nuôi tôm, cá.  - Cách thu hoạch tôm, cá.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  -GV chia lớp thành 4 nhóm: 1 nhóm trưởng, 1 thư kí.  - GV yêu cầu HS đọc nội dung SHS và thảo luận nhóm hoàn thành lần lượt các phiếu học tập số 1,2,3,4 theo công đoạn trong vòng 15 phút.  + Chia nhỏ nội dung bài học (GV đã chuẩn bị): chia mục 3 thành 4 phần như trong SHS, số phần tương ứng với số nhóm trong lớp. Mỗi phần tương ứng với mỗi phiếu học tập.  + Mỗi nhóm ngồi theo từng dãy bàn (mỗi dãy là một chặng học). Mỗi chặng học có sẵn ít nhất 4 phiếu học tập cho các nhóm. Chặng một có 4 phiếu số 2, chặng hai có 4 phiếu số 2, chặng ba có 4 phiếu số 3, chặng bốn có 4 phiếu số 4.  + Ban đầu các nhóm sẽ được ngồi vào các chặng khác nhau, tìm hiểu nội dung trong SHS và hoàn thành phiếu học tập ở chặng của nhóm mình đang ngồi. Hết giờ, các nhóm nghe theo hiệu lệnh đổi chỗ: nhóm 1 đổi chỗ cho nhóm 2, nhóm 2 đổi chỗ cho nhóm 3, nhóm 3 đổi chỗ cho nhóm 4, nhóm 4 đổi chỗ cho nhóm 1. Sau 4 lần đổi chỗ theo vòng tròn như trên, tất cả các nhóm đều có cơ hội hoàn thành hết các phiếu học tập để trên các dãy bàn.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - Các nhóm thực hiện theo yêu cầu của GV:  + Khi ngồi vào các chặng, các nhóm tiến hành đọc SHS và thảo luận hoàn thành phiếu học tập ở trên dãy bàn trong vòng khoảng 4 phút.  + Khi nghe hiệu kệnh của GV, các nhóm đổi chỗ cho nhau và tiếp tục hoàn thành phiếu học tập tiếp theo.  - GV theo dõi, giám sát công việc của HS, hỗ trợ khi HS cần. Quản lý thời gian mỗi chặng để ra hiệu lệnh đúng giờ. Giúp HS đổi chỗ đúng thứ tự.   |  | | --- | | **Phiếu học tập số 1**  Lớp:….. Nhóm:…..   * 1. **Chuẩn bị ao nuôi, xử lí nước**   - Ao nuôi tôm, các phải được thiết kế hợp lí. Em hãy nêu cách thiết kế ao hợp lí: ..................................................................................................................................................................................................................................................................................  - Trước khi nuôi tôm, cá cần làm gì?  ..................................................................................................................................................................................................................................................................................  - Em hãy nêu nhưng biện pháp cụ thể để ao nuôi sạch *côn trùng, địch hại* mà em biết?  ..................................................................................................................................................................................................................................................................................  - Để nhằm tạo điều kiện cho thức ăn tự nhiên phát triển, có thể dùng gì để gây màu cho nước ao?  .................................................................................................................................................................................................................................................................................. |  |  | | --- | | **Phiếu học tập số 2**  Lớp:….. Nhóm:…..   * 1. **Thả con giống**   - Tôm, cá làm giống phải như thế nào?  ..................................................................................................................................................................................................................................................................................  - Con giống được chọn nuôi cần có kích thước, thân, màu sắc, hoạt động và phản ứng như thế nào?  ..................................................................................................................................................................................................................................................................................  .........................................................................................................................................  - Giải thích vì sao phải ngâm túi đựng giống tôm, cá trong ao nuôi trước khi thả ra?  ..................................................................................................................................................................................................................................................................................  ..................................................................................................................................................................................................................................................................................  Từ đó giải thích sự tác động của yếu tố môi trường đến quá trình nuôi, tỉ lệ sống và hiệu quả nuôi thủy sản?  .................................................................................................................................................................................................................................................................................. |  |  | | --- | | **Phiếu học tập số 3**  Lớp:….. Nhóm:…..   * 1. **Chăm sóc, quản lí**   - Nêu yêu cầu của thức ăn cho tôm, cá?  ..................................................................................................................................................................................................................................................................................  - Vì sao cho tôm, cá ăn ít và nhiều lần lại tránh được việc ô nhiễm môi trường nuôi tôm, cá?  ..................................................................................................................................................................................................................................................................................  .........................................................................................................................................  - Có các biện pháp quản lí nào? Vì sao phải kiểm tra ao nuôi thường xuyên trong quá trình nuôi tôm, cá?  ..................................................................................................................................................................................................................................................................................  ..................................................................................................................................................................................................................................................................................  - Phân biệt phương pháp phòng bệnh và phương pháp trị bệnh cho tôm, cá? Vì sao trong nuôi thủy sản người ta lại đặc biết quan tâm đến công tác phòng bệnh?  ..................................................................................................................................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................................................................................................................................. |  |  | | --- | | **Phiếu học tập số 4**  Lớp:….. Nhóm:…..   * 1. **Thu hoạch tôm, cá**   - Có mấy phương pháp thu hoạch thủy sản? Kể tên?  ..................................................................................................................................................................................................................................................................................  - Tôm, cá khi thu hoạch yêu cầu đạt đến kích cỡ nào?  ..................................................................................................................................................................................................................................................................................  .........................................................................................................................................  - Cho biết ưu và nhược điểm của mỗi phương pháp thu hoạch tôm, cá?  ..................................................................................................................................................................................................................................................................................  ..................................................................................................................................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................................................................................................................................. |   ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - GV lần lượt mời 4 nhóm lên trình bày phiếu học tập: nhóm 1 trả lời phiếu số 1, nhóm 2 trả lời phiếu số 2, nhóm 3 trả lời phiếu số 3, nhóm 4 trả lời phiếu số 4.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  ***\* Kết luận, nhận định:***  - GV hỏi người học ý chính của nội dung phần đó để kiểm tra xem nội dung nào người học đã hiểu và nội dung nào HS còn chưa hiểu rõ.  - GV tập hợp câu hỏi của HS và giải đáp. Trước khi giải đáp, GV nên để HS tự trả lời cho nhau.  - GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của các nhóm, cộng điểm cho những nhóm làm đúng nội dung.  **Nội dung cốt lõi:**  - Trước khi nuôi thủy sản cần xử lí ao và nước nuôi cho phù hợp. Ao nuôi phải được thiết kế hợp lí, có thệ thống cấp và thoát nước, trước khi nuôi phải diệt hết địch hại, gây màu nước nhằm tạo điều kiện cho thức ăn tự nhiên phát triển.  - Con giống quyết định hiệu quả nuôi nên phải chọn giống tốt, đẳm bảo môi trường để tỉ lệ sống cao.  - Thủy sản nuôi phải được chăm sóc, quản lí và cho ăn đầy đủ, thức ăn phải cân đối về thành phần, đủ chất dinh dưỡng. Cần đặc biệt quan tâm đến việc phòng bệnh cho thủy sản trong quá trình nuôi.  - Có 2 phương pháp thu hoạch thủy sản là: thu hoạch từng phần và thu hoạch toàn bộ.  **Hoạt động 3. Luyện tập (5 phút)**  **a) Mục tiêu:** Giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức về quy trình kĩ thuật nuôi thuỷ sản (tôm, cá).  **b) Nội dung:** Bài tập ở phần Luyện tập trong SHS.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Đáp án bài tập ở phần Luyện tập trong SHS.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  **-** GV sử dụng hình thức học tập toàn lớp, mỗi cá nhân thực hiện.  - Yêu cầu HS trả lời câu hỏi 2 trong phần luyện tập SHS trang 81: gia đình bạn Minh ở Bến Tre có đất rộng, điều kiện tự nhiên rất phù hợp để nuôi tôm sú nên đã cải tạo thành ao nuôi tôm sú. Ba vụ đầu nuôi đạt kết quả tốt, thu lãi lớn. Sau thu hoạch, gia đình tranh thủ mua giống, thả nuôi ngay, kết quả từ vụ thứ tư tôm bị nhiễm bệnh và chết hàng loạt, gia đình không hiểu nguyên nhân vì sao. Em hãy vận dụng những hiểu biết về kĩ thuật nuôi để giải thích và đề xuất giải pháp khắc phục.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - HS được mời trình bày câu trả lời.  - HS khác nhận xét, đánh giá, bổ sung.  ***\* Kết luận, nhận định:***  - Giáo viên dẫn dắt, gợi mở để học sinh trả lời câu hỏi.  - Giáo viên công bố đáp án, nhận xét câu trả lời của học sinh, đánh giá học sinh và chốt lại kiến thức liên quan đến phần vận dụng.  **Hoạt động 4. Vận dụng (3 phút)**  **a) Mục tiêu:** Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng và vận dụng kiến thức và kinh nghiệm nuôi các loại tôm cá để đạt hiệu quả cao.  **b) Nội dung:** Bài tập phần vận dụng trong sách học sinh.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Lời giải bài tập phần vận dụng trong sách học sinh.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - GV hướng dẫn học sinh về nhà làm bài tập 2 trong phần vận dụng SHS trang 81:  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** Tiết học sau HS xung phong báo cáo kết quả, cả lớp trao đổi thảo luận. HS trả lời đúng có thể được lấy điểm miệng hoặc điểm cộng.  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét, chốt lại kiến thức. | | | | | |

**IV. PHỤ LỤC**

**Đáp án phiếu học tập số 1**

* 1. **Chuẩn bị ao nuôi, xử lí nước**

- Ao nuôi tôm, các phải được thiết kế hợp lí. Em hãy nêu cách thiết kế ao hợp lí:

*Cách thiết kế ao hợp lí: đáy ao phẳng, dốc nghiêng về cống thoát, có hệ thông cấp và thoát nước tốt…*

- Trước khi nuôi tôm, cá cần làm gì?

*Trước khi nuôi tôm, cá cần tháo cạn nước ao, phơi khô đáy, diệt côn trùng, địch hại (cá, cua, còng, ốc…).*

- Em hãy nêu nhưng biện pháp cụ thể để ao nuôi sạch *côn trùng, địch hại* mà em biết?

*Phơi ao, bón vôi… trước khi nuôi tôm, cá.*

- Để nhằm tạo điều kiện cho thức ăn tự nhiên phát triển, có thể dùng gì để gây màu cho nước ao?

*Dùng phân hữu cơ và phân vô cơ.*

**Đáp án phiếu học tập số 2**

* 1. **Thả con giống**

- Tôm, cá làm giống phải như thế nào?

*Tôm, cá làm giống phải khỏe mạnh, không chứa mầm bệnh, có nguồn gốc rõ ràng.*

- Con giống được chọn nuôi cần có kích thước, thân, màu sắc, hoạt động và phản ứng như thế nào?

*Con giống được chọn nuôi phải có kích thước đồng đều, thân không bị dị dạng hay trầy xước, màu sắc sáng đẹp, hoạt động nhanh nhẹn, phản ứng nhanh với tiếng động như lặn sâu xuống đáy hoặc bơi ngược dòng.*

- Giải thích vì sao phải ngâm túi đựng giống tôm, cá trong ao nuôi trước khi thả ra?

*Khi thả nên ngâm túi dựng tôm, cá vào trong ao khoảng 10 -15 phút để nhiệt độ trong túi cân bằng với nhiệt độ môi trường nước ao nuôi.*

**Đáp án phiếu học tập số 3**

* 1. **Chăm sóc, quản lí**

- Nêu yêu cầu của thức ăn cho tôm, cá?

*Thức ăn phải cân đối thành phần và đủ chất dinh dưỡng.*

- Vì sao cho tôm, cá ăn ít và nhiều lần lại tránh được việc ô nhiễm môi trường nuôi tôm, cá?

*Vì:*

* *Thức ăn cho tôm cá thường là thức ăn công nghiệp, dạng viên hoặc bột, là hỗn hợp gồm nhiều thành phần khác nhau, khi gặp nước sẽ bị hòa tan.*
* *Tôm cá sẽ dễ dàng lựa chọn những chất mà chúng mong muốn và những chất còn dư thừa sẽ chìm xuống đáy.*
* *Việc cho tôm cá ăn ít và nhiều lần sẽ làm giảm những chất dư thừa còn lại trong nước từ đó tránh được việc ô nhiễm môi trường.*

- Có các biện pháp quản lí nào? Vì sao phải kiểm tra ao nuôi thường xuyên trong quá trình nuôi tôm, cá?

*Có 2 biện pháp quản lí là: kiểm tra ao nuôi; kiểm tra sự tăng trưởng của tôm, cá.*

*Phải kiểm tra ao nuôi thường xuyên trong quá trình nuôi tôm, cá để:*

* *Phát hiện được kịp thời các yếu tố gây bệnh cho tôm cá để từ đó có những biện pháp phòng ngừa hoặc trị bệnh cho chúng.*
* *Môi trường nước nuôi tôm cá phải đảm bảo được sạch sẽ, không bị ô nhiễm, phù hợp với từng loại tôm cá nuôi.*

- Phân biệt phương pháp phòng bệnh và phương pháp trị bệnh cho tôm, cá? Vì sao trong nuôi thủy sản người ta lại đặc biết quan tâm đến công tác phòng bệnh?

*Phương pháp phòng bệnh là tạo điều kiện cho tôm, cá luôn khỏe mạnh, sinh trưởng và phát triển bình thường, không bị nhiễm bệnh. Phương pháp trị bệnh là khi phát hiện tôm, cá có biểu hiện như nổi đầu, bệnh xuất huyết, bệnh trùng nấm da,… thì cần xác định nguyên nhân và dùng thuốc trị bênh.*

*Trong nuôi thủy sản người ta lại đặc biệt quan tâm đến công tác phòng bệnh để:*

* *Chủ động hơn trong việc kiểm soát chất lượng sản phẩm thủy sản.*
* *Phòng bệnh sẽ có chi phí ít hơn là chữa bệnh.*
* *Một khi thủy sản đã bị nhiễm bệnh thì mầm bệnh dễ phát tác nhanh, ít nhiều cũng sẽ gây ra những tổn thất kinh tế cho người nuôi.*

**Đáp án phiếu học tập số 4**

**3.4. Thu hoạch tôm, cá**

- Có mấy phương pháp thu hoạch thủy sản? Kể tên?

*Có 2 phương pháp thu hoạch thủy sản: Phương pháp thu từng phần và phương pháp thu hoạch toàn bộ.*

- Tôm, cá khi thu hoạch yêu cầu đạt đến kích cỡ nào?

*Đạt đến kích cỡ thương phẩm.*

- Cho biết ưu và nhược điểm của mỗi phương pháp thu hoạch tôm, cá?

*Phương pháp thu hoạch từng phần:*

* *Ưu điểm: Làm tăng năng suất cá nuôi lên 20%, cung cấp thực phẩm tươi sống thường xuyên.*
* *Nhược điểm: Các cá thể không cùng lứa tuổi nên khó chăm sóc, cải tạo, tu bổ ao. Tốn thời gian*

*Phương pháp thu hoạch toàn bộ:*

* *Ưu điểm: Sản phẩm tập trung, chi phí đánh bắt không lớn.*
* *Nhược điểm: Năng suât của tôm cá bị hạn chế, tốn nhiều giống.*

**TÊN BÀI/CHỦ ĐỀ:**

**QUY TRÌNH KĨ THUẬT NUÔI THỦY SẢN**

Thời gian thực hiện: tiết 3

**I. MỤC TIÊU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất, năng lực** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **Mã hoá** |
| **1. Về năng lực**  ***1.1. Năng lực công nghệ*** | | |
| *Sử dụng công nghệ* | Sử dụng các công đoạn trong quy trình đã học, phương pháp đo nhiệt độ, độ trong của nước vào thực tiễn nuôi thủy sản | c2.5 |
| *Đánh giá công nghệ* | Đánh giá được nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thủy sản | d2.1 |
| ***1.2. Năng lực chung*** | | |
| *Tự chủ, tự học* | Chủ động, tích cực trong học tập và cuộc sống, vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học vào việc nuôi thủy sản trong gia đình và địa phương | 1 |
| *Giao tiếp và hợp tác* | Biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học và thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân, phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm | 2 |
| **2. Về phẩm chất** | | |
| *Chăm chỉ* | Có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng các kiến thức, kĩ năng nghề nuôi thủy sản trong đời sống hằng ngày | 3 |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Giáo viên** | **Học sinh** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu** | - Các tài liệu cần thiết: Sách giáo khoa, sách tham khảo.  - Máy tính, ti vi kết nối internet, bài giảng, giáo án  - Video clip | - Tập ghi chép  - Dụng cụ học tập |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới:** *Đo nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thủy sản* | - Các tài liệu cần thiết: Sách giáo khoa, sách tham khảo.  - Máy tính, ti vi kết nối internet, bài giảng, giáo án | - Tập ghi chép  - Dụng cụ học tập |
| **Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về tính chất của nước nuôi thủy sản** | - Các tài liệu cần thiết: Sách giáo khoa, sách tham khảo.  - Máy tính, ti vi kết nối internet, bài giảng, giáo án  - Hình 13.6, 13.7, 13.8  - Giấy A0 | - Tập ghi chép  - Dụng cụ học tập  - Bút lông |
| **Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về quy trình đo nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thủy sản** | - Các tài liệu cần thiết: Sách giáo khoa, sách tham khảo.  - Máy tính, ti vi kết nối internet, bài giảng, giáo án  - Dụng cụ, thiết bị đo cần thiết  - Video clip | - Tập ghi chép  - Dụng cụ học tập |
| **Hoạt động 3. Luyện tập** | - Các tài liệu cần thiết: Sách giáo khoa, sách tham khảo.  - Máy tính, ti vi kết nối internet, bài giảng, giáo án  - Phiếu học tập | - Tập ghi chép  - Dụng cụ học tập |
| **Hoạt động 4. Vận dụng** | - Các tài liệu cần thiết: Sách giáo khoa, sách tham khảo.  - Máy tính, ti vi kết nối internet, bài giảng, giáo án  - Video clip | - Tập ghi chép  - Dụng cụ học tập |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

- Tiết 1: 1. Môi trường nuôi thủy sản

2. Thức ăn của thủy sản

- Tiết 2: 3. Quy trình kĩ thuật nuôi thủy sản (tôm, cá)

- Tiết 3: 4. Đo nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thủy sản

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(thời gian)** | **Mục tiêu**  (Mã hoá) | **Nội dung dạy học**  **trọng tâm** | **PP/KTDH**  **chủ đạo** | **PP/Công cụ đánh giá** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu**  (5 phút) |  | Giới thiệu về tầm quan trọng của thành phần nước nuôi thủy sản | PP trực quan.  KT động não | PP quan sát  CC: Câu hỏi |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |  |  |  |  |
| **Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về tính chất của nước nuôi thủy sản**  (9 phút) | d2.1  1 | Tính chất của nước nuôi thủy sản | DH hợp tác  Kĩ thuật khăn trải bàn | PP quan sát  CC: Rubric |
| **Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về quy trình đo nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thủy sản**  (20 phút) | c2.5  2 | Quy trình thực hành đo nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thủy sản | PPDH trực quan  KT chia sẻ cặp đôi | PP quan sát  CC: Bảng kiểm 1, 2 |
| **Hoạt động 3. Luyện tập**  (7 phút) | 3 | Bài tập trắc nghiệm | PP hỏi đáp  KT động não. | PP kiểm tra viết  CC: Bài tập |
| **Hoạt động 4. Vận dụng**  (4 phút) | 1 | Câu hỏi | PP trực quan – hỏi đáp  KT động não | PP đánh giá hồ sơ học tập  CC: Câu hỏi |
| **B. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:**  **Hoạt động 1. Mở đầu (5 phút):**  **a) Mục tiêu:** Khơi gợi nhu cầu tìm hiểu về cách nuôi thủy sản đạt hiệu quả  **b) Nội dung:** câu hỏi về tầm quan trọng của thành phần nước nuôi thủy sản  **c) Sản phẩm dự kiến:** ý nghĩa về tầm quan trọng của nước nuôi thủy sản giúp việc nuôi thủy sản đạt hiệu quả  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** Yêu cầu HS quan sát video <https://youtu.be/v-3WsBW7np0> và trả lời câu hỏi sau:  “*Nhiệt độ của nước ảnh hưởng như thế nào đối với thủy sản?”*  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** quan sát, lắng nghe thông tin từ video và rút ra nhận xét  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** trình bày ý kiến cá nhân và trao đổi thảo luận  ***\* Kết luận, nhận định:***  - Gv đánh giá  **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới:**  **Hoạt động 2.1. Tính chất của nước nuôi thủy sản (9 phút)**  **a) Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được tính chất của nước nuôi thủy sản  **b) Nội dung:** yếu tố nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thủy sản; giới hạn nhiệt độ, độ trong của nước nuôi tôm, cá; dụng cụ đo nhiệt độ và độ trong của nước  **c) Sản phẩm dự kiến:** tính chất và giới hạn về nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thủy sản  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** Đọc thông tin về tính chất của nước nuôi thủy sản và trả lời các câu hỏi sau: “Yếu tố nào của nước nuôi thủy sản cần được kiểm soát và kiểm tra thường xuyên trong quá trình nuôi thủy sản?”, “Những yếu tố đó có giới hạn bao nhiêu sẽ thích hợp với thủy sản?”, “Để đo nhiệt độ, độ trong của nước thì dùng dụng cụ gì?”  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** Chia nhóm thực hiện nhiệm vụ của GV  - Mỗi thành viên trong nhóm ghi ý kiến của mình vào mỗi góc trên giấy A0, sau đó nhóm trưởng sẽ thống nhất ý kiến các thành viên ghi vào ô trung tâm của khăn trải bàn (giấy A0)  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** Lần lượt các nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.  - HS đánh giá chéo sản phẩm  ***\* Kết luận, nhận định:***  - GV giới thiệu về dụng cụ đo nhiệt độ, độ trong của nước như hình 13.6, 13.7, 13.8. Hướng dẫn HS sử dụng dụng cụ đúng kĩ thuật.  - GV nhận xét, đánh giá: (đánh giá thông qua công cụ Rubric)  **Rubric**: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NHÓM  Tên nhóm …………………………………………………………   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Tốt**  **(8-10 điểm)** | **Khá**  **(6-8 điểm)** | **Trung bình (4-6 điểm)** | **Cần điều chỉnh (0-4 điểm)** | **Tổng điểm** | | Trao đổi, lắng nghe | Tất cả các thành viên trong nhóm đều chú ý trao đổi, lắng nghe ý kiến người khác và đưa ra ý kiến cá nhân. | Hầu hết các thành viên trong nhóm đều chú ý trao đổi, lắng nghe ý kiến người khác và đưa ra ý kiến cá nhân. | Các thành viên trong nhóm chưa chú ý trao đổi, lắng nghe ý kiến người khác, thỉnh thoảng đưa ra ý kiến cá nhân. | Các thành viên trong nhóm chưa chú ý trao đổi, lắng nghe ý kiến người khác, hầu như không đưa ra ý kiến cá nhân. |  | | Điểm |  |  |  |  |  | | Hợp tác | Tất cả các thành viên đều tôn trọng ý kiến những  thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung | Hầu hết các thành viên đều tôn trọng ý kiến những  thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung | Đa phần các thành viên đều đưa ra ý kiến cá nhân nhưng rất khó khăn đưa ra ý kiến chung. | Chỉ một vài người đưa ra ý kiến cá nhân và xây dựng. |  | | Điểm |  |  |  |  |  | | Phân chia công việc | Công việc được phân chia đều, dựa theo năng lực phù hợp. | Công việc được phân chia tương đối hợp lí. | Cá nhân có nhiệm vụ nhưng chưa phù hợp năng lực. | Công việc chỉ được tập trung cho một vài cá nhân |  | | Điểm |  |  |  |  |  | | Sắp xếp thời gian | Lựa chọn được thời gian phù hợp để làm việc và đều hoàn thành nhiệm vụ từng buổi. | Lựa chọn được thời gian phù hợp để làm việc nhưng chưa hoàn thành nhiệm vụ từng buổi. | Sắp xếp được thời gian làm việc nhóm nhưng để lãng phí. | Không sắp xếp được thời gian làm việc nhóm. |  | | Điểm |  |  |  |  |  |   **Nội dung cốt lõi:** Đặc điểm tính chất và giới hạn về nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thủy sản  **Hoạt động 2.2. Quy trình đo nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thủy sản (20 phút)**  **a) Mục tiêu:** giúp HS thực hiện được quy trình đo nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thủy sản  **b) Nội dung:** các bước thực hiện và yêu cầu kĩ thuật  **c) Sản phẩm dự kiến:** kết quả nhiệt độ, độ trong của mẫu nước nuôi thủy sản đo được.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** Chiếu video về cách đo nhiệt độ, độ trong của nước <https://youtu.be/c9gi0sfOzco>  - GV nêu các bước thực hiện và yêu cầu kĩ thuật thực hành đo nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thủy sản  - GV thực hiện thao tác mẫu, hướng dẫn Hs thực hiện từng giai đoạn của quy trình đo nhiệt độ, độ trong của nước  - GV yêu cầu HS thực hành đúng yêu cầu kĩ thuật và ghi lại các bước đo, kết quả đo được.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** chia nhóm thực hành cách đo nhiệt độ, độ trong của nước  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** trình bày các bước đo và kết quả đo được  - HS đánh giá chéo sản phẩm của các nhóm  ***\* Kết luận, nhận định:***  - Gv đánh giá quy trình và sản phẩm thực hành qua bảng kiểm 1, 2  **Bảng kiểm 1:** Đánh giá quy trình thực hành   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Thứ tự** | **Các bước thực hiện** | **Có** | **Không** | | **I. Đo nhiệt độ của nước nuôi thủy sản** | | | | | 1 | Nhúng nhiệt kế vào xô nước, ngâm nhiệt kế trong nước khoảng 5 – 10 phút |  |  | | 2 | Nâng nhiệt kế lên, để nghiêng và đọc kết quả |  |  | | **II. Đo độ trong của nước nuôi thủy sản** | | | | | 1 | Thả từ từ đĩa Secchi theo phương thẳng đứng xuống nước cho tới khi không nhìn thấy vạch đen. Đọc kết quả lần 1 |  |  | | 2 | Thả đĩa xuống sâu hơn rồi kéo từ từ lên đến khi thấy vạch đen. Đọc kết quả lần 2 |  |  | | 3 | Tính độ trong của nước từ kết quả 2 lần đo |  |  |     **Bảng kiểm 2:** đánh giá sản phẩm thực hành   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Các yếu tố** | **Kết quả** | | **Nhận xét, đánh giá** | | Mẫu nước 1 | Mẫu nước 2 | | Nhiệt độ |  |  |  | | Độ trong |  |  |  |   **Nội dung cốt lõi: “**bảng13.1”  **Hoạt động 3. Luyện tập (7 phút)**  **a) Mục tiêu:** giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức về các kĩ thuật nuôi thủy sản  **b) Nội dung:** bài tập trắc nghiệm  **c) Sản phẩm dự kiến:** đáp án phần bài tập trắc nghiệm  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm trong phiếu học tập:  **PHIẾU HỌC TẬP**  Câu 1: Nhiệt độ thích hợp cho tôm?  A. 20 – 25oC. B. 25 – 35oC.  C. 30 – 35oC. D. 25 – 30oC.  Câu 2. Nhiệt độ thích hợp cho cá?  A. 20 – 25oC. B. 20 – 35oC.  C. 25 – 30oC. D. 20 – 30oC.  Câu 3. Dụng cụ dùng để đo nhiệt độ là:  A. Giấy quỳ tím. B. Đĩa Secchi.  C. Nhiệt kế. D. Nhiệt độ.  Câu 4. Độ trong tốt nhất của nước nuôi tôm, cá?  A. 20 – 30cm. B. 25 – 35cm.  C. 30 – 35cm. D. 25 – 30cm.  Câu 5. Dụng cụ dùng để đo độ trong là:  A. Giấy quỳ tím. B. Đĩa Secchi.  C. Nhiệt kế thủy ngân. D. Nhiệt kế điện tử.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS hoàn thành vào phiếu học tập trong vòng 5p  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** HS trình bày, trao đổi và thảo luận về câu hỏi  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV đánh giá và kết luận (C1: B, C2: D, C3: C, C4: A, C5: B)  **Hoạt động 4. Vận dụng (4 phút)**  **a) Mục tiêu:** giúp HS củng cố kiến thức, kĩ năng và vận dụng kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm nuôi các loại tôm, cá để đạt hiệu quả cao.  **b) Nội dung:** câu hỏi vận dụng  **c) Sản phẩm dự kiến:** đáp án câu hỏi vận dụng  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** Chiếu video <https://youtu.be/-WYFTvB67-o> và đặt các câu hỏi sau:  “Cá chết có thể do những nguyên nhân nào?”  “Phải làm gì để làm điều hòa nhiệt độ ao nuôi trong mùa mưa?”  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS quan sát, lắng nghe thông tin từ video và rút ra nhận xét  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** trình bày ý kiến cá nhân và trao đổi thảo luận  ***\* Kết luận, nhận định:*** Gv nhận xét | | | | | |

**TÊN BÀI/CHỦ ĐỀ:**

**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ NGUỒN LỢI THỦY SẢN.**

Thời gian thực hiện: …1… tiết

**I. MỤC TIÊU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất, năng lực** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **Mã hoá** |
| **1. Về năng lực**  ***1.1. Năng lực công nghệ*** | | |
| - Nhận thức công nghệ | Nhận thức được vai trò của môi trường và nguồn lợi thủy sản, các biện pháp bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản | a.1.1 |
| - Sử dụng công nghệ | Sử dụng các biện pháp đã học vào thực tiễn để bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản ở địa phương | a.1.2 |
| *-* Đánh giá công nghệ | Nhận xét, đánh giá hành động hợp lí để bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản | a.1.3 |
|  |  |  |
| ***1.2. Năng lực chung*** | | |
| - Tự chủ và tự học | Chủ động, tích cực học tập, vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học vào việc bảo vệ môi trường, nguồn lợi thủy sản | 1 |
| - Giao tiếp và hợp tác | Biết trình bày ý tưởng, ý thức bảo vệ môi trường, nguồn lợi thủy sản, thảo luận những vấn đề của bài học và thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân, phối hợp tốt các thành viên trong nhóm. | 2 |
|  |  |  |
| **2. Về phẩm chất** | | |
| - Yêu nước | Có ý thức tham gia vào việc bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản của đất nước | 3 |
| *­*- Chăm chỉ | Có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng vào việc bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản trong đời sống hàng ngày | 4 |
| - Trách nhiệm | Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền chăm sóc, bảo vệ, phản đối những hành vi xâm hại môi trường thủy sản và nguồn lợi thủy sản | 5 |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Giáo viên** | **Học sinh** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu** | Chuẩn bị video,máy chiếu, tìm hiểu mục tiêu nội dung SHS | Bút, giấy A4 |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |  |  |
| **Hoạt động 2.1. Vai trò của việc bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản** | Phiếu học tập, máy chiếu, tranh ảnh, tư liệu | Bút xạ, giấy A0 |
| **Hoạt động 2.2. Biện pháp bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản** | Chuẩn bị video, phiếu học tập, máy chiếu tranh ảnh, tư liệu, tìm hiểu các phương pháp kĩ thuật bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản | Bút xạ, giấy A0 |
| **Hoạt động 3. Luyện tập** | Hệ thống câu hỏi | Bút, giấy A4 |
| **Hoạt động 4: Vận dụng** | Hệ thống câu hỏi | Bút, giấy A4 |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(thời gian)** | **Mục tiêu**  (Mã hoá) | **Nội dung dạy học**  **trọng tâm** | **PP/KTDH**  **chủ đạo** | **PP/Công cụ đánh giá** | |
| **Hoạt động 1. Mở đầu**  (5 phút) | Khơi gợi nhu cầu tìm hiểu các biện pháp bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản | Các nguyên nhân ảnh hưởng đến môi trường và nguồn lợi thủy sản | PPDH trực quan  KTDH: tia chớp | GV nhận xét, đánh giá | |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới**  (32 phút) | (a.1.1); (a.1.2); (a.1.3); (1); (2); (3); (4); (5) | - Vai trò của việc bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản.  - Biện pháp bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản | PPDH: Thảo luận, trực quan, thuyết trình, giải quyết vấn đề  KTDH: chia sẻ nhóm nhỏ, nhóm đôi | HS tự đánh giá  Đánh giá đồng đẳng  GV đánh giá | |
| **Hoạt động 3. Luyện tập**  ( 5 phút) | a.1.1); (a.1.2); (a.1.3); (3); (4); (5) | Bài tập Luyện tập trong SHS | PPDH: Thảo luận  KTDH: chia sẻ nhóm đôi | Đánh giá đồng đẳng | |
| **Hoạt động 4.**  **Vận dụng**  ( 3 phút) | (a.1.2); (1); (2); (3); (4); | Bài tập Luyện tập trong SHS | PPDH: thuyết trình, giải quyết vấn đề | HS: tự đánh giá,  GV nhận xét, đánh giá | |
| **B. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:**  **Hoạt động 1. Mở đầu (5 phút):**  **a) Mục tiêu:** Khơi gợi nhu cầu tìm hiểu các biện pháp bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản  **b) Nội dung:** Câu hỏi ở phần mở đầu trong sách học sinh  **c) Sản phẩm dự kiến:** Nhu cầu tìm hiểu việc bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản  **d) Tổ chức hoạt động dạy học:** Sử dụng hình thức học tập toàn lớp  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - GV sử dụng hình thức học tập toàn lớp yêu cầu HS trả lời câu hỏi sau khi xem video https://www.youtube.com/watch?v=a0V-IKiGfSQ:  Nêu các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường và nguồn lợi thủy sản?  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ, xem video  - Tiếp tục suy nghĩ.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - GV gọi HS trình bày kết quả.  - GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung.  ***\* Kết luận, nhận định:***  - GV dẫn dắt vào Bài 14: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ NGUỒN LỢI THỦY SẢN  *-* GV giới thiệu mục tiêu bài học  **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới:**  **Hoạt động 2.1. Vai trò của việc bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản ( 15 phút)**  **a) Mục tiêu:** Giúp HS nhận biết vai trò của việc bảo vệ  **b) Nội dung:** Các yếu tố tác động tới nguồn lợi thủy sản, vai trò của việc bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản  **c) Sản phẩm dự kiến:** Vai trò của bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - GV Chia lớp thành 6 nhóm, phân chia cụ thể công việc cho từng cá nhân, yêu cầu hoạt động nhóm hoàn thành phiếu học tập số 1 thời gian 7 phút.  - Yêu cầu HS phân tích các hiện tượng và hành động được minh họa trong hình 14.1và hoàn thành phiếu học tập sau:  **Phiếu học tập số 1**  **Câu 1** Các hiện tượng và hoạt động được minh họa trong Hình 14.1 tác động xấu tới môi trường và nguồn lợi thủy sản như thế nào?   |  |  | | --- | --- | | **Các hiện tượng, hành động** | **Tác hại** | | Ô nhiễm môi trường nước do rác và nước thải |  | | Đánh bắt bằng xung điện, bằng chất nổ |  | | Tàn phá rừng ngập mặn |  | | Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu |  |   **Câu 2:** Địa phương em ở có xảy ra những hoạt động và hiện tượng như Hình 14.1 không? Là học sinh, em cần phải làm gì để bảo vệ môi trường nuôi thủy sản?  ..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................  **Câu 3:** Khi nuôi thủy sản, nếu sử dụng lượng thức ăn quá nhiều so với nhu cầu của thủy sản nuôi sẽ gây tác hại đến thủy sản và ảnh hưởng đến môi trường như thế nào?  ..............................................................................................................................................................................................................................................................................  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS làm việc cá nhân hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân mà nhóm giao. Sau đó tiến hành thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập số 1.  - GV quan sát, hỗ trợ các nhóm thực hiện nhiệm vụ  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả thông qua phiếu học tập số 1, phản biện lại câu hỏi của nhóm bạn.  - Các nhóm còn lại lắng nghe và nhận xét, trao đổi.  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa.  - GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của các nhóm và từng cá nhân học sinh, cho điểm cộng các nhóm làm đúng nội dung.  ***\* Kết luận, nhận định:***  **Phiếu học tập số 1**  **Câu 1**   |  |  | | --- | --- | | **Các hiện tượng, hành động** | **Tác hại** | | Ô nhiễm môi trường nước do rác và nước thải | Gây ảnh hưởng xấu đến sự sinh trưởng và phát triển của thuỷ sản. Có thể làm thủy sản bị nhiễm bệnh, bị chết | | Đánh bắt bằng xung điện, bằng chất nổ | Làm phá vỡ hệ sinh thái, làm giảm thành phần giống, loài dẫn đến tổn thất nguồn lợi thuỷ sản. | | Tàn phá rừng ngập mặn | | Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu |   **Câu 2:** Em cần :   * Không xả rác xuống sông hồ ao biển * Tham gia các đội nhóm tình nguyện trục vớt rác thải ở sông, ao, hồ trên địa phương * Ngăn chặn những hành vi phá hoại, làm ô nhiễm môi trường nước. * Khuyến khích mọi người bảo vệ môi trường nước   Báo cáo với cơ quan chức năng, đề xuất biện pháp ngăn chặn với những trường hợp làm ảnh hưởng xấu tới môi trường nuôi thủy sản  **Câu 3:** Tùy vào từng giai đoạn mà thủy sản sẽ có lượng nhu cầu thức ăn khác nhau. .Nếu cho chúng ăn lượng thức ăn vượt quá nhu cầu cần thiết thì sẽ phát sinh nhiều vấn đề:   * Gây lãng phí thức ăn cũng như giảm lợi nhuận cho bà con nuôi thủy sản. * Ảnh hưởng đến sự tăng trưởng và hệ số thức ăn của thủy sản. * Làm đáy ao mau dơ, tảo dễ bùng phát mạnh, thủy sản dễ bị stress và yếu do khí độc sinh ra từ đáy ao. * Có nguy cơ làm ô nhiễm nguồn nước trong ao do lượng thức ăn dư thừa còn sót lại * Tăng chi phí sản xuất, dư thừa chất dinh dưỡng gây ô nhiễm môi trường từ đó tác động tiêu cực đến sự tăng trưởng của thủy sản nuôi.   **Nội dung cốt lõi:** Bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản nhằm đảm bảo thủy sản sinh trưởng, phát triển tốt, tạo thực phẩm sạch, đồng thời góp phần bảo tồn nguồn lợi thủy sản và bảo vệ môi trường sống  **Hoạt động 2.2. Biện pháp bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản( 17 phút)**  **a Hoạt động 2.2.1 . Bảo vệ môi trường nuôi thủy sản**  **a) Mục tiêu:** giúp HS nhận biết các biện pháp bảo vệ môi trường thủy sản  **b) Nội dung:** xử lí và quản lí nguồn nước  **c) Sản phẩm dự kiến:** các biện pháp bảo vệ môi trường nuôi thủy sản  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - GV: Sử dụng hình thức học tập toàn lớp, thảo luận theo nhóm nhỏ(4 bạn).  **-** GV hướng dẫn HS phân tích Hình 14.2 trong SHS để trả lời các câu hỏi phiếu học tập số 2. Thời gian 5 phút  **Phiếu học tập số 2**  **Câu 1:** Các hoạt động được minh họa trong Hình 14.2 góp phần bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản như thế nào?   |  |  | | --- | --- | | **Các hoạt động** | **Tác dụng** | | Xử lí nước thải, |  | | Dọn rác làm sạch môi trường nước |  | | Tăng cường nghiên cứu khao học trong nuôi thủy sản |  | | Tái tạo nguồn lợi thủy sản |  | | Tuyền truyền bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản |  | | Bảo tồn hệ sinh thái và nguồn lợi biển |  |   **Câu 2**: Vì sao phải xây dựng ý thức trong cộng đồng về bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản?  .......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................  - GV gợi ý HS: phân tích để làm rõ mỗi hoạt động có tác dụng bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản  + GV yêu cầu HS giải thích lí do phải xây dựng ý thức cộng đồng bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS kếp hợp thành cặp đôi và nhận phiếu học tập số 2.  - Quan sát H 2.2 ghi nội dung trả lời vào phiếu.  ***\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***  - GV: Thu bất kỳ 6 nhóm, gọi bất kỳ 4 nhóm trình bày.  - Đại diện báo cáo và giải thích, nhóm khác lắng nghe.  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của các nhóm, cá nhân, tuyên dương những nhóm, cá nhân làm việc tích cực, khích lệ, động viên những nhóm, cá nhân chưa hoạt động sôi nổi.  ***\* Kết luận, nhận định:***  **Phiếu học tập số 2**  **Câu 1:**   |  |  | | --- | --- | | **Các hoạt động** | **Tác dụng** | | Xử lí nước thải, | Giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước | | Dọn rác làm sạch môi trường nước | | Tăng cường nghiên cứu khao học trong nuôi thủy sản | Tạo ra giống mới có tốc độ tăng trưởng, chất lượng tốt hơn | | Tái tạo nguồn lợi thủy sản | Sử dụng tốt tiềm năng của mặt nước, nuôi thủy sản hiệu quả, bền vững, hạn chế sự ô nhiễm và bảo vệ nguồn lợi thủy sản. | | Tuyền truyền bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản | Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường nói chung và nguồn lợi thủy sản, nguồn lợi biển nói riêng | | Bảo tồn hệ sinh thái và nguồn lợi biển |   **Câu 2**: Phải xây dựng ý thức trong cộng đồng về bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản là vì:   * Nguồn lợi thủy sản có vai trò rất quan trọng đối với cuộc sống con người. * Không những là nguồn mang lợi thu nhập kinh tế cho người nuôi mà nó còn là nguồn thức ăn cho mọi người và đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế của địa phương, đất nước. * Bảo vệ môi trường thủy sản cũng chính là biện pháp để đảm bảo đời sống của chúng ta.   **Nội dung cốt lõi:** Các biện pháp bảo vệ môi trường thủy sản như: xử lí nguồn nước, quản lí môi trường nuôi  **Hoạt động 2.2.2. Bảo vệ nguồn lợi thủy sản**  **a) Mục tiêu:** giúp HS nhận biết các biện pháp bảo vệ nguồn lợi thủy sản  **b) Nội dung:** sử dụng mặt nước nuôi hợp lí, không đánh bắt hủy diệt, ứng dụng tiến bộ kĩ thuật trong quá trình nuôi  **c) Sản phẩm dự kiến:** có ý thức và biện pháp bảo vệ nguồn lợi thủy sản  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  *-* GV sử dụng hình thức học tập toàn lớp  - GV cho HS xem video https://www.youtube.com/watch?v=HhnNVi1ekjQ về bảo vệ nguồn lợi thủy sản, đặt câu hỏi: Vì sao muốn phát triển thủy sản hiệu quả, bền vững thì phải hạn chế sự ô nhiễm và nuôi thủy sản đúng kĩ thuật?  ***\* Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - GV hướng dẫn HS quan sát thực hiện trả lời câu hỏi theo yêu cầu  ***\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Mỗi HS nghiên cứu tài liệu để hoàn thành các nhiệm vụ được giao, các thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung để làm sáng tỏ vấn đề.  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc cá nhân học sinh, tuyên dương những nhóm, cá nhân làm việc tích cực, khích lệ, động viên những nhóm, cá nhân chưa hoạt động sôi nổi.  ***\* Kết luận, nhận định***  **-** Các biện pháp bảo vệ nguồn lợi thủy sản là sử dụng mặt nước nuôi thủy sản hợp lí, nghiêm cấm đánh bắt hủy diệt, ứng dụng các tiến bộ khoa học trong nuôi thủy sản, có ý thức bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản, tăng cường bảo tồn và phục hồi các hệ sinh thái  **Hoạt động 3. Luyện tập (5phút)**  **a) Mục tiêu:** giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức đã học về bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản  **b) Nội dung:** các bài tập ở phần luyện tập trong SHS và bài tập trong SBT  **c) Sản phẩm dự kiến:** đáp án bài tập ở phần Luyện tập trong SHS và bài tập trong SBT  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập***  GV: Sử dụng hình thức học tập toàn lớp theo nhóm đôi  Câu 1: Khi sử dụng thức ăn không đúng lượng sẽ gây ra hậu quả gì cho thủy sản và môi trường nước nuôi thủy sản?  Câu 2: Tác dụng của hoạt động: “Thả cá bản địa, quý hiếm về thiên nhiên”  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS tập trung nghe GV hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ở phần luyện tập.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - HS trả lời và giải thích, thành viên hoặc các nhóm còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của các nhóm, cá nhân học sinh, tuyên dương những nhóm, cá nhân làm việc tích cực, khích lệ, động viên những nhóm, cá nhân chưa hoạt động sôi nổi.  ***\* Kết luận, nhận định:***  - GV công bố đáp án ở các câu hỏi nhiệm vụ của hoạt động luyện tập. Sau đó, nhận xét tính chính xác, đầy đủ nội dung trả lời của từng HS. Thông qua đó đánh giá từng HS và chốt những nội dung liên quan ở hoạt động luyện tập.  - GV dẫn dắt đi đến hoạt động vận dụng.  \* Gợi ý đáp án:  **Câu 1:**Thức ăn giàu đạm khi dư thừa sẽ hòa tan dinh dưỡng vào môi trường nước, tạo điều kiện cho tảo phát triển, các hợp chất hữu cơ sẽ lắng xuống đáy ao, làm ô nhiệm, thiếu oxygen dẫn đến tôm cá nuôi dễ bị bệnh  **Câu 2:** Thả cá bản địa về thiên nhiên để tái tạo các các loài cá bản địa, quý hiếm; các loài cá có giá trị kinh tế cao đang bị khai thác quá mức nhằm góp phần:   * Bổ sung quần đàn * Tạo ra sự cân bằng sinh thái * Đa dạng các giống loài thủy sản trong tự nhiên * Bảo tồn nguồn lợi thủy sản   Qua đó liên hệ các hoạt động này ở địa phương HS và hình thành ý thức bảo vệ môi trường nguồn lợi thủy sản  **Hoạt động 4. Vận dụng ( 3 phút)**  **a) Mục tiêu:** giúp HS củng cố kiến thức, kĩ năng và vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tế bảo vệ môi trường, và nguồn lợi thủy sản  **b) Nội dung:** bài tập vận dụng trong SHS và bài tập về nhà trong SBT  **c) Sản phẩm dự kiến:** lời giải bài tập Vận dụng và bài tập về nhà trong SBT  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - GV hướng dẫn HS về nhà làm bài tập trong phần Vận dụng của SGK/ tr 85: Nếu tham gia nuôi thủy sản, gia đình em sẽ áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường như thế nào để góp phần làm giảm thiểu ô nhiễm nước nuôi?  - GV khuyến khích HS vận dụng những kiến thức đã học để tham gia hoạt động bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản  - GV gợi mở để HS có ý thức , quan tâm đến nuôi hiệu quả, bền vững tạo ra sản phẩm tôm, cá sạch an toàn cho xã hội.  - GV tổng kết lại thức cần nhớ của bài học. GV giao bài tập cho HS thực hiện ở nhà.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS lắng nghe, tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.  - HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - HS trình bày kết quả GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung.  - GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc cá nhân, cá nhân làm việc tích cực, khích lệ, động viên cá nhân chưa hoạt động sôi nổi.  ***\* Kết luận, nhận định***  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.GV kết luận | | | | | |

**DỰ ÁN 3:**

**KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC THUỶ SẢN**

Thời gian thực hiện: 1 tiết

**I. MỤC TIÊU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất, năng lực** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **Mã hoá** |
| **1. Về năng lực**  ***1.1. Năng lực công nghệ*** | | |
| Nhận thức công nghệ | Nhận thức được các yêu cầu khi lập kế hoạch nuôi thuỷ sản | (a2.2) |
| *Đánh giá công nghệ* | Nhận xét, đánh giá kế hoạch hợp lí để nuôi một loại thuỷ sản; xác định chi phí và hiệu quả nuôi thuỷ sản | (d2.1) |
| ***1.2. Năng lực chung*** | | |
| *Tự chủ và tự học* | Chủ động, tích cực trong học tập và cuộc sống, vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học vào hoàn thành dự án nuôi dưỡng, chăm sóc thuỷ sản | (1) |
| *Giao tiếp và hợp tác* | Biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của dự án và thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân, phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm | (2) |
| *Giải quyết vấn đề và sáng tạo* | Phân tích được tình huống, tính chi phí nuôi và chăm sóc thuỷ sản. Lập được kế hoạch hoạt động với mục tiêu, nội dung, hình thức hoạt động, đánh giá được kế hoạch và thực hiện kế hoạch. | (3) |
| **2. Về phẩm chất** | | |
| *Nhân ái* | Có ý thức quan tâm, tham gia vào việc nuôi tôm, cá; hiểu được nghề nuôi thuỷ sản; tạo được sản phẩm đóng góp cho sự phát triển kinh tế, xã hội | (4) |
| *Chăm chỉ* | Có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để thực hiện dự án | (5) |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Giáo viên** | **Học sinh** |
| **Hoạt động 1. Khởi động** | - Các tài liệu cần thiết: Sách giáo khoa, sách tham khảo.  - Máy tính, ti vi kết nối internet, bài giảng, giáo án  - Tranh ảnh nuôi tôm, cá quy mô nhỏ | - Tập ghi chép  - Dụng cụ học tập |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |  |  |
| **Hoạt động 2.1. Giới thiệu dự án** | - Các tài liệu cần thiết: Sách giáo khoa, sách tham khảo.  - Máy tính, ti vi kết nối internet, bài giảng, giáo án  - Video (Mô hình nuôi tôm, cá quy mô nhỏ) | - Tập ghi chép  - Dụng cụ học tập |
| **Hoạt động 2.2. Xây dựng kế hoạch** | - Các tài liệu cần thiết: Sách giáo khoa, sách tham khảo.  - Máy tính, ti vi kết nối internet, bài giảng, giáo án | - Tập ghi chép  - Dụng cụ học tập |
| **Hoạt động 2.3. Thực hiện dự án** | - Các tài liệu cần thiết: Sách giáo khoa, sách tham khảo.  - Máy tính, ti vi kết nối internet, bài giảng, giáo án  - Bài thuyết minh kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc một loại thuỷ sản (Mẫu 1)  - Bảng tính chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc thuỷ sản (Mẫu 2) | - Tập ghi chép  - Dụng cụ học tập |
| **Hoạt động 3. Báo cáo dự án** | - Các tài liệu cần thiết: Sách giáo khoa, sách tham khảo.  - Máy tính, ti vi kết nối internet, bài giảng, giáo án  - Bản báo cáo kế hoạch nuôi một loại thuỷ sản  - Bảng tính toán chi phí và hiệu quả nuôi loại thuỷ sản đã chọn | - Tập ghi chép  - Dụng cụ học tập |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(thời gian)** | **Mục tiêu**  (Mã hoá) | **Nội dung dạy học**  **trọng tâm** | **PP/KTDH**  **chủ đạo** | **PP/Công cụ đánh giá** |
| **Hoạt động 1. Khởi động**  (3 phút) | (a2.2)  (2), (3) | Trò chơi “Ghép tranh” | Phương pháp hoạt động nhóm  Phương pháp công não | PP quan sát  CC: Tranh |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |  |  |  |  |
| **Hoạt động 2.1. Giới thiệu dự án** (3 phút) | (a2.2)  (1) , (2), (3) | Phân chia nhóm thực hiện dự án | DH hợp tác  Phương pháp hoạt động nhóm | PP quan sát |
| **Hoạt động 2.2. Xây dựng kế hoạch** (6 phút) | (a2.2), (1), (2), (5) | Kế hoạch thực hiện dự án bao gồm một số nội dung chính: công việc cần làm, thời gian thực hiện, người thực hiện, địa điểm tiến hành | PPDH trực quan Phương pháp hoạt động nhóm | PP quan sát  CC: Câu hỏi |
| **Hoạt động 2.3. Thực hiện dự án** (18 phút) | (a2.2), (d2.1), (1), (2), (3), (4), (5) | Kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc thuỷ sản gồm các nội dung: công việc cần làm, thời gian thực hiện, dụng cụ, vật liệu cần thiết. Tính chi phí nuôi dưỡng và chăm sóc thuỷ sản gồm các nội dung: tính chi phí của từng loại ( con giống, thức ăn, dụng cụ chăn nuôi) và tổng số tiền***.*** | Phương pháp hoạt động nhóm | PP quan sát  CC: Câu hỏi |
| **Hoạt động 3. Báo cáo dự án** (15 phút) | (a2.2), (d2.1), (1), (2), (4), (5) | Bản báo cáo kế hoạch nuôi một loại thuỷ sản  Bảng tính toán chi phí và hiệu quả nuôi loại thuỷ sản đã chọn | Phương pháp hoạt động nhóm | PP quan sát  CC: Rubric |
| **B. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:**  **Hoạt động 1. Khởi động (3 phút):**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS và tiếp nhận nội dung bài học  **b) Nội dung:** Trò chơi “Ghép tranh”  Thể lệ:  - Khi có hiệu lệnh bắt đầu trò chơi, các nhóm sẽ sắp xếp và gắn các mảnh ghép lên khung để được một bức tranh hoàn chỉnh  - Nhóm nào hoàn thiện phần ghép tranh của nhóm mình thì gắn lên bảng theo hướng dẫn của giáo viên, nhóm nào hoàn thành chính xác và trong thời gian nhanh nhất sẽ là nhóm chiến thắng, thời gian tối đa cho trò chơi ghép tranh là 3 phút  **c) Sản phẩm dự kiến:** Tranh ghép của các nhóm    ***Hình 1:*** Mô hình nuôi tôm công nghệ cao ở Kiên Lương ***Hình 2:*** Nuôi cá trắm tại thuỷ sản Cường Dung  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  GV chia lớp thành 4 nhóm  GV phổ biến luật chơi  Khi có hiệu lệnh bắt đầu trò chơi, các nhóm sẽ sắp xếp và gắn các mảnh ghép lên khung để được một bức tranh hoàn chỉnh  Nhóm nào hoàn thiện phần ghép tranh của nhóm mình thì gắn lên bảng theo sự hướng dẫn của giáo viên, nhóm nào hoàn thành chính xác và trong thời gian nhanh nhất sẽ là nhóm chiến thắng, thời gian tối đa cho trò chơi ghép tranh là 3 phút  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  HS nghe phổ biến luật chơi  HS thực hiện hoạt động trò chơi: gắn các mảnh ghép lên khung, sau khi hoàn thiện bức tranh lên gắn trên bảng  Sau 3 phút, kết thúc trò chơi  GV quan sát phần chơi của các nhóm  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  Bảng nhóm gắn các bức tranh lên bảng  ***\* Kết luận, nhận định:***  GV nhận xét hoạt động  Nhận xét, đánh giá sản phẩm của các nhóm  Giám khảo công bố kết quả  GV nhận xét => dẫn dắt vào bài, nêu mục tiêu bài học.  **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới:**  **Hoạt động 2.1. Giới thiệu dự án ( 3 phút)**  **a) Mục tiêu:** Giúp HS nhận biết chủ đề, mục tiêu dự án, xác định các nhiệm vụ phải thực hiện  **b) Nội dung:** chủ đề dự án, mục tiêu dự án, nhiệm vụ của dự án  **c) Sản phẩm dự kiến:** chủ đề, mục tiêu và nhiệm vụ của dự án  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  GV giới thiệu về mô hình nuôi thuỷ sản quy mô nhỏ qua video.  GV: Với sự phát triển của khoa học công nghệ, kĩ thuật nuôi và chăm sóc thuỷ sản ngày càng tiến bộ và đổi mới. Em và nhóm hãy tìm hiểu và đề xuất kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc một loại thuỷ sản phù hợp với địa phương và có hiệu quả kinh tế cao.  GV đặt câu hỏi: Nguồn lợi thuỷ sản ở địa phương em có ưu thế gì? Nhóm em lựa chọn đối tượng thuỷ sản nào để lập kế hoạch nuôi?  GV nêu tiêu chí đánh giá kết quả dự án:  - Lựa chọn đối tượng thuỷ sản nuôi phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương  - Lựa chọn hình thức nuôi (nuôi trong ao, nuôi trong bể,…) và diện tích nuôi  - Tìm hiểu kĩ thuật nuôi, thời vụ, cách chăm sóc và quản lí đối tượng thuỷ sản nuôi  - Lập kế hoạch cho việc nuôi và chăm sóc loại thuỷ sản đã chọn  - Tính chi phí cho việc nuôi và chăm sóc loại thuỷ sản đã chọn (Ví dụ: ao nuôi diện tích 100 m2 thì lập kế hoạch và tính toán số lượng giống, thức ăn trên diện tích 100 m2)  GV định hướng nguồn tài liệu tham khảo: tham khảo qua tạp chí, internet,…  Để thực hiện dự án GV hướng dẫn lớp chia thành 4 nhóm (6 nhóm)  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS tập hợp theo nhóm cùng nhau thảo luận chọn ra 1 nhóm trưởng và 1 thư kí  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** Các nhóm chốt danh sách nhóm mình, thông báo nhóm trưởng, thư kí  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV tổng hợp danh sách từng nhóm  **Nội dung cốt lõi:** phân chia nhóm thực hiện dự án  **Hoạt động 2.2. Xây dựng kế hoạch ( 6 phút)**  **a) Mục tiêu:** hướng dẫn HS lập kế hoạch thực hiện dự án  **b) Nội dung:** Các công việc phải thực hiện, mốc thời gian hoàn thành, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên của nhóm  **c) Sản phẩm dự kiến:** kế hoạch chi tiết thực hiện các nhiệm vụ của dự án, bảng tính chi phí cho toàn bộ dự án  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  GV yêu cầu các nhóm HS lựa chọn một đối tượng nuôi cụ thể, ví dụ: nuôi cá lóc, cá rô phi hay tôm sú. Lựa chọn mô hình, mật độ nuôi, số lượng cá thể nuôi, lượng thức ăn theo yêu cầu của dự án (nên chọn diện tích nuôi tối đa khoảng 100 m2 để HS dễ tính toán và thực hiện dự án)  GV hướng dẫn các nhóm HS tổ chức thảo luận và lập kế hoạch thực hiện:  Liệt kê các công việc cần làm để thực hiện dự án  Lập kế hoạch về mốc thời gian, các công việc cụ thể  Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  Học sinh thảo luận nhóm theo các công việc cần làm mà GV đã hướng dẫn  GV quan sát và hỗ trợ các nhóm thực hiện nhiệm vụ  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  Nhóm trưởng các nhóm thay mặt cho cả nhóm trình ý tưởng các công việc cần làm để thực hiện dự án, kế hoạch về mốc thời gian, các công việc cụ thể.  Các nhóm còn lại nghe, đóng góp ý kiến  GV bổ sung, chỉnh sửa (nếu có)  Sau khi được GV bổ sung, chỉnh sửa các nhóm hoàn chỉnh lại sản phẩm của nhóm cho thật chính xác  ***\* Kết luận, nhận định:***  GV kiểm tra tính khả thi trong kế hoạch của các nhóm  Kế hoạch thực hiện dự án bao gồm một số nội dung chính: công việc cần làm, thời gian thực hiện, người thực hiện, địa điểm tiến hành  **Nội dung cốt lõi:** Kế hoạch thực hiện dự án bao gồm một số nội dung chính: công việc cần làm, thời gian thực hiện, người thực hiện, địa điểm tiến hành  **Hoạt động 2.3. Thực hiện dự án (18 phút)**  **a) Mục tiêu:** hướng dẫn HS thực hiện dự án  **b) Nội dung:** lập kế hoạch và tính chi phí nuôi dưỡng, chăm sóc loại thuỷ sản đã chọn  **c) Sản phẩm dự kiến:** bảng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc một số loại thuỷ sản và bảng chi phí nuôi dưỡng, chăm sóc loại thuỷ sản đã chọn  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  GV hướng dẫn HS nghiên cứu tài liệu để thu thập thông tin về các công việc nuôi dưỡng và chăm sóc các loại thuỷ sản đã chọn  GV hỗ trợ cung cấp các nguồn tài liệu tham khảo cần thiết  GV đặt câu hỏi:  -Ao nuôi đặt ở địa điểm nào? Dự kiến việc thiết kế, xử lí ao nuôi và nước nuôi thực hiện như thế nào?  - Dự kiến số lượng, kích thước và khối lượng con giống khi thả nuôi là bao nhiêu?  - Về kế hoạch cho ăn: nhóm em sẽ sử dụng những thức ăn nào để nuôi loại thuỷ sản đã chọn? Giá trị dinh dưỡng của các loại thức ăn này và dự kiến giờ cho ăn như thế nào?  - Về kế hoạch chăm sóc, quản lí : nhóm em sẽ kiểm tra những yếu tố nào định kì hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng?  - Dự phòng xử lí các trường hợp đột xuất: giả sử đang nuôi cá, tôm mà môi trường nước bị ô nhiễm hoặc xảy ra dịch bệnh thì phải xử lí thế nào?  - Dự kiến thời gian bao lâu sẽ thu hoạch? Thu hoạch theo cách nào?  - Dự kiến kích thước và khối lượng trung bình của cá, tôm thương phẩm đạt được bao nhiêu khi thu hoạch?  - Dự kiến các chi phí mua con giống, thức ăn nuôi dưỡng, phòng, trị bệnh trong thời gian từ lúc bắt đầu nuôi đến khi thu hoạch.  GV giới thiệu Bảng DA3.Quy trình công nghệ nuôi thuỷ sản trong SHS để các nhóm HS xây dựng kế hoạch nuôi thuỷ sản. GV có thể phân tích thêm để HS hiểu rõ đối tượng nuôi, kĩ thuật nuôi và vận dụng phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương    GV hướng dẫn các nhóm HS thực hiện theo sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng HS trong nhóm   * Bài thuyết minh kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc một loại thuỷ sản (Mẫu 1)   **Mẫu 1: Báo cáo kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc thuỷ sản**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | ***1.Giới thiệu***  Loại thuỷ sản chọn nuôi  Hình thức nuôi  Diện tích nuôi  Điều kiện nuôi và chăm sóc  ***2. Kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc*** | | | | | | *STT* | *Công việc cần làm* | *Thời gian thực hiện* | *Dụng cụ, vật liệu cần thiết* | *Ghi chú* | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  * Bảng tính chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc thuỷ sản (Mẫu 2)   **Mẫu 2: Bảng tính chi phí dự án nuôi thuỷ sản**   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | ***STT*** | ***Các loại chi phí*** | ***Đơn vị tính*** | ***Đơn giá (đồng)*** | ***Số lượng*** | ***Thành tiền (đồng)*** | ***Ghi chú*** | | 1 | Vật liệu xử lí ao |  |  |  |  |  | | 2 | Phân bón |  |  |  |  |  | | 3 | Con giống |  |  |  |  |  | | 4 | Thức ăn |  |  |  |  |  | | 5 | Công chăm sóc |  |  |  |  |  | | 6 | Thuốc phòng và trị bệnh |  |  |  |  |  | | 7 | Các mục khác |  |  |  |  |  | | **Tổng cộng** | | | | |  |  |   GV hỗ trợ các nhóm HS tự giám sát, quản lí quá trình thực hiện dự án của nhóm  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  Học sinh thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi  GV quan sát, hỗ trợ học sinh hoàn thành các mẫu báo cáo dự án  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  Đại diện nhóm đứng lên trả lời, các nhóm còn lại lắng nghe và nhận xét  ***\* Kết luận, nhận định:*** kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc thuỷ sản gồm các nội dung: công việc cần làm, thời gian thực hiện, dụng cụ, vật liệu cần thiết. Tính chi phí nuôi dưỡng và chăm sóc thuỷ sản gồm các nội dung: tính chi phí của từng loại ( con giống, thức ăn, dụng cụ chăn nuôi) và tổng số tiền***.***  **Hoạt động 3. Báo cáo dự án (15 phút)**  **a) Mục tiêu:** tổ chức cho HS báo cáo kết quả theo nhóm, đánh giá và hướng dẫn HS tự đánh giá kết quả của dự án  **b) Nội dung:** nội dung bài thuyết trình giới thiệu báo cáo kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc một loại thuỷ sản và bảng tính chi phí nuôi dưỡng và chăm sóc loại thuỷ sản đã chọn.  **c) Sản phẩm dự kiến:**  Bản báo cáo kế hoạch nuôi một loại thuỷ sản  Bảng tính toán chi phí và hiệu quả nuôi loại thuỷ sản đã chọn  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  GV tổ chức các nhóm báo cáo kết quả thực hiện dự án của nhóm gồm có:   * Bài thuyết minh kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc một loại thuỷ sản (Mẫu 1) * Bảng tính chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc thuỷ sản (Mẫu 2)   GV gợi mở để HS các nhóm khác đặt câu hỏi khi chất vấn tính khả thi và hiệu quả của dự án nuôi thuỷ sản của nhóm báo cáo  Sản phẩm dự án được đánh giá theo các tiêu chí sau:  -Cấu trúc bài báo cáo: đầy đủ nội dung, rõ ràng, chi tiết, chi phí hợp lí  -Trình bày kết quả dự án trước lớp: Diễn đạt tự tin, trôi chảy, thuyết phục  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  Mỗi nhóm cử đại diện lên trình bày sản phẩm của nhóm mình  GV định hướng, hỗ trợ học sinh trước khi báo cáo  Các nhóm còn lại nghe, nhận xét và chuẩn bị bài báo cáo của nhóm mình  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  Dự án: Kế hoạch nuôi dưỡng chăm sóc thuỷ sản  Các nhóm thực hiện báo cáo theo kế hoạch đã thực hiện  ***\* Kết luận, nhận định***  GV nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện dự án và sản phẩm của mỗi nhóm theo tiêu chí   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Mô tả tiêu chí** | **Điểm** | | | | | | **2**  **TB** | **3**  **K** | **4**  **T** | **5**  **XS** | **TC** | | **Nội dung thuyết trình** | 1. Bài thuyết trình có bố cục rõ ràng (giới thiệu, các nội dung chính, kết luận vấn đề) |  |  |  |  | **…..**  **/40** | | 2. Bảo đảm đầy đủ những kiến thức cơ bản về vấn đề cần trình bày |  |  |  |  | | 3. Thông tin đưa ra chính xác, khoa học |  |  |  |  | | 4. Trình bày trọng tâm, làm nổi bật vấn đề, không lan man |  |  |  |  | | 5. Mở rộng thêm thông tin, dẫn chứng ngoài SGK |  |  |  |  | | 6. Biết chọn lọc nội dung làm điểm nhấn trong bài thuyết trình |  |  |  |  | | 7. Cập nhật các vấn đề mới mẻ, thời sự liên quan đến vấn đề |  |  |  |  | | 8. Trả lời tốt những câu hỏi thảo luận thêm (do giáo viên hoặc các học sinh khác đặt ra) |  |  |  |  | | **Hình thức thuyết trình** | 9. Có sử dụng các công cụ, thiết bị hỗ trợ bài trình chiếu  (powerpoint, prezi hoặc tranh ảnh, sơ đồ…) |  |  |  |  | **…..**  **/20** | | 10. Các công cụ hỗ trợ có hình th ức tốt (hình ảnh sắc nét,  kích thước không quánh cỡ chữ trình chi ếu hợp lý, dễ nhìn, phông nền làm nổi bật chữ viết…) |  |  |  |  | | 11. Sử dụng công cụ hỗ trợ phù hợp nội dung thuyết trnì h  (hình ảnh phù hợp nội dung, các sơ đồ bảng biểu thiết kế hợp lý…) |  |  |  |  | | 12. Có sự sáng tạo, ấn tượng trong việc sử dụng các công  cụ, thiết bị hỗ trợ |  |  |  |  | | **Phong cách thuyết trình** | 13. Phong thái tự tin (đứng thẳng, nét m ặt vui tươi), có sử dụng ngôn ngữ cơ thể (tay chỉ, giao lưu bằng ánh mắt với người nghe…) |  |  |  |  | **…..**  **/20** | | 14. Nói trôi chảy, mạch lạc, không bị ngắt quãng, ề à hoặc có những từ ngữ thừa (*à, ờ, thì, mà, là…*) |  |  |  |  | | 15. Tốc độ nói vừa phải, nhấn giọng ở những điểm quan trọng |  |  |  |  | | 16. Giọng nói truyền cảm, lên xuống giọng hợp lý |  |  |  |  | | **Thời gian thuyết trình** | 17. Nộp bài thuyết trình cho giáo viên trước thời điểm thuyết trình |  |  |  |  | **…..**  **/10** | | 18. Thời gian thuyết trình vừa đủ, không vi phạm thời gian tối thiểu hoặc tối đa cho phép |  |  |  |  | | **Hợp tác nhóm** | 19. Có sự phân chia công việc hợp lý giữa các thành viên trong nhóm |  |  |  |  | **…..**  **/10** | | 20. Có sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình |  |  |  |  |  | | | | | | |

**ÔN TẬP CHƯƠNG 6**

Thời gian thực hiện: 01 tiết

**I. MỤC TIÊU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất, năng lực** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **Mã hoá** |
| **1. Về năng lực**  ***1.1. Năng lực công nghệ*** | | | |
| Nhận thức công nghệ | - Trình bày tóm tắt được những kiến thức, kĩ năng đã học về nuôi thủy sản, bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản.  - Vận dụng những kiến thức của chương 6 để giải quyết các câu hỏi bài tập đặt ra xung quanh vấn đề nuôi thủy sản | (a2.2.1)  (a2.2.2) |
| Giao tiếp công nghệ | Sử dụng một số thuật ngữ về nuôi th[uỷ sản đề trình bày vai trò](https://blogtailieu.com/) [của ngành nuôi thủy sản](https://blogtailieu.com/) đồi với nền kinh tế xã hội Việt Nam | (b2.2) |
| Đánh giá công nghệ | Đưa ra nhận xét, đánh giá hành động hợp lí trong hoạt động [của ngành](https://blogtailieu.com/) [nuôi thuỷ sản trong nền](https://blogtailieu.com/) kinh tế. Đánh giá được một số đối tượ[ng thuỷ sản nuôi có giá tri](https://blogtailieu.com/) [kinh tế cao của Việt Nam](https://blogtailieu.com/). | (d2.1) |
| ***1.2. Năng lực chung*** | | | |
| Tự chủ và tự học | [C](https://blogtailieu.com/)hủ động, tích cực trong hoc tập và cuộ[c sống, vận dụng linh hoạt](https://blogtailieu.com/) [những kiến thức, kĩ năng](https://blogtailieu.com/) đã học vào việc nuôi thủy sản trong gia đình và địa phương. | (1) |
| Giao tiếp và hợp tác | Biết trình bày ý tưởng, thảo luận những [vấn đề của bài học và thực](https://blogtailieu.com/) [hiện có trách nhiệm các ph](https://blogtailieu.com/)ần việc của cá nhân phải phối hợp tốt với cá[c thành viên trong nhóm.](https://blogtailieu.com/) | (2) |
| **2. Về phẩm chất** | | | |
| Yêu nước | Có ý thức tìm hiểu về ngành nuôi thủy sản của [Việt Nam, ý thức học tập,](https://blogtailieu.com/) [rèn luyện tạo sản phẩm đ](https://blogtailieu.com/)óng góp cho sự phát triển kinh tế của đất nước | (3) |
| Chăm chỉ | Có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụ[ng kiến thức, kĩ năng vào](https://blogtailieu.com/) [nghề nuôi thủy sản trong](https://blogtailieu.com/) đời sồng hằng ngày | (4) |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Giáo viên** | **Học sinh** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu** | Video (về vai trò, kĩ thuật nuôi thủy sản, bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản ) | Bút bi, vở ghi chép. |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |  |  |
| **Hoạt động 2.1.Hệ thống hóa kiến thức Vai trò của ngành thủy sản trong nền kinh tế Việt Nam** | + Phát phiếu học tập số 1.  + Hình 12.1 (SHS) | - Hoàn thành phiếu học tập số 1 /nhóm  - Bút lông, bút bi, vở ghi chép. |
| Hoạt động 2.2. Nhắc lại một số kiến thức về quy trình kỹ thuật nuôi thủy sản có giá trị kinh tế cao ở Việt Nam | + Phát phiếu học tập số 2  + Hình 12.2  + Giấy A0 | - Hoàn thành phiếu học tập số 2 /nhóm  - Bút lông, bút bi, vở ghi chép. |
| **Hoạt động 3. Luyện tập** | Bài tập ở phần luyện tập ở SHS | - Hoàn thành bài tập SHS phần luyện tập.  - Bút bi, vở ghi chép. |
| **Hoạt động 4. Vận dụng** | Bài tập ở phần Vận dụng ở SHS | - Hoàn thành bài tập SHS phần luyện tập.  - Bút bi, vở ghi chép |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(thời gian)** | **Mục tiêu**  (Mã hoá) | **Nội dung dạy học**  **trọng tâm** | **PP/KTDH**  **chủ đạo** | **PP/Công cụ đánh giá** | |
| **Hoạt động 1. Mở đầu**  (6 phút) | (a2.2.2)  (3) | Hình ảnh hoạt động nuôi thủy sản | Phương pháp công não | Câu trả lời của HS | |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |  |  |  |  | |
| **Hoạt động 2.1. Hệ thống hóa kiến thức Vai trò của ngành thủy sản trong nền kinh tế Việt Nam**  (12 phút) | (a2.2.1)  (b2.2)  (2) (4) | Vai trò của ngành thủy sản trong nền kinh tế Việt Nam | Phương pháp hoạt động nhóm  Phương pháp công não | Phiếu học tập số 1 | |
| **Hoạt động 2.2.Nhắc lại quy trình nuôi Một số thủy sản có giá trị kinh tế cao ở Việt Nam**  (18 phút) | (a2.2.2)  (d2.1)  (2) (4) | Một số thủy sản có giá trị kinh tế cao ở Việt Nam | Kĩ thuật khăn trãi bàn Phương pháp hoạt động nhóm | + Phiếu học tập số 2  + Sản phẩm khăn trãi bàn của nhóm (giấy A0) | |
| **Hoạt động 3. Luyện tập**  (5 phút) | (a2.2.1)  (d2.1)  (1) | Vận dụng kiến thức tư duy để nhắc lại ý chính của từng bài trong chương 6 | Phương pháp công não | Câu trả lời của HS | |
| **Hoạt động 4. Vận dụng**  (4 phút) | (1)  (4) | Vận dụng loại hình, các giá trị nuôi thủy sản trong gia đình và địa phương. | Phương pháp công não | Câu trả lời của HS | |
| **B. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:**  **Hoạt động 1. Mở đầu (5 phút):**  **a) Mục tiêu:** Khơi gợi nhu cầu tìm hiểu về tác động của hoạt [động nuôi thủy sản đến](https://blogtailieu.com/) [nền kinh tế của nước ta.](https://blogtailieu.com/)  **b) Nội dung:** Câu hỏi ở phần mở đầu của SHS  **c) Sản phẩm dự kiến:** Trả lời câu hỏi ở phần mở đầu của SHS  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động dạy** | **Hoạt động học** | | ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  GV cho hs xem video về hoạt động nuôi thủy sản  Yêu cầu HS trả lời câu hỏi ở phần mở đầu của SHS  ***\* Kết luận, nhận định:***  + GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của từng cá nhân học sinh  + GV dẫn dắt vào bài, giới thiệu mục tiêu bài học | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  HS học tập toàn lớp:  + HS xem video (về hoạt động nuôi thủy sản)  + Ghi lại các tác động của hoạt động nuôi thủy sản đến nền kinh tế thông qua đoạn video.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  + HS chủ động xung phong trả lời theo nội dung đã ghi lại  + HS khác nhận xét, bổ sung các tác động của hoạt động nuôi thủy sản đến nền kinh tế theo hiểu biết cá nhân sau khi quan sát video |   **Hoạt động 2. Ôn lại kiến thức chương :**  **Hoạt động 2.1: Hệ thống hóa kiến thức Vai trò của ngành thủy sản trong nền kinh tế Việt Nam ( 12 phút)**  **a) Mục tiêu:**  - G[iúp HS n](https://blogtailieu.com/)hận biết vai trò quan trọng của ngành [thủy sản trong nền kinh](https://blogtailieu.com/) [tế Việt Nam.](https://blogtailieu.com/)  **b) Nội dung:**  - V[ai trò củ](https://blogtailieu.com/)a ngành thủy sản trong nền kinh tếViệt Nam  **c) Sản phẩm:**  Trả lời câu hỏi và đáp án phiếu học tập số 1  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động dạy** | **Hoạt động học** | | ***Giao nhiệm vụ học tập:*** + GV chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm 10 thành viên  GV hướng dẫn các nhóm phân công cụ thể cho từng thành viên trong nhóm (trên giấy A4): Nhóm trưởng, thư kí, người thuyết trình (vai trò sẽ luân chuyển ở các hoạt động sau).  + Phát phiếu học tập số 1.  + Yêu cầu các nhóm xem hình 12.1 Vai trò của ngành thủy sản trong nền kinh tế Việt Nam (GV phóng to hình ảnh và trình chiếu cho HS dễ quan sát)  Yêu cầu các nhóm điền đáp án (Vai trò của ngành thủy sản) vào phiếu học tập số 1  **Phiếu học tập số 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **TT** | **Hình ảnh** | **Vai trò của ngành thủy sản** | | 1 | 12.1a |  | | 2 | 12.1b |  | | 3 | 12.1c |  | | 4 | 12.1d |  | | 5 | 12.1e |  | | 6 | 12.1f |  |   + Sau đó, giáo viên yêu cầu các nhóm thảo luận trả lời câu hỏi 2 (SHS )  ***\* Kết luận, nhận định:***  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của các nhóm, tuyên dương những nhóm làm việc tích cực; khích lệ, động viên những nhóm chưa hoạt động sôi nổi.  - GV kết luận | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  + HS chia nhóm và phân công nhiệm vụ từng thành viên theo yêu cầu.  + HS quan sát hình 12.1, thảo luận và hoàn thành phiếu học tập số 1  + HS thảo luận và trả lời câu hỏi số 2 (SHS)  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  - Đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung. | | **Nội dung cốt lõi:**  **1. Vai trò của ngành thủy sản trong nền kinh tế Việt Nam**  - Cung cấp thực phẩm cho con người  - Cung cấp nguyên liệu cho ngành chế biến thực phẩm, chăn nuôi và các ngành công nghiệp khác  - Xuất khẩu thủy sản  - Tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động  - Góp phần bảo vệ môi trường và đảm bảo chủ quyền quốc gia. | |   **Hoạt động 2.2: Nhắc lại quy trình nuôi Một số thủy sản có giá trị kinh tế cao ở Việt Nam (18 phút)**  **a) Mục tiêu:**  - [Giúp HS](https://blogtailieu.com/) nhận biết được nguồn lợi thủy sản củ[a Việt Nam](https://blogtailieu.com/).  - [Giúp HS](https://blogtailieu.com/) nhận biết được một số loài thủy sản n[uôi có giá tri kinh tế cao](https://blogtailieu.com/)  **b) Nội dung:**  - [Các ngu](https://blogtailieu.com/)ồn lợi thủy sản nước mặn, nước lợ, nư[ớc ngọt](https://blogtailieu.com/)  - Nguồn lợi thuỷ sản Việt Nam và một số loài thuỷ sản có giá trị kinh tế cao ở Việt Nam.  **c) Sản phẩm:** Sản phẩm khăn trãi bàn của các nhóm (giấy Ao), trả lời câu hỏi và đáp án phiếu học tập số 2  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động dạy** | **Hoạt động học** | | **Hoạt động 2.2.1 Nguồn lợi thủy sản của Việt Nam** | | | **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  [GV tổ chức cho](https://blogtailieu.com/) HS hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm thông qua kĩ thuật khăn trãi bàn tìm hiểu [những lợi thế để phát](https://blogtailieu.com/) triển ngành nuôi thủy sản ở nước ta?      ***\* Kết luận, nhận định:***  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa sản phẩm của các nhóm  - GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của các cá nhân, các nhóm  - GV kết luận | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  HS phân chia nhóm, tự phân chia nhiệm vụ trong nhóm:  + Mỗi người ngồi vào vị trí xung quanh bàn, trước tấm khăn trãi bàn (giấy Ao)  + Mỗi cá nhân tự nghiên cứu câu hỏi ([Những lợi thế để phát](https://blogtailieu.com/) triển ngành nuôi thủy sản ở nước ta?)và làm việc độc lập trong khoảng vài phút để chuẩn bị câu trả lời  +Viết câu trả lời vào ô mang số của cá nhân HS  +Sau thời gian làm việc cá nhân, các thành viên thảo luận thống nhất các câu trả lời và viết những ý kiến chung của cả nhóm vào giữa tấm khăn trải bàn (giấy Ao)  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  Các nhóm treo sản phẩm, đại diện nhóm trình bày | | **Hoạt động 2.2.2 Một số thủy sản có giá trị cao ở Việt Nam** | | | **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  [GV tổ chức cho](https://blogtailieu.com/) HS hoạt động nhóm để thảo luận các nội dung: Giá trị kinh tế của Tôm? Những loại thủy sản được nuôi để xuất khẩu ở nước ta?  + Phát phiếu học tập số 2  + Yêu cầu các nhóm xem hình 12.2 Một số thủy sản đang được nuôi ở nước ta (GV phóng to hình ảnh và trình chiếu cho HS dễ quan sát)  Yêu cầu các nhóm điền đáp án vào phiếu học tập số 2  **Phiếu học tập số 2**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **TT** | **Hình ảnh** | **Tên và môi trường sống của các loại thủy sản** | | 1 | 12.2a |  | | 2 | 12.2b |  | | 3 | 12.2c |  | | 4 | 12.2d |  | | 5 | 12.2e |  | | 6 | 12.2f |  | | 7 | 12.2g |  | | 8 | 12.2h |  | | 9 | 12.2i |  | | 10 | 12.2j |  | | 11 | 12.2k |  | | 12 | 12.2l |  |   ***\* Kết luận, nhận định:***  - GV bổ sung, hoàn chỉnh, sửa chữa (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của các nhóm, tuyên dương những nhóm làm việc tích cực; khích lệ, động viên những nhóm chưa hoạt động sôi nổi.  - GV kết luận | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  + HS phân chia nhóm, tự phân chia nhiệm vụ trong nhóm.  +HS thảo luận hoàn thành các nhiệm vụ đã được giao trước đó: Tìm hiểu giá trị kinh tế của Tôm? Những loại thủy sản được nuôi để xuất khẩu ở nước ta?  + Hoàn thành phiếu học tập số 2  + Nhóm HS có thể nêu khó khăn để GV giúp đỡ kịp thời.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  - Đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung. | | **Nội dung cốt lõi:**  **2. Một số thủy sản có giá trị kinh tế cao ở Việt Nam**  **2.1 Nguồn lợi thủy sản của Việt Nam**  - Thủy sản nước mặn  - Thủy sản nước lợ  - Thủy sản nước ngọt  **2.2 Một số thủy sản có giá trị cao ở Việt Nam**  **a. Tôm**  Tôm sú, tôm thẻ chân trắng, tôm càng xanh và tôm hùm.  **b. Cá nước ngọt**  Cá tra và cá basa  **c. Cá biển**  Cá song (cá mủ), cá giò (cá bớp), cá vược (cá chèm), cá chim trắng, cá hồng, cá măng,...  Ngoài cá, một số thủy sản nước mặn khác mang lại giá trị cao như cua, ghẹ, nghêu (ngao), hàu, tu hài, ốc hương, trai (nuôi lấy ngọc). | |   **Hoạt động 3. Luyện tập ( 5 phút)**  **a) Mục tiêu:** Giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức đã học về vai trò cùa ngành nuôi thủy sản đối với nền kinh tế Việt Nam và xác định được một số loài thuỷ sản có giá trị cao ở nước ta.  **b) Nội dung:** Bài tập ở phần Luyện tập trong SHS  **c) Sản phẩm dự kiến:** Đáp án bài tập ở phần Luyện tập trong SHS  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động dạy** | **Hoạt động học** | | **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  GV dẫn dắt, gợi mở để HS trả lời câu hỏi trong SHS:  **Câu 1.** Nuôi thủy sản có vai trò gì đối với nền kinh tế và đời sống xã hội?  **Câu 2.** Trong những năm vừa qua, nghề nuôi tôm ờ đồng bằng Nam Bộ khá phát triển. Thấy nuôi tôm có lợi, nhiều gia đình đã phá rừng ngập mặn ven biển để làm đầm nuôi tôm. Theo em, cách làm như vậy đúng hay sai? Vì sao?  ***\* Kết luận, nhận định:***  Chính xác hóa câu trả lời của HS | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  + HS tập trung nghe GV hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ở phần luyện tập.  + HS nghiên cứu tài liệu SHS để trả lời các câu hỏi.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  + Đại diện cá nhân HS trả lời và giải thích. + HS khác nhận xét, bổ sung |   **Hoạt động 4. Vận dụng ( 5 phút)**  **a) Mục tiêu**  - Giúp HS cũng cố các kiến thức, kĩ năng và vận dụng kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm để xác định vai trò cùa ngành nuôi thuỷ sản, nhận biết các đối tượng nuôi có giá trị kinh tế.  **b) Nội dung:** bài tập vận dụng trong SHS và bài tập về nhà trong SBT.  **c) Sản phẩm dự kiến:** đáp án bài tập phần vận dụng trong SHS và bài tập về nhà trong SBT  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động dạy** | **Hoạt động học** | | ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** + Giáo viên hướng dẫn, yêu cầu HS làm bài tập phần vận dụng trong SHS (hoạt động cá nhân)  ***\* Kết luận, nhận định:***  - Gv nhận xét dựa vào bài tập trong SHS và kết luận, hướng dẫn về nhà | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** + Hs lắng nghe và hoàn thành bài tập theo yêu cầu.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  + HS hoàn thành bài tập phần vận dụng trong SHS | | | | | | |

**IV. PHỤ LỤC**

**Đáp án phiếu học tập số 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình ảnh** | **Vai trò của ngành thủy sản** |
| 1 | 12.1a | Cung cấp thực phẩm cho con người |
| 2 | 12.1b | Cung cấp nguyên liệu cho ngành chăn nuôi và các ngành công nghiệp khác. |
| 3 | 12.1c | Cung cấp nguyên liệu cho ngành chế biến thực phẩm. |
| 4 | 12.1d | Xuất khẩu thủy sản |
| 5 | 12.1e | Tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động. |
| 6 | 12.1f | Góp phần bảo vệ môi trường và đảm bảo chủ quyền quốc gia. |

**Đáp án phiếu học tập số 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình ảnh** | **Tên và môi trường sống của các loại thủy sản** |
| 1 | 12.2a | Tôm sú (thủy sản nước lợ): ao, đầm ven biển hoặc các bãi bồi.. |
| 2 | 12.2b | Tôm sú (thủy sản nước lợ): ao, đầm ven biển hoặc các bãi bồi.. |
| 3 | 12.2c | Tôm thẻ chân trắng (thủy sản nước lợ): ao, đầm ven biển hoặc các bãi bồi.. |
| 4 | 12.2d | Tôm càng xanh (môi trường nước ngọt): ao, ruộng lúa. |
| 5 | 12.2e | Cá tra nuôi (nước lợ hoặc nước phèn): ao đấy hoặc trong lồng bè. |
| 6 | 12.2f | Cá rô phi (nước ngọt, nước lợ hoặc nước mặn): sông, suối, kênh, rạch, ao, hồ |
| 7 | 12.2g | Cá chép (nước ngọt): ao, hồ, sông, suối. |
| 8 | 12.2h | Cá basa (nước lợ hoặc nước phèn): ao đấy hoặc trong lồng bè. |
| 9 | 12.2i | Cá mú (nước mặn): lồng bè ở ven biển hoặc vùng vịnh. |
| 10 | 12.2j | Trai (nước mặn): lồng bè ở ven biển hoặc vùng vịnh. |
| 11 | 12.2k | Cá bớp (nước mặn): lồng bè ở ven biển hoặc vùng vịnh. |
| 12 | 12.2l | Cá chim trắng (nước mặn): lồng bè ở ven biển hoặc vùng vịnh. |

**Bài tập SHS phần Luyện tập.**

**Câu hỏi 1.** Nuôi thủy sản có vai trò gì đối với nền kinh tế và đời sống xã hội?

**Trả lời**

Nuôi thủy sản có vai trò đối với nền kinh tế và đời sống xã hội:

- Cung cấp thực phẩm cho con người,

- Cung cấp nguyên liệu cho ngành chế biến thực phẩm, chăn nuôi và các ngành công nghiệp khác,

- Làm sạch môi trường nước.

- Làm thức ăn cho gia súc gia cầm (Bột cá làm thức ăn trong chăn nuôi).

- Xuất khẩu thuỷ sản.

- Tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động,

- Góp phần bảo vệ môi trường và đảm bảo chủ quyền quốc gia.

=> Ngành thuỷ sản đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế đất nước.

**Câu hỏi 2.** Nếu gia đình em tham gia hoạt động nuôi thủy sản, vận dụng kiến thức và kinh nghiệm của bản thân, em sẽ nuôi loại thủy sản nào để đạt hiệu quả cao? Hãy giải thích lý do em chọn nuôi loại đó.

**Trả lời**

* Tùy ở địa phương mà có những cách nuôi thủy sản khác nhau:
* Ở địa phương em thường nuôi cá. Hình thức nuôi cá chủ yếu là nuôi trong ao nước tĩnh với quy mô nhỏ.
* Nuôi tôm theo hình thức nuôi chắn sáo, đăng quầng.
* Nuôi lươn, ếch bằng đầm nhân tạo.

**Bài tập SHS phần Vận dụng.**

**Trả lời**

**Câu hỏi 1.** Em hãy tìm hiểu để mô tả lại cách nuôi trai lấy ngọc. Ngọc trai có giá trị như thế nào?

**Trả lời**

Để có trai cho ngọc, người nuôi phải trải qua ít nhất 3 giai đoạn:

- Giai đoạn nuôi vỗ

- Giai đoạn nuôi cấy

- Giai đoạn nuôi dưỡng

- Sau đó thực hiện cấy ghép mô tế bào và nhân vào xoang màng áo ngoài của trai.

- Cấy ghép xong, trai được cho vào bể chứa, cố định trong túi lưới trồi treo xuống ao.

Ngọc trai có giá trị:

- Làm trang sức

- Làm đồ trang trí

- Đem lại nguồn giá trị về kinh tế

- Mang ý nghĩa phong thủy

**C. ĐÁNH GIÁ NHẬN XÉT**